**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 2 (47)**

**Năm học 2019 – 2020**

***Đà Nẵng, tháng 01 năm 2020***

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, các vấn đề về dạy và học, về ngôn ngữ, quan hệ quốc tế, môi trường, pháp luật, phát triển kinh tế, khoa học sức khỏe, về vấn đề lạm phát và chống lạm phát ở Việt Nam hiện nay, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, văn học, điện tử - viễn thông.

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2019 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 1
* Quan hệ quốc tế 3
* Phát triển kinh tế 5
* Tài chính 11
* Ngân hàng 22
* Luật 31
* Môi trường 52
* Khoa học sức khỏe 67
* Điện tử - viễn thông 95
* Xây dựng 100
* Kế toán – Kiểm toán 152
* Quản trị kinh doanh 161
* Nghiên cứu Văn học 199

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. Công nghệ trí tuệ nhân tạo: Thời cơ lớn của Việt Nam**/ // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.8-11.

**Nội dung**: Phân tích công nghệ trí tuệ nhân tạo: thời cơ lớn của Việt Nam. Sự kiện đề cao tính kết nối trong cộng đồng AI, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng AI trong các ngành kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời khơi gợi tình yêu khoa học, đặc biệt là AI trong giới trẻ.

**Từ khóa**: AI, công nghệ trí tuệ nhân tạo

**2. Đổi mới giáo dục đại học trong thời đại CMCN 4.0**/ Nguyễn Đình Đức// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.16-18.

**Nội dung**: Trình bày những biến động mạnh mẽ, ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ (KH&CN), vấn đề đặt ra cho ngành giáo dục đào tạo (đặc biệt là giáo dục đại học) trong CMCN 4.0 là phải đổi mới từ một nền giáo dục nặng về trang trí kiến thức cho người học sang nền giáo dục giúp phát triển kỹ năng, thúc đẩy tư duy đổi mới sáng tạo.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp, CMCN 4.0, giáo dục đại học

**3. Hiểu đúng về Cách mạng công nghiệp lần thứ 4**/ Trương Nam Hải// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.8-10.

**Nội dung**: Phân tích rõ nội hàm công nghệ của CMCN 4.0 và cách thức vận hành của nó giúp chúng ta có những định hướng phát triển và ứng dụng phù hợp vào cuộc sống.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp, công nghệ, 4.0

**4. Nền kinh tế số của Việt Nam: kịch bản phát triển và hành động cụ thể**/ Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Cẩm Nhung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.11-15.

**Nội dung**: Phân tích nền kinh tế số Việt Nam cho đến năm 2045: kịch bản truyền thống, kịch bản chuyển đổi số, kịch bản xuât khẩu số, kịch bản tiêu dùng số. Các kịch bản này được Bộ Khoa học và Công nghệ (Việt Nam) cùng với Cơ quan Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Úc (CSIRO) xây dựng với một lộ trình và danh sách các hành động cụ thể. Tìm ra con đường phù hợp nhất để đầu tư liên tục cho phát triển nền kinh tế số chính là việc đặt các thứ tự ưu tiên, cũng như thiết lập trình tự phát triển đúng sẽ đảm bảo phân bổ nguồn lực tối ưu và lợi nhuận tối đa cho Nhà nước để tiếp tục đầu tư.

**Từ khóa**: Nền kinh tế số, Khoa học và Công nghệ

**5. Quản trị thương hiệu trong thời đại CMCN 4.0 từ góc độ sở hữu trí tuệ**/ Hà Nguyệt Thu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.19-22.

**Nội dung**: Phân tích những tác động của CMCN 4.0 tới hoạt động QTTH, trên cơ sở đó đưa ra một số lưu ý cho các doanh nghiệp khi thực hiện việc QTTH trong bối cảnh CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

**Từ khóa**: Quản trị thương hiệu, CMCN 4.0, QTTH

**6.** **Siêu Biến tần GD350 của INVT đáp ứng yêu cầu nền tảng công nghệ 4.0** // Tự động hoá ngày nay .- 2019 .- Số 225 .- Tr. 59 – 60

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu dòng biến tần đa chức năng GD350 do INVT chính thức cho ra mắt vào năm 2019. Dựa trên nền tảng bộ xử lý hiện đại nhất của INVT và ứng dụng công nghệ điều khiển vector hàng đầu thế giới, kết hợp với những tính năng điều khiển không dây, công nghệ điện toán đám mây và IoT, sản phẩm hướng tới nền sản xuất hiện đại 4.0, giúp người dùng có thể giám sát và cập nhật trạng thái hoạt động của thiết bị này ở bất cứ đâu thông qua mạng internet với độ chính xác cực kỳ cao và an toàn tuyệt đối.

**Từ khoá:** Siêu biến tần GD350, công nghiệp 4.0, khoa học kỹ thuật, phát minh điện tử.

**7. Số hóa sản xuất – Yêu cầu thiết yếu của doanh nghiệp trong CMCN 4.0**/ Kiều Nguyễn Việt Hà// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.16-17.

**Nội dung**: Trình bày việc sản xuất thông minh, hay số hóa quy trình sản xuất là sự phát triển tất yếu của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập và phát triển. Việc ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ (KH&CN), đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) nhằm tự động hóa sản xuất sẽ tạo nên một hệ thống sản xuất thông minh, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, đồng thời tiết kiệm nhân công và năng lượng, tăng khả năng cạnh tranh.

**Từ khóa**: Số hóa, sản xuất thông minh, khoa học công nghệ

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. Hợp tác văn hóa trong quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 2005 - 2015**/ Nguyễn Thị Lệ Mỹ// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 9(82) .- Tr. 34 - 40.

**Nội dung:** Quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm không chỉ từ giới ghiên cứu, học giả mà còn báo giới, công luận và nhân dân hai nước. Trong giai đoạn 2005-2015, quan hệ hai nước đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hợp tác đã có sự phát triển nhanh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Đặc biệt, nhiều câu chuyện đầy cảm hứng đã được chia sẻ góp phần hàn gắn và xoa dịu nỗi đau chiến tranh trong lịch sử. Hoạt động hợp tác văn hóa đã góp phần thắt chặt hơn nữa mối quan hệ chính trị hai nước, từ đó góp phần vào hòa bình, ổn định và nâng cao vị thế của đất nước.

**Từ khóa:** Việt Nam, Hoa Kỳ, quan hệ, hợp tác văn hóa

**2. Thực chất cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung**/ Nguyễn Nhâm// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 9(217) .- Tr. 39 - 48.

**Nội dung:** Cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung leo thang trở lại sau khi Mỹ tăng thuế với 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc, dẫn đến động thái trả đũa tương tự của Bắc Kinh nhằm vào 60 tỷ USD hàng hóa Mỹ. Lập trường cứng rắn của mỗi bên và tổn thất ngày càng gia tăng khiến Washington và Bắc Kinh khó bề kết thúc cuộc thương chiến mang tầm thế kỷ này, mặc dù hai bên đã thỏa thuận “ngừng bắn” trong cuộc gặp bên lề hội nghị thượng đỉnh G20 tại Nhật Bản (29/6). Trước đó, tháng 11/2017 Mỹ đã đưa ra chính sách “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”, được gọi là “hệ thống kinh tế quốc tế công bằng, bền vững và dựa trên luật lệ, các nguyên tắc của thị trường”. Sáng kiến “Vành đai và Con đường” do Trung Quốc đưa ea năm 2013 với Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ở hơn 60 quốc gia dọc theo Con đường Tơ lụa cổ, nhằm mở rộng không gian địa- chiến lược của Bắc Kinh, khiến cho sự cạnh tranh lợi ích giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới về kinh tế diễn ra ngày càng quyết liệt hơn.

**Từ khóa:** Chiến tranh thương mại, canh tranh chiến lược, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương, Vành đại và Con đường

**3. Tìm hiểu cơ chế “kiềm chế - đối trọng” trong hệ thống chính trị Hoa Kỳ và liên hệ với Việt Nam**/ Phạm Ngọc Lam Giang// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 9(82) .- Tr. 41 - 48.

**Nội dung:** Tìm hiểu về phương thức hoạt động của cơ chế “kiềm chế - đối trọng” trong hệ thống chính trị Hoa Kỳ, đồng thời đưa ra một số đánh giá và liên hệ với Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Kiềm chế, đối trọng, chính trị, Hoa Kỳ, Việt Nam

**4. Mục tiêu của sáng kiến “Vành đại và Con đường”**/ Phùng Thị Huệ, Trịnh Văn Định// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 9(217) .- Tr. 29 - 38.

**Nội dung:** Phân tích hai mục tiêu cốt yếu nhất trong BRI – mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh vị thế quốc tế của Trung Quốc, đồng thời lý giải tác động của BRI đến các nước tham gia.

**Từ khóa:** Vành đai kinh tế con đường tơ lụa, Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI, Vành đai và Con đường, Trung Quốc

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Ảnh hưởng của quy mô đất đến năng suất nhân tố tổng hợp của nông hộ trồng lúa đồng bằng Sông Cửu Long** / Nguyễn Lan Duyên, Nguyễn Tri Khiêm // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 82-92.

**Nội dung**: Kết quả ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất dựa trên số liệu thu thập từ mẫu ngẫu nhiên gồm 498 nông hộ trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, cho thấy có mối quan hệ phi tuyến có dạng chữ U ngược giữa quy mô đất với năng suất nhân tố tổng hợp. Kết quả cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê cao và tìm được bốn yếu tố có ảnh hưởng ngược chiều với năng suất nhân tố tổng hợp và nhiều yếu tố ảnh hưởng cùng chiều với năng suất nhân tố tổng hợp. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp giúp nông hộ sử dụng quy mô đất tối ưu để tối đa hóa năng suất nhân tố tổng hợp.

**Từ khoá**: Canh tác lúa, năng suất nhân tố tổng hợp, nông hộ, quy mô đất

**2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang** / Mai Thị Huyền, Nông Hữu Tùng, Nguyễn Thị Ngọc Mai // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 61-70.

**Nội dung:** Thành công trong xây dựng nông thôn mới phụ thuộc không nhỏ vào sự huy động sức mạnh nội lực và mức độ tham gia của cộng đồng. Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Việt Yên, mặc dù khá tích cực, nhưng mức độ tham gia còn hạn chế. Xây dựng nông thôn mới cần sự vào cuộc sâu rộng hơn của người dân. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến trên cơ sở điều tra 90 hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu, đã làm rõ được các nhân tố chủ yếu có ảnh hưởng đến quyết định tham gia của người dân gồm thu nhập, nghề nghiệp, sự lãnh đạo của chính quyền địa phương, mức độ hiểu biết và kỳ vọng của người dân. Trên cơ sở đó, các tác giả khuyến nghị một số giải pháp tăng cường sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới bền vững trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Xây dựng nông thôn mới, yếu tố ảnh hưởng, tham gia của người dân

**3. Chênh lệch tài sản hộ gia đình ở Việt Nam: Nhìn từ góc độ giới** / Võ Hồng Đức, Phạm Ngọc Thạch // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 267 tháng 09 .- Tr. 11-22.

**Nội dung**: Bất bình đẳng tài sản là một khía cạnh quan trọng của bất bình đẳng kinh tế và là một nguyên nhân ngày càng thiết yếu cho bất bình đẳng. Mục tiêu của nghiên cứu này là xem xét chênh lệch tài sản hộ gia đình theo giới tính tại Việt Nam với dữ liệu từ VHLSS 2016. Kết quả thống kê cho thấy các hộ gia đình do nam giới làm chủ có nhiều tài sản hơn ở phần nửa dưới phân phối và điều ngược lại ở nửa trên phân phối. Chênh lệch được thể hiện chủ yếu ở thu nhập và nhà ở. Kết quả từ mô hình hồi quy chỉ ra rằng tình trạng hôn nhân, tuổi của chủ hộ, học vấn có tác động đến tài sản ròng của hộ gia đình, cả nam giới và nữ giới. Phân tích phân rã trong nghiên cứu này cho thấy rằng những sự khác biệt của các đặc điểm giữa nam giới và nữ giới giải thích hoàn toàn cho chênh lệch tài sản ở những phân vị thấp.

**Từ khoá**: Bất bình đẳng, Chênh lệch tài sản, Phân tích phân rã

**4. Chi tiêu Chính phủ và tăng trưởng kinh tế - Phân tích từ dữ liệu cấp tỉnh ở Việt Nam** / Đặng Anh Tuấn, Lê Việt An, Trịnh Thị Thúy Hồng // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Những năm vừa qua, hoạt động chi ngân sách ở Việt Nam đã trải qua nhiều cung bậc khác nhau, từ thắt lưng buộc bụng trong giai đoạn suy thoái kinh tế đến việc nới lỏng chi tiêu ở thời gian sau này. Nỗ lực của các nhà hoạch định chính sách đã thể hiện qua sự phục hồi của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Bài báo này được thực hiện nhằm chứng minh mối quan hệ giữa 2 nhân tố trên trong giai đoạn 2006-2016. Dữ liệu bảng được thu thập từ 63 tỉnh thành trên cả nước và được phân tích bằng mô hình Generalized Method of Moments (GMM). Kết quả cho thấy tồn tại ngoại tác tích cực từ chi tiêu chính phủ lên tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, một số nhân tố vĩ mô khác như mức tăng trưởng kinh tế năm trước, lạm phát, lao động và đầu tư tư nhân được xác định có ảnh hưởng cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, mô hình GMM, chi tiêu chính phủ

**5. Đánh giá tác động của các yếu tố địa điểm đầu tư tới FDI vào khu vực RCEP qua mô hình kinh tế lượng** / Nguyễn Bình Dương // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 2-9.

**Nội dung:** Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) bắt đầu được đàm phán vào năm 2012 đã trở thành một cột mốc quan trọng của quá trình hội nhập ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Bài viết này nhằm mục đích phân tích ảnh hưởng của các yếu tố địa điểm đầu tư bao gồm: thu nhập, lao động, tài nguyên thiên nhiên, chính sách tự do hóa thương mại của các nước thành viên tới FDI vào RCEP. Thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng sử dụng dữ liệu bảng, kết quả thực nghiệm cho thấy thu nhập, lao động, tài nguyên thiên nhiên, chính sách tự do hóa thương mại của nước sở tại là những yếu tố quan trọng thúc đẩy FDI vào RCEP.

**Từ khoá**: Địa điểm, FDI, mô hình, RCEP, tác động

**6. Giám sát thực thi các mục tiêu chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018: Thực trạng và vấn đề** / Mai Ngọc Cường, Bùi Sỹ Lợi, Lê Quốc Hội // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 267 tháng 09 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Trên cơ sở làm rõ các chỉ tiêu kế hoạch và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của chính sách an sinh xã hội, bài viết phân tích thực trạng thực hiện các mục tiêu về phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro của chính sách an sinh xã hội của Việt Nam hiện nay. Bài viết chỉ ra rằng để thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, trong hoạch định chính sách, pháp luật cần chú ý đảm bảo sự cân đối giữa mục tiêu an sinh xã hội và các điều kiện thực hiện mục tiêu, đặc biệt là đảm bảo nguồn lực tài chính. Bên cạnh đó cần chú trọng đến việc nâng cao chất lượng các mục tiêu, đồng thời có cơ chế hỗ trợ và khuyến khích đảm bảo an sinh đối với các địa phương, các vùng khó khăn, kinh tế − xã hội còn kém phát triển.

**Từ khoá**: Giám sát, chính sách, an sinh xã hội, Việt Nam

**7. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong triển khai chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển các dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**/ Võ Thị Minh Lệ, Nguyễn Thị Hồng Nga// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 9(217) .- Tr. 3 - 15.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về: 1. Nhóm chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế; 2. Nhóm chính sách hỗ trợ xã hội; 3. Chính sách hòa hợp dân tộc.

**Từ khóa:** Dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc, Trung Quốc

**8. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát triển khu công nghiệp sinh thái và bài học cho Việt Nam**/ Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 5 (213) .- Tr. 15 – 26.

**Nội dung:** Trình bày các nội dung: Mở đầu; Chính sách phát triển khu công nghiệp sinh thái của Trung Quốc; Quản lý chương trình phát triển các khu công nghiệp sinh thái ở Trung Quốc; Những thách thức đối với phát triển khu công nghiệp sinh thái ở Trung Quốc và Bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, Trung Quốc

**9. Kinh nghiệm phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số nước phát triển và bài học cho Việt Nam /** Nguyễn Trọng Kiên // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2019 .- Số 9 (194) .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Đưa ra một số kinh nghiệm phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của Anh và Mỹ, đây là hai nước phát triển nhất trên thế giới trong lĩnh vực tài chính – kế toán để từ đó rút ra được những bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Hiệu quả sản xuất kinh doanh

**10. Lợi ích kinh tế phân bổ giữa các bên trong đàm phán kinh tế quốc tế** / Nguyễn Thường Lạng // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 22-31.

**Nội dung**: Bài viết phân tích lợi ích kinh tế phân bổ giữa các bên đàm phán kinh tế quốc tế theo mô hình cung - cầu mà kinh tế học gọi là lợi ích kinh tế trong đàm phán. Lợi ích đàm phán được phân bổ theo các phương thức khác nhau bao gồm một bên được lợi hoàn toàn và một bên chịu thiệt hoàn toàn, một bên được lợi và một bên hòa vốn, và cả hai bên đều thu được lợi. Dựa vào các phương thức phân bổ lợi ích xác định, bài viết gợi ý lựa chọn kịch bản đàm phán phù hợp với điều kiện mỗi bên và đưa ra lời khuyên chuẩn bị năng lực và kỹ năng để đàm phán thành công.

**Từ khoá**: Lợi ích kinh tế phân bổ, đối tác đàm phán, đàm phán kinh tế quốc tế

**11. Một số đánh giá về 40 năm cải cách kinh tế ở Trung Quốc (1978 – 2018)**/ Đinh Công Tuấn // Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 6 (214) .- Tr. 3 - 17.

**Nội dung:** Đánh giá khái quát một số vấn đề sau 40 năm cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1978 – 2018), lý do cải cách, cơ sở lý luận, các giai đoạn cải cách, những thành tựu và tồn tại về cải cách kinh tế.

**Từ khóa:** Kinh tế Trung Quốc, 40 năm cải cách, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hạ cánh mềm

**12. Nghiên cứu khám phá các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế /** Vũ Văn Hùng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 21-31.

**Nội dung:** Đổi mới quản lý nhà nước là hoạt động thường xuyên, lâu dài của mỗi quốc gia để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế nhằm thích ứng thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng. Là một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, Việt Nam không chỉ cần tích cực, khẩn trương trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật kinh tế, mà quan trọng hơn là phải đổi mới sâu sắc cả về tư duy lẫn phương pháp thực hiện. Bài viết tập trung nghiên cứu các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý của nhà nước về kinh tế thông qua việc tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu và thực hiện khảo sát điều tra xã hội học với 178 cán bộ công chức làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và các chuyên gia trong lĩnh vực. Kết quả nghiên cứu đã xác định được các nhân tố cơ bản tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế trong bối cảnh mới, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế, cán bộ quản lý, văn hóa tổ chức, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế

**13. Nghiên cứu thực nghiệm về tác động của tín dụng tới tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam** / Trương Quốc Cường, Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Minh Phương // Ngân hàng.- 2019 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam; Phân tích thực nghiệm mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam; Kết luận và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam

**14. Rào cản và giải pháp phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam** / Lê Thị Hồng Thúy // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2019 .- Số 9 (194) .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Phân tích những đặc điểm phát triển cơ bản của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam, những rào cản mà khu vực này đang phải đối mặt và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực này trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, rào cản phát triển

**15. Tác động của tự do thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô của Việt Nam : tiếp cận từ mô hình kinh tế lượng vĩ mô** / Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Kim Chung // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 3-17.

**Nội dung**: Bài viết mô phỏng tác động của việc cắt giảm 1 điểm phần trăm thuế nhập khẩu khi tự do hóa thương mại đến các biến số kinh tế vĩ mô trong tương lai từ năm 2018 đến năm 2032, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế tác động xuaas của tự do hóa thương mại đến kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá**: Tự do hóa thương mại, thuế thu nhập, mô hình kinh tế lượng vĩ mô

**16. Tác động của vốn nhân lực đến tăng trưởng kinh tế : một nghiên cứu tổng quan** / Phan Văn Thắng // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 108-110.

**Nội dung**: Trình bày một số vấn đề lý luận về vốn nhân lực, tổng quan các nhân tố tác động của vốn nhân lực đến tăng trưởng kinh tế; Kết luận.

**Từ khoá**: Vốn nhân lực, tăng trưởng kinh tế

**17. Việc làm của người dân ven biển Tỉnh Hà Tĩnh sau biến cố môi trường biển và một số gợi ý chính sách** / Trần Thu Thủy // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 13-20.

**Nội dung:** Biến cố môi trường biển đã ảnh ảnh lớn đến các tỉnh ven biển miền Trung và Hà Tĩnh là một trong những tỉnh chịu sự ảnh hưởng lớn nhất. Đặc biệt nó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người dân ven biển, tình trạng thất nghiệp gia tăng, việc chuyển đổi sinh kế cho đến bây giờ vẫn rất khó khăn. Bài viết tổng hợp những ảnh hưởng liên quan đến việc làm và nhu cầu việc làm của người dân ven biển tỉnh Hà Tĩnh sau biến cố môi trường biển cho đến nay và đưa ra một số gơi ý chính sách trong việc ổn định sinh kế cho người dân trong tương lai.

**Từ khóa**: Việc làm, Hà Tĩnh, biến cố, môi trường biển, chính sách

**TÀI CHÍNH**

**1. Ảnh hưởng của hiệu quả sử dụng vốn lưu động đến khả năng sinh lời: Nghiên cứu thực nghiệm từ các công ty niêm yết tại Việt Nam** / Đậu Hoàng Hưngg // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 267 tháng 09 .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu quả sử dụng vốn lưu động đến khả năng sinh lời tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ báo cáo tài chính của 622 doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2017, với tổng số mẫu là 3110. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp hồi quy khác nhau, bao gồm: Phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS), Mô hình tác động cố định (FEM), Mô hình tác động ngẫu nhiên (REM). Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số hiệu suất của vốn lưu động (PI) có mối quan hệ cùng chiều với tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) với mức ý nghĩa thống kê 1%. Chỉ số sử dụng vốn lưu động (UI) không có ảnh hưởng đến ROA nhưng có ảnh hưởng tích cực đên ROE với mức ý nghĩa thống kê là 10%. Và chỉ số hiệu quả của vốn lưu động (EI) có ảnh hưởng tiêu cực đến cả ROA và ROE với mức ý nghĩa thống kê 1%.

**Từ khoá**: Hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn lưu động

**2. Ảnh hưởng của phương pháp chọn mẫu đối với kết quả dự báo khó khăn tài chính cho các công ty niêm yết** / Vũ Thị Loan, Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thu Nga // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 43-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được tiến hành nhằm xây dựng mô hình dự báo khó khăn tà i chí nh cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có tính đến tác động của phương pháp chọn mẫu đến kết quả dự báo của mô hình. Các công ty gặp khó khăn tài chính là các công ty bị hủy niêm yết bắt buộc do thua lỗ trong ba năm liên tiếp hoặc lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ. Sử dụng cùng kỹ thuật dự báo Binary Logistic, ba mô hình được xây dựng tương ứng với ba trường hợp số lượng công ty không gặp khó khăn tà i chí nh bằng, gấp đôi và gấp ba lần số lượng công ty khó khăn tà i chí nh trong mẫu nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, khi số lượng công ty không gặp khó khăn tà i chí nh tài chính tăng dần thì khả năng dự báo chính xác của mô hình càng cao.

**Từ khóa:** Dự báo, khó khăn tài chính, mô hình Logistic, phương pháp chọn mẫu

**3. Các nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn : nhìn từ góc độ ngành bất động sản Việt Nam** / Lê Thị Nhung, Bùi Thị Minh Nguyệt // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Thông quan việc sử dụng các phương pháp cơ bản trong hồi quy dữ liệu bảng, nghiên cứu đã lựa chọn phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát (GLS) nhằm đánh giá tác động của các nhân tố bên trong tới tỷ lệ nợ, tỷ lệ nợ ngắn hạn và tỷ lệ nợ dài hạn của 54 công ty cổ phần bất động sản niêm yết ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách huy động vốn trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Bất động sản, cơ cấu nguồn vốn, nhân tố tác động

**4. Chính sách an toàn vĩ mô của một số quốc gia và đề xuất đối với Việt Nam** / Đoàn Thị Thanh Hương, Vũ Mai Chi // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Tổng quan về Chính sách an toàn vĩ mô; Kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học về xây dựng Chính sách an toàn vĩ mô; Một số đề xuất đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách an toàn vĩ mô, tài chính

**5. Chính sách vốn đầu tư gắn với mục tiêu ổn định tài chính tại Việt Nam /** Trần Thị Khánh Li // Ngân hàng .- 2019 .- Số 19 .- Tr. 2-6.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đến một số chỉ tiêu ổn định tài chính gồm thâm hụt ngân sách, nợ nước ngoài, tăng trưởng tín dụng và tỷ giá hối đoái. Đồng thời, sử dụng mô phỏng Monte Carlo, tác giả cũng xác định ngưỡng an toàn cho các chỉ tiêu ổn định tài chính và biên độ dao động cho phép của các bộ phận vốn đầu tư của nền kinh tế...

**Từ khóa:** Chính sách vốn đầu tư, ổn định tài chính, Việt Nam

**6. Dòng vốn vào Việt Nam: Vai trò của các nhân tố đẩy và nhân tố kéo** / Lê Hồ An Châu, Nguyễn Thị Mai Huyên, Ngô Sỹ Nam // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các nhân tố thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tập trung vào hai thành phần cơ bản là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) và vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài qua thị trường chứng khoán (Foreign Portfolio Investment – FPI). Sử dụng mô hình tự hồi quy vector cấu trúc (Structural Vector Autoregression – SVAR) với các ràng buộc ngắn hạn trên bộ dữ liệu quý giai đoạn 2000-2017, kết quả nghiên cứu cho thấy cả nhân tố kéo và nhân tố đẩy đều đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích dòng vốn vào Việt Nam. Cụ thể, khi xảy ra cú sốc sản lượng đầu ra nước ngoài, dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ giảm ngay, ngược lại, khi tăng trưởng GDP trong nước tăng, FDI cũng tăng ngay lập tức và đạt đỉnh vào nửa quý thứ 2. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, vốn đầu tư gián tiếp chịu ảnh hưởng tiêu cực của các cú sốc về lãi suất trong lẫn ngoài nước.

**Từ khoá**: Dòng vốn, đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư gián tiếp qua thị trường chứng khoán, nhân tố kéo và đẩy, SVAR

**7. Giải pháp gia tăng khả năng tiếp cận các khoản vay trên thị trường tài chính của các công ty cổ phần xây dựng công trình niêm yết ở Việt Nam** / Chu Kiều Linh, Phan Nguyễn Hoài Nam, Phạm Ngọc Hải,..[etc.al] // Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 551 .- Tr. 62-63,22.

**Nội dung:** Khái quát về tình hình huy động vốn trên Thị trường tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông niêm yết; Giải pháp tăng cường khả năng huy động nguồn vốn từ thị trường tài chính của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông niêm yết.

**Từ khóa:** Khả năng tiếp cận các khoản vay, Thị trường tài chính

**8. Giải pháp nâng cao sự tham gia tự nguyện bảo hiểm toàn diện trong học sinh, sinh viên tỉnh Bạc Liêu** / Võ Hoàng Khiêm // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng tình hình hoạt động của Bảo Việt và bảo Minh qua các năm 2015,2016 và 2017; nguyên nhân và giải pháp.

**Từ khóa:** Tự nguyện bảo hiểm toàn diện, học sinh, sinh viên, Bạc Liêu

**9. Gìn giữ niềm tin của người gửi tiền** / Hiền Anh // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 17(530) .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Trình bày truyền thống chính sách Bảo hiểm tiền gửi là yêu cầu hàng đầu; thúc đẩy hiệu quả tuyên truyền chính sách Bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Bảo hiểm tiền gửi, niềm tin người gửi tiền

**10. Hạn chế của chính sách về vốn đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam** / Nguyễn Ánh Nguyệt // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Thực trạng quy mô vốn các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ sau Nghị định 73 có hiệu lực; một số tồn tại; nguyên nhân của các tồn tại; kết luận.

**Từ khoá**: Bảo hiểm phi nhân thọ, chính sách vốn, doanh nghiệp bảo hiểm

**11. Hiệu quả chi giáo dục phổ thông ở Việt Nam: Nghiên cứu từ các địa phương cấp tỉnh** / Lê Quang Cảnh, Nguyễn Văn Thắng, Tôn Thu Hiền // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 73-81.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tiến hành đo lường hiệu quả chi cho giáo dục phổ thông ở Việt Nam dựa trên phương pháp phân tích bao dữ liệu (DEA) định hướng đầu ra và đầu vào với số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Bộ Tài chính. Kết quả phân tích cho thấy các bậc học càng cao có mức độ hiệu quả chung càng cao nhưng mức độ hiệu quả của chi ngân sách nhà nước càng giảm; chi từ hộ gia đình cho tất cả bậc học thuộc giáo dục phổ thông đều có mức độ phi hiệu quả nhất định. Kết quả thực nghiệm này cung cấp dẫn chứng cho việc quyết định phân bổ ngân sách cho giáo dục và ngụ ý chính sách nâng cao hiệu quả chi cho giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

**Từ khoá**: DEA, chi giáo dục, hiệu quả, ngân sách nhà nước

**12. Hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô tới sự ổn định của thị trường ngoại hối tại Việt Nam** / Phạm Thị Hoàng Anh // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 2-10.

**Nội dung:** Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu lực của chính sách an toàn vĩ mô qua kênh các công cụ liên quan đến ngoại hối cho chuỗi dữ liệu theo tháng giai đoạn 2007-6 /2018 tại Việt Nam. Mô hình hồi quy đơn cho thấy một số công cụ như quy định tỷ lệ trạng thái ngoại tệ mở trên vốn tự có, dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ đã phát huy được hiệu lực truyền dẫn tới sự ổn định của thị trường ngoại hối Việt Nam. Trong khi đó, các công cụ hạn chế đối tượng cho vay ngoại tệ, kết hối ngoại tệ lại chưa phát huy được tính hiệu lực. Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng tìm ra bằng chứng cho thấy kích hoạt đồng thời các công cụ sẽ làm tăng khả năng hỗ trợ trong nâng cao hiệu lực truyền dẫn chính sách an toàn vĩ mô tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Hiệu lực, ngoại hối, chính sách an toàn vĩ mô, Việt Nam

**13. Hiệu quả của quỹ tín dụng nhân dân trong hoạt động tài chính vi mô** / Trần Trọng Triết // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 15(528) .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của quỹ tín dụng nhân dân trong hoạt động tài chính vi mô và định hướng phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quỹ tín dụng nhân dân, tài chính vi mô, ngân hàng thương mại

**14. Hiệu ứng tràn chính sách tiền tệ từ các quốc gia phát triển tới Việt Nam và một số hàm ý chính sách** / Đào Minh Thắng // Ngân hàng .- 2019 .- Số 20 .- Tr. 12-20.

**Nội dung**: Trình bày việc điều hành Chính sách tiền tệ của các quốc gia phát triển sau khủng hoảng kinh tế thế giới; Hiệu ứng tràn CSTT và các kênh truyền dẫn; Hiệu ứng tràn của điều hành Chính sách tiền tệ sau khủng hoảng tài chính thế giới; Kinh nghiệm của các thị trường mới nổi; Hiệu ứng tràn chính sách tiền tệ nghiên cứu tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách tiền tệ

**15. Hoàn thiện các giải pháp tài chính nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ngành tài chính** / Chu Tuấn Anh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Đề cập đến một số hạn chế và nhóm giải pháp về quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ngành tài chính.

**Từ khoá**: Nguồn lực tài chính, cán bộ ngành tài chính

**16. Huy động nguồn tài chính cho giáo dục Đại học Công lập ở Việt Nam : thực trạng và khuyến nghị** / Nguyễn Bá Linh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 69-73.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng huy động nguồn tài chính cho giáo dục Đại học Công lập ở Việt Nam; một số kết quả và khuyến nghị huy động nguồn tài chính cho giáo dục Đại học Công lập ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Huy động vốn, nguồn tài chính, giáo dục Đại học Công lập

**17. Khả năng phát triển cho vay trực tuyến tại Việt Nam** / Lê Anh Tùng, Phạm Mai Ngân, Nguyễn Thị Kim Oanh // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 17(530) .- Tr. 14-18.

**Nội dung**: Điểm lại một số ưu điểm của P2P lending, thực tiễn P2P lending trên thế giưới, những thách thức và rủi ro của hình thức cho vay này, đồng thời đánh giá khả năng phát triển P2P lending tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Cho vay ngang hàng, trực tuyến, kỹ thuật số

**18. Kết nối cung - cầu tín dụng chính thức nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái** / Đỗ Xuân Luận, Đỗ Minh Khang // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 82-92.

**Nội dung:** Nghiên cứu này phân tích những rào cản trong kết nối cung cầu tín dụng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Kết quả cho thấy các rào cản có liên quan đến tài sản thế chấp, sở hữu tài khoản ngân hàng, trình độ học vấn, năng lực quản lý vốn vay ủy thác và diện tích đất canh tác. Để tháo gỡ những rào cản, nhà nước cần tăng cường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất để các chủ thể nông nghiệp có thể sử dụng thế chấp ngân hàng. Ngoài ra, thúc đẩy tiếp cận tài khoản ngân hàng là cần thiết để phát triển tài chính toàn diện và tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho khu vực nông nghiệp. Hội phụ nữ và hội nông dân cần được nâng cao năng lực trong quản lý vốn vay ủy thác. Ngân hàng cần chủ động hơn trong xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với phía cầu tín dụng và các cơ quan quản lý nhà nước để mở rộng tín dụng nông nghiệp ít phụ thuộc tài sản thế chấp.

**Từ khóa:** Cầu tín dụng, Cung tín dụng, Tái cơ cấu nông nghiệp, Yên Bái

**19. Kiểm soát chuyển giá đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội** / Nguyễn Tuấn Anh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 127 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Trên cơ sở nguồn thông tin thứ cấp về DN FDI và thực trạng kiểm soát chuyển giá đối với nhóm doanh nghiệp này, tác giả bài viết phân tích, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong thanh tra giá chuyển nhượng (chuyển giá) của DN FDI trên địa bàn Hà Nội, từ đó đề xuất một vài giải pháp nhằm tăng cường và hoàn thiện hoạt động kiểm soát chuyển giá của các cơ quan quản lý nhà nước thời gian tới.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giá, giá chuyển nhượng, giao dịch liên kết, kiểm soát chuyển giá

**20. Kinh nghiệm từ mô hình nhóm tự giúp đỡ trong phát triển tài chính vi mô tại Ấn Độ : gợi ý cho Việt Nam** / Nguyễn Thị Mỹ Dung, Đinh Thị Mỹ Hạnh // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 15(528) .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Khái quát về tài chính vi mô và mô hình tự giúp đỡ SHGs tại Ấn Độ; quá trình phát triển của nhóm tự giúp đỡ SHGs tại Ấn Độ; thực trạng mô hình nhóm tự giúp đỡ SHGs liên kết ngân hàng (SBLP) tại Ấn Độ hiện nay; vai trò của SHGs với phát triển nông thôn; gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính vi mô, tổ chức tài chính vi mô

**21. Mối quan hệ trong dài hạn giữa tỷ giá và lãi suất bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam** / Trương Đông Lộc // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 2-5.

**Nội dung:** Khái quát tình hình; cơ sở lý thuyết và các bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa tỷ giá và lãi suất; số liệu sử dụng và phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và kết luận.

**Từ khóa:** Tỷ giá và lãi suất

**22. Nghiên cứu hiệu quả chi tiêu công của tỉnh Nam Định** / Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Thị Thanh Hiếu, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Thu Phương // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 267 tháng 09 .- Tr. 50-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả chi tiêu công của tỉnh Nam Định trong giai đoạn 1997-2017. Áp dụng phương pháp chỉ số tổng hợp (PSP), chúng tôi đã chỉ ra rằng chi tiêu công tăng thì phân phối thu nhập chưa đạt hiệu quả. Từ kết quả phân tích PSP, chúng tôi sử dụng phương pháp bao dữ liệu DEA. Kết quả cho thấy, theo mô hình phân tích hiệu quả kỹ thuật thay đổi theo quy mô, thì chi tiêu công chỉ mới đạt được khoảng 1 /4 so với kết quả đầu ra hiệu quả. Cuối cùng phương pháp hồi quy Tobit được sử dụng với biến phụ thuộc là kết quả từ phương pháp DEA trên để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả chi tiêu công của tỉnh Nam Định. Kết quả cho thấy biến trình độ cao của lực lượng lao động có tác động tích cực, còn các biến tỷ giá hối đoái USD, độ mở thương mại và GDP bình quân đầu người lại tác động tiêu cực đến hiệu quả của chi tiêu công với độ tin cậy cao.

**Từ khoá**: Hiệu quả, chi tiêu công, Nam Định

**23. Phân tích các yếu tố tác động đến tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ: Sử dụng cách tiếp cận tiền tệ** / Bùi Duy Hưng // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Bài viết này sử dụng cách tiếp cận tiền tệ (Monetary approach to exchange rate - MAER) đối với tỷ giá để phân tích các yếu tố tác động đến việc xác định tỷ giá giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD). Kết quả phân tích cho thấy dù Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý tỷ giá thông qua tỷ giá chính thức (trước năm 2016), tỷ giá trung tâm (từ năm 2016 đến nay), và biên độ giao dịch nhưng về cơ bản có mối quan hệ dài hạn giữa tỷ giá và các biến thuộc cách tiếp cận MAER. Tỷ giá vẫn được xác định phù hợp với các cách tiếp cận tiền tệ khác nhau đối với tỷ giá. Trong đó cung tiền và thu nhập là 2 yếu tố quan trọng có tác động đến tỷ giá giữa VND và USD.

**Từ khoá**: Tỷ giá, chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước

**24. Phát huy vai trò của Fintech trong thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam** / Đỗ Thị Hà Thương, Trần Nguyên Cẩm Lai // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 17(530) .- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Đánh giá sự phát triển của Fintech và tác động của Fintech đối với lĩnh vực thanh toán tại Việt nam, từ đó nêu ra một số đề xuất nhằm phát huy vai trò của Fintech đối với lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt khu vực nông thôn Việt Nam.

**Từ khoá**: Fintech, thanh toán không dùng tiền mặt

**25. Phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán – kiểm toán trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam** / Hoàng Thanh Hạnh // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Trình bày vai trò của các DNNVV cung cấp dịch vụ kế toán – kiểm toán và tiềm năng phát triển của thị trường này, qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển doanh nghiệp cung ứng dịch vụ kế toán – kiểm toán trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, dịch vụ kế toán – kiểm toán, cách mạng công nghiệp 4.0

**26. Phát triển tài chính toàn diện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Việt Nam** / Nguyễn Thị Như Quỳnh, Đỗ Thị Hà Thương // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 6-10.

**Nội dung:** Giới thiệu về tình hình, thực trạng về phát triển tài chính toàn diện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Việt Nam, đánh giá việc phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam hiện nay, thuận lợi, khó khăn và giải pháp đối với phát triển tài chính toàn diện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, kết luận.

**Từ khóa:** Phát triển tài chính toàn diện, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

**27. Quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế sau khủng hoảng tài chính : vấn đề rút ra từ những nghiên cứu quốc tế nổi bật** / Nguyễn Thị Hòa // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 17(530) .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại một số nghiên cứu quốc tế điển hình về mối quan hệ giữa hai biến số này, từ đó rút ra một số kết luận đáng chú ý trong quan hệ giữa tín dụng và tăng trưởng kinh tế sau khủng hoảng tài chính.

**Từ khoá**: Tín dụng, tăng trưởng kinh tế, hậu khủng hoảng

**28. Tài chính toàn diện dưới góc độ dịch vụ thanh toán qua ngân hàng tại các tỉnh đồng bằng Bắc bộ** / Phạm Thị Hoàng Anh, Trần Thị Thắng // Ngân hàng .- 2019 .- Số 20 .- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Tập trung phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tài chính toàn diện dưới góc độ dịch vụ thanh toán qua ngân hàng dựa vào bộ dữ liệu khảo sát đối với 425 đối tượng phỏng vấn tại các tỉnh đồng bằng Bắc bộ. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện dưới góc độ dịch vụ thanh toán tại Việt Nam nói chung và các tỉnh đồng bằng Bắc bộ nói riêng.

**Từ khóa**: Tài chính toàn diện, dịch vụ thanh toán, ngân hàng, đồng bằng Bắc bộ

**29. Thúc đẩy chuyển đổi tài chính sang đóng vai trò đối tác kinh doanh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam** / Bùi Thị Hòa // Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 19(532) .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Thời gian qua, việc chuyển đổi tài chính sang đóng vai trò đối tác kinh doanh đã trở thành xu hướng đối với nhiều doanh nghiệp. Bài viết tập trung đánh giá xu thế chuyển đổi này, nhận diện những điều kiện cần thiết để triển khai, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh trong ngành ngân hàng thơi gian tới.

**Từ khóa**: Đối tác kinh doanh, chức năng tài chính, ngân hàng

**30. Thực trạng khu vực tài chính Việt Nam và khuyến nghị hình thành các chỉ tiêu cảnh báo sớm** / Vũ Thị Kim Oanh, Nguyễn Thanh Nhàn // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 15(528) .- Tr. 35-41.

**Nội dung**: Cơ sở lý thuyết về căng thẳng khu vực tài chính; thực trạng khu vực tài chính Việt nam từ năm 2005 đến nay; khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Tài chính, cảnh báo, ổn định tài chính

**31. Tín dụng đen : dấu hiệu nhận diện và giải pháp** / Đỗ Hoài Linh // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 9(522) .- Tr. 69-71,83

**Nội dung**: Nêu những dấu hiệu nhận diện và đề xuất các giải pháp đẩy lùi tín dụng đen.

**Từ khoá**: Tín dụng đen, nhận diện

**32. Tính độc lập, tự chủ trong chủ trương thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Đảng Cộng sản Việt Nam những năm đầu Đổi mới**/ Trần Chiến, Hoàng Thế Đặng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 9(82) .- Tr. 75 - 79.

**Nội dung:** Thể hiện bản lĩnh, sự sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, là sự đổi mới về tư duy kinh tế nói chung, tư duy về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng. Từ đó, sẽ làm cơ sở để Đảng ta tiếp tục có những chủ trương, đường lối đúng đắn, sáng tạo trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khóa:** Đảng Cộng sản Việt Nam, độc lập, Đầu tư trực tiếp Nước ngoài, Đổi mới

**33. Tính thanh khoản của cổ phiếu và chính sách cổ tức** / Bùi Kim Phương // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 267 tháng 09 .- Tr. 42-59.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu mối quan hệ giữa tính thanh khoản của cổ phiếu và chính sách chi trả cổ tức của công ty. Sử dụng dữ liệu của 518 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong giai đoạn 2012-2017, bài báo tìm thấy mối quan hệ ngược chiều giữa tính thanh khoản của cổ phiếu và chính sách chi trả cổ tức của công ty. Như vậy, ở các công ty mà cổ phiếu có tính thanh khoản cao hơn, khả năng chi trả cổ tức sẽ thấp hơn và ngược lại. Bằng chứng thực nghiệm này cho thấy tính thanh khoản của cổ phiếu có khả năng giải thích đáng kể cho quyết định chi trả cổ tức của công ty bên cạnh các yếu tố khác như khả năng sinh lợi, vòng đời công ty, mức độ nắm giữ tiền và tuổi công ty.

**Từ khoá**: Chính sách cổ tức; Tính thanh khoản của cổ phiếu; Việt Nam

**34. Trái phiếu xanh : Việt Nam trong nỗ lực bắt nhịp kỷ nguyên tài chính xanh toàn cầu** / Quản Thu Trang // Ngân hàng.- 2019 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Khái niệm và đặc điểm của trái phiếu xanh; Tiêu chuẩn trái phiếu xanh toàn cầu; Thực trạng phát triển trái phiếu xanh của Việt Nam; Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát hành trái phiếu xanh tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Trái phiếu xanh

**35. Tự chủ tài chính và kết quả học tập ở các trường trung học phổ thông Việt Nam** / **Lê Quang Cảnh //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 133 .- Tr. 63-72.

**Nội dung:** Chi từ NSNN cho giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với kết quả của hệ thống giáo dục, thể hiện quan điểm coi giáo dục là quốc sách hàng đầu ở Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nhiều quốc gia với quy mô chi cho giáo dục lớn nhưng kết quả đạt được chưa tương xứng; ngược lại, một vài quốc gia với mức chi cho giáo dục thấp lại có kết quả học tập cao. Sử dụng số liệu khảo sát “Chương trình đánh giá học sinh quốc tế” viết tắt là PISA năm 2015 ở cấp trường, nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của tự chủ tài chính trong các trường trung học phổ thông tới kết quả thi PISA của học sinh Việt Nam. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, mức độ tự chủ tài chính của các trường càng lớn thì kết quả PISA càng cao. Tuy nhiên, kết quả này không đúng với các trường tư khi họ có mức độ tự chủ cao nhất. Nghiên cứu cung cấp dẫn chứng thực nghiệm, làm cơ sở đề xuất chính sách tự chủ trong các trường học nhằm nâng cao hơn kết quả học tập của học sinh.

**Từ khóa:** Tự chủ tài chính, Kết quả học tập, Điểm PISA

**36. Vai trò của VAMC trong việc phát triển thị trường mua bán nợ xấu tập trung** / Nguyễn Tiến Đông // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 9(522) .- Tr. 63-68.

**Nội dung:** Tập trung nhìn nhận những thuận lợi, khó khăn khi phát triển thị trường đồng thời đánh giá khả năng phát triển của thị trường mua bán nợ xấu tập trung trong đó VAMC hoạt động với vai trò là trung tâm thúc đẩy thị trường.

**Từ khoá**: Thị trường mua bán nợ xấu, thị trường mua bán nợ, tái cấu trúc doanh nghiệp

**37. Vai trò của tỷ giá CNY: Kênh dẫn tác động tràn chính sách tiền tệ Trung Quốc đến Châu Á và Việt Nam** / Phạm Thị Tuyết Trinh, Bùi Thị Thiện Mỹ, Lê Phan Ái Nhân // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 11-22.

**Nội dung:** Nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò của tỷ giá Nhân dân tệ (CNY) đối với 10 nền kinh tế châu Á và Việt Nam trong giai đoạn quý 1 năm 2002 – quý 3 năm 2018 ở khía cạnh kênh dẫn tác động tràn từ chính sách tiền tệ Trung Quốc bằng phương pháp tự hồi quy vectơ ứng dụng thống kê Bayes (BVAR). Kết quả nghiên cứu cho thấy kênh tỷ giá có dẫn ảnh hưởng từ chính sách tiền tệ Trung Quốc đến châu Á và Việt Nam. Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBC) thắt chặt tiền tệ làm CNY lên giá; tuy nhiên, do kênh tỷ giá chịu lấn át bởi các kênh khác, cán cân thương mại Trung Quốc được cải thiện chứ không xấu đi như kỳ vọng. Mặt khác, tỷ giá CNY thay đổi cũng kéo theo sự thay đổi tỷ giá các nước châu Á (trừ Việt Nam) do những lo ngại đồng tiền nước mình lên giá so với CNY làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh thương mại.

**Từ khóa:** BVAR, tác động tràn chính sách tiền tệ, Trung Quốc, tỷ giá

**38. Ý định sử dụng phương thức thanh toán POS của khách hàng : nghiên cứu trên địa bàn thành phố Huế và một số khuyến nghị** / Nguyễn Hồ Phương Thảo, Dương Bảo Hân // Ngân hàng .- 2019 .- Số 19 .- Tr. 32-36.

**Nội dung:** Trình bày tình hình về việc nghiên cứu ý định sử dụng phương thức thanh toán POS của khách hàng tại Huế là hết sức cần thiết nhằm giúp các NHTM nhận biết được ý định sử dụng của khách hàng. Từ đó đưa ra các khuyến nghị thiết thực giúp các NHTM và cơ quan hữu quan đưa ra các giải pháp để pháp triển phương thức thanh toán này.

**Từ khóa:** Phương thức thanh toán POS, khách hàng

**39. Xu hướng đầu tư vào năng lượng tái tạo hiện nay** / Nguyễn Hồng Thu // Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 19(532) .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Năng lượng tái tạo, đầu tư, phát triển bền vững năng lượng tái tạo trên thế giưới cũng như xu hướng đầu tư vào năng lượng tái tạo, đồng thời rút ra một số hàm ý đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Năng lượng tái tạo, đầu tư, phát triển bền vững

**NGÂN HÀNG**

**1. Áp dụng basel 2 trong quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam** / Đường Ngọc Dũng // Ngân hàng.- 2019 .- Số 14 .- Tr. 24-27.

**Nội dung:** Tổng quan về Basel 2; lợi ích của việc áp dụng basel 2; lộ trình áp dụng basel 2 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; kết quả triển khai Basel 2 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; một số khó khăn, thách thức trong triển khai Basel 2 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; Một số khuyến nghị đẩy nhanh quá trình triển khai Basel 2 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Áp dụng basel 2, quản trị rủi ro, ngân hàng thương mại Việt Nam

**2. Big data và ứng dụng trong hoạt động ngân hàng** / Trương Thị Hoài Linh, Lê Thị Như Quỳnh // Ngân hàng.- 2019 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Bài viết hệ thống những vấn đề cơ bản về Big data, trên cơ sở đó phân tích những ứng dụng của Big data và các điều kiện nhằm ứng dụng Big data ở lĩnh vực ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0.

**Từ khoá**: Big data, ứng dụng, hoạt động ngân hàng

**3. Các phương pháp định giá điều chuyển vốn nội bộ và đề xuất cho các ngân hàng thương mại Việt Nam** / Đặng Văn Dân // Ngân hàng.- 2019 .- Số 14 .- Tr. 18-23.

**Nội dung:** Trình bày cách thức vận hành hệ thống FTP trên cơ sở đó đề xuất mô hình vận hành cơ chế FTP cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Các phương pháp định giá điều chuyển vốn nội bộ, ngân hàng thương mại Việt Nam

**4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng vi mô** / Hà Văn Dương // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 15(528) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đến tăng trưởng tín dụng vi mô của các tổ chức TCVM chính thức được Ngan hàng nhà nước VN cấp phép hoạt động. Qua mô hình hồi quy dữ liệu bảng được thực hiện trong giai đoạn 2010-2017, nghiên cứu cho thấy suất sinh lời của vốn chủ sở hữu, tỷ lệ vốn huy động so với dư nợ cho vay có tác động tiêu cực, trong khi tăng trưởng quy mô của tổ chức TCVM chính thức tác động tích cực đến tốc độ tăng trưởng tín dụng vi mô. Trên cơ sở đó, đề xuất các khuyến nghị nhằm thúc đẩy tăng trưởng TDVM của các tổ chức TCVM chính thức tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tăng trưởng tín dụng, tín dụng vi mô, tài chính vi mô

**5. Cạnh tranh và ổn định tài chính của các ngân hàng Việt Nam** / Nguyễn Hoàng Phong, Phạm Thị Bích Duyên // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 35-47.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của cạnh tranh đến sự ổn định tài chính của các ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2005-2017. Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm, bài viết đưa ra một số hàm ý đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản trị ngân hàng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Cạnh tranh, ổn định tài chính, ngân hàng niêm yết

**6. Chứng khoán các khoản vay: những vấn đề cần cân nhắc** / Trần Thị Vân Anh // Ngân hàng .- 2019 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 29-35.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ giữa các thành viên tham gia vào quá trình chứng khoán hóa dưới giác độ là nguyên nhân tạo nên nợ xấu nhằm thấy rõ hơn tác động trái phiếu của chứng khoán hóa đối với hệ thống ngân hàng thương mại.

**Từ khoá:** Chứng khoán, các khoản vay

**7. Đề xuất cảnh báo rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại ở Việt Nam** / Đỗ Năng Thắng, Nguyễn Văn Huân // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 55-63.

**Nội dung**: Xuất phát từ tính cấp thiết của tình hình thực tế, các ngân hàng thương mại cần có một công cụ quản trị rủi ro tín dụng hữu hiệu để hạn chế rủi ro. Nhóm tác giả đã đi khảo sát, nghiên cứu và đề xuất bộ các yếu tố tác động đến khả năng trả nợ của khác hàng cá nhân và tiến hành khảo sát. Đề tài sử dụng bộ dữ liệu gồm 210 mẫu quan sát. Sử dụng phần mềm SPSS làm sạch dữ liệu và chạy mô hình dựa trên hồi quy Binary logistics của Maddala xuất bản năm 1984 để tìm ra tác động của từng yếu tố riêng biệt của khách hàng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của họ như thế nào. Nhóm tác giả cũng chỉ rõ thứ tự mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố quyết định đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân, từ đó giúp các nhà quản lý ngân hàng có cái nhìn trực quan tốt hơn để ra quyết định cho vay chính xác, hạn chế rủi ro.

**Từ khoá:** Mô hình cảnh báo, rủi ro tín dụng, mô hình logistics; yếu tố tài chính, yếu tố phi tài chính

**8. Đề xuất mô hình bảo đảm an ninh mạng trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam : cách tiếp cận từ các bên liên quan /** Hạ Thị Thiều Dao, Trần Nguyễn Minh Hải // Ngân hàng .- 2019 .- Số 19 .- Tr. 18-23.

**Nội dung:** Đánh giá tình hình; lý thuyết tiếp cận các bên liên quan đến hiệu quả an ninh mạng; đề xuất mô hình phối hợp giữa các bên liên quan trong thực tiễn bảo đảm an ninh mạng trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Mô hình bảo đảm an ninh mạng, ngân hàng, Việt Nam

**9. Giải pháp mở rộng hoạt động cho vay đối với nông nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn hiện nay** / Nguyễn Cảnh Hiệp // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 17(530) .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Phân tích các tồn tại trong hoạt động cho vay đối với các dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bài viết chỉ ra những nguyên nhân cơ bản của các tồn tại nói trên, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm mở rộng hoạt động cho vay của các NHTM đối với lĩnh vực này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Cho vay, nông nghiệp công nghệ cao

**10. Giải quyết nợ xấu trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam** / Trần Thế Sao // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Tổng quan diễn biến kết quả giải quyết nợ xấu; thực trạng sử dụng các biện pháp giải quyết nợ xấu; Đánh giá thực trạng giải quyết nợ xấu; Kết luận và khuyến nghị.

**Từ khóa**: Giải quyết nợ xấu, hoạt động kinh doanh, ngân hàng thương mại

**11. Hiệu ứng ngưỡng quy mô trong tác động của đa dạng hóa thu nhập tới lợi nhuận ngân hàng thương mại : nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam** / Lê Đồng Duy Trung // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 10-20.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung vào một trong những sự khác biệt quan trọng nhất, đó là sự khác biệt trong cơ cấu thu nhập.

**Từ khóa**: Lợi nhuận, ngân hàng thương mại

**12. Kinh nghiệm cho vay ngang hàng ở một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam** / Nguyễn Thị Lệ Hà, Vũ Văn Thực // Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 19(532) .- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Trình bày Kinh nghiệm cho vay ngang hàng ở một số nước; thực trạng P2P Lending ở Việt Nam; Một số gợi ý đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Cho vay ngang hàng

**13. Lợi thế của Fintech, sự hợp tác với ngân hàng và thách thức nguồn nhân lực** / Phạm Xuân Hòe // Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 19(532) .- Tr. 17-23.

**Nội dung**: Trình bày lợi thế của Fintech - thách thức của ngân hàng; tình hình mối quan hệ đối tác giữa ngân hàng và Fintech; xu hướng hợp tác giữa các ngân hàng và Fintech tại Việt nam; Những thách thức về nguồn nhân lực cho ngân hàng số và Fintech, đòi hỏi kỹ năng cần có.

**Từ khóa:** Fintech, sự hợp tác, ngân hàng, nguồn nhân lực

**14. Ngân hàng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng** / Hồ Nguyên Phương, Nguyễn Việt Trung // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Đề cập đến đặc trưng của phát triển kinh tế, cơ hội và thách thức đối với ngân hàng Việt trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Ngân hàng, hội nhập kinh tế quốc tế

**15. Nhận diện những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn trong hoạt động cho vay ngang hàng /** Cao Hải Vân // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 50-56.

**Nội dung:** Tổng hợp các nhân tố quyết định đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của người đi vay trong mô hình cho vay P2P với mục đích cung cấp khung lý thuyết căn bản nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, triển khai mô hình cho vay P2P tại các tổ chức tài chính cũng như phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động cho vay ngang hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhân tố ảnh hưởng, khả năng tiếp cận vốn, hoạt động cho vay ngang hàng

**16. Phân tích một số nhân tố tác động tới hiệu quả tài chính hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn tái cơ cấu** / Lê Thanh Phương // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Bài báo đi sâu phân tích một số nhân tố bên trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam có thể tác động tới hiệu quả sinh lời của các ngân hàng trong giai đoạn táicơ cấu. Sử dụng mô hình hồi quy với dữ liệu từ 2011 đến 2015, tác giả chỉ ra các nhân tố bao gồm cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, mức độ nợ xấu và quy mô tài sản có tác động đáng kể tới khả năng sinh lời các ngân hàng. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng sinh lời của hệ thống NHTM.

**Từ khóa**: Hiệu quả tài chính, tái cơ cấu, ngân hàng thương mại

**17. Phát triển ngân hàng bền vững tại Việt Nam** / Bùi Khắc Hoài Thương // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 17-22.

**Nội dung:** Bài viết khảo sát 250 nhà quản lý ngân hàng thương mại nhằm đánh giá thực tiễn kinh doanh bền vững và đề xuất phát triển tính bền vững của các NHTM Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển ngân hàng bền vững, Việt Nam

**18. Quản trị rủi ro hoạt động tại ngan hàng thương mại theo chuẩn mực của Basel II** / Nguyễn Thị Thu Đông // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 11-17.

**Nội dung:** Trình bày rủi ro hoạt động theo chuẩn mực của Basel II; Quản trị rủi ro hoạt động tại ngân hàng thương mại thời gian qua; Cơ hội, thách thức và một số kiến nghị về quản trị rủi ro hoạt động tại ngân hàng thương mại theo chuẩn mực của Basel II.

**Từ khóa:** Quản trị rủi ro hoạt động, ngân hàng thương mại, chuẩn mực của Basel II

**19. Sử dụng big data và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của ngân hàng trung ương** / Tô Huy Vũ, Vũ Xuân Thanh // Ngân hàng .- 2019 .- Số 19 .- Tr. 7-13.

**Nội dung:** Trình bày 6 nguồn dữ liệu chủ yếu: Dữ liệu hành chính; hoạt động thương mại; các thiết bị cảm biến như thiết bị chụp ảnh vệ tinh, cảm biến đường, cảm biến khí hậu; thiết bị theo dõi; hành vi như tìm kiếm trực tuyến; thông tin về ý kiến, quan điểm cá nhân trên các phương tiện thông tin xã hội.

**Từ khóa: B**ig data, Trí tuệ nhân tạo, ngân hàng trung ương

**20. Sự khác biệt trong đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình ở Việt Nam** / Quách Dương Tử, Nguyễn Thanh Giang // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 64-72.

**Nội dung:** Bài viết ứng dụng phương pháp so sánh bằng điểm xu hướng PSM trên bộ số liệu của cuộc khảo sát Tình hình cư trú 2015 để đánh giá sự khác biệt trong đầu tư giáo dục của hộ gia đình tại 5 tỉnh, thành phố của Việt Nam gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương và Đắk Nông. Kết quả của bài nghiên cứu chỉ ra có sự khác biệt lớn trong tỷ lệ đầu tư giáo dục của hộ nghèo so với hộ không nghèo rằng hộ nghèo có tỷ lệ đầu tư cao hơn hộ không nghèo. Bên cạnh đó, mức độ chi cho giáo dục của các hộ gia đình sinh sống tại thành thị có tỷ lệ đầu tư cao hơn những hộ sinh sống tại khu vực nông thôn. Bài nghiên cứu cũng cho thấy rằng, có sự khác biệt trong tỷ lệ đầu tư cho giáo dục của các nhóm thu nhập khi phân theo nhóm phân vịchỉ ra những hộ có thu nhập thấp.

**Từ khoá**: PSM, tỷ lệ đầu tư giáo dục, hộ nghèo

**21. Tác động công nghệ, nguồn nhân lực đến tăng trưởng tại các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán Việt Nam** / Phạm Thị Hồng Vân // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 34-45.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát (GLS) trên mẫu dữ liệu bảng của 30 ngân hàng thương mại và 71 công ty chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2010 − 2017, nghiên cứu phát hiện tác động chi phối của nguồn nhân lực chất lượng cao đến công nghệ chuyên sâu tại các ngân hàng thương mại trong mối quan hệ giữa công nghệ và tăng trưởng doanh nghiệp. Trong khi tại các công ty chứng khoán và trên mẫu tổng thể các doanh nghiệp ngành tài chính ngân hàng thì nghiên cứu tìm thấy tác động hỗ trợ đồng thời của nguồn nhân lực chất lượng cao và công nghệ chuyên sâu đến tăng trưởng doanh nghiệp. Điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực tại các ngân hàng thương mại chưa phát triển kịp theo yêu cầu của công nghệ nên đã làm hạn chế tăng trưởng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy công nghệ tổng thể và chất lượng luật pháp tác động tích cực đến tăng trưởng, còn lạm phát tác động yếu đến tăng trưởng, hiệu quả chính phủ hạn chế tăng trưởng doanh nghiệp. Nghiên cứu này đã đề xuất một vài chính sách hữu ích cho các ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán.

**Từ khoá**: Tăng trưởng ngân hàng thương mại, tăng trưởng công ty chứng khoán, tác động công nghệ, tác động nguồn nhân lực

**22. Tác động của chiến lược cạnh tranh đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm Việt Nam** / Nguyễn Hoàng Việt và Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu tác động của chiến lược cạnh tranh đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp (DN) kinh doanh thực phẩm Việt Nam. Dựa trên dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 130 DN kinh doanh thực phẩm đang hoạt động trên thị trường Việt Nam cho thấy loại hình chiến lược cạnh tranh được sử dụng đều có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các DN này. Kết quả nghiên cứu là căn cứ cho các DN lựa chọn chiến lược cạnh tranh và phát triển các năng lực cạnh tranh phù hợp để cải thiện tốt hơn hiệu quả kinh doanh.

**Từ khóa**: Chiến lược cạnh tranh; Chiến lược chi phí thấp; Chiến lược khác biệt hóa; Chiến lược tập trung; DN kinh doanh thực phẩm; Hiệu quả kinh doanh

**23. Tác động của thực tiễn quản trị nguồn nhân lực đến sự hài lòng công việc và cam kết tổ chức: Trường hợp các doanh nghiệp chế biến thủy sản tại Đồng bằng Sông Cửu Long** / Nguyễn Thanh Hùng, Dương Thị Tuyết Anh và Lâm Thị Mỹ Lan // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 41-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của thực tiễn quản trị nguồn nhân lực đến sự hài lòng và cam kết tổ chức trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản thông qua nhận thức từ người lao động trong doanh nghiệp. Mẫu nghiên cứu được khảo sát từ 289 nhân viên và quản lý đang làm việc tại doanh nghiệp. Phương pháp cân bằng cấuu trúc tuyến tính (SEM) được thực hiện để phân tích các nhân tố trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực tiễn quản trị nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực trực tiếp đến sự hài lòng công việc và cam kết tổ chức, sự hài lòng công việc có tác động dương đến cam kết tổ chức.

**Từ khóa**: Thực tiễn quản trị nguồn nhân lực, hài lòng công việc, cam kết tổ chức

**24. Tác động của đa dạng hóa thu nhập và phân bổ tài sản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam** / Lâm Thanh Phi Quỳnh, Nguyễn Đăng Khoa, Nguyễn Thị Lệ Huyền // Ngân hàng .- 2019 .- Số 19 .- Tr. 24-31.

**Nội dung:** Đánh giá mối quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa phân bổ tài sản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam với 32 ngân hàng thương mại hiện đang hoạt động tại VN trong giai đoạn 2000 đến 2017. Kết quả cho thấy việc đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa phân bổ tài sản có tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khóa: Đ**a dạng hóa thu nhập và phân bổ tài sản, khả năng sinh lời, các ngân hàng thương mại

**25. Tài sản thương hiệu ngân hàng thương mại Việt Nam theo cách tiếp cận từ cảm nhận của khách hàng** / Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Thị Hồng Nhung // Ngân hàng.- 2019 .- Số 14 .- Tr. 10-17.

**Nội dung**: Các nghiên cứu thực nghiệm về tài sản thương hiệu; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; kết luận và kết quả nghiên cứu; đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng và phát triển thương hiệu NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài sản, thương hiệu, ngân hàng thương mại, Việt Nam, cảm nhận của khách hàng

**26. Thanh khoản thị trường tài chính Việt Nam và một số khuyến nghị** / Lại Thị Thanh Loan // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Thực trạng thanh khoản thị trường tài chính Việt Nam; Đo lường thanh khoản tại thị trường tài chính Việt Nam; Kết quả đo lường thanh khoản tại thị trường tài chính Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khóa**: Thanh khoản, thị trường tài chính

**27. Thúc đẩy các dịch vụ ngân hàng xanh tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Liên// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 40 – 42.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm và các dịch vụ ngân hàng xanh (NHK), khả năng ứng dụng dịch vụ NHK tại Việt Nam và một số đề xuất.

**Từ khóa:** Dịch vụ, ngân hàng xanh, Việt Nam

**28. Triển khai, vận hành hệ thống bù trừ điện tử (ACH) tại Việt Nam : thực trạng và một số đề xuất** / Nguyễn Thị Thu và nhóm nghiên cứu // Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2019 .- Số 19(532) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ vai trò của hệ thống bù trừ điện tử (ACH) đối với hạ tầng thanh toán quốc gia, thực trạng cung ứng dịch vụ bù trừ điện tử và xây dựng ACH tại Việt Nam, đồng thời nêu một số đề xuất xây dựng hành lang pháp lý cho triển khai, vận hành hệ thống ACH tại Việt Nam.

**Từ khóa: H**ệ thống bù trừ điện tử tự động (ACH), giao dịch thanh toán bán lẻ, hạ tầng thanh toán quốc gia

**29. Ứng dụng công nghệ tài chính trong kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam - Xu hướng tất yếu của thời đại 4.0** / Nguyễn Thị Hiền và Phạm Thu Hương // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 10-18.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech) trong kinh doanh ngân hàng, trong đó lý giải rõ tính năng và tiện ích trong việc ứng dụng các công nghê Fintech phổ biến như Điện toán đám mây (Cloud Computing), Robot và Trí tuệ nhân tạo (Robot and AI); Dữ liệu lớn (BigData) và Internet kết nối vạn vật (Internet of Things); công nghệ chuỗi khối Blockchain; và Giao diện chương trình ứng dụng (API- Application Programming Interfaces). Nghiên cứu cho thấy các ngân hàng Việt Nam cũng đang bắt đầu hướng đến áp dụng các nền tảng công nghệ mới vào hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với mục tiêu tạo ra doanh thu và mở rộng thị phần cho ngân hàng trong tương lai nhưng chưa chú trọng đến vấn đề an toàn, bảo mật và giảm chi phí. Chính vì vậy, bài viết cũng đề xuất một số khuyến nghị đồng bộ liên quan đến: (i) hoàn thiện khung pháp lý; (ii) tạo dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; (iii) tăng cường an ninh, bảo mật trong ứng dụng Fintech; và (iv) đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ Fintech nhằm tạo nên giải pháp đồng bộ ứng dụng Fintech trong kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Ứng dụng Fintech; kinh doanh ngân hàng; Cách mạng công nghệ 4.0

**30. Xây dựng hệ sinh thái số dịch vụ ngân hàng bán lẻ : hướng đi mới cho các ngân hàng tại Việt Nam** / Vũ Hồng Thanh // Ngân hàng.- 2019 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 15-21.

**Nội dung:** Tổng quan về hệ sinh thái số dịch vụ ngân hàng bán lẻ; Định vị trong hệ thống tài chính hiện đại; Lựa chọn mô hình chuyển đổi sang hệ sinh thái số dịch vụ ngân hàng bán lẻ; Những lĩnh vực được các ngân hàng trên thế giới tập trung nhằm từng bước xây dựng hệ sinh thái số dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

**Từ khoá**: Xây dựng hệ sinh thái số, dịch vụ ngân hàng bán lẻ

**LUẬT**

**1. Bàn về quyền ly hôn của vợ hoặc chồng trong trường hợp một bên đang bị truy nã/** Phan Thành Nhân, Đỗ Thị Nhung// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 21 – 26.

**Nội dung:** Bài viết nêu lên thực trạng hiện nay về việc giải quyết yêu cầu ly hôn của vợ hoặc chồng đối với người đang bị truy nã; đồng thời phân tích các quy định của pháp luật nhằm xác định các căn cứ mất tích, sau đó tuyên bố chết đối với người bị truy nã và giải quyết ly hôn cho vợ hoặc chồng của người bị truy nã.

**Từ khóa:** Quyền ly hôn, quy định pháp luật, truy nã

**2. Bàn về vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử/** Nguyễn Thị Thu Hằng// Khoa học pháp lý.- 2019 .- Số 2(123) .- Tr. 18 – 25,64.

**Nội dung:** Bài viết trình bày một số cơ sở lý luận của vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử, với các nội dung sau: Chứng minh sự cần thiết của việc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử; Làm rõ các yếu tố chi phối hoạt động bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử; Khái quát các khuynh hướng điều chỉnh của pháp luật đối với vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

**Từ khóa:** Thương mại điện tử, thông tin cá nhân của người tiêu dùng, quyền riêng tư

hành chính, Chứng từ thu, nộp tiền phạt

**3. Bàn về vấn đề vi phạm hành chính nhiều lần và thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính/** Nguyễn Hoàng Việt, Đào Thuỳ Linh// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 61 – 66.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số tiêu chí để có thể phân biệt vi phạm hành chính nhiều lần và thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, giúp cho việc áp dụng pháp luật của người có thẩm quyền thực thi công vụ bảo đảm tính chính xác, đúng đắn. Bên cạnh đó, tác giả bài viết cũng đưa ra quan điểm về việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp một đối tượng thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính nhiều lần, thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.

**4. Bảo vệ quyền đối với bất động sản liền kề ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Thị Hường// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 12 – 16.

**Nội dung:** Một trong những nguyên tắc luật định cho việc bảo vệ các quan hệ vật quyền nói chung và quyền đối với bất động sản liền kề nói riêng là: “Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái pháp luật quyền sở hữ, quyền khác đối với tài sản”. Bảo vệ quyền đối với bất động sản liền kề là những cách thức, biện pháp không trái với quy định của pháp luật do chủ thể mang quyền, Toà án cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác sử dụng nhằm ngăn chặn các nguy cơ xâm phạm đến quyền đối với bất động sản liền kề, qua đó, khôi phục các lợi ích vật chất, những tổn thất đã xảy ra cho chủ thể có quyền đối với bất động sản liền kề do các hành vi xâm phạm và các yếu tố khác gây ra. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích và đánh giá một số biện pháp cơ bản bảo vệ quyền đối với bất động sản liền kề cơ bản ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Quyền đối với bất động sản liền kề, Quyền địa dịch, Luật dân sự

**5. Bất cập trong vấn đề định giá đất và đề xuất những giải pháp**/ Bùi Thị Cẩm Ngọc// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 12 – 13.

**Nội dung:** Luật Đất đai 2013 có nhiều tiến bộ so với Luật Đất đai năm 2003 trong vấn đề giá đất, như đã tiếp cận và thể hiện đầy đủ vấn đề về tài chính đất đai theo cơ chế thị trường nhằm đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất, quyền lợi của Nhà nước, chủ đầu tư và bảo đảm ổn định xã hội… song, qua quá trình thi hành áp dụng thực tế, Luật đã xuất hiện một số bất cập.

**Từ khóa:** Bất cập, định giá đất, giải pháp

**6. Bồi thường chi phí luật sư trong tranh chấp về hành vi xâm phạm quyền tác giả/** Nguyễn Phương Thảo// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 35 – 49.

**Nội dung:** Bài viết phân tích vấn đề bồi thường chi phí luật sư trong các tranh chấp về hành vi xâm phạm quyền tác giả. Đây là quy định khá đặc trưng của pháp luật sở hữu trí tuệ so với quy định chung trong lĩnh vực tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quy định của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) vẫn có các bất cập liên quan đến việc xác định mức hợp lý của chi phí này, cũng như chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường phí luật sư.

**Từ khóa:** Quyền tác giả, chi phí luật sư, bồi thường thiệt hại, sở hữu trí tuệ, hành vi xâm phạm

**7. Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo luật định/** Nguyễn Thị Bích Ngọc// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 25 – 34.

**Nội dung:** Thiệt hại vật chất do hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam được bồi thường theo các nguyên tắc chung áp dụng cho bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó, điều 205 Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 có quy định về nguyên tắc xác định mức bồi thường theo luật định. Mục đích quy định nguyên tắc này hướng đến việc tạo thêm cơ hội khôi phục thiệt hại do chủ sở hữu cũng như sự mềm dẻo, linh hoạt do Tòa án trong việc ấn định mức bồi thường. Tuy nhiên, thực tế áp dụng bộc lộ những hạn chế nhất định của nguyên tắc này.

**Từ khóa:** Sở hữu công nghiệp, thiệt hại thực tế, thiệt hại và bồi thường

**8. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp truất hữu gián tiếp theo luật đầu tư quốc tế - Kinh nghiệm cho Việt Nam/** Phạm Thị Hiền// Khoa học pháp lý.- 2019 .- Số 2(123) .- Tr. 55 – 64.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào việc phân tích các vấn đề pháp lý về bồi thường thiệt hại trong biện pháp truất hữu gián tiếp trên ba khía cạnh: Làm rõ bản chất pháp lý của truất hữu gián tiế; Các nguyên tắc và yêu cầu pháp lý cần đáp ứng khi xác định khoản bồi thường thiệt hại và kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật đầu tư quốc tế, bồi thường thiệt hại, truất hữu, truất hữu gián tiếp

**9. Các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam và những vấn đề đặt ra/** Phùng Thị Yến// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 80 – 92.

**Nội dung:** Bài viết này, bên cạnh những phân tích về khái niệm, nội dung và vai trò của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, sẽ tập trung làm rõ các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam, bao gồm: sự cần thiết phải đưa nội dung trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vào hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; nội dung của các quy định trực tiếp và gián tiếp điều chỉnh trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cuối cùng, bài viết đưa ra một số lưu ý về việc thực thi quy định về trách nhiệm xã hội trong các hiệp định này.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Việt Nam

**10. Các tiêu chí xác định hành vi chào bán cổ phiếu ra công chúng theo pháp luật Việt Nam/** Trần Thị An Tuệ// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 93 – 104.

**Nội dung:** Nhà đầu tư không xác định, số lượng nhà đầu tư là những tiêu chí quan trọng bậc nhất để đánh giá một đợt chào bán cổ phiếu là riêng lẻ hay chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến hai tiêu chí này trong Luật chứng khoán Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại một số bất cập. Từ góc độ pháp lí, bài viết tập trung phân tích các tiêu chí xác định hành vi chào bán cổ phiếu ra công chúng, kiến nghị giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khóa:** Chào bán, cổ phiếu, công chúng, tiêu chí xác định, hành vi

**11. Các trường hợp từ chối tương trợ tư pháp theo pháp luật Nhật Bản và Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự Việt Nam/** Dương Đình Phong// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 80 – 84.

**Nội dung:** Bài viết đặt vấn đề nghiên cứu quy định pháp luật về các trường hợp từ chối tương trợ tư pháp hình sự trong pháp luật Nhật Bản và pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm Nhật Bản, bài viết đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong bối cảnh nghiên cứu xây dựng luật Tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhật Bản, tương trợ tư pháp về hình sự, từ chối tương trợ, Việt Nam

**12. Các yếu tố sinh học trong lí giải về nguyên nhân của tội phạm/** Nguyễn Khắc Hải// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 11 – 25.

**Nội dung:** Nghiên cứu này dựa trên một số nghiên cứu toàn cầu để phân tích, đánh giá về vai trò của các yếu tố sinh học trong việc lí giải về sự hình thành hành vi phạm tội của con người. Cùng với các yếu tố tâm lí và xã hội, sự bổ sung các yếu tố sinh học là sự khắc phục một mảnh thiếu hụt quan trọng để giải thích về nguyên nhân của tội phạm. Đây mới là những bước đi đặt nền tảng trong việc giải thích từ góc độ sinh học về hiện tượng phức tạp – tội phạm. Chính sự phát triển vượt bậc.

**Từ khóa:** Năng lượng sạch, nguyên tắc, pháp luật, phát triển

**13. Căn cứ pháp lý của hoạt động chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn trong bảo hiểm/** Bạch Thị Nhã Nam// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 17 – 24.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các cơ sở lập luận và học thuyết pháp lý về thế quyền yêu cầu nhằm giúp xác định lại bản chất pháp lý của hoạt động chuyển quyền đòi bồi hoàn trong bảo hiểm mang bản chất thế quyền yêu cầu.

**Từ khóa:** Thế quyền, bồi hoàn, kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm

**14. Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030: Phát triển toàn diện, hiệu quả hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam**/ Nguyễn Văn Bảy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 10(727) .- Tr.8-10.

**Nội dung**: Trình bày chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030: Phát triển toàn diện, hiệu quả hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam. Đây là lần đầu tiên Việt Nam ban hành một chiến lược mang tầm quốc gia về SHTT, đánh dấu bước phát triển mới trong lĩnh vực SHTT, khẳng định SHTT là công cụ quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

**Từ khóa**: Sở hữu trí tuệ, SHTT, đổi mới, sáng tạo

**15. Chính thức hoá hộ kinh doanh ở Việt Nam: Khía cạnh lý luận, thực tiễn và lập pháp/** Hoàng Xuân Nghĩa, Nguyễn Văn Hưởng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 10(386) .- Tr. 46 – 55.

**Nội dung:** Hộ kinh doanh là khái niệm riêng của Việt Nam, một khái niệm có tính lịch sử và quá độ. Khái niệm hộ kinh doanh hiện nay đang bộc lộ các bất cập và mâu thuẩn với yêu cầu xây dựng thể chế kinh tế thị trường hiện đại và môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch. Vì thế, chính thức hoá hộ kinh doanh có tính cấp bách và cần những giải pháp đồng bộ cả trên phương diện tư duy lý luận, lập pháp và hoạt động thực tiễn.

**Từ khóa:** Chính thức hoá hộ kinh doanh, hoàn thiện môi trường kinh doanh

**16. Chuyển nhượng cổ phần theo Luật doanh nghiệp năm 2014: Một số bất cập và kiến nghị/** Lê Nhật Bảo// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 10(386) .- Tr. 36 – 40.

**Nội dung:** Vấn đề chuyển nhượng cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 đang tồn tại một số bất cập. Tuy nhiên các bất cập này chưa được giải quyết thấu đáo trong Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan nhằm hoàn thiện pháp luật ở lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Luật Doanh nghiệp, cổ phần, chuyển nhượng cổ phần

**17. Cơ chế bảo hiến ở Việt Nam hiện nay/** Nguyễn Võ Linh Giang// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 33 – 48.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các vấn đề lí luận và thực tiễn quy định pháp luật về cơ chế bảo hiến ở Việt Nam theo hai tiêu chí là chủ thể và trình tự thủ tục; so sánh với pháp luật của một số quốc gai về vấn đề này; đề xuất hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay theo hướng: Ban hành văn bản luật điều chỉnh riêng về cơ chế bảo vệ Hiến pháp, trong đó xác định rõ vai trò giải thích Hiến pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội và quy định chủ thể duy nhất có thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp; thành lập Hội đồng bảo hiến theo mô hình của Cộng hòa Pháp.

**Từ khóa:** Bảo hiến, cơ chế, Việt Nam

**18. Công bằng và vai trò của việc bảo đảm nguyên tắc công bằng trong tố tụng hành chính ở Viêt Nam/** Nguyễn Thị Thuỷ// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 50 – 55.

**Nội dung:** Nhằm xây dựng cơ sở lý luận của nguyên tắc công bằng trong tố tụng hành chính, bài viết phân tích và chỉ rõ vai trò của bảo đảm công bằng trong tố tụng hành chính, từ đó khẳng định bảo đảm nguyên tắc công bằng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong giải quyết vụ án hành chính tại toà án nhân dân giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Công bằng, tố tụng hành chính, nguyên tắc công bằng

**19. Đặc trưng cơ bản của trọng tài thương mại ở Việt Nam/** Nguyễn Viết Tý// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 51 – 60.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm sáng tỏ những đặc trưng về tổ chức, về thủ tục tố tụng của trọng tài thương mại trong mối quan hệ so sánh với toà án nhân dân, qua đó góp phần xác định đúng đắn hơn bản chất của trọng tài thương mại, giúp các thương nhân có sự lựa chọn hình thức tài phán thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình, cũng như tạo cơ sở lí luận cho việc hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại.

**Từ khóa:** Đặc trưng cơ bản, trọng tài thương mại, Việt Nam

**20. Đánh giá việc đảm bảo quyền của người nộp thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam hiện hành và một số kiến nghị/** Nguyễn Thị Thanh Tú// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 25 – 32.

**Nội dung:** Pháp luật tại nhiều quốc gia, đặc biệt quốc gia phát triển, vấn đề bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế rất được quan tâm và đề cao. Tại Việt Nam, quyền lợi của người nộp thuế đã được ghi nhận, ngày càng hoàn thiện trong quá trình xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật thuế. Tuy nhiên, đảm bảo hiệu quả việc thực thi quyền của người nộp thuế trên thực tế vẫn còn nhiều tồn tại, điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục cải cách ngành thuế, hoàn thiện pháp luật và xây dựng mạng lưới hỗ trợ cho người nộp thuế.

**Từ khóa:** Quyền của người nộp thuế, thuế, pháp luật thuế

**21. Điều chỉnh quan hệ giữa lao động và thương mại quốc tế trong khuôn khổ EVFTA/** Trần Thị Thuỳ Dương// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 29 – 40.

**Nội dung:** Quan hệ giữa lao động và thương mại quốc tế được điều chỉnh như thế nào trong luật thương mại quốc tế? Để trả lời câu hỏi này, trước hết tác giả sẽ xem xét khuynh hướng điều chỉnh mối quan hệ trên trong luật thương mại quốc tế nói chung; sau đó nghiên cứu việc điều chỉnh mối quan hệ này qua ví dụ điển hình là Chương 13 dự thảo EVFTA.

**Từ khóa: EV**FTA, lao động, thương mại quốc tế, WTO, hiệp định thương mại khu vực, RTA, ILO

**22. Định hướng sửa đổi Luật Đất đai ghi nhận từ hội nghị giao ban của Bộ với các địa phương**/ Đăng Tuyên// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Tóm lượt nội dung chính về định hướng sửa đổi Luật Đất đai được đông đảo đại biểu quan tâm, nghiên cứu, góp ý kiến.

**Từ khóa:** Định hướng, sửa đổi, Luật Đất đai, hội nghị giao ban, địa phương

**23. Hạn chế quyền của chủ sở hữu sáng chế - Nghiên cứu so sánh pháp luật Việt Nam và Pháp/** Nguyễn Trọng Luận, Nguyễn Thị Ngọc Uyển// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 06 (127).- Tr. 37 – 47.

**Nội dung:** Phân tích những trường hợp hạn chế quyền của chủ sở hữu sáng chế theo quy định của luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành, đồng thời chỉ ra những bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện trên cơ sở nghiên cứu so sánh với pháp luật sở hữu trí tuệ của cộng hòa Pháp.

**Từ khóa:** Sở hữu trí tuệ, bằng độc quyền sáng chế, giới hạn quyền, Luật sở hữu trí tuệ Pháp

**24. Hiệu lực của hợp đồng theo công ước Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: “Khoảng xám” cho xu hướng quay về áp dụng pháp luật quốc gia/** Trần Thị Thuận Giang, Lê Tấn Phát// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 90 – 102.

**Nội dung:** Vấn đề hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế được quy định trong Công ước Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) thông qua tuyên bố minh thị tại Điều 4 CISG. Theo đó, Công ước không điều chỉnh vấn đề hiệu lực của hợp đồng, trừ trường hợp có quy định khác rõ ràng được nêu trong Công ước. Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng, có những vấn đề pháp lý không rõ có thuộc về vấn đề hiệu lực của hợp đồng. Vấn đề này sẽ được phân tích thông qua bài viết.

**Từ khóa:** Hiệu lực hợp đồng, CISG, xu hướng quay về áp dụng pháp luật quốc gia

**25. Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội theo luật hình sự Việt Nam và một số đề xuất, kiến nghị/** Lê Đăng Doanh, Lê Đăng Khoa// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 12 – 20.

**Nội dung:** Bài viết trình bày nội dung các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội và chỉ ra một số bất cập của các quy định này; đưa ra đề xuất, kiến nghị khi hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội như: Thời gian pháp nhân thương mại bị tạm đình chỉ hoạt động trong giai đoạn điều tra cần được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; khi áp dụng hình phạt chính là hình phạt đình chỉ họat động vĩnh viễn đối với pháp nhân thương mại trong một lĩnh vực nào đó cần hướng dẫn áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung bắt buộc kèm theo.

**Từ khóa:** Đề xuất, hình phạt, hướng dẫn áp dụng, kiến nghị, pháp nhân thương mại

**26. Hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ/** Phan Thị Thanh Hiếu// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 15 – 24.

**Nội dung:** Nhằm bảo đảm hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thì xử phạt hành chính được xem là một giải pháp hữu hiệu. Bài viết phân tích một số bất cập, hạn chế trong các quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với nhóm hành vi sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ, đồng thời đề xuất phương hướng hoàn thiện.

**Từ khóa:** Vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, đất dành cho đường bộ

**27. Hoạt động của Fintech ở Việt Nam hiện nay – Thực trạng pháp luật điều chỉnh và giải pháp pháp lí nhằm hoàn thiện pháp luật/** Nguyễn Hải Yến// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 72 – 81.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất một số kiến nghị như: Cần xem xét công ty Fintech là chủ thể kinh doanh đặc biệt để xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lí cho sự tồn tại và hoạt động của công ty Fintech; ban hành Luật thanh toán, các quy định chuẩn hóa đối với hoạt động thanh toán điện tử và ghi nhận chứng từ thanh toán điện tử, thiết lập cơ sở pháp lí cho hoạt động gọi vốn cộng đồng và hoạt động cho vay ngân hàng; ban hành các quy định về công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phòng, chống rửa tiền để đảm bảo an toàn cho hoạt động của các công ti Fintech nhằm hướng tới mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

**Từ khóa:** Cho vay ngang hàng, Fintech, gọi vốn cộng đồng, pháp luật, thanh toán điện tử

**28. Hợp tác quốc tế về đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam – Nhìn lại và hướng tới/** Lê Lan Chi// Nghề luật.- 2019 .- Số chuyên đề .- Tr. 40 – 44.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá các hình thức, quá trình và kết quả hợp tác quốc tế về đào tạo nghề luật sư ở Việt Nam trong 20 năm qua và xác định bối cảnh, định hướng hợp tác quốc tế về đào tạo luật sư trong thời gian tới để góp phần giúp cơ sở đào tạo và các cơ quan, tổ chức hữu quan có những dự liệu và chuẩn bị cho một giai đoạn mới về đào tạo loại hình nghề luật quan trọng này trước thềm thời điểm cột mốc năm 2020 đang tới rất gần.

**Từ khóa:** Hợp tác quốc tế, đào tạo nghề luật sư, nguồn lực, chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo, yếu tố nước ngoài.

**29. Khả năng thực thi các cam kết về lao động trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/** Ngô Hữu Phước, Nguyễn Thị Kim Cúc// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 50 – 63.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và pháp lý liên quan đến cam kết phi thương mại trong các hiệp định thương mại tự do thế mới được ký kết giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế liên minh chính phủ, trong đó có Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Đặc biệt, bài viết tập trung phân tích những điểm tương đồng và khác biệt của pháp luật lao động Việt Nam với các cam kết về lao động trong hai Hiệp định EVFTA và CPTPP nhằm đề xuất một số giải pháp thực thi có hiệu quả các cam kết về lao động trong các hiệp định này.

**Từ khóa:** Cam kết lao động, hiệp định tự do thế hệ mới, EVFTA, CPTPP

**30. Kiến nghị hoàn thiện các điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hoá nhập khẩu/** Kim Thị Hạnh// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 10(386) .- Tr. 17 – 27.

**Nội dung:** Các điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam quy định tại Điều 92 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 chưa thể hiện đầy đủ các cam kết Việt Nam đã ký kết với WTO và FTA Việt Nam – Nhật Bản, đó là quy định về đánh giá yếu tố “diễn tiến không lường trước được, một trong những yêu cầu cần đảm bảo khi xem xét các điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ. Đây là một vấn đề cần được nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật về tự vệ đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam

**Từ khóa:** Các điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ, Luật Quản lý ngoại thương, WTO

**31. Luận bàn một số bất cập trong quản lý đất đai**/ Bùi Nguyễn Thu Hà// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 16 (318) .- Tr. 18 - 19.

**Nội dung:** Để đất đai thực sự trở thành tài nguyên được khai thác hiệu quả theo đúng quy luật của thị trường thì nhất thiết cần phải giải quyết tận gốc nguyên nhân cốt lõi của nó bằng khuôn khổ hệ thống pháp luật đồng nhất về quyền sở hữu; được xác lập đầy đủ, được bảo vệ công khai, minh bạch bởi pháp luật, được giao dịch theo nguyên tắc thị trường.

**Từ khóa:** Bất cập, quản lý đất đai

**32. Một số điểm mới của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường**/ ThS. Lương Duy Hanh// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 16 – 20.

**Nội dung:** Trình bày các điều: 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2014/NĐ-CP.

**Từ khóa:** Nghị định, hướng dẫn thi hành, Luật Bảo vệ môi trường

**33. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa trong tố tụng hình sự/** Nguyễn Thanh Mai// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 56 – 62.

**Nội dung:** Một trong những giải pháp hàng đầu, quan trọng, mở đường cho các hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu của người bào chữa trên thực tiễn được coi trọng hơn, hoạt động hiệu quả hơn, cũng như thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động này( góp phần chứng minh làm sáng tỏ sự thật về vụ án một cách khách quan và toàn diện nhất, góp phần phòng tránh hiện tượng oan, sai), chính là vấn đề hoàn thiện các quy định của pháp luật về việc người bào chữa được thu thập chứng cứ, tài liệu, vật chứng, trong vụ án hình sự. Trong bài viết này, tác giải đề cập đến vấn đề cần hoàn thiện pháp luật về hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu, vật chứng trong vụ án hình sự.

**Từ khóa:** Người bào chữa, chứng cứ, tài liệu, vật chứng

**34. Một số quy định liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả - Bất cập và hướng hoàn thiện/** Cao Vũ Minh, Nguyễn Nhật Khanh// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 42 – 49.

**Nội dung:** Bài viết trình bày hai vấn đề: Tình hình xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả; Một số bất cập trong các quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả. Trên cơ sở phân tích một số bất cập trong các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả, bài viết đưa ra giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Hàng giả, buôn bán hàng giả, vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính

**35. Một số thách thức khi thực thi các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam từ việc chuyển hoá điều ước vào pháp luật trong nước/** Nguyễn Ngọc Hà// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 16 – 28.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích một số thách thức đối với Việt Nam khi chuyển hoá các hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung và các FTA thế hệ mới nói riêng vào nội luật. Các thách thức này liên quan đến nội dung của Điều 6 khoản 2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 – cơ sở pháp lý để chuyển hoá FTA vào nội luật và từ chính thực tiễn chuyển hoá FTA vào các quy định trong nước. Đây là những vấn đề mà Việt Nam cần quan tâm giải quyết để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các cam kết của mình trong FTA.

**Từ khóa:** FTA thế hệ mới, nội luật hoá, thách thức, Việt Nam

**36. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị xây dựng tiêu chí giám sát, đánh giá việc thực hiện luật từ thực tiễn thi hành luật hành tiết kiệm, chống lãng phí/** Đặng Đình Luyến, Bùi Đặng Dũng// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 10(386) .- Tr. 11 – 16.

**Nội dung:** Bài viết đề cập một số vấn đề: Khái quát các quy định của pháp luật về giám sát việc thực hiện luật; Khái quát thực trạng giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Một số kiến nghị xây dựng tiêu chí giám sát, đánh giá việc thực hiện luật.

**Từ khóa:** Giám sát, đánh giá việc thực hiện luật, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

**37. Một số vấn đề lý luận về hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Khi mục tiêu không phải là tự do hoá thương mại/** Vũ Kim Ngân, Phạm Hồng Sơn// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 3 – 15.

**Nội dung:** Bài viết trình bày những vấn đề lý luận chung về hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, từ quá trình hình thành và phát triển, những đặc trưng cơ bản cho đến xu hướng đàm phán, ký kết FTA trong tương lai. Bên cạnh việc phân tích những điểm “mới”của các FTA này so với FTA thế hệ trước, bài viết cũng chỉ ra rằng, trong bối cảnh các cuộc đàm phán tự do hoá thương mại đa biên đang lâm vào bế tắc như hiện nay, việc ký kết FTA thế hệ mới có thể được xem là giải pháp cho những mong muốn được hội nhập sâu và rộng hơn nữa vào nền kinh tế toàn cầu của các nước thành viên WTO.

**Từ khóa:** FTA thế hệ mới, hội nhập khu vực, WTO+, CPTPP, EVFTA

**38. Một số vấn đề pháp lý về bên bảo đảm nghĩa vụ là người thứ ba trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại/** Huỳnh Anh// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 50 – 58.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ các vấn đề xoay quanh bên bảo đảm nghĩa vụ là người thứ ba liên quan đến các biện pháp bảo đảm, đặc biệt là bảo lãnh, cầm cố, thế chấp. Những nội dung cụ thể gồm: Các trường hợp bảo đảm nghĩa vụ có bên bảo đảm là người thứ ba; thực trạng “rối rắm” về mối quan hệ giữa bảo lãnh, thế chấp và cầm cô gắn liền với tài sản bảo đảm, và những vấn đề cần quan tâm trong trường hợp bên bảo đảm nghĩa vụ là người thứ ba trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Bên bảo đảm nghĩa vụ, bảo đảm, nghĩa vụ, người thứ ba

**39. Nghĩa vụ hợp tác dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự và quyền tài phán phổ quát của quốc gia theo công ước chống tra tấn năm 1984/** Ngô Hữu Phước// Khoa học pháp lý.- 2019 .- Số 2(123) .- Tr. 45 – 54.

**Nội dung:** Bài viết làm sáng tỏ nghĩa vụ hợp tác dẫn độ, tương trợ tư pháp về hình sự và thực hiện quyền tài phán phổ quát của các quốc gia thành viên theo quy định của Công ước Chống tra tấn và hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục năm 1984 và bảo đảm thực thi các nghĩa vụ này theo pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ước chống tra tấn, dẫn độ, tương trợ tư pháp về hình sự, quyền tài phán phổ quát.

**40. Nghĩa vụ hợp tác dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự và quyền tài phán phổ quát của quốc gia theo công ước chống tra tấn năm 1984/** Ngô Hữu Phước// Khoa học pháp lý.- 2019 .- Số 2(123) .- Tr. 45 – 54.

**Nội dung:** Bài viết làm sáng tỏ nghĩa vụ hợp tác dẫn độ, tương trợ tư pháp về hình sự và thực hiện quyền tài phán phổ quát của các quốc gia thành viên theo quy định của Công ước Chống tra tấn và hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục năm 1984 và bảo đảm thực thi các nghĩa vụ này theo pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Công ước chống tra tấn, dẫn độ, tương trợ tư pháp về hình sự, quyền tài phán phổ quát.

**41. Nguyên tắc của pháp luật phát triển năng lượng sạch và gợi mở xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Bình// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 3 – 10.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật phát triển năng lượng sạch, bao gồm: Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, nguyên tắc người hưởng thụ phải trả tiền, nguyên tắc phát triển bền vững, nguyên tắc kích thích lợi ích kinh tế, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc sử dụng nguồn tài chính tập trung. Bài viết cũng đưa ra quan điểm xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam, gợi mở kết cấu, nội dung chính của văn bản luật này.

**Từ khóa:** Năng lượng sạch, nguyên tắc, pháp luật, phát triển

**42. Nhận diện điều ước quốc tế trên cơ sở “ Ý định xác lập quyền và nghĩa vụ” của các bên/** Đinh Dương Duy// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 12 – 28.

**Nội dung:** Bài viết phân tích “ý định xác lập quyền và nghĩa vụ” trong định nghĩa điều ước quốc tế của Công ước Viên năm 1969 về luật điều ước quốc tế và trong phán quyết của một số cơ quan tài phán quốc tế, nhấn mạnh vai trò của “ý định xác lập quyền và nghĩa vụ” trong việc nhận diện bản chất điều ước của các văn kiện quốc tế, đặc biệt là các văn kiện có tên gọi gây tranh cãi; chỉ ra những vướng mắc về mặt pháp lí trong các quy định hiện hành của Việt Nam; đề xuất phương án hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này, tránh trường hợp bị ràng buộc vào các cam kết ngoài ý muốn.

**Từ khóa:** Các bên, điều ước quốc tế, nhận diện, quyền và nghĩa vụ, ý định xác lập

**43. Nhận diện quan hệ pháp luật lao động trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)/** Đoàn Thị Phương Diệp// Khoa học pháp lý.- 2019 .- Số 2(123) .- Tr. 37 – 44.

**Nội dung:** Pháp luật lao động Việt Nam hiện hành không quy định bắt buộc xác lập hợp đồng lao động trong trường hợp cần thiết phải thuê mướn lao động mà tuỳ thuộc vào sự lựa chọn của các bên có thể giao kết hợp đồng lao động mà tuỳ thuộc vào sự lựa chọn của các bên có thể giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dân sự, thậm chí là hợp đồng hợp tác kinh doanh. Bài viết làm rõ những tác động của bối cảnh mới vào việc nhận diện quan hệ lao động cũng như đề xuất hướng giải quyết cho thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Quan hệ lao động, hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội

**44. Những điểm mới trong Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường**/ Đoàn Nguyên// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 53 – 54.

**Nội dung:** Ngày 1/7/2019, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) chính thức có hiệu lực thi hành. Nghị định được Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Ngày 13/5/2019 với nhiều điểm mới, đột phá trong công tác bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Nghị định, Luật Bảo vệ môi trường

**45. Những giá trị đặc sắc của pháp luật tố tụng dân sự phong kiến Việt Nam và bài học kinh nghiệm trong quá trình lập pháp/** Hà Thị Lan Phương// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 31 – 41.

**Nội dung:** Giá trị đặc sắc của pháp luật tố tụng dân sự phong kiến Việt Nam được thể hiện trong những định chế cơ bản như: Thẩm quyền và thủ tục tố tụng các loại vụ việc, các mẫu văn bản trong quá trình tố tụng, chứng cứ chứng minh, quyền nghĩa vụ trách nhiệm của các bên, quản lý hình ảnh và thi hành án, thể hiện trong các Lệ kiện về mua bán, cầm cố, vay nợ, thuê mướn, về ruộng đất, cưới gả, thừa kế và dân sự tạp tụng.

**Từ khóa:** Pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự, phong kiến Việt Nam

**46. Những thách thức của tiền kỹ thuật số đối với các cơ quan công quyền: Nhìn từ vụ việc cụ thể/** Nguyễn Thị Ánh Vân// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 61 – 75.

**Nội dung:** Sự xuất hiện của tiền kĩ thuật số đã làm nảy sinh nhiều loại quan hệ xã hội mà tới nay Việt Nam chưa có luật điều chỉnh, vì vậy, đã và đang trở thành những thách thức đối với một số cơ quan công quyền ở Việt Nam. Bài viết bàn về cách giải quyết một vụ việc cụ thể gắn với tiền kĩ thuật số của cơ quan thuế và toà án trên cơ sở nghiên cứu các quyết định của các cơ quan này trong mối quan hệ với các quy định pháp luật có liên quan, chỉ ra những vướng mắc và gợi mở cách khắc phục.

**Từ khóa:** Cơ quan công quyền, thách thức, tiền kĩ thuật số, vụ việc cụ thể

**47. Những vấn đề lí luận về quy trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ/** Nguyễn Văn Tuyến// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 86 – 96.

**Nội dung:** Bài viết có mục đích trao đổi, bàn luận nhằm làm rõ hơn một số vấn đề lí thuyết về quy trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ – với tư cách là một trong những nội dung cốt lõi của quản trị đại học hiện đại.

**Từ khóa:** Đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ, vấn đề lí luận, quy trình tuyển sinh

**48. Pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành/** Lê Thị Bích Thuỷ// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 81 – 92.

**Nội dung:** Bài viết phân tích quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về các nguyên tắc chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng thương mại quốc tế chủ yếu trên cơ sở so sánh quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 với các điều ước quốc tế bổ biến liên quan, từ đó đưa ra đánh giá và kiến nghị hoàn thiện pháp luật hiện hành về việc giới hạn quyền lựa chọn hệ thống pháp luật của các bên trong hợp đồng cũng như xác định hệ thống pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất một cách hợp lý.

**Từ khóa:** Chọn pháp luật áp dụng, hợp đồng, nguyên tắc, thương mại quốc tế

**49. Pháp luật cạnh tranh về sáng chế tiêu chuẩn cơ bản theo điều khoản công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử/** Trương Trọng Hiểu, Đặng Huỳnh Thiên Vy// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 26 – 38.

**Nội dung:** Từ thực tiễn vận dụng pháp luật của các nước, bài viết nêu rõ hiện trạng duy trì và lạm dụng sức mạnh thị trường của chủ sở hữu sáng chế và xem đó là lý do chính để ghi nhận sự tham gia của luật cạnh tranh trong tình huống pháp lí này; phân tích cách thức sử dụng luật cạnh tranh trong việc điều chỉnh quyền đối với bằng sáng chế têu chuẩn cơ bản theo điều khoản công bằng, hợp lí và không phân biệt đối xử; xem xét tình huống cụ thể liên quan đến các hành động cản trở sử dụng sáng chế một cách không lành mạnh hay mang tính độc quyền của người nắm giữ bằng sáng chế tiêu chuẩn cơ bản theo điều khoản vừa nêu trong vụ việc của Motorola Mobility Inc. Google như minh hoạ điển hình cho cách thức xử lí vấn đề này từ luật cạnh tranh.

**Từ khóa:** Cạnh tranh, không lành mạnh, luật cạnh tranh, luật sáng chế, tiêu chuẩn cơ bản

**50. Pháp luật hợp đồng Việt Nam: Nhìn ở góc độ so sánh với Luật cộng hoà Pháp/** Đoàn Thị Phương Diệp// Nghiên cứu lập pháp.- 2019 .- Số 10(386) .- Tr. 56 – 64.

**Nội dung:** Thời gian áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 trong thực tiễn là chưa đủ để có thể nhìn nhận và phân tích những ưu điểm cũng như những hạn chế trong các quy định. Do vậy, việc phân tích, so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật Pháp – một hệ thống pháp luật khá tiên tiến và nhiều tương đồng, để có cách hiểu cũng như cách giải thích phù hợp với thực tiễn, là một việc cần thiết, để từ đó chúng ta có cơ sở cho những đề xuất nhằm làm hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật hiện hành.

**Từ khóa:** Luật hợp đồng, hợp đồng vô hiệu

**51. Pháp luật về chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu: Những bất cập cần khắc phục**/ Hoàng Lan Phương// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 10(Tập 61) .- Tr.29-33.

**Nội dung**: Nêu một số bất cập cơ bản của pháp luật Việt Nam về li-xăng nhãn hiệu, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những bất cập này.

**Từ khóa**: Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu, li-xăng, nhãn hiệu

**52. Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt – Quy định của pháp luật, thực trạng và đề xuất, kiến nghị/** Nguyễn Thị Thanh Tú// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 55 – 60.

**Nội dung:** Một trong những nội dung được Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 “luật hoá” là nội dung về quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt. Thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục kịp thời được tháo gỡ, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Từ khóa:** Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm

**53. Quy định của CPTPP về thương mại điện tử và thách thức đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện tại/** Lê Trần Quốc Công// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 06 (127).- Tr. 60 – 70.

**Nội dung:** Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được xem là một trong những hiệp định thương mại thế hệ mới mà khi Việt Nam tham gia sẽ tạo thành một tiền đề quang trọng để thúc đẩy cải cách các thể chế theo cam kết và chuẩn mực chung của kinh tế thế giới. Nội dung của hiệp định này không còn gói gọn trong các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, dịch vụ hay sở hữu trí tuệ mà còn yêu cầu các quốc gia ký kết phải mở cửa một cách sâu rộng trong nhiều lĩnh vực khác.

**Từ khóa:** Thương mại điện tử, thực trạng áp dụng pháp luật, CPTPP

**54. Quy định về điều ước quốc tế trong năm bản Hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2013/** Ngô Hữu Phước// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 67 – 81.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, làm sáng tỏ các quy định liên quan đến điều ước quốc tế trong Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 của Cộng hòa Xã họi chủ nghĩa Việt Nam.

**Từ khóa:** Điều ước quốc tế, Hiến pháp Việt Nam.

**55. Quy định về dược phẩm trong Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam/** Phạm Thị Hiền// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 06 (127).- Tr. 95 – 106.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ các quy định của Hiệp định Thương mại tự do EU – Việt Nam về dược phẩm và các vấn đề đặt ra cho pháp luật Việt Nam trên các khía cạnh: Giảm thuế đối với dược phẩm, quyền kinh doanh dược phẩm của thương nhân khu vực EU tại Việt Nam; Các quy định về đăng ký dược phẩm và mua sắm Chính phủ về dược phẩm; Quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ dữ liệu trong lĩnh vực dược phẩm.

**Từ khóa:** Hiệp định EVFTA, dược phẩm, kinh doanh dược phẩm, đăng ký dược phẩm, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu

**56. Quy định về nhân quyền trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và hướng thực thi đối với Việt Nam/** Ngô Quốc Chiến, Đào Kim Anh// Khoa học pháp lý Việt nam.- 2019 .- Số 03 (124).- Tr. 64 – 79.

**Nội dung:** Bài viết so sánh các quy định về nhân quyền trong Hiệp định thương mại tự do Việt nam – EU (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương – Hai FTA thế hệ mới tiêu biểu mà Việt Nam đàm phán, lý giải sự khác nhau căn bản trong cách tiếp cận của Liên minh châu Âu EU và Hoa Kỳ. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá tầm quan trọng của các quy định về nhân quyền trong việc thiết lập “luật chơi” mới của thương mại toàn cầu, đồng thời nghiên cứu tác động của các quy định về nhân quyền trong các FTA thế hệ mới tới pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** FTA thế hệ mới, nhân quyền, CPTPP, EVFTA, Việt Nam

**57. “Quyền được chết” – Điều kiện và phương pháp tiến hành tại Việt Nam/** Nguyễn Vinh Hưng// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 55 – 67.

**Nội dung:** Hiện nay, vấn đề nên hay không nên quy định về “quyền được chết” đang được nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam quan tâm bởi đây là quyền hạn đặc biệt mà việc quy định nó sẽ tác động, ảnh hưởng lớn đối với xã hội. Ngoài ra, các điều kiện, phương án tiến hành tại Việt Nam sẽ như thế nào nếu như “quyền được chết”được Quốc hội cho phép thông qua. Bài viết nghiên cứu về điều kiện, phương pháp tiến hành “quyền đuwocj chết” tại một số quốc gia, từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp cho việc áp dụng “quyền được chết” tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Bệnh hiểm nghèo, chết nhẹ nhàng, quyền được chết, quyền nhân dân

**58. Quyền sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam/** Mai Thanh Hiếu// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 43 – 54.

**Nội dung:** Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về quyền sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm ngày càng hoàn thiện qua ba lần pháp điển hoá. Tuy nhiên, những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về quyền sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm vẫn còn những điểm chưa rõ ràng, không phù hợp với tính chất của phúc thẩm và các nguyên tắc tố tụng. Bài viết phân tích quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về các căn cứ, trường hợp và điều kiện sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm, liên hệ với một số vụ việc điển hình trong thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về vấn đề này.

**Từ khóa:** Cấp phúc thẩm, quyền sửa bản án, sơ thẩm, toà án, tố tụng hình sự

**59. Quyền tác giả đối với liên kết website**/ Võ Trung Hậu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 10(Tập 61) .- Tr.34-37.

**Nội dung**: Nghiên cứu về liên kết website trong mối liên hệ với các quyền độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả và kết luận về tính hợp pháp của các liên kết website. Bằng phương pháp phân tích, bài viết kết luận liên kết website có thể xâm phạm quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng và quyền phân phối tác phẩm đến công chúng.

**Từ khóa**: Chủ sở hữu quyền tác giả, liên kết website

**60. Quyền và nghĩa vụ sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình theo quy định của Luật đất đai năm 2013/** Nguyễn Phúc Thiện// Nghề luật.- 2019 .- Số 3 .- Tr. 8 – 13.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các quy định pháp luật đất đai hiện hành quy định về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, phát hiện ra các điểm còn bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện để kiến nghị, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2013.

**Từ khóa:** Quyền và nghĩa vụ sử dụng đất, Luật đất đai năm 2013, đất ở, cá nhân, hộ gia đình.

**61. So sánh một số quy định về hòa giải trong lĩnh vực tư pháp hình sự của cộng hòa liên bang Đức và Việt Nam/** Nguyễn Sơn Phước// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 59 – 66.

**Nội dung:** Bài viết phân tích và đánh giá một số quy định trong lĩnh vực tư pháp hình sự Cộng hòa Liên bang Đức về biện pháp hòa giải, cụ thể bao gồm: Khái niệm, đối tượng áp dụng, điều kiện áp dụng, thẩm quyền và thủ tục áp dụng. Trên cơ sở đó, tác giả so sánh quy định về hòa giải trong pháp luật Đức với biện pháp hòa giải tại cộng đồng của Việt Nam, đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện những quy định về biện pháp hòa giải tại cộng đồng.

**Từ khóa:** Hòa giải, hòa giải tại cộng đồng, tư pháp hình sự Đức, người dưới 18 tuổi phạm tội

**62. Tăng mức thuế đối với các loại thuế nội địa đánh vào hàng hoá nhập khẩu – Những vấn đề kinh tế và pháp lí/** Đinh Dương Duy// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 3 – 11,29.

**Nội dung:** Bài viết phân tích ảnh hưởng của việc tăng mức thuế đối với các loại thuế nội địa đnahs vào hàng hoá hàng hoá nhập khẩu trong một nền kinh tế nhỏ mở cửa; đánh giá tính phù hợp của biện pháp chính sách này với quy định của Tổ chức thương mại quốc tế, đưa ra kiến nghị cho các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam trong công tác ban hành và thực thi chính sách.

**Từ khóa:** Hàng hoá nhập khẩu, pháp lí, tăng mức thuế, thuế nội địa, vấn đề kinh tế.

**63. Tập trung nghiên cứu, sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước**/ Nguyễn Hằng// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 12 – 14.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả đạt được và tập trung cao độ vào việc nghiên cứu, sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường.

**Từ khóa:** Nghiên cứu, sửa đổi, Luật Bảo vệ môi trường, phát triển đất nước

**64. Tập trung nguồn lực xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai**/ Minh Quang// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 40 – 41.

**Nội dung:** Trong 6 tháng đầu năm 2019, Tổng cục Quản lý đất đai đã tập trung nguồn lực, hoafnt hành các nhiệm vụ được giao, trong đó, ưu tiên tập trung cho Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; các đề án, dự án Chính phủ giao. Nhiệm vụ trong tâm 6 tháng cuối năm, trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai (dự kiến tháng 12/2019) và hoàn thành đúng tiến độ Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

**Từ khóa:** Nguồn lực, xây dựng, Dự án, Luật Đất đai

**65. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo công ước viên năm 1980 – So sánh với pháp luật Việt Nam/** Phùng Bích Ngọc// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 49 – 60.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá một số quy định về việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong Công ước Viên năm 1980, chỉ ra sự phù hợp và không phù hợp trong các quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là các quy định trong Luật thương mại năm 2005 về địa điểm giao hàng, hàng hóa không phù hợp với hợp đồng, kiểm tra hàng hóa và bảo quản hàng hóa. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thương mại năm 2005 để tương thích với các quy định trong Công ước Viên năm 1980.

**Từ khóa:** Công ước Viên năm 1980, hàng hóa quốc tế, hợp đồng mua bán, pháp luật Việt Nam.

**66. Thực hiện quy định của Hiến pháp về quyền con người trong tố tụng hình sự ở Việt Nam/** Nguyễn Văn Đổng// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 21 – 32.

**Nội dung:** Quyền con người trong tố tụng hình sự là vấn đề quan trọng trong lĩnh vực quyền con người. Đây là vấn đề mà quốc tế cũng như từng quốc gia, trong đó có Việt Nam, luôn quan tâm ghi nhận trong luật và bảo đảm thi hành trong thực tiễn đời sống xã hội. Bài viết phân tích quy định về quyền con người, việc bảo vệ quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khái quát thực tiễn áp dụng pháp luật về quyền con người của các cơ quan tư pháp, trung tâm là hệ thống tòa án, chỉ ra những hạn chế của việc đảm bảo quyền con người trong tố tụng hình sự; đưa ra một số yêu cầu, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật và tăng cường bảo vệ quyền con người trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hiến pháp, quyền con người, quy định, tố tụng hình sự

**67. Tiêu chí xác định một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công mà ngành tư pháp đang thực hiện có thể chuyển giao/** Võ Đình Toàn, Trần Thu Trang// Nghề luật.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 67 – 73,79.

**Nội dung:** Bài viết trình bày nhận diện về nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công, thực trạng về xã hội hoá, thực tiễn thực hiện xã hội hoá nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trong ngành tư pháp từ đó đưa ra các kiến nghị xây dựng tiêu chí chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ, ngành Tư pháp không nhất thiết phải thực hiện.

**Từ khóa:** Dịch vụ hành chính công, nhiệm vụ hành chính công, tiêu chí chuyển giao, xã hội hoá dịch vụ hành chính công

**68. Trách nhiệm hiến pháp trong bối cảnh cải cách pháp luật và nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay/** Mai Văn Thắng// Luật học.- 2019 .- Số 5 .- Tr. 68 – 80.

**Nội dung:** Bài viết luận giải sự cần thiết thừa nhận trách nhiệm hiến pháp như là một loại trách nhiệm pháp lí ở Việt Nam hiện nay. Trách nhiệm hiến pháp, một mặt góp phần khoả lấp những khoảng trống, bất cập của lí luận pháp luật, làm tường minh ranh giới giữa trách nhiệm pháp lí, và trách nhiệm chính trị, giải quyết nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn, mặt khác, góp phần quan trọng hoàn thiện mô hình, phương thức tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam theo định hướng pháp quyền, dân chủ, thúc đẩy phân quyền và đặc biệt hỗ trợ đắc lực trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cải cách pháp luật, kiểm soát quyền lực, trách nhiệm hiến pháp

**69. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật quốc tế/** Nguyễn Thị Thuận// Luật học.- 2019 .- Số 06 .- Tr. 61 – 71.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá quy định trong một số điều ước quốc tế phổ cập liên quan đến trách nhiệm của pháp nhân nói chung và trách nhiệm hình sự của pháp nhân nói riêng; từ đó đưa ra những kết luận khoa học và khẳng định: Trên cơ sở chủ quyền và bằng pháp luật của mình, quốc gia toàn quyền định đoạt trách nhiệm pháp lí của pháp nhân là trách nhiệm hình sự, dân sự hay hành chính.

**Từ khóa:** Luật hình sự, pháp nhân, quốc tế, trách nhiệm hình sự

**70. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng tại toà án/** Nguyễn Trí Tuệ// Luật học.- 2019 .- Số 4 .- Tr. 39 – 50.

**Nội dung:** Bài viết phân tích xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin của toà án các nước trên thế giới và Việt Nam; đánh giá mức độ đáp ứng của pháp luật Việt Nam hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin tại toà án; đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu lực và hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tố tụng tại toà án Việt Nam: Ưu tiên hình thức gửi trực tuyến đơn khởi kiện; khai thác phương tiện điện tử như một công cụ chính trong việc gửi tài liệu cho đương sự; cho phép xét xử trực tuyến, công nhận ghi âm, ghi hình là một hình thức biên bản.

**Từ khóa:** Công nghệ thông tin, hoạt động tố tụng, nâng cao hiệu quả, toà án, ứng dụng

**71. Vấn đề quy trách nhiệm cho Quốc gia tiếp nhận đầu tư trong pháp luật đầu tư quốc tế/** Trần Thăng Long// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 103 – 116.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cơ sở của việc quy trách nhiệm cho quốc gia tiếp nhận đầu tư trong pháp luật đầu tư quốc tế. Theo luật quốc tế, việc quy trách nhiệm cho quốc gia tiếp nhận đầu tư không chỉ căn cứ vào những hành vi vi phạm của cơ quan nhà nước ở trung ương mà còn là hành vi của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở địa phương; không chỉ là hành vi vi phạm của cơ quan nhà nước mà còn là hành vi vi phạm của các viên chức cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chức trách của mình đối với nhà đầu tư nước ngoài.

**Từ khóa:** Trách nhiệm pháp lý quốc tế, quy trách nhiệm cho nhà nước, quốc gia tiếp nhận đầu tư, pháp luật đầu tư quốc tế.

**72. Vấn đề quy trách nhiệm cho Quốc gia tiếp nhận đầu tư trong pháp luật đầu tư quốc tế/** Trần Thăng Long// Khoa học pháp lý Việt Nam.- 2019 .- Số 05 (126).- Tr. 103 – 116.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cơ sở của việc quy trách nhiệm cho quốc gia tiếp nhận đầu tư trong pháp luật đầu tư quốc tế. Theo luật quốc tế, việc quy trách nhiệm cho quốc gia tiếp nhận đầu tư không chỉ căn cứ vào những hành vi vi phạm của cơ quan nhà nước ở trung ương mà còn là hành vi của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư ở địa phương; không chỉ là hành vi vi phạm của cơ quan nhà nước mà còn là hành vi vi phạm của các viên chức cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chức trách của mình đối với nhà đầu tư nước ngoài.

**Từ khóa:** Trách nhiệm pháp lý quốc tế, quy trách nhiệm cho nhà nước, quốc gia tiếp nhận đầu tư, pháp luật đầu tư quốc tế.

**MÔI TRƯỜNG**

**1. Áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường nước**/ Nguyễn Hương // Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 17 (319) .- Tr. 41 - 42.

**Nội dung:** Trình bày về chính sách về thuế có liên quan đến môi trường nước và Xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

**Từ khóa:** Công cụ kinh tế, môi trường nước

**2. Bảo vệ nước dưới đất ở các đô thị lớn**/ Hồng Nhung// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 35 - 36.

**Nội dung:** Đề án “Bảo vệ nước dưới đất ở các đô hị lớn – Giai đoạn I” sau nhiều năm thi công đã được hoàn thành vào cuối năm 2018. Kết quả của Đề án đã đánh giá đầy đủ nhất về hiện trạng tài nguyên nước dưới đất ở các đô thị lớn, đồng thời, đề xuất được các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ, phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu tình trạng cạn kiệt, ô nhiễm mặn nước dưới đất cho các đô thị lớn. Đây sẽ là sản phẩm phục vụ hữu ích cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Bảo vệ, nước dưới đất, đô thị lớn

**3. Cam kết và nghĩa vụ về môi trường của Việt Nam trong Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA)**/ Hoàng Xuân Huy// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 35 – 37.

**Nội dung:** Trình bày các cam kết, nghĩa vụ và thỏa thuận liên quan đến môi trường của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), một số thách thức khi EVFTA có hiệu lực và một số giải pháp.

**Từ khóa:** Cam kết, nghĩa vụ, môi trường, Việt Nam, Hiệp định Thương mại tự do, EVFTA

**4. Cứng hóa bùn – Giải pháp hiệu quả để xử lý nền đất yếu**/ Ngô Anh Quân, Nguyễn Quốc Dũng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.38-40.

**Nội dung**: Phân tích giải pháp cứng hóa bùn là nhằm cải thiện tính chất vật lý của bùn (cường độ nén, giới hạn chảy, giới hạn dẻo, độ nhớt, khả năng chống thấm). Công nghệ này được áp dụng rộng rãi trong xử lý bùn ở vùng đất yếu, hay xử lý bùn đất ô nhiễm bằng cách trộn các vật liệu kết dính hoạt hóa vào môi trường bùn (các chất ô nhiễm được cố định trong hỗn hợp rắn sẽ không thể gây hại đối với con người, vật nuôi hay cây cối.

**Từ khóa**: Cứng hóa bùn, xử lý nền đất yếu, công nghệ, xử lý bùn

**5. Đà Nẵng: Nhìn lại 10 năm triển khai thực hiện Đề án Thành phố môi trường**/ Xuân Ngọ// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 32 – 33.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế và xây dựng thành phố môi trường giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Từ khóa:** Đà Nẵng, 10 năm, Đề án, Thành phố môi trường

**6. Đánh giá nguồn lực đất đai phục vụ mục tiêu phát triển đất nước**/ Ngọc Yến// Tài nguyễn & Môi trường .- 2019 .- Số 14 (316) .- Tr. 5 – 6.

**Nội dung:** Trình bày nội dung cơ bản trong kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đánh giá tổng thể, toàn diện về đất đai.

**Từ khóa:** Nguồn lực, đất đai, mục tiêu, phát triển, đất nước

**7. Đánh giá việc thực hiện quy chế phối hợp công tác giữa các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Tài nguyên và Môi trường**/ Kiều Đăng// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 3 - 4.

**Nội dung:** Ngày 8/8/2018, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường đã ban hành Quyết định số 2499/QĐ-BTNMT quy định về phối hợp công tác giữa các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Tài nguyên & Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Tài nguyên & Môi trường. Sau một năm thực hiện cho thấy, kết quả bước đầu có những chuyển biến rõ nét.

**Từ khóa:** Quy chế, phối hợp công tác, Tài nguyên và Môi trường

**8. Đẩy mạnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công tác bảo vệ môi trường**/ ThS. Nguyễn Xuân Thủy// Môi trường .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 33 - 35.

**Nội dung:** Nội dung trọng tâm về ứng dụng cách mạng công nghiệp 4.0 trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường thời gian tới của Tổng cục Môi trường là: Ứng dụng công nghệ 4.0 để giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường; Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu về môi trường phục vụ công tác quản lý; tiếp tục chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống Chính phủ điện tử, tiếng tới thực hiện giải quyết công việc không giấy; Thúc đẩy phát triển, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong các dự án đầu tư mới, trong các dự án xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; Phát triển các công nghệ ít phát thải, các sản phẩm thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, bảo vệ môi trường

**9. Đề xuất giải pháp cải tạo đập dâng thành hồ chứa cho khu vực Tây Nguyên**/ Nguyễn Vũ Việt, Trần Thị Nhung// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.38-41.

**Nội dung**: Trữ nước bằng hồ chứa là giải pháp tương đối hữu hiện để cung cấp nguồn nước cho nông nghiệp, sinh hoạt vào mùa khô ở khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, hiện nay những vị trí có thể xây dựng được hồ chứa với suất đầu tư thấp ở khu vực này không còn nhiều. Để giải quyết nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt, có một giải pháp khả thi là nâng cấp những công trình đập dâng có vị trí thuận lợi thành hồ chứa. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu giải pháp tăng khả năng trữ nước cho Tây Nguyên bằng việc cải tạo một số đập dâng hiện có thành hồ chứa.

**Từ khóa**: Đập dâng, hồ chứa, tài nguyên nước mặt, Tây Nguyên

**10. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng chỉ số đánh giá chỉ số sáng tạo, đổi mới**/ Quang Minh// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 8.

**Nội dung:** Tại Nghị quyết số 19/2017/NĐ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên & Môi trường chủ trì báo cáo thực hiện 2 nội dung trong nhóm nhiệm vụ về bền vững sinh thái, đó là GDP/ Đơn vị năng lượng sử dụng và Kết quả về bảo vệ môi trường nằm trong chỉ số đổi mới sáng tạo.

**Từ khóa:** Giải pháp, nâng cao chất lượng, chỉ số đánh giá, sáng tạo, đổi mới

**11. Đề xuất một số giải pháp quản lý hiệu quả chất thải rắn sinh hoạt**/ Trần Thị Ngọc Linh// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 21 – 23.

**Nội dung:** Trình bày tình trạng phát sinh gia tăng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH); Một số tồn tại, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về CTRSH và Đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả.

**Từ khóa:** Giải pháp, quản lý hiệu quả, chất thải rắn sinh hoạt

**12. Độc đáo mô hình “Bóng ăn rác” tại bãi biển Đà Nẵng**/ Đỗ Thị Thúy Hiền, Hồng Gấm// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 49 – 50.

**Nội dung:** Với mục đích kêu gọi cộng đồng chung tay bảo vệ môi trường biển, Ban quản lý bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng cùng nhóm tình nguyện viên đã thực hiện Dự án “Bống ăn rác” tại bãi biển T18 (phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng) giữa ngã ba Nguyễn Văn Thoại – Võ Nguyên Giáp để bắt đầu thực hiện sứ mệnh “ăn” rác thải nhựa.

**Từ khóa:** Mô hình, Bóng ăn rác, bãi biển, Đà Nẵng

**13. Đưa sáng chế số 7430 vào phục vụ thực tiễn sản xuất và đời sống**/ Hoàng Quốc Tuấn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 11(728) .- Tr.57-59.

**Nội dung**: Phân tích sáng chế 7430 đưa vào phục vụ thực tiễn sản xuất và đời sống. Dự án là tiền đề quan trọng góp phần xóa bỏ các tụ điểm ô nhiễm môi trường cấp bách hiện nay trên cả nước liên quan đến các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

**Từ khóa**: Sáng chế số 7430, ô nhiễm môi trường, rác thải, công nghệ sinh học

**14. Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Bắc Trung bộ giai đoạn 2016 - 2030**/ Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Văn Vinh, Mai Văn Thông, Nguyễn Thị Hằng// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 21 - 22.

**Nội dung:** Biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, đời sống của người dân sáu tỉnh Bắc Trung bộ. Biến đổi khí hậu có xu thế tăng nhiệt độ và tăng lượng mưa trong giai đoạn 2016 – 2030 ở khu vực Bắc Trung bộ, trái ngược với hiện trạng giảm lượng mưa ở giai đoạn hiện tại. Việc tăng lượng mưa và tăng nhiệt độ làm cho khu vực Bắc Trung bộ bị tác động nhiều đến sinh kế người dân, làm gia tăng tỷ lệ hộ nghèo. Bên cạnh đó biến đổi khí hậu làm suy giảm tài nguyên đất, đa dạng sinh học.

**Từ khóa:** Dự báo tác động, biến đổi khí hậu, Bắc Trung bộ

**15. Dự đoán cơ chế lặp của họ gen mã hóa protein vận chuyển đường sucrose ở loài đậu gà (*Cicer arietinum*)**/ Chu Đức Hà, Chu Thị Bích Thủy, Phạm Thị Lý Thu, Phạm Phương Thu, La Việt Hồng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 9 .- Tr.60-64.

**Nội dung**: Ở thực vật, SWEET (sugars will eventually be exported transporter) là họ protein vận chuyển đường sucrose đóng vai trò quan trọng, tham gia vào nhiều quá trình sinh học thiết yếu trong tế bào. Trong nghiên cứu này, hiện tượng lặp lại của họ gen mã hóa SWEET ở cây đậu gà (*Cicer arietinum*) đã được phân tích thông qua các công cụ tin sinh học. Kết quả của nghiên cứu đã cung cấp những dẫn liệu quan trọng về sự nhân rộng của họ gen CaSWEET, từ đó có thể đưa ra các giả thuyết về vai trò của các gen lặp đối với loài đậu gà.

**Từ khóa**: Đậu gà, lặp gen, SWEET, tin sinh học

**16. Giải pháp công nghệ xây dựng bản đồ giá đất**/ TS. Trần Thanh Hùng// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 16 (318) .- Tr. 36 - 40.

**Nội dung:** Trình bày nội dung sau: 1. Một số vấn đề về ứng dụng toán học và công nghệ trong bản đồ giá đất; 2. Các giải pháp xây dựng bản đồ giá đất tỉnh Tiền Giang và Kết luận.

**Từ khóa:** Giải pháp công nghệ, xây dựng, bản đồ giá đất

**17. Giải pháp phát triển du lịch, hạn chế tác động đến hệ sinh thái Vườn quốc gia Ba Bể**/ Ngân Ngọc Vỹ// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 56 – 57.

**Nội dung:** Trước thực trạng bồi lắng phù sa từ lưu vực của sông Năng và 3 con suối Pác Ngòi, Nam Cường, Tả Han, tình trạng chặt phá rừng, xâm lấn, sử dụng đất và xây dựng bất hợp pháp lhu vực ven hồ Ba Bể, các hoạt động phát triển du lịch đang đe dọa tới hệ sinh thái phong phú, đa dạng và vô cùng quy giá của Vườn quốc gia Ba Bể. Trước thực trạng đó, cần có sự vào cuộc của các cơ quan chức năng và cộng đồng cư dân trong vùng, cùng với những giải pháp khắc phục để hệ sinh thái hồ thủy sinh của hồ Ba Bể không bị ảnh hưởng.

**Từ khóa:** Giải pháp, phát triển du lịch, hạn chế, hệ sinh thái, Vườn quốc gia Ba Bể

**18. Hành trình phân loại rác tại nguồn vì một Việt Nam xanh**/ Châu Loan// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 42 – 43.

**Nội dung:** Phóng viên Tạp chí Môi trường dã có cuộc trao đổi với bà Trần Thị Thoa – Giám độc Công ty mGreen về hành trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vì một Việt Nam xanh.

**Từ khóa:** Phân loại rác, Việt Nam xanh

**19. Khảo sát điều kiện tách chiết sophorolipid từ dịch lên men *Candida bombicola* và thử nghiệm hoạt tính sinh học**/ Lê Phước Thọ, Trần Tấn Phát, Dương Thị Thanh Thảo, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Hoàng Dũng, Đinh Minh Hiệp, Nguyễn Bạch Huệ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.70-75.

**Nội dung**: Sophorolipid (SL) là chất hoạt động bề mặt sinh học tiềm năng với khả năng phân giải sinh học cao, độc tính thấp và thân thiện với môi trường, được sản xuất bởi quá trình lên men từ loài nấm men an toàn *Candida bombicola*. Để tách chiết SL từ dịch lên men có hiệu suất và hoạt tính sinh học cao, quy trình tách chiết phù hợp đã được tiến hành khảo sát. Kết quả cho thấy, điều kiện phù hợp để tách chiết SL từ dịch lên men *Candida bombicola* là sử dụng hệ dung môi ethyl acetate:dịch lên men 1:1 (v:v); petroleum ether:methanol:dịch lên men 1:1:1 (v:v:v) đạt hiệu suất tách chiết SL từ 90% trở lên và khả năng loại béo đạt 97% trở lên khi tổng hàm lượng SL và dầu đậu nành có trong dịch lên men không vượt quá 20%. Hiệu suất thu hồi các dung môi ethyl acetate (EtAc), methanol (MeOH), petroleum ether (PE) trong quá trình tách chiết SL từ dịch lên men có tổng hàm lượng SL và dầu đậu nành từ 2-20% lần lượt là từ 91-92%, 78-83%, 32-43%. SL có nồng độ 100 mg/ml có khả năng kháng khuẩn tốt nhất đối với *Bacillus spuzizenii* (13,67+-0,58 mm). Khả năng chống oxy hóa của SL đạt giá trị IC50 là 6,024 mg/ml. Các kết quả trên cho thấy tiềm năng cao của SL cho các ứng dụng trong lĩnh vực mỹ phẩm, chất tẩy rửa và các ứng dụng thương mại khác liên quan đến chất hoạt động bề mặt.

**Từ khóa**: *Candida bombicola*, chống oxy hóa, dung môi, kháng khuẩn, sophorolipid, tách chiết

**20. Kiểm soát hiệu quả ô nhiễm môi trường biển ở Việt Nam**/ Phạm Thị Gấm// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 14 (316) .- Tr. 14 – 16.

**Nội dung:** Trình bày về hạn chế, bất cập trong kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; Một số đề xuất để kiểm soát hiệu quả; Xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; Thực thi hiệu quả các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và Công tác quan trắc, giám sát xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường biển.

**Từ khóa:** Kiểm soát, ô nhiễm môi trường biển, Việt Nam

**21. Kinh nghiệm phát triển khu công nghiệp sinh thái ở Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam**/ Huỳnh Phúc Nguyên Thịnh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 7 (80) .- Tr. 53 – 62.

**Nội dung:** Giới thiệu kinh nghiệm phát triển khu công nghiệp sinh thái ở Hàn Quốc từ đầu thập niên 2000 tới nay, từ đó cung cấp cho Việt Nam những bài học hữu ích.

**Từ khóa:** Khu công nghiệp sinh thái, kinh nghiệm phát triển, Hàn Quốc, Việt Nam

**22. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp công nghệ cao vùng đồng bằng Sông Mê Nam (Thái Lan) - hàm ý cho vùng đồng bằng Sông Hồng (Việt Nam)**/ Nguyễn Trọng Xuân, Lê Xuân Diệu// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 7 (80) .- Tr. 46 – 52.

**Nội dung:** Khai thác những điểm nhấn thành công của nước bạn, từ đó vận dụng vào vùng Đồng bằng Sông Hồng của nước ta.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm, nông nghiệp, công nghệ cao, sông Mê Nam, Sông Hồng

**23. Kinh nghiệm quản lý bền vững đất ngập nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam**/ NCS. Ngân Ngọc Vỹ// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 53 - 54.

**Nội dung:** Đất ngập nước có mặt khắp mọi nơi trên thế giới, từ vùng ẩm ướt nhiệt đới đến các vùng ôn đới và chiếm diện tích khoảng 6% bề mặt của Trái Đất, tương đương khoảng 8,6 triệu km2. Với khoảng 70% dân số thế giới sinh sống ở các vùng cửa sông ven biển và xung quanh các thủy vực nội địa, đất ngập nước có vai trò quan trọng đối với đời sống của các cộng đồng dân cư.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm, quản lý bền vững, đất ngập nước, thế giới, Việt Nam

**24. Kinh nghiệm quản lý và xử lý rác thải trên thế giới**/ Hồng Tươi// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 14 (316) .- Tr. 55 – 56.

**Nội dung:** Đối mặt với cảnh báo về cuộc khủng hoảng rác thải toàn cầu đang ngày càng nghiêm trọng. Rác có thể gây ra những gánh nặng khổng lồ về môi trường cũng như tài chính cho Chính phủ các nước. Các quốc gia lớn trên thế giới đã có những biện pháp quản lý và xử lý rác thải phù hợp với điều kiện riêng.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm, quản lý, xử lý rác thải, thế giới

**25. Lasuco: Ứng dụng KH&CN vào phát triển nông nghiệp công nghệ cao**/ Lê Huy Khiêm// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.31-32.

**Nội dung**: Trình bày việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (Lasuco) nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ý thức được vấn đề này, Lasuco luôn quan tâm đầu tư cho KH&CN, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực, giúp đẩy nhanh ứng dụng CNC, tạo ra nhiều giống cây trồng mới, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động.

**Từ khóa**: KH&CN, công nghệ cao, phát triển nông nghiệp

**26. Một nghiên cứu về chế độ trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu: Sự khác biệt giữa OPA và CLC**/ Phạm Văn Tân// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 10(Tập 61) .- Tr.38-43.

**Nội dung**: Phân tích những điểm khác nhau giữa CLC và OPA, giúp độc giả hiểu rõ hơn về hai chế độ pháp lý này.

Từ khóa: Bồi thường thiệt hại ô nhiễm dầu, CLC, OPA, ô nhiễm dầu

**27. Nghiên cứu công nghệ ủ hiếu khí để xử lý bùn thải sinh học phát sinh từ các hệ thống xử lý nước thải**/ PGS. TS. Tôn Thất Lãng// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 26 - 27.

**Nội dung:** Trình bày các nội dung về Phương pháp nghiên cứu, Kết quả đánh giá các công nghệ ủ bùn; Đề xuất dây chuyền công nghệ xử lý bùn thải sinh học; Đề xuất dây chuyền công nghệ ủ compost; Đánh giá hiệu quả công nghệ và Kết luận – Kiến nghị.

**Từ khóa:** Nghiên cứu, công nghệ ủ hiếu khí, xử lý, bùn thải sinh học, hệ thống, xử lý nước thải

**28. Nghiên cứu điều chế vật liệu bentonite lai vô cơ/hữu cơ và ứng dụng xử lý phenol đỏ, Mn(II) trong nước**/ Bùi Văn Thắng, Trần Việt Dũng, Trần Thị Xuân Mai// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.11-16.

**Nội dung**: Trong bài báo này, nhóm tác giả đã nghiên cứu phát triển vật liệu hấp thụ mới trên nền bentonite có khả năng loại bỏ đồng thời các chất hữu cơ và cation kim loại trong nước. Bentonite lai vô cơ/hữu cơ được điều chế bằng cách trao đổi cation vô cơ hydrate lớp xen giữa của sét bentonite bằng tác nhân cetyltrimethylamnonium bromide (CTAB) và polyoxocation nhôm. Cấu trúc và đặc trưng tính chất của vật liệu bentonite và bentonite biến tính được xác định bằng phổ XRD, FTIR, BET, TG-DTG. Kết quả cho thấy, CTAB và polyoxocation nhôm đã chèn với lớp giữa của bentonite. Kết quả đánh giá khả năng xử lý của vật liệu CTAB/Al- Bentonite bước đầu cho thấy chúng có khả năng xử lý đồng thời phenol đỏ và Mn(II) trong nước.

Từ khóa: Bentonite, CTAB/Al- Bentonite, phenol đỏ

**29. Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải nhà máy mía đường của cây Mái dầm (Cryptocoryne ciliata Wydler)**/ Lê Mỹ Hạnh, Nguyễn Thanh Bình, Trương Hoàng Đan// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.59-65.

**Nội dung**: Nước thải nhà máy đường trên địa bàn tỉnh Hậu Giang với thành phần chủ yếu là các chất ô nhiễm hữu cơ, khi thải ra sẽ làm ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuy nhiên, với thành phần các chất ô nhiễm như trên có thể xử lý bằng phương pháp sinh học (bãi lọc ngập nước). Khảo sát sự phân bố của thực vật thủy sinh khu vực gần các nhà máy đường cho thấy cây Mái dầm xuất hiện khá nhiều, khả năng sinh trưởng và phát triển tốt. Tiến hành thí nghiệm 2 nhân tố khảo sát khả năng xử lý nước thải nhà máy đường của cây Mái dầm ở các mức nồng độ 100% nước thải, 50% nước thải và 25% nước thải, lấy mẫu nước trong các thùng thí nghiệm phân tích ở các ngày thứ 1, 3, 5 và 10 cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm giảm dần theo thời gian, ở nghiệm thức có cây Mái dầm, nồng độ các chất ô nhiễm giảm nhiều hơn so với nghiệm thức không có cây Mái dầm với các chỉ tiêu phân tích gồm Ph, TSS, COD, T-N, T-P. Do đó, cây Mái dầm có thể xử lý được nước thải từ nhà máy đường. Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt dưới ngưỡng cho phép xả thải vào nguồn nước sử dụng cho cấp nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN40:2011 BTNMT (cột A2). Tuy nhiên, chỉ tiêu TSS và COD đấn ngày thứ 10 vẫn còn khá cao so với quy chuẩn. Do vậy, cần nghiên cứu thêm về thời gian xử lý để các chỉ tiêu đều đạt khi xả thải.

**Từ khóa**: Cây Mái dầm, Hậu Giang, nhà máy đường, xử lý nước thải

**30. Nghiên cứu mới về siêu dẫn gần nhiệt độ phòng**/ Nguyễn Tuấn Hưng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.56-57.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu mới về siêu dẫn gần nhiệt độ phòng. Dữ liệu thực nghiệm mới được công bố trên Tạp chí Nature cho thấy, khi bị nén tại một áp suất lớn hơn một triệu lần áp suất khí quyển của Trái đất, lanthanum hydride sẽ xuất hiện tính chất siêu dẫn ở nhiệt độ 250 K (kelvin) – nhiệt độ cao nhất của chất siêu dẫn từng được biết đến.

**Từ khóa**: Siêu dẫn, nhiệt độ phòng

**31. Nghiên cứu ứng dụng mô hình WEAP tính toán cân bằng nước sông Cần Thơ đến năm 2020 và 2050**/ Võ Thị Ngọc Giàu, Nguyễn Hiếu Trung, Phan Thị Bích Tuyền, Trần Hậu Vương, Lê Thị Phụng// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 14 (316) .- Tr. 28– 30.

**Nội dung:** Nước được xem là nguồn tài nguyên quan trọng đối với Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và TP. Cần Thơ nói riêng trong bối cảnh chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thay đổi lưu lượng nước do việc xây dựng các đập thủy điện ở thượng nguồn sống Mê Công. Do đo, việc tính toán cân bằng nước nhằm mục đích bảo đảm đáp ứng nhu cầu dùng nước trên địa bàn là việc làm rất cần thiết. Để thực hiện việc tính toán vân bằng nước trong tương lai nhằm đưa ra dự báo giúp các nhà quy hoạch có thêm công cụ cần thiết, mô hình Hệ thống đánh giá và quản lý nguồn nước - The Water Evaluation and Planning System (WEAP) đã được sử dụng tính toán trữ lượng nước sông Cần Thơ và nhu cầu sử dụng nước ở các năm 2020 và 2050. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng đến năm 2020 và 2050, mặc dù nhu cầu dùng nước trên địa bàn TP. Cần Thơ tăng và trữ lượng có thay đổi, tuy nhiên trữ lượng nước sông Cần Thơ vẫn bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước trên địa bàn.

**Từ khóa:** Nghiên cứu, ứng dụng, mô hình WEAP, tính toán cân bằng, nước sông, Cần Thơ

**32. Nghiên cứu ứng dụng phế phẩm nông nghiệp bả sả và thân cây dứa dại vùng Nam bộ để giảm thiểu tác hại môi trường**/ Huỳnh Lê Huy Cường, Nguyễn Ngọc Kim Tuyến, Huỳnh Bảo Long, Đào Minh Trung // Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 17 (319) .- Tr. 27 - 30.

**Nội dung:** Tận dụng các nguồn nguyên liệu từ thiên nhiên và phế phẩm nông nghiệm để gia cường cho vật liệu composite trên nền nhựa phenol, một hướng ứng dụng mới giúp hạn chế ô nhiễm môi trường, nâng cao tính kinh tế của cây trồng và đa dạng hóa vật liệu composite.

**Từ khóa:** Phế phẩm nông nghiệp, bả sả, thân cây dứa dại, Nam bộ, tác hại môi trường

**33. Nghiên cứu, trao đổi về quản lý tổng hợp và thống nhất nhằm về biển và hải đảo đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045**/ NCS. Nguyễn Mạnh Hùng // Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 17 (319) .- Tr. 19 - 21.

**Nội dung:** Trình bày về tính tất yếu của thực tế; Những hạn chế, bất cập và Đề xuất xu hướng, giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý.

**Từ khóa:** Biển, hải đảo

**34. Những nghiên cứu, trao đổi về sụt lún đất ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long**/ Đào Đình Đức// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 14 - 15.

**Nội dung:** Phân tích hiện trạng sụt lún và một số nguyên nhân gây sụt lún đất tại Đồng bằng Sông Cửu Long dựa trên các bằng chứng khoa học và tài liệu quan trắc từ các đề án và dự án trong nước và quốc tế.

**Từ khóa:** Nghiên cứu, trao đổi, sụt lún đất, Đồng bằng sông Cửu Long

**35. Những thách thức trong phát triển năng lượng tái tạo**/ ThS. Nguyễn Minh Huệ// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 14 (316) .- Tr. 40 – 41.

**Nội dung:** Nâng cao việc ứng dụng công nghệ vào phát triển năng lượng tái tạo. Giữa sự phát triển vũ bảo của Cách mạng công nghiệp 4.0, không có lý gì lại để ngành năng lượng tái tạo Việt Nam đứng ngoài, “chúng ta phải làm chủ được công nghệ”, sử dụng năng lượng tái tạo và các nguồn năng lượng mới là xu hướng không thể đảo ngược. Nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ nước ta phải đi trước một bước để chúng ta sớm làm chủ được công nghệ cơ khí chế tạo lẫn công nghệ thiết kế, vận hành để có nền năng lượng phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Thách thức, phát triển, năng lượng tái tạo

**36. Phá quang kỳ giống lúa mùa Nàng Quớt Biển bằng phương pháp xử lý đột biến sốc nhiệt**/ Trần Thị Phương Thảo, Võ Công Thành, Nguyễn Bích Hà Vũ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7(Tập 61) .- Tr.50-55.

**Nội dung**: Trước tình hình biến đổi khí hậu, Đồng bằng sông Cửu Long đang cần những giống lúa ngắn ngày (90-120 ngày), có khả năng chịu mặn cao (12-19 dSm^-1), kháng rầy nâu và phẩm chất tốt. Nàng Quớt Biển là một giống lúa mùa có khả năng chịu mặn 12-15 dSm^-1. Tuy nhiên, giống có thời gian sinh trưởng khá dài (150-180 ngày). Chính vì vậy, giống lúa mùa Nàng Quớt Biển được phá quang kỳ bằng phương pháp xử lý đột biến sốc nhiệt ở 50 độ C trong thời gian 5 phút. Các dòng đột biến được trắc nghiệm khả năng chống chịu mặn theo phương pháp của IRI (1997), phân tích đánh giá phẩm chất qua các thế hệ và trắc nghiệm khả năng chống chịu rầy nâu, sau cùng kiểm tra độ thuần bằng phương pháp điện di SDS-PAGE. Kết quả cho thấy ở thế hệ M4 chọn được hai dòng ưu tú NQBĐB 1-2-1-1 và NQBĐB 2-1-6-3 thuần có thời gian sinh trưởng ngắn (<=110 ngày), chiều cao cây <=120cm, hàm lượng amylose <20%, chống chịu rầy nâu, chống chịu đổ ngã. Đặc biệt, hai dòng này có khả năng chịu mặn ở 19dSm^-1 (cấp 5) và đều thích hợp cho mô hình tôm – lúa.

**Từ khóa**: Chống chịu mặn, lúa màu, SDS-PAGE, sốc nhiệt

**37. Phân lập định danh và nghiên cứu đặc điểm sinh học một số chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy dầu mỏ trong mẫu đất, bùn nhiễm xăng dầu tại Quân khu 7**/ Đinh Thị Vân, Ngô Cao Cường// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.24-28.

**Nội dung**: Từ 3 mẫu đất bùn nhiễm dầu, đã tuyển chọn và phân lập được 3 chủng nấm men có khả năng phân hủy dầu. Tổ hợp vi sinh vật có khả năng phân hủy 93% hàm lượng dầu bổ sung sau 9 ngày thử nghiệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiệt độ tối ưu cho vi khuẩn và nấm men là khoảng 30 độ C, pH tối ưu là khoảng trung tính, các chủng vi sinh vật phát triển ở nồng độ muối loãng 0,1%. Bằng phương pháp sinh học phân tử đã định danh được 6 chủng vi sinh vật trong tổ hợp, bao gồm: chủng VKbt1 thuộc về loài *Chryseobacterium defluvii*; chủng VKbt2 thuộc về loài *Chryseobacterium* *gleum*; chủng VKbx thuộc chi *Pseudomonas* sp.; chủng NMbt1 thuộc về loài Pichia jadinii; chủng MNbt2 thuộc về loài *Candida tropicalis*; chủng MNbx thuộc về loài *Candida tropicalis*.

Từ khóa: Định danh, phân hủy dầu, vi sinh vật

**38. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải – Những bất cập và nội dung cần sửa đổi, bổ sung**/ NCS. Tạ Văn Vĩnh// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 36 – 38.

**Nội dung:** Trình bày về những bất cập trong chính sách thu hiện, những nét mới của dự thảo Nghị định, một số góp ý từ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, mức phí cố định, mức phí biến đổi và mức phí đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản.

**Từ khóa:** Bảo vệ môi trường, nước thải, bất cập, sửa đổi

**39. Quản lý và khai thác nước dưới đất hiệu quả ngăn chặn nguy cơ sụt lún**/ Nguyễn Thị Hương// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 43 - 44.

**Nội dung:** Mực nước dưới đất trung bình tại các điểm quan trác trên toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, phần lớn mực nước dưới đất đều có xu thế suy giảm; tình hình sụt lún đất vùng này đang diễn biến phức tạp. Nguyên nhân một phần là do khai thác nước dưới đất ồ ạt, xây dựng kết cấu hạ tầng không theo quy hoạch. Chính quyền địa phương các cấp, cơ quan quản lý cần nhanh chóng có giải pháp ứng phó phù hợp.

**Từ khóa:** Quản lý, khai thác, nước dưới đất, ngăn chặn, nguy cơ sụt lún

**40. Sự tích lũy BPA trong trầm tích khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý của bãi chôn lấp Phước Hiệp, TP Hồ Chí Minh**/ Trần Bích Châu, Trần Thị Thu Dung, Lê Xuân Vĩnh// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 6(Tập 61) .- Tr.29-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá hiện trạng Bisphenol A (BPA) trong môi trường trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải từ bãi chôn lấp rác Phước Hiệp trong 7 tháng (tháng 4, 5, 6, 7, 11, 12/2017 và 01/2018), bao gồm 4 vị trí. Phương pháp phân tích được sử dụng là phương pháp chiết pha rắn (SPE) kết hợp với phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) – đầu dò khối phổ (MS). Kết quả thu được trong các mẫu trầm tích đều phát hiện nồng độ của BPA dao động từ 18,56-80,36 ng/g tại 4 vị trí khảo sát. Nồng độ BPA có xu hướng thay đổi nhẹ tại các vị trí lấy mẫu theo thời gian và không gian do sự tích lũy BPA trong môi trường.

**Từ khóa**: BPA, trầm tích

**41. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường**/ Đức Sinh// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 8 – 10.

**Nội dung:** Trong Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuôi năm 2019 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng đã phân tích, chỉ ra những hạn chế, đồng thời đưa ra những giải pháp cụ thể để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

**Từ khóa:** Công tác quản lý, tài nguyên và môi trường

**42. Tái chế rác thải thành vật liệu hữu dụng**/ Nguyễn Văn Hiệu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 11(728) .- Tr.42-43.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng công nghệ tiên tiến tái sử dụng, tái chế rác thải, trong đó có rác thải nhựa. Lãnh đạo TP Hà Nội và TP Đà Nẵng đang xúc tiến xây dựng các nhà máy đốt rác phát điện. Ngành khoa học và công nghệ (KH&CN) vật liệu nước ta đã khởi đầu nghiên cứu tái chế tro của các nhà máy đốt rác phát điện thành vật liệu hữu dụng.

**Từ khóa**: Tái chế rác thải, đốt rác phát điện

**43. Thách thức trong công tác thẩm định và những kinh nghiệm định giá đất đô thị ở Việt Nam**/ Tạ Thị Thu// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 15 (317) .- Tr. 16 - 17.

**Nội dung:** Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, Việt Nam được đánh giá là một quốc gia có tốc độ đo thị hóa phát triển nhanh chóng (theo cách tính tổng số đất/tổng dân số đô thị), nhưng lại tập trung tại một số trung tâm là những thành phố lớn như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng… Thời gian tới, tốc độ đô thị hóa tại Việt Nam sẽ còn tiếp tục diễn ra nhanh. Trong năm 2019 và đến đầu năm 2020 tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam dự báo sẽ đạt khoảng 40%. Với tốc độ phát triển nhanh như vậy đến thập niên 40 của Thế kỷ 21, sẽ có khoảng 50% dân số Việt Nam sinh sống tại các đô thị… do đó nhu cầu về đất ở, đất để xây dựng các công trình giao thông, công trình công cộng, hạ tầng đô thị, nhà hàng, khách sạn, văn phòng làm việc… tăng cao, trong khi nguồn cung chưa đáp ứng đủ hệ quả là thị trường luôn tiềm ẩn sức ép đẩy giá đất có những biến động khó lường, tạo ra những thách thức đối với công tác thẩm định giá đất.

**Từ khóa:** Công tác thẩm định, kinh nghiệm, thách thức, định giá đất, đô thị, Việt Nam

**44. Thành tựu mới trong giải mã hệ gen thực vật**/ Chu Đức Hà, Nguyễn Thị Duyên, Phạm Phương Thu, La Việt Hồng, Lê Huy Hàm, Phạm Xuân Hội, Trần Phan Lam Sơn// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.57-59.

**Nội dung**: Trình bày tóm lược các kết quả chính của dự án giải mã hệ gen thực vật của các nhà khoa học Trung Quốc, từ đó đề xuất một số hướng dẫn nhằm khai thác tối đa những thành tựu này phục vụ nghiên cứu.

**Từ khóa**: Giải mã hệ gen thực vật, Trung Quốc, nghiên cứu

**45. Thử nghiệm sử dụng bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp làm vật liệu hất phụ**/ Nguyễn Đức Đạt Đức, Nguyễn Lê Thanh Xuân, Nguyễn Mai Phương, Đăng Thị Phương Yến, Nguyễn Văn Phúc, Đào Minh Trung // Tài Nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 17 (319) .- Tr. 31 - 32.

**Nội dung:** Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ bùn thải quá trình xử lý nước cấp và thử nghiệm hấp phụ kẽm trong nước thải xi mạ.

**Từ khóa:** Bùn thải, xử lý nước cấp, vật liệu hất phụ

**46. Tối ưu điều kiện sinh tổng hợp protease từ vi khuẩn Bacillus subtilis Bs04 và xác định đặc tính của enzyme**/ Nguyễn Hữu Tuyển, Phạm Tiến Dũng, Phan Thị Kim Ngân, Ngô Võ Kế Thành// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.12-17.

**Nội dung**: Protease là enzyme được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong nhiều lĩnh vực như y dược, công nghiệp, nông nghiệp… Trong nghiên cứu này, các tác giả tiến hành tối ưu các điều kiện lên men từ chủng *Bacillus subtilis* Bs04 nhằm thu nhận enzyme có hàm lượng và hoạt độ cao nhất. Các thành phần dinh dưỡng, yếu tố hóa – lý và đặc tính protease thu nhận lần lượt được khảo sát. Kết quả cho thấy, điều kiện tối ưu cho quá trình sinh tổng hợp protease từ chủng Bs04: nguồn carbon và nitơ tốt nhất là glucose-anhydrous và cao nấm men với nồng độ tương ứng là 2% và 2,5%; pH môi trường 7,5; thu nhận enzyme sau 36 giờ lên men. Enzyme được thu nhận với hoạt độ cao nhất bằng phương pháp tủa muối (NH4)2SO4 với độ bão hòa 70%. Kết quả điện di SDS-PAGE cho thấy thu nhận được enzyme với kích thước 24 kDa và 38 kDa.

**Từ khóa**: *Bacillus subtilis*; đặc tính protease, tối ưu môi trường

**47. Triển khai sáng kiến về tài chính cho đa dạng sinh học tại Việt Nam**/ Bùi Hòa Bình// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 38 – 39.

**Nội dung:** Trong Hội thảo Tổng kết Dự án BIOFIN pha I tại Hà Nội ngày 20/6/2019 đã đưa ra các báo cáo, đánh giá và kế hoạch triển khai sáng kiến về tài chính cho đa dạng sinh học tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Sáng kiến, tài chính, đa dạng sinh học, Việt Nam

**48. Việt Nam nêu sáng kiến về rác thải nhựa và biến đổi khí hậu**/ Nguyên Khôi// Tài nguyên & Môi trường .- 2019 .- Số 13 (315) .- Tr. 9.

**Nội dung:** Trong Hội nghị Trưởng đỉnh G20, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã khẳng định Việt Nam đã và đang tham gia phong trào chống rác thải nhựa và biến đổi khí hậu, đồng thời nêu sáng kiến về thúc đẩy hình thành mạng lưới toàn cầu về chia sẽ dữ liệu biển – đại dương.

**Từ khóa:** Việt Nam, sáng kiến, rác thải nhựa, biến đổi khí hậu

**49. Xây dựng quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tại Việt Nam**/ Trương Mạnh Tuấn// Môi trường .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 23 - 24.

**Nội dung:** Trình bày về quá trình xây dựng các quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tại Việt Nam; Công tác triển khai thực hiện các quy hoạch và một sô định hướng trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quy hoạch mạng lưới, quan trắc môi trường

**50. Xu hướng di chuyển bằng xe điện thân thiện môi trường**/ PGS. TS. Vũ Ngọc Khiêm// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 44 – 45.

**Nội dung:** Trong tháng 3/2019 Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Honda Việt Nam và Trường Đại hoc Công nghệ giao thông vận tải đã ký biên bản hợp tác về xu hướng di chuyển bằng xe điện thân thiện môi trường.

**Từ khóa:** Xu hướng, di chuyển, xe điện, thân thiện môi trường

**51. Phân lập và tuyển chọn nấm men có khả năng lên men rượu vang thanh long ruột đỏ (*Hylocereus polyrthizus*)**/ Phạm Thị Thu Thảo, Nguyễn Ngọc Anh Thư, Lê Thanh Duy, Nguyễn Ngọc Thạnh, Bùi Hoàng Đăng Long, Huỳnh Xuân Phong// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.54-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục đích phân lập và tuyển chọn nấm men có hoạt tính lên men cao nhằm ứng dụng lên men rượu vang thanh long ruột đỏ (*Hylocereus polyrthizus*). Kết quả nghiên cứu đã phân lập được 29 chủng nấm men từ 12 mẫu trái thanh long trồng tại các tỉnh/thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Bến Tre. Dựa vào khóa phân loại nấm men (hình thái, sinh lý, sinh hóa) đã xác định được đặc điểm của các dòng nấm men được phân lập từ thanh long. Tuyển chọn được chủng nấm men BT2.1 được phân lập từ dịch quả thanh long ruột đỏ tại huyện Chợ Lách (Bến Tre) cho hàm lượng ethanol cao nhất (11,17% v/v) và đường sót thấp nhất (8,33 độ Brix). Rượu vang thanh long ruột đỏ lên men từ chủng nấm men BT2.1 với dịch quả được bổ sung đường saccharose ở 22 độ Brix, pH 4,5, mật số nấm men 10^6 tế bào/ml và lên men ở nhiệt độ phòng 7 ngày cho kết quả độ rượu đạt 12,15% v/v. Kết quả định danh chủng nấm men BT2.1 bằng phương pháp giải trình tự DNA đã xác định được BT2.1 tương đồng với *Saccharomyces cerevisiae*.

**Từ khóa**: *Hylocereus polyrthizus*, rượu vang, *Saccharomyces cerevisiae*, thanh long ruột đỏ

**52. Khảo sát hoạt tính β-glucosidase từ cổ khuẩn siêu chịu nhiệt *Pyrococus furiosus* để ứng dụng trong sản xuất isoflavone từ đậu nành**/ Đinh Nguyễn Tấn Hòa, Hoàng Trọng Minh Quân, Phan Hoàng Mỹ Linh, Nguyễn Thị Bạch Huệ// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.60-64.

**Nội dung**: Isoflavone là một nhóm hợp chất polyphenol được tìm thấy với nồng độ cao trong đậu nành và các sản phẩm từ đậu nành. Tuy nhiên, hầu hết trong số chúng được hấp thụ thấp trong dạ dày vì ở dạng glycosyl hóa, một hoặc nhiều phân tử đường gắn với vòng thơm hoặc nhóm hydroxyl của isoflavone. Việc giải phóng các phân tử đường này từ dạng glycoside sang dạng aglycone sẽ giúp isoflavone được hấp thụ tốt và tăng các hoạt tính sinh học tiềm năng như: khả năng chống oxy hóa, giảm cholesterol và hoạt tính tương tự như hoocmon estrogen. Quá trình này cần sự xúc tác của enzym β-glucosidase từ cổ khuẩn *Pyrococus furiosus*. Gen *celB* mã hóa β-glucosidase được biểu hiện dưới dạng hòa tan trong tế bào chủ *E.* *coli* nhờ dung hợp với đuôi Glutathione-S-tranferase (GST), chiếm 17,05% tổng protein tan nội bào trước tinh chế và đạt 57,5% sau tinh chế. Hoạt tính của enzym đối với cơ chất 4-nitrophenul- β-D-glucopyranoside (*p*NPG) được tối ưu ở 100 độ C, pH 5,0; hoạt tính riêng 164,44 U.mg^-1; giá trị Km, Vmax, Kcat lần lượt ghi nhận là 0,088 mM, 332,27 U.mg^-1.min^-1 và 446,9 s^-1. Việc dung hợp GST không ảnh hưởng đến khả năng chịu nhiệt. Khảo sát thành công hoạt tính enzym đối với các hợp chất glycoside từ đậu nành, hầu hết genistin và đaizin chuyển đổi thành các dạng aglycone tương ứng là genistein và daidzein.

**Từ khóa**: Chịu nhiệt, đậu nành, *Pyrococus furiosus*, thủ phân isoflavone, β-glucosidase

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Analyzing 16S rRNA sequence from Vietnamese pathogenic Leptospira strains and in-silico prediction of potential antigenic epitopes on LipL21, LipL32 outer membrane lipoproteins /** Vo Thi Bich Thuy, Nguyen Tuan Hung, Nghiem Ngoc Minh// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 745-756.

**Contents**: It should be more of the deeply molecular biology studies to confirm the level agglutinating, antigen cleavage, peptide specificity matrives as well as neutralizing antitodies in the immune responses of DNA vaccine of these genes.

**Key:** Antigenic genes, Leptospiraceac, Leptospirosis recombinant vaccine, 16S Rrna gene sequencing

**2. Bạn biết gì về Placenta – nhau thai? /** Nguyễn Mạnh Hùng // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 104 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Placenta hay còn gọi là nhau thai, là bộ phận gắn kết tế bào con với tế bào mẹ qua một sợi dây rốn. Placenta ngày càng được nghiên cứu nhiều hơn để hiểu biết về sức khỏe và quá trình mang thai.

**Từ khóa:** Placenta, nhau thai

**3. Bệnh Parkinson : cách quản lý và hướng dẫn điều trị /** Trần Ngọc Thịnh// Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 108 .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Nguyên nhân của bệnh Parkinson; Sinh lý bệnh và các triệu chứng bên ngoài; Chẩn đoán; Cách quản lý bệnh Parkinson; Thuốc điều trị; Tầm quan trọng của phối hợp liên ngành; Vai trò của dược sĩ; Quản lý bệnh Parkinson tiến triển; Kết luận.

**Từ khóa:** Bệnh Parkinson, cách quản lý, điều trị

**4. Bệnh thấp tim : những điều cần biết /** Hải Thanh // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 104 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Bệnh thấp tim là một bệnh viêm cấp tính có tính chất toàn thân liên quan đến miễn dịch chỉ xảy ra sau một hay nhiều đợt viêm họng do liên cầu beta tan huyết nhóm máu A. Là bệnh có tổn thương khớp và biến chứng trên tim mạch.

**Từ khóa:** Bệnh thấp tim, tim mạch, khớp

**5. Benzofuro[3,2-d]pỷimidin : tổng hợp, đánh giá độc tính và khả năng ức chế protein kinase C (CaPkc1) /** Đào Việt Hưng, Trần Thị Vân Anh, Hà Thanh Hoà, Hoàng Đức Luận, Isabelle Ourliac-Garnier, Pascal Marchand, Trần Phương Thảo// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Trình bày phương pháptổng hợp, đánh giá độc tính và khả năng ức chế protein kinase C (CaPkc1) trong việc điều trị nhiễm nấm.

**Từ khóa:** Benzofuro[3,2-d]pỷimidin, Candida albicans, kháng thuốc, nhiễm nấm

**6. Biểu hiện của protein TIF-IA và sự sinh tổng hợp RNA ribosome tăng cao ở khối u của bệnh nhân ung thư đại – trực tràng** / Võ Nguyễn Thanh Thảo, Hoàng Đình Hòa, Huỳnh Vũ, Hồ Hữu Đức, Nguyễn Lê Xuân Trường, Nguyễn Đăng Quân // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7(Tập 61) .- Tr.29-33.

**Nội dung**: Phân tích mức độ tăng biểu hiện của protein TIF-IA ở mô ung thư đại – trực tràng so với mô bình thường lân cận, đồng thời đánh giá mối liên hệ giữa sự tăng biểu hiện của protein TIF-IA với mức độ sinh tổng hợp RNA ribosome bằng kỹ thuật PCR định lượng (qRT-PCR) và Western blot.

**Từ khóa**: Ribosomal RNA, TIF-IA, ung thư đại – trực tràng

**7. Bổ sung loài cây thuốc hoàng liên gai lá mỏng (Berberis subacuminata C. K. Schneid.) cho hệ thực vật Việt Nam /** Nguyễn Quỳnh Nga, Phan Văn Trưởng, Phạm Thanh Huyền, Tô Minh Tứ, Hoàng Văn Toán, Phạm Thị Ngọc // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Thu thập, mô tả loài hoàng liên gai lá mỏng bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam đồng thời ghi nhận thêm một điểm phân bố mới của chi Berberis.

**Từ khóa:** Chi Berberis, hoàng liên gai, hệ thực vật

**8. BrainEx – Cơ hội cho những người mắc bệnh đột quỵ não, Alzheimer?** / Lê Trọng Bỉnh // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.63-64.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thuộc Đại học Yale (Hoa Kỳ) về việc khôi phục thành công hoạt động của tế bào thần kinh và lưu thông oxy, các hoạt chất trong não lợn 4h sau khi chết. Kết quả nghiên cứu này được công bố trên Tạp chí Nature mới đây đã thách thức các giả định về thời gian, kể cả bản chất không thể đảo ngược của việc chấm dứt một số chức năng não sau khi chết.

**Từ khóa**: BrainEx, đột quỵ não, Alzheimer

**9. Bước đầu đánh giá sự thay đổi triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân nhồi máu não trên 50 tuổi điều trị bằng điện châm /** Phạm Thị Ánh Tuyết, Trần Quang Minh // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 71-79.

**Nội dung**: Đánhgiá sự thay đổi các chỉ tiêu lâm sàng của bệnh nhân nhồi máu não trên 50 tuổi điều trị bằng điện châm. Khảo sát sự biến đổi một số chỉ số cận lâm sàng của bệnh nhân nhồi máu não trên 50 tuổi điều trị bằng điện châm.

**Từ khóa:** Điện châm, nhồi máu não

**10. Bước đầu đánh giá tác dụng của cao lỏng dưỡng tâm an thần trong điều trị mất ngủ không thực tổn /** Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Trần Thị Giáng Hương, Đỗ Thị Phương // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 13-21.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng điều trị của cao lỏng “dưỡng tâm an thần” trên bệnh nhân mất ngủ không thực tổn và tác dụng không mong muốn của bài thuốc trên lâm sàng.

**Từ khóa:** Dưỡng tâm an thần, điều trị mất ngủ không thực tổn

**11. Cải tiến quy trình tổng hợp mesna qua trung gian natri S-(2-sulfonatoethyl)sulfurothioat /** Đào Nguyệt Sương Huyền, Nguyễn Đình Luyện, Nguyễn Văn Hải // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 83-88.

**Nội dung**: Khảo sát các thông số quy trình tổng hợp, tinh chế mesna qua trung gian natri S-(2-sulfonatoethyl)sulfurothioat và nâng cao hiệu suất ở quy mô phòng thí nghiệm.

**Từ khóa:** Mesna, natri S-(2-sulfonatoethyl)sulfurothioat

**12. Cải tiến quy trình tổng hợp một số dẫn chất 1,3,4-oxadiazol-2-amin bằng phương pháp đóng vòng qua trung gian oxy hóa I2 thông qua sự tạo thành liên kết C-O /** Nguyễn Đinh Thị Thanh Tuyền, Hoàng Duy Gia, Trương Ngọc Tuyền // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Thay đổi dung môi, điều kiện phản ứng và phương pháp tinh chế để nâng cao hiệu suất tổng hợp, tạo nguồn nguyên liệu dồi dào để tổng hợp các dẫn chất khác từ khung 1,3,4-oxadiazol-2-amin.

**Từ khóa:** Dẫn chất 1,3,4-oxadiazol-2-amin, hoạt tính sinh học

**13. Chuyển cấu trúc chỉnh sửa promoter OsSWEET14 vào giống lúa TBR225 /** Nguyễn Duy Phương, Phạm Thu Hằng, Phùng Thị Thu Hương, Phạm Xuân Hội// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 67-75.

**Nội dung**: Thiết kế vector nhị phân mang cấu trúc biểu hiện phức hệ protein-RNA chỉnh sửaOsSWEET14 và chuyển vào lúa TBR225 thông qua vi khuẩn A. tumefaciens.

**Từ khóa:** Bạc lá, CRISPR/CAS9, SWEET14, TAL effector, Xanthomonas oryzae

**14. Cloning and expression of pigC gene in escherichia coli /** Do Minh Trung, Do Hai Quynh, Tran Viet Tien, Nguyen Duy Bac, Do Thi Tuyen, Nguyen Thuy Duong// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 757-765.

**Contents**: In this work, the pigC gene was cloned and expressed in Escherichia coli DH10B and BL21, respectively.

**Key:** MAP, MBC, pigC, prodigiosin, Vietnam

**15. Đặc điểm phân tử của virus cúm A/H5N6 lưu hành ở Việt Nam giai đoạn 2014-217 /** Lê Thanh Hòa, Nguyễn Thị Bích Nga, Đoàn Thị Thanh Hương, Đỗ Thị Roan, Lê Thị Kim Xuyến, Nguyễn Thị Khuê, Nguyễn Trung Nam, Chu Hoàng Hà// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 147-156.

**Nội dung**: Trình bày kết quả phân tích những biến type mới tạo nên đa dạng di truyền của virus cúm gia cầm A/H5N6 từ H5 clade 2.4.4.4 phát hiện ở một số tỉnh tại Việt Nam, giai đoạn 2014-2017, qua phân tích gen HA(H5) và NA (Ny), đồng thời cũng công bố sự phát hiện A/H5N6-C sớm tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Cúm A/H5N1, A/H5N2, A/H5N6, biến type, hemagglutinin, neuraminidase, phả hệ, Việt Nam

**16. Đánh giá độ chính xác của bộ xét nghiệm xác định mức độ đứt gãy AND tinh trùng ứng dụng chẩn đoán vô sinh ở nam giới** / Nguyễn Minh Thu, Nguyễn Thị Trang // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 9 .- Tr.6-9.

**Nội dung**: Đánh giá độ chính xác của bộ xét nghiệm cải tiến xác định mức độ đứt gãy AND tinh trùng ở các trường hợp nam giới vô sinh. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp: nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 50 mẫu tinh dịch của bệnh nhân nam giới được chẩn đoán vô sinh đến làm xét nghiệm tại Trung tâm Tư vấn Di truyền, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội và có mật độ tinh trùng >= 1 triệu/ml. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bộ xét nghiệm cải tiến có hệ số biến thiên CV% = 2,26% < 5%; t tn = 0,97 < t c. Như vậy có thể kết luận: bộ xét nghiệm xác định mức độ đứt gãy AND tinh trùng cải tiến đạt yêu cầu của một bộ xét nghiệm định lượng.

**Từ khóa**: DFI, đứt gãy AND tinh trùng, vô sinh

**17. Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh rối loạn chuyển hóa lipid máu của bài thuốc HSN trên lâm sàng /** Dương Minh Sơn, Trần Thị Hồng Ngãi, Lê Thúy Hạnh // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 60-70.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh rối loạn chuyển hóa lipid máu của cao lỏng HSN trên lâm sàng. Đánh giá tác dụng không mong muốn của cao lỏng HSN.

**Từ khóa:** HSN, rối loạn lipid máu

**18. Đánh giá khả năng gắn kết in silico của các hợp chất trong quả ớt trên các thu thể có tác dụng kháng viêm và giảm đau do viêm /** Nguyễn Thuỵ Việt Phương, Nguyễn Quan Như Hảo// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Khảo sát quá trình gắn kết phân tử của từng hợp chất trong quả ớt với đích tác động liên quan đến kháng viêm và giảm đau do viêm. Phân tích tương tác của các chất và protein mục tiêu cùng với năng lượng gắn kết để đánh giá khả năng gắn kết của các hợp chất.

**Từ khóa:** In silico, quả ớt, kháng viêm, giảm đau

**19. Đánh giá mức độ an toàn và tác dụng của squalene tách chiết từ Schizochytrium mangrovei PQ6 đến sự tăng cholesterol của lipoprotein tỷ trọng cao (HDL-C) ở động vật thực nghiệm /** Nguyễn Cẩm Hà, Hoàng Thị Minh Hiền, Nguyễn Hoàng Ngân, Đặng Diễm Hồng // Sinh học .- 2019 .- Số 41(2) .- Tr. 40-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu độc tính cấp, bán trường diễn và tác dụng tăng hàm lượng HDL-C của squalene được tách chiết từ Schizochytrium mangrovei PQ6 đã được thử nghiệm trên mô hình động vật.

**Từ khóa:** Schizochytrium mangrovei PQ6, bán trường diễn, độc tính cấp, squalene, HDL- cholesterol

**20. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam /** Nguyễn Thị Phương Thúy, Đỗ Xuân Thắng, Dương Viết Tuấn, Kiều Thị Tuyết Mai, Phạm Nữ Hạnh Vân, Trần Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 3-9, 18.

**Nội dung**: Đề xuất mô hình khung lý thuyết về mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ cơ sở bán lẻ thuốc và sự hài lòng của khách hàng mua thuốc với giả thuyết các nhân tố: cơ sở vật chất của cơ sở bán lẻ thuốc, tác phong của người bán thuốc, khả năng chuyên môn của người bán thuốc, thuốc và hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc có ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Chất lượng dịch vụ, cơ sở bán lẻ thuốc, khách hàng

**21. Đánh giá tương tác amoxicilin, kali clavulanat với các tá dược sử dụng cho viên nén /** Lê Đình Quang, Nguyễn Ngọc Chiến // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 58-62, 67.

**Nội dung**: Đánh giá tương tác của amoxicilin trihydrat, natri amoxicilin và kali clavulanat với từng tá dược bằng phương pháp theo dõi sự biến đổi màu sắc và xác định sự suy giảm hàm lượng dược chất.

**Từ khóa:** Amoxicilin, kháng sinh, nhiễm khuẩn, tá dược

**22. Đậu tương chuyển gen mã hóa tổng hợp enzyme adenine isopentenyl transferase GmIPT08 thể hiện đặc điểm lợi thế kháng hạn /** Nguyễn Hoàng Yến Nhi, Nguyễn Ngọc Hải, Hoàng Thị Lan Xuân, Nguyễn Phương Thảo// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 99-106.

**Nội dung**: Phân tích một số đặc điểm sinh lý và sinh hóa của cây đậu tương chuyển gen có biểu hiện vượt mức GmIPT08 và so sánh với cây đậu tương không chuyển gen.

**Từ khóa:** Đậu tương biến đổi gen, GmIPT08, hoạt tính enzyme, hydrogen peroxide, khả năng chịu hạn

**23. Detection of 16S rRNA and 23S rRNA gene mutations in multidrug resistant Salmonella serovars isolated from different sources using RNA sequencing method /** Nguyen Thanh Viet, Vo Thi Bich Thuy// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 737-744.

**Contents**: The aim of this study was to support for finding novel mechanisms that render bacteria resistant to the ribosome targeting antibiotics, we screen for antibiotics resistant 16S and 23S ribosomal RNAs in multidrug resistant Salmonella serovars isolated from raw retail meats isolated from Hanoi, Vietnam.

**Key:** MDR Salmonella, mutation, 16S rRNA gene, 23S rRNA gene, RNA sequencing

**24. Dị ứng protein sữa bò ở trẻ em : nhận dạng và điều trị /** Nguyễn Hải Đăng // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 105 .- Tr. 52-56.

**Nội dung**: Cung cấp một cái nhìn tổng quan về cách các nhân viên y tế có thể giúp xác định một đứa trẻ có khả năng mắc dị ứng protein sữa bò hay không đảm bảo chuẩn đoán kịp thời và bắt đầu kế hoạch điều trị phù hợp nhất.

**Từ khóa:** Dị ứng protein sữa bò, trẻ em

**25. Điều chế vật liệu nano silica cấu trúc mao quản bằng phương pháp Stober cải tiến /** Ngô Thị Mỹ Duyên, Trần Phi Hoàng Yến, Trần Lê Tuyết Châu// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 76-80.

**Nội dung**: Tổng hợp giá mang nano silica cấu trúc mao quản bằng phương pháp Stober cải tiến.

**Từ khóa:** Vật liệu nano silica, mao quản, phương pháp Stober

**26. Định lượng đồng thời astilbin và emodin trong bài thuốc GK1 bằng phương pháp HPLC /** Lê Ngọc Tân, Đỗ Mạnh Dũng, Phạm Văn Hiển, Nguyễn Trọng Điệp, Đặng Trường Giang, Vũ Bình Dương // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng đồng thời astilbin và emodin – đây là những hoạt chất có tác dụng trong bài thuốc GK1.

**Từ khóa:** Astilbin, emodin, bài thuốc GK1, phương pháp HPLC

**27. Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, perindopril arginin bằng phương pháp điện di mao quản /** Đặng Vy Thảo, Lê Thị Thu Cúc, Trần Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Tuấn// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 43-49.

**Nội dung**: Trình bày một quy trìnhđịnh lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, perindopril arginin bằng phương pháp điện di mao quản.

**Từ khóa:** Atorvastatin, amlodipin, perindopril arginin, phương pháp điện di mao quản

**28. Định lượng đồng thời paracetamol, ibuprofen và cafein trong chế phẩm bằng quang phổ tử ngoại kết hợp phân tích đa biến /** Trương Thị Thư Hường, Lê Công Tuấn Anh, Đồng Thị Hà Ly, Vũ Đặng Hoàng // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Đề xuất phương pháp địnhlượng đồng thời paracetamol, ibuprofen và cafein trong chế phẩm hiện đang lưu hành trên thị trường dựa trên sự kết hợp của quang phổ tử ngoại kết hợp phân tích đa biến.

**Từ khóa:** Thuốc, quang phổ ngoại tử, chế phẩm

**29. Định lượng đồng thời silybin A và B trong nguyên liệu và trong phức hợp silybin-phospholipid bằng HPLC /** Đặng Trường Giang, Trần Thị Hiện, Phạm Văn Hiển, Vũ Bình Dương // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 28-32, 36.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng silybin trong nguyên liệu và trong phức hợp silybin-phospholipid bằng HPLC nhằm đánh giá chất lượng nguyên liệu đầu vào, tối ưu hóa các thông số trong quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng của bán thành phẩm và thành phẩm.

**Từ khóa:** Silybin, silybin-phospholipid, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng

**30. Đột quỵ : phân loại và chẩn đoán /** Trần Ngọc Thịnh // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 104 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Rối loạn ngôn ngữ, méo mặt, tay chân tê liệt là những dấu hiệu cơ bản của đột quỵ được các chuyên gia chăm sóc sức khỏe cảnh giác để đảm bảo những bệnh nhân xuất hiện các triệu chứng này nhanh chóng được điều trị phù hợp.

**Từ khóa:** Đột quỵ

**31. Đột quỵ nhiệt : tổn thương nguy hiểm trong ngày hè nắng nóng** / Trần Quốc Khánh // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.52-53.

**Nội dung**: Trình bày say nóng và nặng hơn nữa là “đột quỵ nhiệt” là một tình trạng chấn thương bởi nhiệt, cơ thể bị rối loạn do tiếp xúc với nhiệt độ cao trong một thời gian, thường kết hợp với tình trạng mất nước và ở những người lao động quá sức, dẫn đến hệ thống điều hòa nhiệt độ của cơ thể bị tổn thương và mất nước trên thế giới.

**Từ khóa**: Đột quỵ nhiệt, say nóng, chấn thương nhiệt

**32. Dược động học – dược lực học của Rifampicin trong điều trị bệnh nhân lao phổi** / Lê Thị Luyến, Bùi Sơn Nhật, Vũ Đình Hòa, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Văn Hưng // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 9 .- Tr.15-20.

**Nội dung**: Xác định các đặc điểm dược động học (PK) và dược lực học (PD) của Rifampicin ở bệnh nhân lao phổi không đa kháng thuốc và tỷ lệ bệnh nhân đạt đích AUC/MIC.

**Từ khóa**: Bệnh lao, dược động học, dược lực học, MIC, Rifampicin

**33. Efficiency of ITS1-5.8S-ITS2 region in identifying cordyceps species /** Le Thi Thu Hien, Ha Hong Hanh// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 705-712.

**Contents**: In this study, seven Cordyceps samples were investigated based on the analysis of ITS1-5.8S-ITS2 region. The obtained results would contribute an additional DNA database for specifically identifying species in Cordyceps genus in Vietnam.

**Key:** Cordyceps militaris, Cordyceps sinensis, of ITS1-5.8S-ITS2 region, DNA barcode, species discrimination

**34. Hàm lượng độc tố vi nấm trong ngũ cốc và hạt có dầu ở một số tỉnh, thành phố phía Bắc Việt Nam /** Đỗ Hữu Tuấn, Trần Cao Sơn, Lê Thị Hồng Hảo, Thái Nguyễn Hùng Thu // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 37-42.

**Nội dung**: Xác định hàm lượng độc tố vi nấm gồm AF (B1, B2, G1, G2), FB1, OTA và ZEA trong một số nhóm sản phẩm nông sản phổ biến tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam.

**Từ khóa:** Độc tố vi nấm, ngũ cốc, hạt có dầu

**35. Hiệu quả điều trị táo bón mạn tính chức năng ở bệnh nhi bằng điện châm phối hợp thuốc “ma tử nhân hoàn” /** Lại Thanh Hiền, Đặng Minh Hằng // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 50-59.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả điều trị chứng táo bón mạn tính chức năng ở bệnh nhi bằng điện châm phối hợp thuốc “ma tử nhân hoàn”.

**Từ khóa:** Táo bón trẻ em, ma tử nhân hoàn, điện châm

**36. Hợp chất triterpen và tác dụng sinh học từ lá cây sum hải nam (Adinandra hainanensis Hayata.) /** Vũ Thị Kim Oanh, Phạm Thị Lan Phượng, Đinh Ngọc Thức, Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Thị Minh Hằng, Lê Nguyễn Thành// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu phân lập và xác định cấu trúc của 4 hợp chất uvaol, ursolic acid, 3β-hydroxy-urs-11-en-13β,28-olid và betulinic acid từ lá loài A. hsinanensis.

**Từ khóa:** Hợp chất triterpen, cây sum hải nam, tác dụng sinh học

**37. Ích mẫu thảo : một số phát hiện, ứng dụng mới /** Đỗ Tất Hùng // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 105 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Đưa ra một số phát hiện về tác dụng dược lý của cây ích mẫu thảo, một vị thuốc Nam thiết yếu. Một số ứng dụng mới của ích mẫu thảo: chữa bệnh vô sinh ở nữ giới; phòng mụn nhọt cho trẻ sơ sinh; chữa viêm thận cấp, viêm thận mạn, tăng huyết áp;….

**Từ khóa:** Ích mẫu thảo, ứng dụng mới

**38. Investigating the genetic variability of 12 Vietnamese rice accessions (Oryza Sativa L.) in response to phosphorus deficiency /** Nga T P Mai, Huyen Ngan Nguyen, Van Hiep Nguyen, Viet Linh Duong, Phuong Nguyen, Duc Chung Mai, Michel Lebrun, Huong Thi Mai To// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 621-631.

**Contents**: In this study, 12 representative rice cultivars were chosen from Vietnamese rice collection to investigate their genetic variation and plasticity in response to low phosphorus deficiency.

**Key:** Modern agriculture, oryza sativa, phosphorus starvation, phophorus tolerant, root traits

**39. Kết quả điều trị nhổ rễ thần kinh C5, C6, +-C7 đám rối cánh tay bằng phẫu thuật chuyển thần kinh** / Nguyễn Văn Phú, Lê Văn Đoàn, Vũ Hữu Trung, Bùi Việt Hùng, Nguyễn Huy Cảnh và cộng sự // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7 (Tập 61) .- Tr.5-9.

**Nội dung**: Đánh giá kết quả phục hồi gấp khuỷu, giạng và xoay ngoài khớp vai cho 30 bệnh nhân (BN) bị tổn thương nhổ rễ C5, C6, +-C7 do tai nạn xe máy.

**Từ khóa**: Chuyển thần kinh, giạng và xoay ngoài khớp vai, liệt cao đám rối cánh tay, phục hồi gấp khuỷu

**40. KH&CN phục vụ phát triển tài nguyên dược liệu trên địa bàn TP Đà Nẵng** / Vũ Thị Bích Hậu // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.33-35.

**Nội dung**: Trình bày việc sử dụng các nguyên liệu thảo dược tự nhiên với tính an toàn cao trong chăm sóc sức khỏe con người đang là xu hướng chung trên toàn thế giới.

**Từ khóa**: KH&CN, dược liệu, Đà Nẵng

**41. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo phức giữa silybin và phosphatidylcholin /** Đặng Trường Giang, Trần Thị Hiện, Phạm Văn Hiển, Chử Văn Mến, Nguyễn Hữu Mỹ, Trần Kim Thanh, Vũ Bình Dương // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 60-65.

**Nội dung**: Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo phức giữa silybin và phosphatidylcholin nhằm tìm ra điều kiện tối ưu cho việc bào chế phytosome chứa silybin từ đó có hướng ứng dụng sản xuất nguyên liệu này phục vụ sản xuất dược phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

**Từ khóa:** Silybin, phosphatidylcholin

**42. Khảo sát độc tính cấp đường uống, tác động giảm đau, kháng viêm, hạ acid uric in vivo của viên nang cứng Savigout /** Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Lê Thanh Tuyền, Bùi Thị Phương Trang, Đỗ Thị Hồng Tươi // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Khảo sát độc tính cấp đường uống, tác động giảm đau, kháng viêm, hạ acid uric cấp và mạn tính của viên nang cứng Savigout nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc sử dụng sản phẩm này trên lâm sàng trong phòng và điều trị bệnh gút.

**Từ khóa:** Viên nang cứng Savigout, độc tính cấp, acid uric, bệnh gút

**43. Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa và gây độc tế bào của cao chiết an xoa (Helicteres hirsuta Lour. Sterculiaceae) /** Phan Thị Thanh Thủy, Nguyễn Văn Thủy, Nguyễn Minh Tiến // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Khảo sát hoạt tính sinh học của cây an xoa nhằm góp phần giải thích những công dụng chữa bệnh của loài thảo dược này.

**Từ khóa:** Cây an xoa, dược liệu, hoạt tính sinh học

**44. Làm chủ công nghệ sản xuất chỉ khâu phẫu thuật phủ chất kháng khuẩn nano bạc sử dụng trong y tế công suất 2 triệu m/năm** / CVĐ // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 10(727) .- Tr.36-38.

**Nội dung**: Trình bày việc thông qua thực hiện dự án “Làm chủ công nghệ sản xuất chỉ khâu phẫu thuật phủ chất kháng khuẩn nano bạc sử dụng trong y tế công suất 2 triệu m/năm” thuộc Dự án “Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu, khoa học và công nghệ” (FIRST) do Bộ KH&CN quản lý, các nhà khoa học trong nước đã làm chủ được quy trình công nghệ phủ chất kháng khuẩn nano bạc lên sợi chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi và đa sợi; quy trình sản xuất chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu kháng khuẩn.

**Từ khóa**: Chỉ khâu phẫu thuật, kháng khuẩn nano bạc, công nghệ, nhiễm khuẩn, y tế

**45. Lịch sử thuốc giảm đau nhóm nonsteroid (NSAID) /** Nguyễn Quang Việt// Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 108 .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Thời kỳ sơ khai và ban đầu của thuốc giảm đau; Các thuốc giảm đau nguồn gốc tổng hợp đầu tiên; Cải thiện hiệu quả điều trị qua biến đổi công thức hoá học các thuốc giảm đau; Các mô hình thử nghiệm dược lý và các hợp chất mới; Prostaglandin và các thuốc giảm đau NSAID; Kết luận.

**Từ khóa:** Thuốc giảm đau, nonsteroid,NSAID

**46. Mạch máu xấu – Nguyên nhân của bệnh tật và sự suy giảm tuổi thọ** / Đỗ Thị Thanh Huyền // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.49-51.

**Nội dung**: Trình bày nguyên nhân gây ra một loạt các căn bệnh liên quan như: huyết áp cao, tiểu đường, các chứng bệnh về tim mạch và ung thư,… là các “mạch máu ma” hay được gọi là mạch máu xấu. Chúng được xem là kẻ thù cướp đi sắc đẹp, trí nhớ và tuổi thọ của con người.

**Từ khóa**: Mách máu xấu, bệnh tật, mạch máu ma

**47. Microarray – Công nghê hữu ích trong nghiên cứu về gen /** Nguyễn Thanh Việt, Võ Thị Bích Thủy, Nghiêm Ngọc Minh // Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 35-42.

**Nội dung**: Cung cấp thông tin về sự phát triển gần đây của công nghệ DNA microarray và ứng dụng của nó.

**Từ khóa:** Microarray, biểu hiện gen, RNAs, cDNAs, cDNA array, oligonucleotide array

**48. Một số hợp chất phân lập từ lá cây dây lửa ít gân (Rourea oligophlebia Merr.) /** Đinh Ngọc Thức, Đỗ Văn Dục, Lê Nguyễn Thành // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây dây lửa ít gân thu hái tại Vườn Quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa.

**Từ khóa:** Cây dây lửa ít gân, Rourea oligophlebia Merr

**49. Một số hợp chất phân lập và tác dụng gây độc tế bào ung thư từ lá cây xăng máu hạnh nhân Horsfieldia amygdalina (Wall.) Warb. /** Lê Nguyễn Thành, Vũ Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Nam, Đinh Ngọc Thức, Nguyễn Thị Minh Hằng, Nguyễn Văn Hùng // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Phân lập và xác định cấu trúc của 3 hợp chất piperitol, seasamin và biochanin từ loài Horsfieldia amygdalina.

**Từ khóa:** Horsfieldia amygdalina, cây xăng máu hạnh nhân, tế bào ung thư

**50. Một số lưu ý trong nghiên cứu, điều trị bệnh ung thư** / Lê Lam Hương // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.60-62.

**Nội dung**: Trình bày một số lưu ý trong nghiên cứu, điều trị bệnh ung thư. Thời gian qua, các nhà khoa học đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong các nghiên cứu về ung thư, tạo ra nhiều phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh hiệu quả, giúp một số loại bệnh ung thư không còn là án tử.

**Từ khóa**: Điều trị bệnh ung thư, chẩn đoán, nghiên cứu

**51. Một số tác dụng phụ của thuốc kháng sinh /** Thu Hương // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 103 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trình bày một số tác dụng phụ của thuốc kháng sinh nên biết để phòng ngừa nếu được kê đơn một trong những loại thuốc về vấn đề tiêu hóa, nhức đầu, nhạy cảm với ánh nắng mặt trời, tương tác thuốc, nhiễm nấm, sốc phản vệ, nhuộm màu răng, viêm gân, trầm cảm và lo âu.

**Từ khóa:** Thuốc kháng sinh, tác dụng phụ

**52. Một số vấn đề liên quan đến sử dụng insulin chưa phù hợp trên bệnh nhân đái tháo đường tại một bệnh viện tuyến Trung ương /** Nguyễn Thị Thảo, Hoàng Thị Trang, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Phạm Thị Thúy Vân // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 11-17.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra các vấn đề liên quan đến sử dụng insulin của bệnh nhân đái tháo đường, đặc biệt là trên nhóm bệnh nhân có kiểm soát đường huyết kém để từ đó có những giải pháp phù hợp.

**Từ khóa:** Insulin, đái tháo đường

**53. Nghiên cứu cải thiện độ tan cao đặc quả khổ qua rừng (Momordica charantia L. var. abbreviata Ser.) /** Nguyễn Thị Mai, Trần Anh Vũ, Nguyễn Thiện Hải, Trương Quốc Kỳ // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 75-80.

**Nội dung**: Cải thiện độ tan của cao đặc khổ qua rừng đã đạt tiêu chuẩn cơ sở bằng cách sử dụng các chất diện hoạt với tỷ lệ phù hợp thông qua lượng charantin hòa tan.

**Từ khóa:** Cao đặc khổ qua rừng, dược liệu

**54. Nghiên cứu cải thiện tính chất cao khô sấy phun ngải trắng sử dụng tá dược silicon dioxoid /** Nguyễn Đức Hạnh, Trần Toàn Văn, Nguyễn Đăng Khoa // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Trình bày hai phương pháp cải thiện tính chất của cao khô sấy phun ngải trắng là phương pháp phối hợp tá dược silicon dioxoid vào dịch chiết trước khi sấy phun và phương pháp trộn vật lý tá dược silicon dioxoid vào cao khô sấy phun ngải trắng nhằm cải thiện độ trơn chảy, tính hút ẩm của cao sấy phun ngải trắng, tạo thuận lợi trong quá trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm chứa cao khô ngải trắng.

**Từ khóa:** Silicon dioxoid, ngải trắng

**55. Nghiên cứu đặc điểm vi học và thành phần hóa học lá cây trà hoa dormoy (Camellia dormoyana (Pierre) Sealy) /** Trịnh Hồng Thúy, Phạm Thanh Kỳ // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 71-74.

**Nội dung**: Thông báo kết quả nghiên cứu về đặc điểm vi học và bước đầu đánh giá về thành phần hóa học của lá cây trà hoa dormoy (Camellia dormoyana (Pierre) Sealy).

**Từ khóa:** Cây trà hoa dormoy, dược liệu

**56. Nghiên cứu định lượng niken trong một số mẫu mỹ phẩm bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử /** Lê Thị Hường Hoa, Nguyễn Thị Kiều Trang, Nguyễn Tường Vy // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình định lượng niken và áp dụng kiểm tra chất này trong một số mỹ phẩm bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử.

**Từ khóa:** Niken, mỹ phẩm, phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử

**57. Nghiên cứu định lượng rosuvastatin trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng-khối phổ /** Tạ Mạnh Hùng, Phan Thị Nghĩa, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Thị Thu Hòa // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Nghiên cứu định lượng rosuvastatin trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng với detctor khối phổ kiểu tứ cực chập ba (LC-MS/MS).

**Từ khóa:** Rosuvastatin, huyết tương người, phương pháp sắc ký lỏng

**58. Nghiên cứu độc tính cấp và bán trường diễn của viên nang Totcos trên thực nghiệm /** Nguyễn Hải Nam, Vũ Nam, Trần Thị Thanh Loan // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 1-12.

**Nội dung**: Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của chế phẩm Totcos trên thực nghiệm.

**Từ khóa:** Totcos, didicera, độc tính cấp, bán trường diễn

**59. Nghiên cứu phân lập và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của carpain từ lá đu đủ (Carica papaya L., Caricaceae) /** Nguyễn Việt Đức, Nguyễn Thị Minh Thuận, Võ Thị Bạch Huệ // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Khảo sáthoạt tính kháng khuẩn của alcaloid và các cao phân đoạn có chứa alcaloid nhằm làm sáng tỏ thêm công dụng của vài chế phẩm có dược liệu này đang xuất hiện trên thị trường.

**Từ khóa:** Lá đu đủ tươi, carpain, hoạt tính kháng khuẩn

**60. Nghiên cứu phân lập và phân tích định lượng luteolin-7-O-β-D-glucuronid trong dược liệu bồ công anh Việt Nam (Lactuca indica L.) /** Nguyễn Thị Nụ, Nguyễn Đình Quân, Trịnh Nam Trung, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Hà Ly// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 32-37.

**Nội dung**: Công bố một thành phần hoá học được phân lập từ phần trên mặt đất cây bồ công anh và phương pháp định lượng hợp chất này bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.

**Từ khóa:** Lactuca indica L., luteolin-7-O-β-D-glucuronid, bồ công anh, dược liệu

**61. Nghiên cứu quy trình định lượng rutin trong lá cây sầu đau (Azadirachta india, A. Juss) bằng phương pháp HPLC-DAD /** Nguyễn Thị Ngọc Vân, Bùi Thanh Ngân Tạo, Nguyễn Thị Thu Trâm, Nguyễn Thị Trang Đài, Nguyễn Ngọc Nhã Thảo, Dương Xuân Chữ // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Khảo sát các điều kiện chiết xuất rutin trong lá cây sầu đau. Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng rutin trong dịch chiết lá sầu đau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.

**Từ khóa:** Rutin, cây sầu đau, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng

**62. Nghiên cứu tác dụng giảm đau và chống viêm của hai loài bình vôi Stephania venosa (Bl.) Spreng và Stephania viridiflavens H. S. Lo & M. Yang /** Hoàng Văn Thủy, Lý Thị Vân Anh, Lê Thiên Kim, Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Thùy Dương // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác dụng giảm đau, chống viêm của cao chiết từ củ của hai loài bình vôi Stephania venosa (Bl.) Spreng và Stephania viridiflavens H. S. Lo & M. Yang nhằm xác định căn cứ khoa học cho việc sử dụng dược liệu có hiệu quả và an toàn.

**Từ khóa:** Stephania venosa, Stephania viridiflavens, dược liệu

**63. Nghiên cứu tác dụng hạ đường huyết và chống oxy hóa của một số cao chiết thực vật /** Nguyễn Thị Xuân Thu, Đặng Đức Long, Thành Thị Thu Thủy // Sinh học .- 2019 .- Số 41(2) .- Tr. 119-128.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng hạ đường huyết của dịch chiết cồn 70 độ của lá dây thìa canhm lá cỏ ngọt, vỏ quế, râu bắp và lá húng quế trên chuột đái tháo đường gây ra bởi streptozocin.

**Từ khóa:** Đái tháo đường, hạ đường huyết, thực vật

**64. Nghiên cứu tác dụng hạ đường huyết và độc tính cấp của chế phẩm viên nang khổ qua rừng /** Nguyễn Thị Mai, Trần Anh Vũ, Cao Thị Cẩm Tú, Hoàng Thái Phượng Các // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 72-75.

**Nội dung**: Trình bày công thức và quy trình bào chế viên nang khổ qua rừng lô 0010519 và lô 0020519 thể hiện tác dụng hạ đường huyết tương đương với thuốc chứng glibenclamid uống liều trên mô hình chuột nhắt trắng gây đái tháo đường bằng streptozotocin.

**Từ khóa:** Đái tháo đường type 2, khổ qua rừng

**65. Nghiên cứu tổng hợp hoạt chất natri tetracarboxymethyl naringenin chalcon làm nguyên liệu bào chế mỹ phẩm /** Nguyễn Văn Tài, Lê Thành Nghị, Nguyễn Thị Thu Trang // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Nghiên cứu quy trình tổng hợp natri tetracarboxymethyl naringenin chalcon từ naringenin.

**Từ khóa:** Natri tetracarboxymethyl naringenin chalcon, mỹ phẩm, bào chế mỹ phẩm

**66. Nghiên cứu tổng hợp kẽm kojic và tác dụng ức chế tyrosinase /** Trương Phương, Hoàng Thị Hoài Thương, Nguyễn Quốc Thái // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Cung cấp các lợi ích làm trắng của acid kojic và tác dụng làm đẹp da của kẽm, làm giảm kích ứng, tăng tính ổn định của acid kojic.

**Từ khóa:** Acid kojic, kẽm kojic, ức chế tyrosinase

**67. Nghiên cứu tổng hợp và thử hoạt tính kháng vi khuẩn của một số dẫn chất 5-(halogenobenzyliden)-3-(4-clorosalicylamido)rhodanin /** Nguyễn Ngọc Bảo Hà, Huỳnh Trường Hiệp, Lê Thị Cẩm Tú, Phạm Thị Tố Liên, Trương Phương // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 72-75.

**Nội dung**: Tổng hợp các dẫn chất 5-(halogenobenzyliden)-3-(4-clorosalicylamido)rhodanin và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của các dẫn chất thu được.

**Từ khóa:** 5-(halogenobenzyliden)-3-(4-clorosalicylamido)rhodanin, hoạt tính kháng khuẩn

**68. Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đông khô trong bào chế hệ tiểu phân nano piroxicam /** Nguyễn Thị Mai Anh, Bạch Thị Thu Hằng // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 59-62, 71.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đông khô trong bào chế hệ tiểu phân nano piroxicam nhằm khảo sát ảnh hưởng của điều kiện sấy và tá dược tạo khung đến các đặc tính của hệ tiểu phân nano piroxicam.

**Từ khóa:** Đông khô, hệ nano, Piroxicam

**69. Nghiên cứu xác định khả năng gắn kết phosphat của sevelamer hydroclorid trong viên nén bằng phương pháp quang phổ UV-Vis /** Phan Lê Hiền, Hà Minh Hiển // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 79-82.

**Nội dung**: Trình bày quy trìnhxác định khả năng gắn kết phosphat của sevelamer hydroclorid trong viên nén bằng phương pháp quang phổ tử ngoại-khả kiến khá phổ biến trong các phòng thử nghiệm, kiểm nghiệm ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Sevelamer hydroclorid,phương pháp quang phổ tử ngoại-khả kiến, phosphat

**70. Nghiên cứu xây dựng phương pháp định tính nhanh tadalafil, sildenafil và vardenafil ngụy tạo trong thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị rối loạn cương dương bằng kỹ thuật khối phổ /** Huỳnh Ngọc Thùy Trang, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 78-83.

**Nội dung**: Phân tích phương pháp định tính nhanh tadalafil, sildenafil và vardenafil ngụy tạo trong thực phẩm chức năng hỗ trợ điều trị rối loạn cương dương bằng kỹ thuật khối phổ.

**Từ khóa:** Tadalafil, sildenafil, vardenafil, rối loạn cương dương, phương pháp kỹ thuật khối phổ

**71. Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng đồng thời menthol và methyl salicylat trong kem thuốc bằng phương pháp sắc ký khí mao quản /** Phan Nguyễn Trường Thắng, Hà Minh Hiển // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Cung cấp một quy trình phân tích bằng kỹ thuật sắc ký khí mao quản để định lượng đồng thời menthol và methyl salicylat trong kem thuốc dùng ngoài chữa trị đau nhức.

**Từ khóa:** Menthol, methyl salicylate, kem thuốc, phương pháp sắc ký khí mao quản

**73. Nghiên cứu xây dựng quy trình định tính và định lượng đồng thời năm glucocorticoid trong kem bôi da bằng phương pháp HPLC-PDA /** Lưu Nguyễn Anh Thư, Dương Xuân Chữ, Nguyễn Thị Ngọc Vân, Nguyễn Thị Thu Trâm // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 61-65.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp định tính và định lượng đồng thời năm glucocorticoid trong kem bôi da bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò PDA.

**Từ khóa:** Glucocorticoid, kem bôi da,phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

**74. Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích ketoconazol và climbazol trong một số sản phẩm dầu gội bằng HPLC /** Võ Trần Ngọc Hùng, Đỗ Thùy Anh, Phùng Thị Hồng, Lê Thị Hường Hoa, Thái Nguyễn Hùng Thu // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 75-79.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình phân tích ketoconazol và climbazol trong dầu gội đầu bằng HPLC nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng đồng thời cung cấp thông tin và công cụ giúp các cơ quan có biện pháp quản lý phù hợp nhóm mặt hàng dầu gội.

**Từ khóa:** Ketoconazol, climbazol, dầu gội đầu, kiểm nghiệm thuốc

**75. Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích triclosan và triclocarban trong một số dạng mỹ phẩm bằng HPLC /** Võ Trần Ngọc Hùng, Lê Thị Hường Hoa, Thái Nguyễn Hùng Thu // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Xây dựng phương pháp xác định đồng thời hàm lượng triclosan và triclocarban trong một số dạng mỹ phẩm là kem đánh răng và nước rửa tay.

**Từ khóa:** Triclosan, triclocarban, mỹ phẩm, phương pháp HPLC

**76. Những gen sinh ung thư** / Nguyễn Văn Kình // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 11(728) .- Tr.78-82.

**Nội dung**: Trình bày sự hiểu biết về cơ chế và các gen ung thư, cũng như những liệu pháp trị liệu đích sẽ giúp chúng ta có thêm sức mạnh trong cuộc chiến chống căn bệnh chết người này.

**Từ khóa**: Gen sinh ung thư, liệu pháp trị liệu, biến đổi di truyền

**77. Ô nhiễm vi nhựa và nguy cơ với sức khỏe con người /** Nguyễn Hải Đăng // Dược và mỹ phẩm .- 2019 .- Số 107 .- Tr. 58-63.

**Nội dung**: Trình bày các nguy cơ khi hít phải hạt vi nhựa; Các vi hạt varnish, cao su, polyetylen và polyamide; Nguy cơ thấp từ các hạt vi nhựa trong nước uống.

**Từ khóa:** Vi nhựa, ô nhiễm nhựa, sức khỏe con người

**76. Oncolytic virus : thêm lựa chọn điều trị cho bệnh nhân ung thư /** Hồng My // Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 105 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Trình bày cách thức đưa virus vào cơ thể bằng đường uống hay tiêm tĩnh mạch đều có thể kích thích hệ miễn dịch bẩm sinh và phản ứng trung hòa virus, dẫn đến đào thải virus mang tính quyết định hiệu quả tiêu diệt tế bào ung thư.

**Từ khóa:** Oncolytic virus, bệnh nhân ung thư, điều trị

**78. Optimization of L-asparaginase production from Escherichia coli using response surface methodology /** Nguyen Thi Hien Trang, Le Thanh Hoang, Do Thi Tuyen// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 767-775.

**Contents**: The analysis of variance coupled with larger value of R2 showed that the quadratic model used for the prediction was highly significant.

**Key:** Escherichia coli BL21(DE3), K562, L-asparaginase, MALDI-TOF, response surface

**79. Phân lập tối ưu hóa điều kiện nuôi cấy vi khuẩn lactic có khả năng kháng vi khuẩn *Propionibacterium* spp. được phân lập trên da người** / Bùi Hoàng Đăng Long, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Huỳnh Xuân Phong, Phạm Thúy Vi, Nguyễn Ngọc Thạnh // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7(Tập 61) .- Tr.21-27.

**Nội dung**: Phân lập các chủng vi khuẩn *Propionibacterium* spp. từ da người, tuyển chọn chủng vi khuẩn lactic có khả năng kháng vi khuẩn *Propionibacterium* spp. đã phân lập và xác định điều kiện thích hợp nuôi cấy vi khuẩn lactic này bằng môi trường nước chua tàu hủ.

**Từ khóa**: Bacteriocin, điều kiện thích hợp, kháng khuẩn gây mụn, nước chua tàu hủ, vi khuẩn lactic

**80. Phân lập và thiết lập chất đối chiếu hippadin từ thân hành trinh nữ hoàng cung (Crinum latifolium L.) /** Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phan Văn Hồ Nam, Võ Thị Bạch Huệ // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp phân lập và thiết lập chất đối chiếu hippadin từ thân hành trinh nữ hoàng cung.

**Từ khóa:** Hippadin, cây hành trinh nữ hoàng cung

**81. Phân tích tính hợp lý trong việc lựa chọn doripenem điều trị viêm phổi bệnh viện tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai /** Vũ Đình Hòa, Nguyễn Thị Phương Dung, Đỗ Thị Hồng Gấm, Vương Xuân Toàn, Đào Xuân Cơ, Đặng Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Tuyến, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Gia Bình // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Phân tích việc sử dụng của doripenem trong phác đồ điều trị viêm phổi bệnh viện tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai và so sánh hiệu quả với phác đồ có chứa meropenem.

**Từ khóa:** Viêm phổi bệnh viện, doripenem, kháng sinh

**82. Plasma và ứng dụng trong y học** / Đỗ Hoàng Tùng // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.54-55.

**Nội dung**: Nêu tầm quan trọng của ứng dụng plasma, đặc biệt là plasma lạnh đang là vấn được quan tâm trên thế giới. Các nghiên cứu cho thấy, plasma lạnh có khả năng ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như bảo quản thực phẩm, chế tạo linh kiện điện tử, xử lý bề mặt sơn phủ… và đặc biệt là trong y học.

**Từ khóa**: Plasma, plasma lạnh, y học

**83. Sàng lọc gen mã hóa protein ức chế protease từ metagenomics của vi sinh vật liên kết với hải miên biển Quảng Trị, Việt Nam /** Trần Thị Hồng, Phạm Việt Cường, Nguyễn Thị Kim Cúc // Sinh học .- 2019 .- Số 41(2) .- Tr. 50-60.

**Nội dung**: Khai thác gen ức chế protease phục vụ cho việc tìm kiếm các chất ức chế protease tái tổ hợp mới có hiệu quả điều trị cao trong y học.

**Từ khóa:** Hải miên, metagenomics, serpin, tin sinh học, vi sinh vật liên kết hải biển

**84. So sánh đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của cây bạch hoa xà thiệt thảo (Hedyotis diffusa Willd.) và cây cỏ lưỡi rắn (Hedyotis corymbosa (L.) Lam.) /** Lương Thị Giang, Lê Thị Hòa, Ngô Tú Anh, Nguyễn Hải Hà, Vương Thị Phương Dung, Hoàng Việt Dũng // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 65-69.

**Nội dung**: Nghiên cứu so sánh đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của cây bạch hoa xà thiệt thảo và cây cỏ lưỡi rắn.

**Từ khóa:** Bạch hoa xà thiệt thảo, cỏ lưỡi rắn, thành phần hóa học

**85. Tác dụng điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu và xơ vữa động mạch của cao lỏng tam tử dưỡng tâm trên thực nghiệm /** Phạm Thị Vân Anh, Trần Minh Hiếu // Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2019 .- Số 60 .- Tr. 22-36.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn chuyển hóa lipid máu của cao lỏng “tam tử dưỡng tâm” trên động vật thực nghiệm. Đánh giá tác dụng chống xơ vữa động mạch của cao lỏng “tam tử dưỡng tâm” trên động vật thực nghiệm.

**Từ khóa:** Tam tử dưỡng tâm, rối loạn lipid máu

**86. Tạo cây chuyển gen Arabidopsis biểu hiện vượt mức GmHP08 nhằm phân tích vai trò của GmHP08 trong cơ chế đáp ứng với stress thẩm thấu /** Đậu Thị Thanh Thảo, Hoàng Thị Lan Xuân, Nguyễn Bình Anh Thư, Đoàn Hoàng Ngân, Nguyễn Vân Anh, Nguyễn Phương Thảo// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 89-97.

**Nội dung**: Sàng lọc trên môi trường kháng sinh kanamycin kết hợp với kiểm tra sự hiện diện của gen chuyển trong cây bằng phương pháp PCR qua các thế hệ liên tục giúp chọn hai dòng chuyển gen độc lập mang một copy của gen chuyển ở dạng đồng hợp.

**Từ khóa:** GmHP08, Arabidopsis thaliana, two-component system, stress mặn, cây chuyển gen

**87. Tạo chủng Bacillus subtilis có khả năng biểu hiện Sortase A của Listeria monocytogenes /** Đặng Thị Kim Ngân, Nguyễn Minh Trí, Nguyễn Thị Diệu Em, Phan Thị Phượng Trang, Nguyễn Đức Hoàng// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 179-187.

**Nội dung**: Tạo ra các chủng Bacillus subtilis tái tổ hợp có khả năng biểu hiện Sortase A dưới sự kiểm soát của promoter PxylA nhằm làm giảm sự biểu hiện nền và tạo sự đa dạng trong việc lựa chọn chất cảm ứng.

**Từ khóa:** Bacillus subtilis, Listeria monocytogenes, PxylA, Sortase A, vector sáp nhập

**88. Thẩm định quy trình xác định độ tinh khiết hóa phóng xạ của thuốc 2-[18F]fluoro-2-deoxy-D-glucose (18F-FDG) /** Hồ Đắc Hùng, Nguyễn Xuân Cảnh, Võ Thị Bạch Huệ // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Xây dựng và thẩm định quy trình xác định độ tinh khiết hóa phóng xạ của thuốc 2-[18F]fluoro-2-deoxy-D-glucose (18F-FDG) được thực hiện nhằm kiểm soát đánh giá chất lượng thuốc 18F-FDG sản xuất tại Bệnh viện Chợ Rẫy và làm cơ sở cho việc khảo sát các chỉ tiêu còn lại.

**Từ khóa:** Thuốc phóng xạ

**89. Tính kháng dinh dưỡng của phytate và xử lý phytate trong sữa đậu nành bằng phytase /** Trần Thị Thúy, Trương Thị Liên, Lê Thị Hồng// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 167-177.

**Nội dung**: Làm sáng tỏ đặc tính kháng dinh dưỡng của phytate, đồng thời tuyển chọn được loại phytate phù hợp để loại bỏ tính kháng dinh dưỡng của phytate trong sữa đậu nành nhưng vẫn giữ lại được đặc tính đã được báo cáo là tốt cho sức khỏe của các inositol phosphate bậc thấp.

**Từ khóa:** Enzyme tiêu hóa, phytate, phytase, sữa đậu nành, tính kháng dinh dưỡng

**90. Tổng hợp dimesna (dinatri 2-(3-sulfonatoethyldisulfanyl) ethansulfonat) sử dụng hydroperoxid /** Nguyễn Văn Hải, Đào Nguyệt Sương Huyền// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 22-25, 31.

**Nội dung**: Trình bày phương pháptổng hợp dimesna (dinatri 2-(3-sulfonatoethyldisulfanyl) ethansulfonat) sử dụng hydroperoxid của tác giả Masayuki Kirihara và CS.

**Từ khóa:** Dimesna, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

**91. Tổng hợp một số hợp chất amid mang bộ khung piperazin và piperidin hướng ức chế glutaminyl cyclase trong phòng và điều trị Alzheimer /** Trần Phương Thảo, Hoàng Văn Hải // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: Tổng hợp 4 dẫn chất amid mang khung piperazin hoặc piperidin qua 6 bước bằng các phản ứng hóa học thông thường như: Williamson, thủy phân, oxy hóa, cộng hợp amid, khử hóa, cộng hợp thiourea, tách loại nhóm bảo vệ Boc.

**Từ khóa:** Bệnh Alzheimer, amid, piperazin, piperidin, glutaminyl cyclase

**92. Tổng hợp và đánh giá một số tác dụng sinh học của các hợp chất N’-(1-aryl ethyliden)adamantan-1-carbohydrazid /** Phạm Văn Hiển, Nguyễn Hoàng Anh, Vũ Bình Dương, Phan Thị Phương Dung, Phan Đình Châu // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Trình bày hai hợp phần khung adamantan và arylidenacetohydrazid vào trong một phân tử với kỳ vọng tạo ra các hợp chất có tác dụng ức chế các chủng vi sinh vật gây bệnh và gây độc tế bào ung thư.

**Từ khóa:** N’-(1-aryl ethyliden)adamantan-1-carbohydrazid, hoạt tính sinh học

**93. Tổng hợp và thử hoạt tính sinh học của một số dẫn chất benzamid có nhân quinazolin (2) /** Đoàn Thanh Hiếu, Nguyễn Thị Thuận // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Tổng hợp một số dẫn chất có cùng khung cấu trúc N-hydroxybenzamid mang dị vòng quinazolin và thử hoạt tính sinh học của chúng.

**Từ khóa:** Benzamid, quinazolin, hoạt tính sinh học

**94. Tổng hợp và thử tác dụng kháng nấm của một số dẫn chất dihydroxybenzofuran mới /** Đào Việt Hưng, Hà Quang Lợi, Trần Thị Vân Anh, Hà Thanh Hòa, Hoàng Đức Luận, Phạm Quốc Tuấn, Trần Phương Thảo// Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 83-87.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và thử tác dụng kháng nấm của một số dẫn chất dihydroxybenzofuran mới.

**Từ khóa:** Dihydroxybenzofuran, thuốc chống nấm, kháng nấm

**95. Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 6-(n-butylamino)-2 –arylquinazolin-4(3H)-on mới /** Văn Thị Mỹ Huệ, Nguyễn Thị Luyến, Lê Nguyễn Thành, Hoàng Thu Trang, Đinh Thị Thanh Hải, Vũ Trần Anh // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 8-12.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 6-(n-butylamino)-2 –arylquinazolin-4(3H)-on mới.

**Từ khóa:** Tế bào ung thư, 6-(n-butylamino)-2 –arylquinazolin-4(3H)-on

**96. Tổng hợp và thử tác dụng ức chế tế bào ung thư của một số dẫn chất acetohydrazid có khung 3,4-dihydro-4-oxoquinazolin /** Lê Công Huân, Trần Phương Thảo, Nguyễn Thị Thuận // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 18-21, 32.

**Nội dung**: Trình bày kết quả tổng hợp và thử tác dụng ức chế tế bào ung thư của một số dẫn chất acetohydrazid có khung 3,4-dihydro-4-oxoquinazolin.

**Từ khóa:** Tế bào ung thư, acetohydrazid, 3,4-dihydro-4-oxoquinazolin

**97. Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của tạp chất liên quan D (N-[2-[[[5-[(dimethylamino)methyl]-2-furanyl]methyl]thio]ethyl]-2-nitroacetamid) của ranitidin /** Phạm Lê Ngọc Yến, Đỗ Gia Hưng, Bùi Thị Hồng Phương, Nguyễn Đức Tuấn // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tổng hợp và xây dựng quy trình xác định độ tinh khiết của tạp D của ranitidin.

**Từ khóa:** Ranitidin hydroclorid, độ tinh khiết, tạp D

**98. Tổng quan hệ thống về các hợp chất tự nhiên có hoạt tính ức chế lipase tuỵ /** Trương Văn Đạt, Ngô Thanh Nhân, Võ Linh Tử, Nguyễn Thị Anh Tú, Nguyễn Hoàng Tùng, Nguyễn Thị Thu Thảo, Nguyễn Thuỵ Việt Phương, Võ Thị Cẩm Vân, Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Đánh giá và phân tích tổng quan về khả năng kháng hoạt tính lipase tuyến tuỵ của các dẫn xuất flavonoid từ thiên nhiên với khung cấu trúc chalcon, flavan-3-ol(catechin), flavanon, flavon, flavonol và các alkaloid với khung cấu trúc base purin (xanthin) làm tiền đề cho các thử nghiệm thiết kế phân tử thuốc điều trị béo phì trong tương lai.

**Từ khóa:** Hợp chất tự nhiên, hoạt tính ức chế lipase tuỵ

**99. Tổng quan về chuẩn năng lực dược sĩ trên thế giới /** Đỗ Xuân Thắng, Lê Thu Thủy, Lã Thị Quỳnh Liên, Nguyễn Phương Chi, Nguyễn Thị Phương Thúy, Đào Nguyệt Sương Huyền, Nguyễn Mạnh Tuyển // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Tổng quan các chuẩn năng lực dược sĩ đã công bố trên thế giới để đưa ra bức tranh toàn cảnh về yêu cầu năng lực cần có của người dược sĩ, từ đó làm cơ sở cho việc lựa chọn phương pháp tiếp cận, tổ chức nghiên cứu để xây dựng và đề xuất dự thảo chuẩn năng lực dược sĩ tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Dược sĩ, chuẩn năng lực

**100. Ứng dụng công nghệ nano trong các sản phẩm chăm sóc sức khoẻ /** Nguyễn Văn Long// Dược và Mỹ phẩm .- 2019 .- Số 108 .- Tr. 6-13.

**Nội dung**: Phân loại nano, đánh giá tính an toàn của mỹ phẩm có sử dụng công nghệ nano, sản xuất chế phẩm mỹ phẩm có sử dụng công nghệ nano, tình hình và xu hướng nghiên cứu mỹ phẩm theo công nghệ nano trong nước hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** Nano, công nghệ nano, chăm sóc sức khoẻ

**101. Ứng dụng kỹ thuật multiplex PCR phát hiện các gen VEB, DIM và AmpC của các chủng vi khuẩn *Pseudomonas aeruginosa* phân lập tại Bệnh viện Xanh Pôn và Bệnh viện Thanh Nhàn** / Ngô Thị Hồng Hạnh, Phạm Duy Thái, Trần Thị Vân Phương, Hoàng Thị Hằng, Trần Huy Hoàng // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 9 .- Tr.29-33.

**Nội dung**: Sử dụng kỹ thuật multiplex PCR để phát hiện các gen mã hóa ESBL (blaVEB), MBL (blaDIM) và AmpC ở các chủng *P*. *aeruginosa* phân lập tại Bệnh viện Xanh Pôn và Bệnh viện Thanh Nhàn từ năm 2010 đến năm 2015.

**Từ khóa**: AmpC, DIM, mPCR, *P*. *aeruginosa*, VEB

**102. Ứng dụng kỹ thuật PCR tổ định loài giun móc Ancylostoma spp. Và giun mỏ *Necator americanus* ở người nhiễm bệnh** / Lưu Thanh Liêm, Lê Quốc Hùng, Lê Đức Vinh, Nguyễn Kim Thạch, Phan Văn Trọng // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7(Tập 61) .- Tr.10-13.

**Nội dung**: Ứng dụng kỹ thuật PCR tổ (nested PCR) để xác định giun móc *Ancylostoma* spp. và giun mỏ *Necator americanus* trong phân người nhiễm bệnh ở cộng đồng dân cư xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Từ khóa**: *Ancylostoma* spp., ấu trùng, *Necator americanus*, PCR tổ, phân người, phương pháp Sasa

**103. Ứng dụng phép biến đổi Fourier gián đoạn phổ tử ngoại tỷ đối để định lượng đồng thời hai hoạt chất trong một số chế phẩm hạ nhiệt giảm đau /** Trương Thị Thư Hường, Lê Công Tuấn Anh, Đồng Thị Hà Ly, Nguyễn Mai Hương, Vũ Đặng Hoàng // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Triển khaiứng dụng biến đổi Fourier rời rạc cho phép định lượng đồng thời bằng quang phổ tử ngoại hai hoạt chất trong một số chế phẩm hạ nhiệt giảm đau có chứa paracetamol hiện đang lưu hành trên thị trường.

**Từ khóa:** Paracetamol, biến đổi Fourier rời rạc, chế phẩm

**104. Ứng dụng và an toàn sử dụng các vật liệu nano trong nông nghiệp /** Lê Thị Thu Hiền// Công nghệ Sinh học .- 2019 .- Số 17 (1) .- Tr. 1-15.

**Nội dung**: Tổng hợp và phân tích các nghiên cứu liên quan đến ứng dụng và tác động của các vật liệu nano đến cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật đất.

**Từ khóa:** Công nghệ nano, đánh giá an toàn, hạt nano kim loại, hoạt tính sinh học, nông nghiệp, vật liệu nano

**105. Vitamin C inhibited fasl-induced apoptotic death of mouse dendritic cells through C-Flip expression /** Nguyen Thi Xuan, Le Thi Thu Hien// Journal of Biotechnology .- 2018 .- Number 16(4) .- P. 595-601.

**Contents**: The present study addressed the effects of vitamin C on survival of dendritic cells, a regulator of innate and adaptive immunity.

**Key:** c-FLIP, dendritic cells, Fas ligand, phosphatidylserine, vitamin C

**106. Xạ trị bằng Proton : xu hướng trên thế giới và triển vọng tại Việt Nam** / Dương Thị Nhung // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 8(725) .- Tr.48-51.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xạ trị bằng Proton (PT), một xu hướng trên thế giới và triển vọng tại Việt Nam. PT bảo đảm sự tối ưu hóa về liều lượng khi đi vào cơ thể. Các hạt proton được gia tốc trong các thiết bị (máy gia tốc vòng) để đạt được mức năng lượng lên đến 250 MeV – đủ để phân bố đủ liều tới các khối u nằm sâu trong cơ thể.

**Từ khóa**: Xạ trị, proton, ung thư

**107. Xây dựng công thức gen nhũ tương dầu dừa (coconut oil) ứng dụng trong mỹ phẩm** / Phạm Đình Duy, Đoàn Duy Quốc // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 7(Tập 61) .- Tr.14-20.

**Nội dung**: Xây dựng công thức gen có cấu trúc nhũ tương (gel nhũ tương) chứa dầu dừa (coconut oil). Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp như sau: tỷ lệ phối hợp của từng chất nhũ hóa và trong công thức gel nhũ tương được xác định dựa trên hệ số cân bằng dầu – nước yêu cầu (Required Hydophilic Lipophilic Balance – RHLB) của dầu dừa.

**Từ khóa**: Dầu dừa, gel nhũ tương, thiết kế thực nghiệm

**108. Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời methylisotriazolinon (MI) và methylchloroisotriazolinon (MCI) trong mẫu khăn ướt bằng kỹ thuật HPLC /** Lê Đình Chi, Nguyễn Văn Trung, Lê Thị Hường Hoa // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả nghiên cứu định lượng đồng thời MI và MCI trong khăn ướt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao pha đảo với detector PDA.

**Từ khóa:** Methylisotriazolinon, methylchloroisotriazolinon, khăn ướt, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng

**109. Xây dựng phương pháp định tính nguyên liệu tạp chất A của terazosin bằng sắc ký lớp mỏng /** Đỗ Thị Thanh Thủy, Nguyễn Hải Nam // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Xây dựng phương pháp định tính nguyên liệu tạp chất A của terazosin bằng sắc ký lớp mỏng để bổ sung thêm phương pháp định tính cho nguyên liệu tạp chất A của terazosin.

**Từ khóa:** Terazosin, phương pháp sắc ký lớp mỏng

**110. Xây dựng quy trình định lượng coixol trong cam thảo nam (Scopararia dulcis L.) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao /** Phạm Thị Minh Hải, Nguyễn Thị Tư, Nguyễn Thị Hà Ly, Ngô Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Thị Kiều Anh, Đinh Thị Thanh Hải, Phương Thiện Thương // Dược học .- 2019 .- Số 6 (Số 518 năm 59) .- Tr. 83-88.

**Nội dung**: Xây dựng và thẩm định phương pháp định lượng coixol trong dược liệu cam thảo nam (Scopararia dulcis L.) bằng sắc ký lỏng hiệu năng caovà áp dụng để định lượng coixol trong một số mẫu dược liệu thu ở miền Bắc Việt Nam nhằm góp phần đánh giá chất lượng dược liệu này được tốt hơn.

**Từ khóa:** Cam thảo nam, Scopararia dulcis L., phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng

**111. Xây dựng quy trình đinh lượng đồng thời chín paraben trong mỹ phẩm bằng phương pháp UPLC-đầu dò UV-VIS /** Nguyễn Thị Minh Đức, Nguyễn Huỳnh Kim Ngân, Nguyễn Thị Ngọc Vân // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 76-80.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình đinh lượng đồng thời 9 paraben gồm 2 cặp đồng phân vị trí, sử dụng hệ thống sắc ký lỏng đầu dò UV-VIS, rút ngắn thời gian phân tích, tiết kiệm dung môi, hóa chất.

**Từ khóa:** Mỹ phẩm, paraben, UPLC, UV-VIS

**112. Xây dựng quy trình định lượng đồng thời metformin hydroclorid và vildagliptin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao /** Phan Thanh Dũng, Lưu Hoàng Long, Hoàng Anh Việt// Dược học .- 2019 .- Số 11 (số 523 năm 59) .- Tr. 69-73.

**Nội dung**: Xâydựng quy trình định lượng đồng thời metformin hydroclorid và vildagliptin trong chế phẩm viên bao phim phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dải diot quang dùng cho việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho chế phẩm nghiên cứu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam.

**Từ khóa:** Metformin hydroclorid, vildagliptin, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, chế phẩm đa thành phần

**113. Xây dựng quy trình định lượng đồng thời vicenin-2 và vitexin trong cao dược liệu rau đắng đất bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao /** Trần Thị Tâm Nguyên, Nguyễn Hữu Sơn, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Ngọc Vinh // Dược học .- 2019 .- Số 9 (Số 521 năm 59) .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Trình bày kết quả xâydựng quy trình định lượng đồng thời vicenin-2 và vitexin trong cao rau đắng đất góp phần nâng cao chất lượng cao và các chế phẩm chứa rau đắng đất.

**Từ khóa:** Rau đắng đất, vicenin-2, vitexin, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

**114. Xây dựng quy trình định lượng nystatin bằng phương pháp HPLC /** Bùi Nguyễn Như Quỳnh, Trần Anh Vũ, Nguyễn Đinh Nga, Trương Quốc Kỳ // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 49-53.

**Nội dung**: Xây dựng và thẩm định một quy trình HPLC nhằm định lượng nystatin trong mẫu thử nghiệm tự tạo, có thể ứng dụng trong quá trình nghiên cứu thuốc.

**Từ khóa:** Chế phẩm nystatin, HPLC, nghiên cứu thuốc

**115. Xây dựng quy trình định lượng rutin trong viên nén hướng tác dụng hạ đường huyết từ cao chiết lá sầu đâu (Azadirachta indica, Meliaceae) /** Trần Ngọc Dung, Dương Xuân Chữ, Nguyễn Thị Ngọc Vân // Dược học .- 2019 .- Số 10 (số 522 năm 59) .- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Trình bày kết quả **x**ây dựng quy trình định lượng rutin trong viên nén chứa cao đặc lá sầu đâu nhằm định hướng xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và nghiên cứu độ ổn định của chế phẩm chứa cao đặc lá sầu đâu giúp hỗ trợ điều trị đái tháo đường.

**Từ khóa:** Cây sầu đâu, rutin, hạ đường huyết

**116. Xây dựng quy trình phân tích đồng phân quang học dexlansoprazol bằng phương pháp sắc ký lỏng /** Nguyễn Thảo Hạnh Ngân, Phan Thanh Dũng, Trần Thị Mỹ Dung, Lê Thị Thu Cúc // Dược học .- 2019 .- Số 7 (Số 519 năm 59) .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Trình bày kết quả phân tích đồng phân quang học dexlansoprazol bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.

**Từ khóa:** Đồng phân quang học, dexlansoprazo, phương pháp sắc ký lỏng

**117. Xây dựng và áp dụng bộ công cụ phát hiện biến cố bất lợi của thuốc (ADE Trigger Tool) bằng phương pháp sàng lọc hồi cứu bệnh án tại Bệnh viện Hữu Nghị /** Nguyễn Thị Thảo, Trần Văn Dân, Nguyễn Thị Thu Hương, Dương Khánh Linh, Nguyễn Tứ Sơn, Phạm Thị Thúy Vân // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 63-67.

**Nội dung**: Xây dựngbộ công cụ để phát hiện biến cố bất lợi của thuốc dựa trên bộ công cụ IHI ADE Trigger Tool. Áp dụng bộ công cụ đã xây dựng để phát hiện biến cố bất lợi của thuốc bằng phương pháp sàng lọc hồi cứu bệnh án.

**Từ khóa:** Bộ công cụ IHI ADE Trigger Tool, phương pháp sàng lọc hồi cứu bệnh án

**118. Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng zedoarondiol trong cao khô sấy phun ngải trắng /** Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đăng Khoa, Võ Thanh Hóa // Dược học .- 2019 .- Số 8 (Số 520 năm 59) .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Kiểm soát chất lượng cao khô sấy phun ngải trắng, một nguyên liệu đầu vào quan trọng cho quy trình sản xuất một số sản phẩm chứa cao khô sấy phun ngải trắng.

**Từ khóa:** Cao khô sấy phun ngải trắng, zedoarondiol

**119. Xét nghiệm di truyền không xâm lấn cho sàng lọc phôi** / Vũ Đình Chất // Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 11(728) .- Tr.83-85.

**Nội dung**: Đề cập một số kết quả mới và tiềm năng ứng dụng của các phương pháp xét nghiệm di truyền không xâm lấn cho sàng lọc phôi (NIPGT-A) phục vụ kỹ thuật IVF trong điều trị vô sinh, hiếm muộn.

**Từ khóa**: Xét nghiệm di truyền không xâm lấn, sàng lọc phôi, NIPGT-A, điều trị vô sinh

**ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

**1.** **Đánh giá phẩm chất mạng chuyển tiếp song công hai chiều trên cùng băng tần dưới tác động của phần cứng không lý tưởng** / Nguyễn Bá Cao, Trần Xuân Nam // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 39 .- Tr. 36-34

**Nội dung:** Phân tích phẩm chất mạng chuyển tiếp song công hai chiều trên cùng băng tần với phần cứng không lý tưởng. Làm rõ mức độ ảnh hưởng của lỗi phần cứng và nhiễu tự giao thoa đến phẩm chất hệ thống khi so sánh với hệ thống lý tưởng và hệ thống bán song công truyền thống.

**Từ khóa:** Truyền thông song công trên cùng băng tần, triệt nhiễu tự giao thoa, khuếch đại và chuyển tiếp, xác suất dừng, phần cứng không lý tưởng.

**2.** **Đề xuất cấu trúc cây phát hiện xung đột trong tập luật của tường lửa** / Nguyễn Mạnh Hùng, Vũ Duy Nhất // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 40 .- Tr. 19-32

**Nội dung:** Đề xuất cấu trúc phát hiện cây xung đột (CDT: Conflict Detection Tree) có khả năng phát hiện tất cả các loại xung đột trong một tập luật của tường lửa một cách hiệu quả.

**Từ khóa:** Tường lửa, an ninh mạng, tiền tố, xung đột, chính sách an ninh.

**3.** **Dung lượng bảo mật của hệ thống MIMO cỡ rất lớn khi có thiết bị nghe lén thụ động** / Vũ Lê Quỳnh Giang, Trương Trung Kiên // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 40 .- Tr. 1-9

**Nội dung:** Đề xuất các biểu thích giải tích dạng tường minh cho dung lượng bảo mật của hệ thống thông tin vô tuyến MIMO cỡ rất lớn khi có mặt thiết bị nghe lén thụ động và dưới điều kiện kênh truyền pha-đinh Rice. Kết quả cho thấy của thành phần truyền tầm nhìn thẳng có thể làm cho tương quan chéo giữa các vector hệ số kênh truyền giữa trạm gốc và các thiết bị đủ lớn, từ đó, cho phép thiết bị nghe lén thụ động có thể ảnh hưởng lớn đến dung lượng bảo mật của hệ thống.

**Từ khóa:** Dung lượng bảo mật, MIMO cỡ rất lớn, nghe lén thụ động, bảo mật lớp vật lý.

**4.** **Giảm thiểu sóng hài dòng điện khi sử dụng biến tần** / Phạm Quang Đăng // Tự động hóa ngày nay .- 2019 .- Số 223 .- Tr. 36-38, 42

**Nội dung:** Tổng hợp những kinh nghiệm của Viện Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa – ĐH Bách khoa Hà Nội trong quá tình xây dựng các giải pháp lọc sóng hài khác nhau cho nhiều hộ tiêu thụ điện khác nhau trong công nghiệp và dân dụng để đưa ra bức tranh tổng quát về vấn đề lọc sóng hài tại các hộ tiêu thụ điện ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Sóng hài dòng điện, bộ lọc sóng hài, tiết kiệm năng lượng điện.

**5. Giải pháp tính khoảng cách từ tàu đến mốc phía trước sử dụng định vị vệ tinh**/ Lê Hồng Minh, Võ Công Minh, Nguyễn Huy Hưng, Đoàn Hồng Quang// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.39-43.

**Nội dung**: Để tính khoảng cách từ tàu đến mốc phía trước sử dụng định vị vệ tinh, nghiên cứu đã xây dựng quy trình gồm hai bước để triển khai giải pháp, đề xuất sử dụng thiết bị GNSS của U-blox để thu nhận thông tin định vị. Bài viết giới thiệu các công thức cơ bản để tính khoảng cách ngắn nhất, tính một điểm khi biết hai điểm và tính điểm giữa của hai điểm trên bề mặt trái đất. Bản đồ đường tàu để tính khoảng cách được tạo lập trên cơ sở các giải thuật: tìm đoạn gần nhất, tìm điểm gần nhất, loại điểm dư thừa, tính trung bình các lần đo.

**Từ khóa**: Dẫn đường, định vị vệ tinh, GNSS, I-ATP, phòng vệ đoàn tàu tự động kiểu điểm

**6.** **Giải pháp thu nhập dữ liệu, điều khiển và bảo trì, bảo dưỡng trên cơ sở Cloud** / Trương Đình Châu // Tự động hóa ngày nay .- 2019 .- Số 223 .- Tr. 31-35.

**Nội dung:** Giới thiệu đến bạn đọc một cái nhìn tổng quan vừa chi tiết về thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển quá trình của nhà máy từ xa bằng tin nhắn SMS truyền thống. Đồng thời, nêu ra giải pháp thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển quá trình của nhà máy từ xa thông qua mạng di động 2G/3G/4G và VPS.

**Từ khóa:** Thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển, bảo trì bảo dưỡng, SMS, internet.

**7.** **Giấu tin thuận nghịch sử dụng các thuộc tính của ngữ cảnh dự báo để loại bỏ bản đồ định vị** / Nguyễn Kim Sao, Đỗ Văn Tuấn, Phạm Văn Ất // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 40 .- Tr. 10-18

**Nội dung:** Bài báo trình bày một lược đồ giấu kín thuận nghịch mới sự dụng phương pháp dự báo hình thoi. Các điểm ảnh được chia thành hai tập hợp: tập chấm và tập chéo. Tập chéo được sử dụng làm ngữ cảnh dự báo mỗi điểm của tập chấm. Tập chấm được dùng để nhúng tin theo phương pháp mở rộng sai số dự báo. Hai đại lượng có tính chất bất biến đối với quá trình nhúng là phương sai địa phương và độ sâu của ngữ cảnh dự báo trong miền giá trị dữ liệu ảnh được sử dụng để sắp xếp các điểm ảnh của tập chấm. Kết quả nhận được là cá đoạn khả mở.

**Từ khóa:** Giấu tin thuận nghịch, sắp xếp điểm ảnh, mở rộng hiệu, dự báo điểm ảnh.

**8. Nghiên cứu phát triển hệ đo độ dày vật liệu thủy tinh nhiều lớp dựa trên công nghệ giao thoa ánh sáng xung lược**/ Bành Quốc Tuấn, Phạm Đức Quang, Nguyễn Quốc Đạt, Trương Công Tuấn, Shioda Tatsutoshi// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.35-38.

**Nội dung**: Phương pháp đo biên dạng bề mặt (surface profile) và đo cắt lớp độ dày vật liệu (tomograms) dựa trên giao thoa ánh sáng phổ rộng được phát triển trong nghiên cứu này. Bộ cộng hưởng Fabry-Perot được sử dụng để tạo ra một nguồn sáng phát tần số xung lược nhằm mở rộng khoảng đo theo chiều sâu. Cách tử nhiễu xạ (diffraction grating) được đặt bên trong bộ giao thoa ánh sáng, cho phép thực hiện các phép đo biên dạng bề mặt và đo cắt lớp độ dày vật liệu trong không gian 2 chiều chỉ với một khung ảnh trên camera CCD. Các vân giao thoa với các bậc vân riêng biệt tương ứng với bậc của tần số xung lược được ghi lại bởi một CCD camera trong thời gian thực. Thông tin biên dạng và độ dày các lớp của mẫu vật là các lớp (tấm thủy tinh nhiều lớp) có thể được tính toán từ vị trí của vân giao thoa trên CCD camera và bậc tương ứng của các vân. Trong hệ đo này, độ phân giải của phép đo cắt lớp độ dày và đo biên dạng lần lượt đạt được là 8 µm và 0,7 µm; phạm vi đo của hệ có thể đạt được là 30 mm.

**Từ khóa**: Ảnh giao thoa ánh sáng, chụp cắt lớp, đo biên dạng, giao thoa ánh sáng

**9. Nghiên cứu luyện và xử lý nhiệt một số mác thép độ bền cao tiên tiến**/ Đinh Bá Trụ, Trần Văn Đoàn, Phan Thanh Bình, Đinh Văn Hiến, Trần Công Thức, Lê Văn Long, Nguyễn Tiến An// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.49-53.

**Nội dung**: Bài báo giới thiệu kết quả nghiên cứu về công nghệ luyện và tạo phôi một số mác thép độ bền cao tiên tiến (AHSS) lần đầu tiên tại Việt Nam từ sắt xốp (DRI) MIREX. Sắt xốp, sản phẩm của công nghệ hoàn nguyên trực tiếp phi cốc, có hàm lượng C thấp, P và S rất thấp, chưa được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam do chưa có công nghệ chuyên dụng. Nghiên cứu này bước đầu giải quyết về công nghệ sử dụng sắt xốp luyện thành thép cacbon và hợp kim trong lò cảm ứng dung lượng đến 10 tấn. Đồng thời, một số phôi thép AHSS được luyện từ sắt xốp, có tính chất cơ học đặc biệt như thép S10C, DP800, CrMnSi và được nghiên cứu tích hợp các công nghệ như luyện và tinh luyện thép, biến dạng và xử lý nhiệt cho nhóm thép CMnSi (thép HSLA). Thép được sản xuất có tính chất cơ học tốt, vừa có độ bền cao vừa có tính dẻo tốt, hơn hẳn tính năng thép HSLA. Trong đó, mác thép dập sâu S10C-M đã được thử nghiệm ở hai nhà máy quân đội và được đánh giá đạt yêu cầu kỹ thuật.

**Từ khóa**: Sắt xốp DRI, thép DP, thép độ bền cao tiên tiến AHSS, TRIP

**10. Phân tích động lực học vết nứt trong vật liệu lẫn hạt cứng và lỗ rỗng bằng phương pháp phần tử hữu hạn nội suy liên tiếp mở rộng**/ Trương Tích Thiện, Trần Kim Bằng, Phan Ngọc Nhân, Bùi Quốc Tính// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 8(Tập 61) .- Tr.22-28.

**Nội dung**: Vật liệu có lẫn những hạt cứng là một trong những loại vật liệu được sử dụng phổ biến trong nền công nghiệp hiện đại. Vết nứt và khuyết tật xuất hiện sẽ gây ra hiện tượng tập trung ứng suất và làm ảnh hưởng lớn đến độ bền của kết cấu. Các khuyết tật trong vật liệu có thể được mô tả dưới dạng các lỗ trống. Ứng xử của vết nứt trong miền xuất hiện lỗ trống và các hạt cứng sẽ phức tạp hơn dưới tác dụng của tải trọng động. Trong bài báo này, nhóm tác giả phát triển ma trận độ cứng và khối lượng cho các phần tử mô tả vết nứt, lỗ trống và hạt cứng trong vật liệu nền bằng phương pháp phần tử hữu hạn nội suy liên tiếp mở rộng (extended twice-interpolation finite element method – XTFEM) cho bài toán động lực học, tính toán hệ số cường độ ứng suất động theo thời gian, khảo sát sự ảnh hưởng của lỗ trống, hạt cứng gần vết nứt. Các kết quả tính toán hệ số cường độ ứng suất động tại đỉnh vết nứt bằng XTFEM sẽ được so sánh với kết quả đã được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín để kiểm chứng độ tin cậy.

**Từ khóa**: Hạt cứng, lỗ trống, mở rộng, nội suy liên tiếp, tải trọng động, vết nứt, XTFEM

**11.** **Phân tích mạng tế bào thần kinh từ dữ liệu điện não đồ** / Nguyễn Tiến Dũng // Tự động hoá ngày nay .- 2019 .- Số 225 .- Tr. 32 – 34

**Nội dung:** Đề xuất module mạng tế bào thần kinh để phân tích dữ liệu (trong bản ghi) điện não đồ (EEG) bằng cách sử dụng mạng tế bào thần kinh nhiều lớp với các đầu ra synap phi tuyến tính. Xem xét một thuật toán tổng hợp dữ liệu EEG với việc sử dụng mạng tế bào thần kinh Kohonen. Kết quả kiểm tra module được đề xuất trong xử lý dữ liệu của bản ghi EEG và phân loại chúng được đưa ra tại bài thử nghiệm “Mở mắt – Nhắm mắt”.

**Từ khoá:** Mạng tế bào thần kinh, điện não đồ, synap phi tuyến tính.

**12.** **Phát hiện tự động các bộ phận của cây từ ảnh sử dụng mạng nơ-ron tích chập** / Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Lê Thị Lan, Vũ Hải, Hoàng Văn Sâm // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 39 .- Tr. 17-25

**Nội dung:** Đề xuất phương pháp phát hiện tự động bộ phân cây sự dụng nơ-ron tích chập. Các thực nghiệm được tiến hành trên tập con của tập dữ liệu PlantClef 2015 để đánh giá hiệu quả phương pháp đề xuất.

**Từ khóa:** Phát hiện bộ phận cây, nhận dạng cây, học sâu, mạng rơ-ron tích chập.

**13.** **Phương pháp cải tiến LSTM dựa trên đặc trưng thống kê trong phát hiện DGA botnet** / Mạc Đình Hiếu, Tống Văn Vạn, Bùi Trọng Tùng, Trần Quang Đức, Nguyễn Linh Giang // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 40 .- Tr. 33-42

**Nội dung:** Đề xuất phương pháp phân tích tên miền và phát hiện DGA botnet dựa trên sự kết hợp mạng LSTM (Long short-term memory) với các đặc trưng thống kê như độ dài, entropy, mức độ ý nghĩa của tên miền nhằm tăng khả năng khái quát hóa cho mạng LSTM.

**Từ khóa:** Phát hiện DGA botnet, LSTM, phát hiện tấn công mạng, an ninh mạng.

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của các yếu tố hình học đường ô tô đến an toàn giao thông trong nút giao thông cùng mức**/ ThS. Đặng Quang Tuân, KS. Tô Huỳnh Như, TS. Hoàng Quốc Long// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 47-51.

**Nội dung**: Một trong những nguyên nhân gây nên tai nạn giao thông đường bộ là yếu tố hạ tầng, đặc biệt trên các tuyến đường đô thị, tại các nút giao thông cùng mức thì các yếu tố hình học của đường đô tô cũng là một nhân tố có ảnh hưởng đáng kể. Bài báo nghiên cứu một số ảnh hưởng của các yếu tố hình học của đường ô tô đến an toàn giao thông trong các nút giao cùng mức: tầm nhìn, bề rộng làn, lề đường, tổ chức giao thông...qua đó đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông.

**Từ khóa**: Yếu tố hình học đường ô tô, an toàn giao thông, tai nạn giao thông, nút giao cùng mức.

**2. Ảnh hưởng của dạng đầu neo đến sự làm việc chung của bê tông geopolymer và cốt thép**/ Phạm Đức Thiện, Lê Hữu Hoàng Dự// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 202-207.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu sự chống kéo tuột của các dạng đầu neo thép trong bê tông thông quan thí nghiệm kéo tuột cho hai loại mẫu bê tông geopolymer có cường độ khác nhau và 1 loại mẫu bê tông xi măng có cùng cường độ làm cơ sở so sánh...

**Từ khóa**: Thí nghiệm kéo tuột, độ bám dính, bê tông geopolymer.

**3. Ảnh hưởng của hàm lượng cốt dọc đến ứng xử chọc thủng của sàn bê tông cốt GFRP**/ Lê Hồng Hải, Trần Hoành, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 166-169.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá sự thay đổi của hàm lượng cốt dọc đến ứng xử chọc thủng của sàn bê tông sử dụng cốt GFRP bao gồm khả năng kháng chọc thủng, chuyển vị và bề rộng vết nứt, đồng thời so sánh ứng xử chọc thủng của sàn cốt GFRP với sàn BTCT truyền thống.

**Từ khóa**: Sàn phẳng, cốt GFRP, khả năng kháng chọc thủng, hàm lượng cốt dọc.

**4. Ảnh hưởng của hàm lượng sợi polypropylene đến cường độ uốn và mô đun đàn hồi của bê tông**/ Đoàn Duy Khánh// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng hàm lượng sợi polypropylene đến cường độ uốn và mô đun đàn hồi của kết cấu bê tông. Mục tiêu nghiên cứu là ảnh hưởng của hàm lượng sợi polypropylene đến khả năng chịu uốn và mô đun đàn hồi của bê tông nền, đánh giá mối quan hệ giữa sợi polypropylene đến khả năng chịu uốn và mô đun đàn hổi của bê tông, khả năng ứng dụng của bê tông khi có gia cường sợi polypropylene trong các kết cấu bê tông, đánh giá khả năng làm việc của hỗn hợp bê tông sợi khi có gia cường phụ phẩm silicafume....

**Từ khóa**: Sợi polypropylene, mô đun đàn hồi, cường độ chịu uốn

**5. Ảnh hưởng của lỗ mở sàn tầng hầm đến chuyển vị ngang của tường vây trong biện pháp thi công top-down**/ Lê Trọng Nghĩa// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 174-179.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của lỗ sàn mở đến chuyển vị tường vây, thông qua việc thay đổi diện tích và bố trí lỗ mở cho một dự án cụ thể tại Thành phố Hồ Chí Minh được thi công theo biện pháp top-down. Độ cứng thanh chống sàn trong mô hình Plaxis được khảo sát bằng phần mềm Elabs nhằm xác định độ cứng đàn hồi của sàn có lỗ mở. Kết hợp với bài toán phân tích ngược, 4 trường hợp lỗ mở khác nhau được đưa ra để thực hiện khảo sát. Giá trị phân tích được so sánh với kết quả quan trắc chuyển vị ngang tường vây...

**Từ khóa**: Độ cứng sàn, chuyển vị tường vây, phân tích ngược, tương quan E và SPT (N).

**6. Ảnh hưởng của phương pháp gia tải trong thí nghiệm thử tải dầm bê tông cốt thép**/ Lê Phước Lành, Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 90-93.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm về ứng xử của mô hình dầm bê tông cốt thép đơn giản chịu tác dụng của một lực tập trung. Nghiên cứu được thực hiện trên hai nhóm dầm khác nhau bởi phương pháp gia tải thí nghiệm chất tải lặp và thí nghiệm thử tải tĩnh. Kết quả thí nghiệm cho thấy phương pháp gia tải có ảnh hưởng lớn đến sự làm việc của dầm bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, chất tải lặp, thử tải tĩnh, ứng suất, độ võng.

**7. Ảnh hưởng của phương pháp gia tải trong thí nghiệm thử tải dầm bê tông cốt thép**/ Lê Phước Lành, Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 90-93.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm về ứng xử của mô hình dầm bê tông cốt thép đơn giản chịu tác dụng của một lực tập trung. Nghiên cứu được thực hiện trên hai nhóm dầm khác nhau bởi phương pháp gia tải gồm thí nghiệm chất tải lặp và thí nghiệm thử tải tĩnh. Kết quả thí nghiệm cho thấy phương pháp gia tải có ảnh hưởng lớn đến sự làm việc của dầm bê tông cốt thép.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, chất tải lặp, thử tải tĩnh, ứng suất, độ võng.

**8. Ảnh hưởng của phương pháp thí nghiệm đến chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng pooc lăng của phụ gia khoáng hoạt tính cao**/ Văn Viết Thiên Ân, Bùi Quang Vinh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 129-132.

**Nội dung**: Đánh giá ảnh hưởng của các phương pháp thí nghiệm đến kết quả chỉ số hoạt tính cường độ cao đối với xi măng của 3 loại phụ gia khoáng có độ hoạt tính cao và tỷ diện tích bề mặt rất lớn: silica fume, tro trấu, meta cao lanh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để soát xét tiêu chuẩn TCVN 8827:2011.

**Từ khóa**: Phụ gia khoáng, chỉ số hoạt tính cường độ, dưỡng hộ nhiệt, hoạt tính pozzolanic.

**9. Ảnh hưởng của tỉ số nhịp trên chiều dày làm việc của sàn đến ứng xử uốn của sàn u-boot**/ Bùi Thanh Nhàn, Nguyễn Thông Thuận, Trần Thanh Dương, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 250-254.

**Nội dung**: Khảo sát thực nghiệm ảnh hưởng của tỉ số nhịp trên chiều dày sàn (L/d) đến ứng xử uốn của U-Boot chịu tải trọng tĩnh. Chương trình thực nghiệm được thực hiện trên sáu mẫu sàn U-Boot, được chia thành hai nhóm có sự thay đổi về chiều dày (200 và 250mm) và tỷ số L/d (15.9 đến 20.4)...

**Từ khóa**: Sàn U-Boot, tỉ số nhịp trên chiều dày sàn (L/d), khả năng kháng nứt, khả năng kháng uốn, chuyển vị.

**10. Ảnh hưởng của tính trực hướng đến dạng chuyển của tấm nổi chịu tải trọng di động**/ Lương Văn Hải, Nguyễn Xuân Vũ, Trần Minh Thi// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 94-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng xử của tấm nổi trực hướng chịu tải tập trung di động với trọng tâm là những thông số đặc trưng của sóng kết cấu tạo ra trên tấm bởi tải di động.

**Từ khóa**: Tấm trực hướng, FEM, BEM, hydroelastic, VLFS.

**11. Ảnh hưởng của ứng suất nén trực tiếp đến xâm nhập clorua qua bê tông keramzit**/ ThS. Lê Quang Vũ, TS. Thái Khắc Chiến, PGS. TS. Trần Thế Truyền// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu thực nghiệm xác định ảnh hưởng của ứng suất nén trực tiếp đến độ thấm clorua qua bê tông keramzit có cường độ nén 30Mpa. Phương pháp thí nghiệm được cải tiến dựa trên tiêu chuẩn TCVN 9337-2012 (ASTM C1202) kết hợp thêm bộ khung truyền lực để có thể đánh giá độ thấm nhanh theo phương pháp đo điện lượng trên mẫu chịu ứng suất. Kết quả thí nghiệm phản ánh sự thay đổi về điện lượng tại các giá trị ứng suất nén từ 0 – 70% ứng suất phá hoại mẫu.

**Từ khóa**: Bê tông keramzit, độ thấm clorua, ứng suất nén

**12. Ảnh hưởng kháng nở hông đến khả năng chịu tải và sự phá hoại của ống thép nhồi bê tông chịu nén dọc trục**/ Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 278-281.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thí nghiệm về khả năng chịu tải và sự phá hoại của ống thép nhồi bê tông dưới tác dụng của tải dọc trục, rồi so sánh với ống thép không nhồi bê tông và bê tông không có ống thép. Để đạt được mục đích này, thí nghiệm nén dọc trục sẽ tiến hành cho các mẫu ống thép nhồi bê tông, mấu ống thép rỗng (không nhồi bê tông) và mẫu bê tông không có ống thép. Kết quả thí nghiệm cho thấy rằng ống thép nhồi bê tông khi bị phá hoại vẫn là một khối và vẫn còn khả năng chịu lực. Trong khi đó, bê tông không có ống thép vị vỡ ra thành từng mảng và hoàn toàn không có khả năng chịu tải sau khi phá hoại, còn ống thép thì bị mất ổn định cục bộ khi tải trọng còn rất nhỏ.

**Từ khóa**: Bê tông, ống thép nhồi bê tông, kháng nở hông, phá hoại, tải dọc trục.

**13. Áp dụng mô hình ứng xử phi tuyến của vật liệu bê tông trong mô phỏng số**/ Lê Minh Hoàng, Lưu Thanh Bình, Ngô Hữu Cường// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 199-206.

**Nội dung**: Giới thiệu việc áp dụng một mô hình ứng xử phi tuyến của vật liệu bê tông với việc thiết lập quan hệ ứng suất – biến dạng ở hai trạng thái chịu nén và kéo phụ thuộc vào cách chia lưới phần tử và chiều dày đặc trưng vết nứt...

**Từ khóa**: Ứng xử phi tuyến, vật liệu bê tông, mô phỏng số, bê tông cốt thép, phần mềm phần tử hữu hạn, mô hình bê tông phá hoại dẻo.

**14. Bàn luận về phương pháp xác định sức chịu tải dọc trục của cọc đơn theo kết quả thí nghiệm xuyên tĩnh**/ Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Tiến Dũng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Phân tích, so sánh kết quả xác định sức chịu tải thẳng đứng của cọc đơn bê tông cốt thép theo kết quả thí nghiệm xuyên tĩnh với kết quả thí nghiệm nén tĩnh dọc trục cọc của dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 công suất 2x600MW. Qua đó, nhận xét được độ tin cậy của phương pháp tính.

**Từ khóa**: Sức chịu tải của cọc, sức chịu tải của cọc đơn, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn, CPT, CPTu.

**15. Bàn về công tác quan trắc công trình xây dựng có độ cao lớn tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Anh Dũng, ThS. Nguyễn Huy Cường// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Việc quan trắc công trình có độ cao lớn trong quá trình khai thác ở Việt Nam còn nhiều hạn chế và rất dễ dàng nhận thấy trong các đề cương quan trắc, chúng vẫn là tương tự như một công trình xây dựng mới. Điểm khác biệt duy nhất về chương trình quan trắc giữa loại công trình xây dựng mới và công trình đã đưa vào sử dụng là chu kỳ quan trắc của công trình xây dựng mới phụ thuộc vào giai đoạn chất tải công trình. Thông qua bài báo này các tác giả mong muốn trao đổi những vấn đề tồn tại này và từ đó đề xuất những việc cần làm đối với công tác quan trắc loại công trình này.

**Từ khóa**: Nhà cao tầng, công trình đang xây dựng, công trình đang sử dụng, quan trắc, TCVN 9360:2012, TCVN 9400:2012, chuyển dịch ngang, dao động.

**16. Bê tông cường độ cao tự bảo dưỡng từ bên trong bằng đá rỗng**/ TS. Nguyễn Đình Tùng, ThS. Nguyễn Tuấn Đạt, ThS. Đoàn Hồng Lộc// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 75-79.

**Nội dung**: Bảo dưỡng bê tông cường độ cao không chỉ từ bên ngoài mà còn từ bên trong. Sử dụng đá rỗng để thay thế một phần cho đá dăm để tự bảo dưỡng từ bên trong sẽ cải thiện chất lượng của bê tông cường độ cao. Hai loại đá rỗng loại 01x02cm và 0,5x01cm được sử dụng và bê tông được bảo dưỡng trong mùa khô với việc có phủ hoặc không phủ ni lông và trong điều kiện phòng thí nghiệm…

**Từ khóa**: Bê tông cường độ cao, mùa khô, tự bảo dưỡng từ bên trong, bảo dưỡng bên ngoài, phủ ni lông và cường độ chịu nén.

**17. Biện pháp lắp dựng tháp thép đỉnh mái tại tòa nhà Landmark 81 cao nhất Đông Nam Á**/ Võ Đăng Dần// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 106-110.

**Nội dung**: Năm 2018, đánh dấu bước ngoặt lớn trong ngành xây dựng Việt Nam, khi tòa nhà Landmark 81 cao Top 10 thế giới, cao nhất Đông Nam Á hoàn thành. Đặc biệt hơn nữa công trình lại do chính nhà thầu Việt Nam thi công. Tổng chiều cao công trình là 461,2m; trong đó hệ thống thép cao 60,8m nằm trên đỉnh tòa nhà. Việc chế tạo, lắp dựng tháp thép là một công đoạn rất khó khăn và phức tạp bậc nhất trong dự án, ở Việt Nam chưa bao giờ thi công. Bài viết này sẽ giới thiệu cụ thể công tác chế tạo, cũng như lắp dựng tháp thép trên độ cao 400,4m.

**Từ khóa**: Nhà cao tầng, tháp thép.

**18. Biểu đồ tương tác của cấu kiện BTCT tiết diện hình chữ nhật trong mặt phẳng nghiêng theo tiêu chuẩn ACI 318 của Hoa Kỳ**/ Nguyễn Việt Hưng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 224-229.

**Nội dung**: Trình bày chi tiết phương pháp thiết lập biểu đồ tương tác giữa sức kháng nén và sức kháng uốn của cấu kiện BTCT tiết diện hình chữ nhật theo tiêu chuẩn ACI 318 của Hoa Kỳ trong trường hợp tổng quát khi mặt phẳng uốn nghiêng với trục chính của tiết diện một góc bất kỳ.

**Từ khóa**: Biểu đồ tương tác, cấu kiện chịu nén, cột bê tông cốt thép, ACI 318.

**19. Các điểm cần lưu ý khi thiết kế cọc khoan nhồi theo tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-10:2017**/ Chu Ngọc Sủng// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Đề cập đến 10 điểm thay đổi cơ bản (mới) và các lưu ý cần hiểu rõ về quy định thiết kế sức kháng cọc khoan theo nền đất và hệ số nhóm cọc mà hiện nay nhiều nhà thiết kế vận dụng sai nên thiết kế cọc quá an toàn, có thể gây lãng phí phần móng tới 30%.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, thiết kế, tiêu chuẩn thiết kế

**20. Các nhân tố ảnh hưởng đến tuổi thọ mặt đường bê tông nhựa công trình giao thông đường bộ khu vực miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam**/ KS. Đặng Văn Kỳ, PGS. TS. Châu Trường Linh, TS. Nguyễn Văn Châu// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 53-57.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nhận dạng 24 nhân tố ảnh hưởng đến tuổi thọ mặt đường bê tông nhựa công trình giao thông đường bộ khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Nghiên cứu đã đánh giá và xếp hạng các nhân tố dựa vào kỹ thuật tính giá trị trung bình (Mean Value – MV). Nghiên cứu đã xác định được 6 nhóm nhân tố chính, trong đó nhóm nhân tố liên quan đến vật liệu chiếm tỷ lệ cao nhất và quan trọng nhất, nhóm thứ hai là nhóm nhân tố liên quan đến thi công xây dựng.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông nhựa, tuổi thọ, nhân tố, giao thông đường bộ.

**21. Cải tiến tính toán liên kết bu lông chịu cắt dưới tác dụng của tải trọng lệch tâm**/ ThS. Tạ Quốc Việt// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Trình bày kết quả ứng dụng một thuật toán lặp để xác định tâm quay tức thời (IC), và đề xuất một phương pháp để xác định hệ số C trong tính toán liên kết bu lông chịu cắt dưới tác dụng của tải trọng lệch tâm có các góc nghiêng từ 0 đến 90 độ. So sánh kết quả tính toán theo phương pháp này với các phương pháp khác nhau là khá chính xác và tin cậy.

**Từ khóa**: Tâm quay tức thời, tải trọng lệch tâm, liên kết bu lông chịu cắt, phân tích tới hạn.

**22. Chẩn đoán hư hỏng cho kết cấu tấm sử dụng phương pháp năng lượng biến dạng có xét đến điều kiện biên khác nhau và ảnh hưởng của nhiệt độ**/ Hồ Đức Duy, Hồ Phạm Hữu Lộc, Lê Thanh Cao, Nguyễn Tấn Thịnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 155-160.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phương pháp năng lượng biến dạng được phát triển cho việc chẩn đoán hư hỏng trong kết cấu tấm với các điều kiện biên và nhiệt độ môi trường khác nhau. Các nội dung sau được thực hiện để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu. Đầu tiên, phương pháp năng lượng biến dạng được kiến nghị để chẩn đoán vị trí và kích thước của hư hỏng cho kết cấu tấm với các điều kiện biên khác nhau. Tiếp theo, phương pháp loại bỏ ảnh hưởng của yếu tố nhiệt độ trong quá trình chẩn đoán được đề xuất. Cuối cùng, tính khả thi của phương pháp kiến nghị được kiểm chứng thông qua việc áp dụng cho kết cấu tấm nhôm với các điều kiện hiệu quả và đầy hứa hẹn trong lĩnh vực theo dõi và chẩn đoán kết cấu.

**Từ khóa**: Chẩn đoán hư hỏng, điều kiện biên, năng lượng biến dạng, nhiệt độ, tấm.

**23. Chọn tối ưu kích thước tiết diện của nhà công nghiệp nhịp từ 35 đến 60m**/ Lê Anh Thắng, Bùi Thanh Thắng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 287-291.

**Nội dung**: Đề xuất phương án phân đoạn để thay đổi tiết diện cho khung nhà công nghiệp. Bên cạnh đó, các tiết diện tối ưu cho từng phân đoạn của một số khung nhà công nghiệp nhịp lớn thông dụng cũng đã được đề xuất. Các tiết diện này được lấy làm căn cứ cho việc chọn sơ bộ kích thước tiết diện khung thép trong bài toán thiết kế.

**Từ khóa**: Khung thép nhà công nghiệp, thuật toán di truyền, sơ bộ kích thước tiết diện khung thép, thiết kế tối ưu kết cấu, chiều dài nách khung tối ưu.

**24. Chuyển vị tường vị cho hố đào sâu trong điều kiện địa chất Hà Nội**/ TS. Ngô Thị Thanh Hương, TS. Nguyễn Văn Quang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Đề cập đến vấn đề chuyển vị của tường vây trong quá trình đào tầng hầm, trong điều kiện địa chất Hà Nội. Việc lựa chọn các thông số địa chất phù hợp với mô hình Morth-Coulomb giúp việc tính toán chuyển vị tường vây sát với các giá trị thực tế quan trắc được bằng thiết bị inclinometer.

**Từ khóa**: Tường vây, chuyển vị, hố đào sâu.

**25. Công nghệ bê tông polymer đông cứng nhanh sữa chữa mặt đường sân bay tại Sân bay Nội Bài**/ NCS. Trịnh Thị Hiếu// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Trình bày giải pháp xử lý bề mặt của các tấm bê tông sân đỗ bằng công nghệ bê tông polymer đông cứng nhanh. Giải pháp được chấp nhận mang ý nghĩa khoa học, kinh tế và đang đưa vào áp dụng để sữa chữa sân đỗ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

**Từ khóa**: Bê tông polymer đông cứng nhanh, sữa chữa mặt đường sân bay

**26. Công nghệ mới neo mở rộng bầu (hotdog) cho hố đào sâu**/ TS. Nguyễn Châu Lân// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 93-96.

**Nội dung**: Khi thiết kế hố đào sâu thường dùng biện pháp neo trong đất để ổn định thành hố đào. Bài báo trình bày một công nghệ mới về neo mở rộng bầu (neo hotdog) áp dụng cho địa chất yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Phần mềm Plaxis được dùng để tính toán hố đào sử dụng neo hotdog. Kết quả tính toán và thí nghiệm thử sức chịu tải của neo hotdog cho thấy loại neo này có thể áp dụng tốt cho các hồ đào sâu, cho địa chất yếu.

**Từ khóa**: Hố đào sâu, neo hotdog, Plaxis, đất yếu.

**27. Công viên sử dụng vật liệu nhựa tái chế - Sáng kiến nhỏ, lợi ích lớn**/ Vũ Ngọc Khanh// Môi trường .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 46 – 47.

**Nội dung:** Trình bày về công nghệ xử lý chất thải rắn còn khó khăn và xây dựng công viên sử dụng vật liệu nhựa tái chế.

**Từ khóa:** Công viên, vật liệu nhựa tái chế, sáng kiến, lợi ích

**28. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn vật liệu xây dựng bền vững tại Đà Nẵng**/ Nguyễn Quang Trung, Lương Đức Long, Phạm Anh Đức// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 77-83.

**Nội dung**: Tìm hiểu, xác định và phân tích rõ hơn các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định việc lựa chọn vật liệu xây dựng bền vững tại Đà Nẵng.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng bền vững, nhân tố, Đà Nẵng

**29. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng lên phát sinh khối lượng (VO) trong các dự án xây dựng ở Việt Nam**/ Trần Nguyễn Nhật Nam, Đỗ Tiến Sỹ// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 207-211.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định nguyên nhân của các phát sinh có thể giúp hạn chế vấn đề một cách hiệu quả đồng thời cải thiện hiệu suất của dự án. Thông qua phương pháp thống kê mô tả và phân tích nhân tố EFA, nghiên cứu đã chỉ ra 19 nhân tố ảnh hưởng đến phát sinh khối lượng, được chia thành 5 nhóm liên quan đến: quản lý, thiết kế, thi công, nhận thức và các nhân tố khác. Dữ liệu được thu thập từ bảng khảo sát và tham khảo các nghiên cứu khác.

**Từ khóa**: Phát sinh khối lượng, dự án xây dựng, EFA.

**30. Đánh giá độ chính xác của trạm phụ để bố trí vị trí mặt bằng trong thi công đường ô tô bằng máy toàn đạc điện tử**/ TS. Nguyễn Văn Chính// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 98-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá độ chính xác của trạm phụ, trên cơ sở đó đề xuất phương pháp bố trí vị trí mặt bằng từ trạm phụ đảm bảo độ chính xác yêu cầu trong thi công đường ô tô.

**Từ khóa**: Máy toàn đạc điện tử, bố trí tuyến đường.

**31. Đánh giá độ tin cậy và dự báo xác suất sự cố của nhà và công trình xây dựng**/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Chính, ThS. Nguyễn Hoàng Anh// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 3 .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp đánh giá nhanh, đánh giá gần đúng độ tin cậy của kết cấu xây dựng dựa theo những hư hỏng và khuyết tật trong các kết cấu đó, cũng như đánh giá tình trạng kỹ thuật của nhà hoặc công trình. Dự báo xác suất sự cố của công trình xây dựng.

**Từ khóa**: Độ tin cậy, dự báo sự cố công trình xây dựng, đánh giá nhanh, đánh giá gần đúng.

**32. Đánh giá hiện trạng môi trường không khí & đề xuất biện pháp phù hợp cho cụm sản xuất thép KCN Hòa Khánh, Đà Nẵng**/ Nguyễn Đình Huấn, Nguyễn Tiến Nam// Xây dựng .- 2019 .- Số 05.- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng phần mềm miti-lis để mô phỏng lan tỏa ô nhiễm bụi và các khí ô nhiễm từ các nguồn thải của cụm sản xuất thép tại khu công nghiệp Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù các nhà máy đã thực hiện xử lý ô nhiễm khí thải theo cam kết đánh giá tác động môi trường (ĐTM) nhưng vẫn gây ô nhiễm môi trường xung quanh vượt 3 lần so với QCVN 05:2013. Nếu các hệ thống xử lý khí thải ngừng hoạt động sẽ gây ô nhiễm vượt khoảng 17 lần. Nguyên nhân được nghiên cứu chỉ ra là do lựa chọn chiều cao, đường kính ống khói và hiệu suất của thiết bị xử lý chưa đạt yêu cầu. Bài báo cũng đề xuất một số biện pháp khả thi để khắc phục các bất cập đang xảy ra.

**Từ khóa**: Phần mềm meti-lis, ô nhiễm không khí, sản xuất thép, khuếch tán.

**33. Đánh giá hiện trạng sử dụng nước và đề xuất giải pháp tái sử dụng nước sau xử lý cho các khu nghỉ dưỡng ven biển Đà Nẵng**/ Lê Năng Định, Phan Thị Ngọc Hân, Huỳnh Thị Phương Thảo, Nguyễn Tiến Dũng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng nước (bao gồm việc khai thác, sử dụng nước, thoát nước, xử lý nước thải và xả thải vào nguồn nước) tại các khu nghĩ dưỡng ven biển quận Ngũ Hành Sơn. Từ kết quả khảo sát đưa ra một số giải pháp phù hợp, tái sử dụng nước thải sau xử lý để tưới cây, rửa đường, dội vệ sinh... nhằm tiết kiệm nguồn nước cho thành phố, giảm thiểu áp lực lên hệ thống thoát nước của lưu vực...

**Từ khóa**: Sử dụng nước, khu nghỉ dưỡng ven biển, tái sử dụng nước thải sau xử lý, giải pháp tái sử dụng.

**34. Đánh giá hiệu quả sử dụng cốp pha nhôm trong thi công bê tông nhà cao tầng**/ Tường Minh Hồng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 96-100.

**Nội dung**: Giới thiệu tính hiệu quả khi sử dụng cốp pha nhôm so với cốt pha truyền thống từ đó đưa ra một số nhận xét để giúp đơn vị thi công có thể lựa chọn phương án cốp pha khi thi công nhà cao tầng.

**Từ khóa**: Cốp pha, cốp pha nhôm, thi công nhà cao tầng.

**35. Đánh giá khả năng làm việc của bê tông nhựa chặt với thành phần cốt liệu xác định bằng phương pháp Bailey**/ Nguyễn Mạnh Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Bài báo tập trung vào việc đánh giá bê tông nhự chặt có cỡ hạt lớn nhất danh định 12.5mm thông qua các thí nghiệm trong phòng như độ ổn định Marshall, cường độ ép chẻ, độ mài mòn Cantabro và mô đun đàn hồi.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa, phương pháp Bailey, cấp phối cốt liệu, chất lượng bê tông nhựa, độ ổn định Marshall, cường độ ép chẻ, mô đun đàn hồi, độ mài mòn cantabro.

**36. Đánh giá mức độ chính xác của các công thức dự đoán bề rộng vết nứt uốn hiện có cho sàn u-boot**/ Nguyễn Thông Thuận, Lê Văn Phước Nhân, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Minh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Trình bày một khảo sát về mức độ chính xác của các công thức dự đoán bề rộng vết nứt uốn hiện có cho sàn U-Boot chịu tải trọng tĩnh dựa trên kết quả thực nghiệm sẵn có. Kết quả khảo sát cho thấy các công thức hiện có dự đoán bề rộng vết nứt uốn cho trường hợp của sàn U-Boot với mức độ chính xác khá thấp. Bài báo đề xuất một côn thức bán thực nghiệm dựa trên hiệu chỉnh công thức của EC2 (2004) nhằm phục vụ cho công tác dự đoán bề rộng vết nứt của sàn U-Boot được chính xác và hợp lý hơn. So với các công thức hiện có, công thức hiệu chỉnh cho kết quả gần với thực nghiệm và có độ phân tán thấp.

**Từ khóa**: Sàn U-Boot, bề rộng vết nứt, kiểm chứng, hệ số bán thực nghiệm, công thức.

**37. Đánh giá ổn định của nền đắp gia cố bằng vải địa kỹ thuật không dệt khi sử dụng vật liệu đắp khác nhau**/ Huỳnh Võ Duyên Anh, KS. Phạm Tuấn Dũng// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Khảo sát sự xuất hiện của hiện tượng rào cản mao dẫn trong nền đắp gia cố bằng nonwoven geotextile, đánh giá ổn định tổng thể, cục bộ của nền đường gia cố khi xét đến ảnh hưởng của hiện tượng rào cản mao dẫn và chức năng thoát nước của nonwoven geotexile. Trong nghiên cứu này, hai loại vật liệu đắp nền (đất cát và đất sét), hai loại vật liệu địa kỹ thuật (geogrid, nonwoven geotexile) được sử dụng. Quá trình mưa thấm được mô phỏng trong modul SEEP/W ver 2012, sau đó kết quả được tích hợp vào modul SLOPE/W ver. 2012 để tính toán hệ số ổn định cho mái dốc.

**Từ khóa**: Nền đắp gia cố, vải địa kỹ thuật, vật liệu đắp khác nhau.

**38. Đánh giá tuổi thọ kết cấu áo đường mềm chịu ảnh hưởng của tải trọng và vận tốc bằng phương pháp cơ học thực nghiệm**/ TS. Lê Văn Phúc, KS. Hoàng Công Đức// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 87-91.

**Nội dung**: Trên cơ sở các thông số vận tốc và tải trọng khác nhau trong cùng điều kiện khí hậu TP. Hồ Chí Minh, bài báo phân tích và đánh giá tuổi thọ của một số kết cấu mặt đường mềm sử dụng phổ biến ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của tải trọng và vận tốc bằng phương pháp cơ học – thực nghiệm.

**Từ khóa**: Tuổi thọ, bê tông nhựa, vận tốc, tải trọng, phương pháp cơ học thực nghiệm.

**39. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dòng xe và an toàn giao thông tại điểm dừng xe buýt cho các đô thị lớn của Việt Nam**/ TS. Nguyễn Văn Nam, TS. Vũ Đức Sỹ// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 59-63.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá thực trạng những vấn đề còn tồn tại về chất lượng dòng xe và an toàn giao thông tại điểm dừng xe buýt, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dòng xe và an toàn giao thông tại các điểm dừng xe buýt cho các đô thị lớn nước ta.

**Từ khóa**: Điểm dừng xe buýt, chất lượng dòng xe, an toàn giao thông, nút giao thông, mô phỏng giao thông.

**40. Đề xuất một số giải pháp quy hoạch – kiến trúc các công trình dân sinh cơ bản trên đảo tiền tiêu của tổ quốc**/ Lê Kim Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 54-58.

**Nội dung**: Đưa ra một số giải pháp quy hoạch, kiến trúc các công trình dân sinh cơ bản trên đảo tiền tiêu của Tổ Quốc, theo hướng tận dụng vật liệu tại chỗ. Giải pháp quy hoạch – kiến trúc công trình dân sinh (trạm y tế cơ sở và giáo dục mầm non) trên các vùng biển đảo (đặc biệt là trên những hòn đảo tiền tiêu) của Tổ Quốc đáp ứng nhu cầu tư vấn, khám chữa bệnh và học tập, chăm sóc trẻ của cư dân. Đồng thời thỏa mãn nhu cầu trú ẩn khi thiên tai lớn xảy ra.

**Từ khóa**: Tổ Quốc, đảo tiền tiêu, dân sinh, vật liệu tại chỗ, quy hoạch

**41. Đề xuất quy trình, chỉ tiêu và công cụ đánh giá tác động giao thông của dự án phát triển đô thị tại Việt Nam**/ TS. Đinh Thị Thanh Bình// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 158-160.

**Nội dung**: Phân tích sự cần thiết phải xây dựng quy trình và lựa chọn công cụ đánh giá tác động giao thông (ĐTG) của các dự án phát triển đô thị tại các thành phố lớn nước ta và đề xuất các bước, chỉ tiêu và công cụ ĐTG của các dự án phát triển đô thị tại các thành phố lớn.

**Từ khóa**: Đánh giá tác động giao thông, dự án phát triển đô thị

**42. Diện phân bố và đặc tính nén lún của đất yếu hệ tầng Thái Bình khu vực TP. Hà Nội dựa trên kết quả thí nghiệm nén cố kết với tốc độ biến dạng không đổi (CRS)**/ ThS. Trần Thị Thu Hiền, TS. Phí Hồng Thịnh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 80-84.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu diện phân bố và đặc tính nén lún của đất yếu hệ tầng Thái Bình khu vực TP. Hà Nội dựa trên kết quả thí nghiệm nén cố kết gia tải từng cấp (IL) và tốc độ biến dạng không đổi (CRS).

**Từ khóa**: Đất yếu, hệ tầng Thái Bình, Hạ Nội, đặc tính nén lún, nén cố kết CRS.

**43. Đo lường năng suất đổ bê tông của dự án nhà nhiều tầng tại An Giang**/ Đinh Văn To, Hà Duy Khánh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 84-89.

**Nội dung**: Định lượng năng suất đổ bê tông dầm sàn theo hai phương pháp: bơm cần và bơm ngang áp lực. Thông qua số liệu thực tế ghi nhận được ở hai dự án nhà nhiều tầng ở An Giang, nghiên cứu đã chỉ ra rằng thời gian trung bình để một xe bê tông (loại 7m3) từ lúc đến công trường đến lúc hoàn thành là khoảng 15 phút (kể cả thời gian chờ được bơm, đâm dùi, làm mặt...).

**Từ khóa**: Năng suất, quản lý xây dựng, đổ bê tông, nhà nhiều tầng.

**44. Giải pháp chuyển độ cao lên sàn xây dựng bằng công nghệ GNSS trong thi công nhà siêu cao tầng**/ PGS. TS. Nguyễn Quang Thắng, ThS. Vũ Thái Hà, ThS. Diêm Công Trang// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 59-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công nghệ GNSS để chuyển độ cao lên cao trong xây dựng nhà siêu cao tầng; đề xuất thuật toán, giải pháp và quy trình ứng dụng công nghệ GNSS để chuyển độ cao lên sàn xây dựng, nhằm chính xác hóa độ cao kết hợp với chính xác hóa vị trí mặt bằng các điểm của lưới chiếu trục trên sàn tầng ở đầu phân đoạn chiếu. Tính khả thi và hiệu quả của giải pháp chuyển độ cao lên sàn xây dựng bằng công nghệ GNSS trong thi công nhà siêu cao tầng được minh chứng bằng kết quả đo đạc và xử lý tính toán lưới thực nghiệm, sử dụng thiết bị định vị vệ tinh và máy toàn đạc điện tử đang được ứng dụng rộng rãi trong thực tế sản xuất ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Thi công nhà siêu cao tầng, công nghệ GNSS, chuyển độ cao

**45. Giải pháp kết hợp chống đá rơi trên đường cao tốc**/ TS. Nguyễn Châu Lân// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Trình bày một giải pháp thiết kế kết hợp giữa các giải pháp, sử dụng một số vật liệu khác nhau nhằm gia cố mái dốc đá chống đá rơi. Phần mềm Plaxis được dùng để tính toán và cho phép tối ưu hóa các giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình.

**Từ khóa**: Đá rơi, neo trong đất, đinh đá, lưới thép, gia cố bờ dốc đá.

**46. Giải pháp quản lý rủi ro cho các dự án đầu tư phát triển đô thị**/ Nguyễn Thị Thúy, Đinh Tuấn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 150-154.

**Nội dung**: Khái quát các bước trong quản lý rủi ro và đưa ra một số giải pháp quản lý rủi ro cho các dự án đầu tư phát triển đô thị.

**Từ khóa**: Rủi ro, quản lý rủi ro, dự án đầu tư phát triển đô thị.

**47. Giải pháp thi công hệ thống đường ống ngầm bằng công nghệ khoan định hướng ngang**/ Võ Hải Nhân// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 101-105.

**Nội dung**: Giới thiệu giải pháp thi công hệ thống đường ống ngầm (ống cấp nước, khí, gas, hóa chất, hệ thống cáp ngầm) bằng khoan có định hướng, nhất là các hạng mục cần thi công ngầm trong điều kiện hệ thống hạ tầng, giao thông hay công trình khác đã hoàn chỉnh. Giải pháp nhằm tối ưu hóa trong công tác triển khai thi công, không làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành, khai thác của công trình đã xây dựng, cũng như không làm mất mỹ quan trong quá trình thi công.

**Từ khóa**: Thi công cống ngầm, thi công cáp ngầm, khoan định hướng.

**48. Hiệu quả của gối cách chấn DFP cho nhà cao tầng chịu động đất có xét đến thành phần kích động đứng**/ Hoàng Phương Hoa, Nguyễn Hoàng Quốc// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 172-176.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của thành phần kích động đến phản ứng kết cấu. Những kết quả nghiên cứu sẽ được mô phỏng bằng việc phân tích động lực học một ngôi nhà 9 tầng bằng thép gắn gối DFP chịu động đất xét đến cả ba thành phần X, Y và thành phần đứng.

**Từ khóa**: Gối ma sát DFP, cách chấn đáy, ảnh hưởng thành phần đứng của động đất, chịu động đất, nhà cao tầng.

**49. Hoàn thiện tiêu chuẩn cốt liệu dùng cho bê tông**/ PGS. TS. Cao Duy Tiến, TS. Nguyễn Đức Thắng, TS. Nguyễn Hùng Minh, TS. Hoàng Minh Đức// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 31-38.

**Nội dung**: So sánh cốt liệu bê tông theo các tiêu chuẩn, đề xuất giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn cốt liệu của Việt Nam theo hướng đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn cốt liệu của Mỹ và châu Âu, tạo điều kiện để sản phẩm cốt liệu này có thể sử dụng cho kết cấu bê tông thiết kế theo cả ba tiêu chuẩn của Việt Nam, Mỹ và châu Âu.

**Từ khóa**: Tiêu chuẩn, cốt liệu.

**50. Kết hợp lý thuyết tính ngược và việc sử dụng thiết bị gia tải động FWD để đánh giá khả năng làm việc của mặt đường bê tông xi măng**/ ThS. NCS. Nguyễn Thị Ngân, TS. Ngô Việt Đức, PGS. TS. Hoàng Tùng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Phân tích việc sử dụng thiết bị gia tải động FWD như một công cụ phục vụ việc thu thập dữ liệu thiết kế cho bài toán tính ngược trong công tác kiểm tra, thiết kế kết cấu mặt đường.

**Từ khóa**: Mặt đường bê tông xi măng, bài toán tính ngược, thiết bị đo động FWD.

**51. Khả năng chịu cắt của dầm bê tông cốt sợi thủy tinh (G-FRP) không có cốt đai**/ Đặng Vũ Hiệp// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 11-15.

**Nội dung**: Giới thiệu một cách tiếp cận mô phỏng số bằng phương pháp phần tử hữu hạn phi tuyến sử dụng phần mềm ATENA 2D. Các kết quả được kiểm chứng trên một số dầm sử dụng cốt dọc GFRP, không có cốt đai của một số nhà nghiên cứu trên thế giới. Các kết quả khảo sát tham số như ảnh hưởng của hàm lượng cốt dọc, ảnh hưởng của tỷ lệ nhịp chịu cắt trên chiều cao làm việc (a / d) sẽ là những dữ liệu tốt giúp thiết lập được các công thức thiết kế chịu cắt có độ chính xác cao hơn trong tương lai.

**Từ khóa**: Thanh G-FRP, khả năng chịu cắt, vết nứt, mô phỏng, cốt đai.

**52. Khảo sát ứng xử bám dính giữa cốt thép và bê tông bằng phương pháp mô phỏng số**/ Lê Minh Hoàng, Nguyễn Phú Cường, Trần Văn Thân// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 199-203.

**Nội dung**: Giới thiệu áp dụng một mô hình phân tích sự tương tác giữa cốt thép và bê tông thông qua phần tử liên kết phi tuyến một chiều hai nút (bond link element). Theo đó giữa cốt thép và bề mặt bê tông xung quanh nó sẽ được ràng buộc bằng các lò xo liên kết phi tuyến. Ứng xử phi tuyến của lò xo liên kết này sẽ được tính toán thông qua mối quan hệ ứng suất bám dính (bond stress) và chuyển vị tương đối của bê tông với cốt thép (slip)...

**Từ khóa**: Ứng xử phi tuyến, mô hình bám dính, phần tử bond – link, mô hình phá hoại dẻo, thí nghiệm bám dính giữa bê tông và cốt thép.

**53. Khảo sát ứng xử cầu đường sắt tại khu vực miền Trung dưới sự tấn công ăn mòn**/ Phạm Mỹ, Đặng Công Thuật// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 259-265.

**Nội dung**: Từ các dữ liệu khảo sát, một mô hình phân tích ăn mòn sẽ được đề xuất dựa trên phương pháp phần tử hữu hạn (FEM) để đánh giá khả năng chịu lực thực tế của cây cầu dưới sự tấn công ăn mòn tự nhiên, đồng thời phân tích nguyên nhân, sự cố ảnh hưởng đến kết cấu của cây cầu nhằm mục đích đề xuất hiệu quả biện pháp cho các công trình này.

**Từ khóa**: Cầu đường sắt, phân tích ăn mòn, phương pháp phần tử hữu hạn.

**54. Khảo sát và đánh giá phương pháp tính toán bề rộng khe nứt dài hạn của dầm bê tông cốt thép theo TCVN 5574:2012 và tiêu chuẩn nga SP 63.13330.2012**/ Đinh Văn Tùng// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tính toán bề rộng khe nứt của dầm bê tông cốt thép có kể đến hiện tượng từ biến của bê tông theo tiêu chuẩn Nga SP 63.13330.2012. Tiêu chuẩn này là cơ sở để soạn thảo tiêu chuẩn mới thay thế tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam TCVN 5574:2012 về thiết kế kết cấu bê tông cốt thép. Trong bài báo này, tác giả cũng đưa ra những so sánh, đánh giá phương pháp tính toán bề rộng khe nứt theo tiêu chuẩn SP 63.13330.2012 so với TCVN 5574:2012, từ đó, đưa ra những kiến nghị trong việc biên soạn TCVN mới và áp dụng tiêu chuẩn SP 63.13330.2012 trong tính toán bề rộng khe nứt dài hạn của dầm bê tông cốt thép ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, co ngót, bề rộng khe nứt dài hạn, từ biến, SP 63.13330.2012.

**55. Kiểm soát hệ số sử dụng đất trong quy chuẩn quy hoạch Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai đô thị**/ Nguyễn Thị Lan Phương// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 103-107.

**Nội dung**: Phân tích các cơ chế kiểm soát hệ số sử dụng đất trong quy chuẩn quy hoạch và các văn bản pháp luật Việt Nam nhằm xác định các vấn đề thiếu sót mang tính hệ thống. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy kiểm soát và sử dụng hiệu quả công cụ hệ số sử dụng đất đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị cân bằng, bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai đô thị.

**Từ khóa**: Hệ số sử dụng đất, FAR (Floor Area Ratio), quản lý đô thị, quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, phát triển bền vững, hiệu quả sử dụng đất.

**56. Lập tiến độ xây dựng bằng phương pháp chuỗi Găng (Critical chain)**/ Đinh Doãn Tú// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 161-163.

**Nội dung**: Nghiên cứu nâng cao cơ sở lý luận, tìm hiểu về mặt bản chất của phương pháp chuỗi Găng (Critical chain), làm tiền đề cho việc ứng dụng phương pháp này một cách linh hoạt trong việc triển khai lập kế hoạch tiến độ xây dựng. Mục đích của bài báo là đưa đến một cái nhìn xuyên suốt trong lĩnh vực lý luận, qua đó về cơ bản bài báo sẽ đi sâu vào bản chất của phương pháp chuỗi Găng, phát hiện và tìm hiểu các vấn đề thực sự của phương pháp, giúp chỉ đầu tư dự án trong việc lập tiến độ xây dựng dự án.

**Từ khóa**: Chuỗi Găng, lập tiến độ dự án xây dựng.

**57. Lựa chọn thành phần bê tông sử dụng cát mịn phối trộn mạt đá vôi theo cường độ chịu kéo khi uốn dùng cho mặt đường bê tông xi măng**/ ThS. Ngọ Văn Toản, TS. Hoàng Minh Đức// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 100-103.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu lựa chọn thành phần bê tông sử dụng cát mịn phối trộn mạt đá vôi theo cường độ chịu kéo khi uốn dùng cho bê tông đường, từ đó đã đưa ra được quan hệ giữa lượng dùng nước và tính công tác của hỗn hợp bê tông, quan hệ giữa cường độ chịu kéo uốn khi uốn của bê tông với cường độ chịu kéo khi uốn của xi măng và tỉ lệ xi măng trên nước.

**Từ khóa**: Cường độ chịu kéo khi uốn, bê tông, cát mịn phối trộn mạt đá vôi, mặt đường bê tông xi măng.

**58. Lựa chọn thành phần bê tông sử dụng cát mịn theo cường độ chịu kéo khi uốn**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Nguyễn Nam Thắng, ThS. Ngọ Văn Toản// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Cường độ chịu kéo khi uốn là một chỉ tiêu quan trọng được sử dụng trong thiết kế một số hạng mục như mặt đường bê tông xi măng. Tuy nhiên, hiện nay việc lựa chọn thành phần bê tông chủ yếu vẫn được thực hiện theo cường độ chịu nén. Các kết quả nghiên cứu trong bài báo này cho thấy có thể áp dụng quy trình hiện hành để lựa chọn thành phần bê tông theo cường độ chịu kéo khi uốn với một số thay đổi...

**Từ khóa**: Cường độ chịu kéo khi uốn, bê tông, cát mịn, mặt đường bê tông xi măng.

**59. Mô hình kháng cắt của cấu kiện thép kể đến mất ổn định cục bộ của bản dụng**/ Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 317-321.

**Nội dung**: Trình bày các phương pháp tính toán chịu cắt của các cấu kiện thép, theo các tiêu chuẩn của Nga, Châu Âu, Hoa Kỳ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới các mô hình tính toán kháng cắt. Đưa ra các tham số cơ bản cho các mô hình tính toán (độ mảnh tương đối và khả năng kháng cắt của cấu kiện) so sánh bằng phương pháp số. Trên cơ sở của các kết quả phân tích nhận được, làm rõ các đặc điểm khác nhau về định tính và định lượng giữa các mô hình tính toán kháng cắt. Đưa ra kết luận về sự cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo để có thể hoàn thiện các phương pháp tính toán cũng như làm rõ các yêu cầu về giới hạn độ mảnh đảm bảo ổn định cho bản dụng cấu kiện.

**Từ khóa**: Sức kháng cắt, ổn định của bản dụng, trạng thái làm việc tới hạn của bản dụng, mô hình kháng cắt.

**60. Mô hình phân tích ứng xử dầm bê tông cốt thép chịu tải trọng sử dụng**/ TS. Đặng Vũ Hiệp// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Giới thiệu một mô hình đơn giản phân tích ứng xử của dầm bê tông cốt thép dưới tác dụng của tải trọng sử dụng. Mô hình cho phép xác định độ cứng và độ võng của dầm đơn giản có tính đến ảnh hưởng của bê tông vùng kéo (tension – stiffening). Mô hình đề nghị được kiểm chứng trên hai dầm thực nghiệm bởi Renata S.B và cộng sự. Các kết quả sau đó được so sánh với kết quả mô phỏng số cho thấy mô hình đề xuất tin cậy và có thể dùng để phân tích ứng xử của dầm chịu uốn trong giai đoạn sử dụng.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, tải trọng sử dụng, tải trọng – độ võng, ứng suất dính – sự trượt, độ cứng.

**61. Mô phỏng dầm bê tông ứng lực trước căng sau sử dụng Abaqus**/ Nguyễn Minh Tuấn Anh, Nguyễn Bá Toàn, Trương Quang Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 301-304.

**Nội dung**: Trình bày cách thức tạo ứng lực trước cho cáp và một trình tự thực hiện mô phỏng cụ thể cho dầm bê tông ứng lực trước. Kết quả mô phỏng sẽ được kiểm tra với thực nghiệm để đánh giá sự hợp lý của quy trình mô phỏng.

**Từ khóa**: Kết cấu bê tông ứng lực trước, mô phỏng số, ứng lực trước trong cáp.

**62. Mô phỏng lún vệt hằn bánh xe cho thí nghiệm Wheel Tracking sử dụng phần mềm mô phỏng số**/ TS. Lê Văn Phúc, KS. Đỗ Đăng Khoa, TS. Ngô Châu Phương// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Trên cơ sở kết quả thí nghiệm lún Wheel Tracking trong phòng cho các loại bê tông nhựa sử dụng phổ biến ở Việt Nam. Bài báo xây dựng mô phỏng lún vệt hằn bánh xe theo phương pháp mô phỏng số, từ đó đã đề xuất các tham số đặc trưng vật liệu đàn hồi nhớt của bê tông nhựa cho các cấp phối bê tông nhựa sử dụng loại nhựa khác nhau như 60/70, 40/50, polymer-M3 (PM3) và đề xuất kích thước mẫu tối ưu sử dụng thí nghiệm lún trong phòng cho Wheel Tracking.

**Từ khóa**: Wheel Tracking, mô phỏng số, nhựa 60/70, Polymer-M3.

**63. Mô phỏng số ứng xử cắt của dầm bê tông tính năng siêu cao gia cường cốt sợi**/ Hồ Hữu Tưởng, Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Dịu Hương, Tô Ngọc Minh Phương// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 132-137.

**Nội dung**: Mô phỏng ứng xử cắt của dầm bê tông tính năng siêu cao gia cường cốt sợi (UHPFRC) bằng cách sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn. Mô hình số được thực hiện có xét tới tính chất siêu việt của UHPFRC như cường độ chịu nén rất cao, cường độ chịu kéo cao và đặc biệt là ứng xử tái bền khi chịu kéo.

**Từ khóa**: UHPFRC, ứng xử cắt, mô phỏng số, hàm lượng cốt sợi, hàm lượng cốt đai

**64. Mối quan hệ giữa sự biến thiên độ ẩm với sự biến đổi các đặc trưng kháng cắt và khối lượng thể tích của đất phong hóa**/ Nguyễn Công Giang// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 111-114.

**Nội dung**: Với mục đích làm cơ sở xây dựng quy tắc đánh giá độ tin cậy về ổn định tường chắn dưới áp lực chủ động của khối đất. Trên cơ sở quan điểm cơ lý hóa của hệ phân tán tự nhiên và lý thuyết xác suất thống kê. Bài báo trình bày bản chất cơ lý hóa và tính ngẫu nhiên của các mối quan hệ của độ ẩm với các chỉ tiêu kháng cắt và khối lượng thể tích của đất phong hóa, đồng thời giới thiệu nguyên tắc phương pháp và ví dụ minh họa về xác lập các mối quan hệ đó bằng kết quả thí nghiệm, trong đó thí nghiệm xác định chỉ tiêu khối lượng thể tích và kháng cắt được tiến hành ở các độ ẩm giới hạn.

**Từ khóa**: Tính chất cơ lý đất phong hóa.

**65. Móng bè-cọc cho nhà thấp tầng trên nền đất yếu**/ Nguyễn Trọng Nghĩa, Nguyễn Văn Dương// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 193-195.

**Nội dung**: Đề xuất phân tích một giải pháp móng bè-cọc so với giải pháp truyền thống để tạo tiền đề cho các công trình xây dựng nhà thấp tầng trên nền móng bè cọc trong tương lai.

**Từ khóa**: Cố kết, đất yếu, móng bè-cọc, lún.

**66. Một số giải pháp quản lý hiệu quả các nội dung quản lý dự án đầu tư phát triển đô thị theo hình thức PPP/** Hoàng Anh Tuần// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Trình bày một số giải pháp bao gồm: nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược, quy hoạch, đầu tư phát triển đô thị, nâng cao chất lượng lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án, nâng cao chất lượng nhà đầu tư dự án, nâng cao chất lượng quản lý rủi ro dự án, nâng cao hiệu quả quản lý tiến độ, chi phí, chất lượng dự án, nâng cao chất lượng hợp đồng dự án.

**Từ khóa**: Quản lý hiệu quả, quản lý dự án, đầu tư phát triển đô thị, PPP.

**67. Một số giải pháp quản lý hiệu quả dự án đầu tư phát triển đô thị theo hình thức PPP dựa trên tiêu chí quản lý**/ Hoàng Anh Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Trong giai đoạn tới Việt Nam tiếp tục triển khai đầu tư các công cụ phát triển đô thị theo hình thức Đối tác Công tư (PPP). Để các dự án PPP trong khu vực phát triển đô thị có hiệu quả cần phụ thuộc khá nhiều vào các hoạt động quản lý. Hiệu quả quản lý cần phải được nghiên cứu căn cứ vào các tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý. Các tiêu chí chủ yếu bao gồm tiêu chí hiệu lực, tiêu chí hiệu quả, tiêu chí phù hợp và tiêu chí bền vững.

**Từ khóa**: Quản lý hiệu quả dự án, PPP, phát triển đô thị.

**68. Một số kết quả nghiên cứu về bê tông nhựa ấm theo phương pháp tạo bọt trong điều kiện Việt Nam/ TS. Bùi Ngọc Hưng, ThS. Nguyễn Đức Tuấn Anh, ThS. Phan Văn Chương, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 32-37.**

**Nội dung**: Trình bày một số kết quả nghiên cứu về bê tông nhựa ấm theo phương pháp tạo bọt cơ học trong điều kiện Việt Nam đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới với nhiều lợi ích về môi trường, lợi ích về sức khõe, lợi ích về kỹ thuật và lợi ích về giá thành.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa ấm, bê tông nhựa nóng, bi-tum bọt, thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa, nhiệt độ sản xuất, nhiệt độ thi công.

**69. Một số mô hình thực nghiệm dự báo tỷ lệ ăn mòn cốt thép trong môi trường chloride của kết cấu bê tông cốt thép**/ Đặng Vũ Hiệp// Xây dựng .- 2019 .- Số 56-60.

**Nội dung**: Giới thiệu một vài mô hình thực nghiệm dự báo tỷ lệ ăn mòn và phạm vi sử dụng của nó.

**Từ khóa**: Tỷ lệ ăn mòn, mô hình dự báo, bê tông cốt thép, ion clorua, ăn mòn cốt thép.

**70. Một số phương pháp biểu diễn chùng ứng suất trong bê tông thông qua hệ số từ biến và hệ số già hóa trong bê tông**/ Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 106-110.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định mối quan hệ giữa số từ biến, hệ số chùng ứng suất và hệ số già của bê tông. Việc xác định được mối liên hệ giữa các hệ số nêu trên là cơ sở cho việc phân tích, đánh giá sự làm việc dài hạn của kết cấu bê tông cốt thép. Ứng suất dài hạn này có thể do tải trọng tác dụng dài hạn hoặc do sự thay đổi của biến dạng (lún lệch, nhiệt độ...).

**Từ khóa**: Hệ số từ biến, hệ số già, hệ số chùng, mô đun đàn hồi bê tông, co ngót

**71. Một số phương pháp dự báo lún bề mặt khi xây dựng công trình ngầm trong đô thị**/ TS. Lê Hoàng Anh, TS. Nguyễn Văn Quang, ThS. Cao Công Ánh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 101-105.

**Nội dung**: Phân tích ưu, khuyết điểm của một số phương pháp dự báo lún bề mặt và khả năng ứng dụng trong thực tế tính toán lún bề mặt khi xây dựng công trình ngầm đô thị.

**Từ khóa**: Lún bề mặt, công trình ngầm, phương pháp dự báo lún.

**72. Một số vấn đề về quy hoạch – kiến trúc các công trình dân sinh cơ bản trên một số đảo tiền tiêu của tổ quốc**/ Lê Kim Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quan về thực trạng quy hoạch và kiến trúc các công trình dân sinh cơ bản trên một số đảo tiền tiêu của tổ quốc. Tìm ra những vấn đề còn hạn chế, nguyên nhân và cách tiếp cận nó. Dựa vào cơ sở pháp lý, những lý luận, tiêu chuẩn xây dựng, các điều kiện tự nhiên xã hội...làm nguyên tắc cơ bản cho việc đề xuất những giải pháp quy hoạch-kiến trúc các công trình dân sinh cơ bản (trạm y tế cơ sở và công trình giáo dục mầm non: nhà trẻ, mẫu giáo, trường mầm non) trên một số đảo tiền tiêu của tổ quốc, theo hướng tận dụng vật liệu tại chỗ.

**Từ khóa**: Tổ quốc, tiền tiêu, dân sinh, quy hoạch, kiến trúc

**73. Một số vấn đề về thiết kế thi công đường giao thông thôn xóm**/ TS. Nguyễn Quốc Văn, ThS. Nguyễn Quý Thành// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Chỉ ra những bất cập từ khâu khảo sát, thiết kế đến thi công và các giải pháp xử lý cho các công trình tiếp theo.

**Từ khóa**: Đường giao thông thôn xóm, độ dốc dọc, độ dốc ngang, thoát nước.

**74. Nâng cao cường độ chịu kéo khi uốn và khả năng chống mài mòn của bê tông sử dụng cát mịn làm mặt đường bê tông xi măng**/ TS. Hoàng Minh Đức, ThS. Ngọ Văn Toản// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 85-88.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả nghiên cứu cải thiện cường độ chịu kéo khi uốn và khả năng chống mài mòn của bê tông sử dụng cát mịn, qua đó mở rộng ứng dụng cho bê tông làm đường.

**Từ khóa**: Cường độ chịu kéo khi uốn, độ mài mòn, bê tông sử dụng cát mịn, mặt đường bê tông xi măng

**75. Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố rủi ro kỹ thuật trong xây dựng công trình giao thông đường bộ ở Nghệ An**/ TS. Nguyễn Thị Thu Ngà, ThS. Phan Thanh Nhàn// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố gây ra rủi ro kỹ thuật ảnh hưởng trong xây dựng công trình giao thông đường bộ ở Nghệ An từ đó đề ra các biện pháp giảm thiểu tác hại hoặc tránh rủi ro có thể xảy ra.

**Từ khóa**: Rủi ro kỹ thuật

**76. Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ bảo dưỡng đến một số tính chất của gạch bê tông**/ Bạch Đình Thiên, Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 266-272.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu ảnh hưởng chế độ bảo dưỡng đến một số tính chất gạch bê tông tại 3 đơn vị sản xuất ở 3 vùng khí hậu khác nhau Bắc, Trung và Nam. Kết quả của đề tài sẽ góp phần vào việc xác định và ứng dụng quy trình bảo dưỡng phù hợp cho các đơn vị sản xuất gạch bê tông trong cả nước.

**Từ khóa**: Gạch bê tông, chế độ bảo dưỡng.

**77. Nghiên cứu ảnh hưởng của cỡ hạt lớn nhất danh định (Dmax), nhiệt độ và áp lực pháp tuyến đến cường độ chịu cắt giữa hai lớp bê tông nhựa**/ NCS. Bùi Thị Quỳnh Anh, PGS. TS. Đào Văn Đông, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc, ThS. Vũ Thế Thuần// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 36-41.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của cỡ hạt lớn nhất danh định Dmax (thông quan một số kết cấu bê tông nhựa điển hình) ở các mức nhiệt độ và áp lực pháp tuyến thí nghiệm khác nhau đến cường độ chịu cắt trượt giữa hai lớp bê tông nhựa trong điều kiện Việt Nam.

**Từ khóa**: Cỡ hạt lớn nhất danh định, nhiệt độ, áp lực pháp tuyến, cường độ chống cắt giữa hai lớp nhựa.

**78. Nghiên cứu ảnh hưởng của ma sát âm lên cọc trong công trình xây dựng trên khu vực nền đất yếu**/ Phan Huy Đông// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 180-184.

**Nội dung**: Phân tích và chỉ ra nguyên nhân sự cố lún, nứt của một công trình nhà thấp tầng trên nền móng cọc xây dựng trong khu vực nền đất yếu có đắp san nền. Kết quả phân tích sẽ chỉ rõ ảnh hưởng của ma sát âm lên cọc cũng như hiệu quả của giải pháp làm giảm ma sát âm bằng cách làm trơn cọc trong phạm vi nền đất yếu. Ngoài ra, các phân tích ứng sử của ma sát âm lên cọc bằng PTHH với các mô hình nền khác nhau tại dự án sẽ đánh giá ứng sử của ma sát âm và các ghi chú cần thiết khi thiết kế cọc trong nền đất yếu.

**Từ khóa**: Sự cố công trình, ma sát âm, PTHH.

**79. Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến nứt phản ánh trong kết cấu mặt đường hỗn hợp tại Việt Nam**/ NCS. Trần Thị Thúy// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Nứt phản ánh là các dạng hư hỏng phổ biến của kết cấu mặt đường hỗn hợp sử dụng lớp móng bê tông xi măng hoặc có các lớp móng được gia cố chất liên kết vô cơ như xi măng/vôi/tro bay. Bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến nứt phản ánh trong kết cấu mặt đường hỗn hợp ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Nứt phản ánh, mặt đường

**80. Nghiên cứu ảnh hưởng của xỉ đáy lò đến một số tính chất cơ-lý của vữa xây dựng sử dụng hàm lượng tro bay lớn**/ Bùi Lê Anh Tuấn, Huỳnh Trọng Phước// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 61-65.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hàm lượng xỉ đáy lò đến một số tính chất cơ-lý của vữa xây dựng sử dụng hàm lượng tro bay lớn với nguồn tro bay và xỉ đáy lò từ các nhà máy nhiệt điện đốt than ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa**: Tro bay, xỉ đáy lò, vữa xây dựng, độ lưu động, cường độ.

**81. Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm các chu trình làm việc an toàn thuộc hệ thống quản lý an toàn lao động trong xây dựng của Nhật Bản tại Việt Nam**/ Phạm Đăng Khoa// Xây dựng .- 2019 .- Tr. 196-201.

**Nội dung**: Chỉ ra một số bất cập trong công tác quản lý an toàn lao động trong xây dựng tại Việt Nam, trình bày các chu trình làm việc an toàn thuộc hệ thống quản lý an toàn lao động trên công trường của Nhật Bản. Tìm hiểu khả năng phù hợp với điều kiện Việt Nam, các chu trình được áp dụng thử nghiệm tại một số công trường ở Việt Nam. Cuối cùng là các đề xuất, kiến nghị áp dụng các chu trình này trong xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Chu trình làm việc an toàn, hệ thống quản lý, an toàn lao động trong xây dựng.

**82. Nghiên cứu bản bê tông cốt thép loại dầm bằng phần mềm ANSYS**/ TS. Bùi Quốc Bình// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Một bài toán thường gặp trong tính toán các kết cấu công trình xây dựng như cầu tàu bến cảng, nhà, xưởng bê tông cốt thép là thiết kế cốt thép cho bản sàn. Giải quyết bài toán này bằng phương pháp tính toán thủ công tốn nhiều thời gian, kết quả mang tính chuyên biệt, khó tùy chỉnh trường hợp tính toán để giải quyết các bài toán tương tự. ANSYS là một phần mềm phân tích kết cấu mạnh, có phạm vi ứng dụng rộng rãi. Bài báo trình bày kết quả ứng dụng ANSYS/Explicit solution để phân tích bản bê tông cốt thép cầu cảng loại dầm với tải trọng tăng dần từng cấp cho đến khi kết cấu đạt đến trạng thái nứt hoàn toàn.

**Từ khóa**: ANSYS, explicit, bản bê tông cốt thép loại dầm, cốt thép, chuyển vị, ứng suất.

**83. Nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quản lý kỹ thuật thi công cọc Barret địa chất thành phố Hồ Chí Minh**/ Đỗ Thị Mỹ Dung// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Hiện nay ở Thành phố Hồ Chí Minh đất chật người đông nên nhiều nhà cao tầng mọc lên và có phần móng được sử dụng cọc Barret rất nhiều, do đặc thù của công nghệ thi công cọc Barret nên việc thi công ở nơi có địa chất yếu như Thành phố Hồ Chí Minh thì rủi ro trong quá trình thi công là khó có thể tránh khỏi. Bài báo nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quản lý kỹ thuật thi công cọc Barret địa chất thành phố Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết.

**Từ khóa**: Cọc Barret, rủi ro, phòng ngừa rủi ro, rủi ro thi công, thi công cọc Barret.

**84. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý vật tư tại dự án xây dựng**/ Trần Thị Diễm Lê, Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 90-95.

**Nội dung**: Trình bày hiện trạng quản lý vật tư các dự án xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh đồng thời đánh giá mức độ ảnh hưởng các nhân tố chia thành 05 nhóm: lập kế hoạch (dự trù vật tư, mua vật tư, vận chuyển và nhận vật tư, quản lý kho). Từ đó, các nhà quản lý có cái nhìn tổng quan hơn để đưa ra những quy trình quản lý vật tư hiệu quả nhằm góp phần thành công dự án xây dựng.

**Từ khóa**: Quản lý vật tư, mô hình cấu trúc tuyến tính.

**85. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tính chính xác của việc ước lượng chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình tại Việt Nam**/ Mai Phước Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Nguyễn Văn Kỳ Long, Đàm Nguyễn Anh Khoa// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 180-184.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến độ chính xác của việc ước lượng chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư của các dự án xây dựng tại Việt Nam và đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố này từ góc độ của các nhà tư vấn lập dự án và chủ đầu tư.

**Từ khóa**: Chi phí thiết bị, tổng mức đầu tư, điều chỉnh, ước lượng, nhân tố.

**86. Nghiên cứu cải tiến mô hình ngưỡng trượt theo vật liệu địa phương**/ Mai Chánh Trung, Nguyễn Hoàng Vĩnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 101-105.

**Nội dung**: Khả năng bơm của một bê tông phụ thuộc chủ yếu vào thuộc tính lưu biến của lớp ma sát tạo ra tại bề mặt tiếp xúc giữa dòng bê tông và thành ống bơm. Các tính chất lưu biến của lớp biên này còn được gọi là các thông số ma sát (gồm hằng số nhớt và ngưỡng trượt). Đã có một số nghiên cứu đề xuất mô hình tính các thông số ma sát này trực tiếp từ các thông số thành phần của bê tông. Nghiên cứu này đề xuất cải tiến mô hình tính thông số ngưỡng trượt của chính tác giả có cập nhật đến vật liệu địa phương với sai số của mô hình xấp xỉ +-12%.

**Từ khóa**: Áp lực bơm, thông số bề mặt, thiết bị đo ma sát, hằng số nhớt, ngưỡng trượt.

**87. Nghiên cứu chất kết dính đóng rắn cực nhanh cường độ cao sử dụng clanhke xi măng pooc lăng và phụ gia khoáng, hóa**/ Văn Viết Thiên Ân// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 115-118.

**Nội dung**: Khảo sát khả năng đông kết và rắn chắc của hệ chất kết dính clanke-thủy tinh lỏng-KF. Đồng thời, phụ gia khoáng xỉ lò cao nghiền mịn đã được sử dụng nhằm tạo được hỗn hợp chất kết dính có tốc độ đóng rắn cực nhanh, cường độ cao nhưng có thời gian đông kết phù hợp để chế tạo được hồ kết dính hoặc vữa kết dính phục vụ công tác sữa chữa công trình, các công tác thi công cần cường độ cao ở tuổi rất sớm.

**Từ khóa**: Đóng rắn cực nhanh, cường độ cao, clanhke, xỉ lò cao, thủy tinh lỏng, florua kali

**88. Nghiên cứu chế tạo bê tông hạt nhẹ trang trí**/ Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Nghiên cứu chế tạo bê tông nhẹ trang trí sử dụng cốt liệu thủy tinh bọt (CLTTB). Nghiên cứu sử dụng các nguyên liệu như: CLTTB chế tạo từ khế thải kính xây dựng, xi măng trắng PCW50.I Thái Bình, bột đá vôi, bột màu oxit sắt và oxit crôm, phụ gia Sikamen R4...

**Từ khóa**: Bê tông nhẹ trang trí, cốt liệu thủy tinh bọt.

**89. Nghiên cứu chế tạo bê tông tự lèn sử dụng cốt liệu keramzit và một số nguyên vật liệu sẵn có tại Việt Nam**/ Hoàng Vĩnh Long, Trần Đức Trung// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 120-125.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu chế tạo bê tông tự lèn sử dụng cốt liệu keramzit kết hợp với một số nguyên vật liệu sẵn có ở Việt Nam để chế tạo hỗn hợp bê tông tự lèn có độ đồng cao nhất, khối lượng thể tích khô <1800kg/m3, cường độ nén ở tuổi 28 ngày ˃20Mpa.

**Từ khóa**: Bê tông tự lèn, Keramzit, tro trấu.

**90. Nghiên cứu chế tạo bộ đo ứng suất – biến dạng cảnh báo sớm phá hoại kết cấu công trình**/ PGS. TS. Châu Trường Linh, ThS. Nguyễn Thu Hà, KS. Lê Viết Thành, KS. Phan Công Danh, KS. Trần Sang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 58-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu chế tạo bộ thiết bị đo biến dạng, nứt, kết hợp với hệ thống quan trắc theo mô hình Internet of Things giúp người dùng dễ dàng hơn trong việc theo dõi, thu thập dữ liệu thường xuyên, liên tục, đặc biệt có thể sử dụng cho nhiều loại công trình khác nhau và giảm chi phí quan trắc sức khõe công trình.

**Từ khóa**: Thiết bị đo, biến dạng, ứng suất, vết nứt, theo dõi và quan trắc, Wen server, bản đồ, cảnh báo sớm, tuổi thọ công trình, Internet of things.

**91. Nghiên cứu đặc điểm công nghệ cọc Press-in và ứng dụng trong xử lý sự cố công trình hạ tầng giao thông thủy lợi**/ ThS. Phạm Thị Loan, TS. Nguyễn Hồng Phong// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 93-97.

**Nội dung**: Nghiên cứu phương pháp gia cố cọc, nghiên cứu đặc điểm công nghệ của phương pháp Press-in, các dạng Press-in và đề xuất phạm vi ứng dụng trong xử lý sự cố công trình hạ tầng giao thông thủy lợi tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Press-in, gia cố công trình bằng cọc, xử lý sự cố khẩn cấp, gia cố công trình, điều kiện tự nhiên bất thường.

**92. Nghiên cứu đặc tính thâm nhập ion clo của bê tông geopolymer tro bay**/ ThS. Lê Quang Hưng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu đặc tính thâm nhập ion clorua của bê tông geopolymer tro bay. Ba hỗn hợp bê tông geopolymer có cường độ cấp 30, 40 và 50 MPa đã được chuẩn bị. Quá trình nghiên cứu thực nghiệm xác định xác định độ thấm ion clo được thực hiện theo Tiêu chuẩn ASTM C1202. Dựa trên thí nghiệm này, bài báo đưa ra những phân tích, đánh giá về đặc tính xâm nhập ion clorua vào bê tông geopolymer tro bay. Việc đánh giá đặc tính thâm nhập ion clo của bê tông geopolymer tro bay là cần thiết cho quá trình nghiên cứu ứng dụng vật liệu này vào lĩnh vực xây dựng hiện nay.

**Từ khóa**: Geopolymer, tro bay, clo.

**93. Nghiên cứu hiệu quả việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho doanh nghiệp xây dựng nhỏ và vừa**/ Trần Đức Học, Nguyễn Đăng Trình, Nguyễn Thanh Phong, Lăng Anh Hải Phượng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 111-114.

**Nội dung**: Tìm hiểu về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Đồng thời tổng hợp các phân tích về rào cản, lợi ích và động lực thúc đẩy để doanh nghiệp cải tiến việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho một doanh nghiệp xây dựng, cũng như bước đầu đưa lộ trình để cải thiện việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho một doanh nghiệp xây dựng; cũng như bước đầu đưa lộ trình đề xuất triển khai thực tế trong doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp áp dụng hiệu quả hơn công nghệ thông tin và truyền thông.

**Từ khóa**: Công nghệ thông tin truyền thông, lộ trình, quản lý xây dựng.

**94. Nghiên cứu kết cấu mố trụ dẻo sử dụng cho thiết kế cầu nhịp trung tại Việt Nam**/ ThS. Đỗ Thị Hằng, TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, KS. Trần Quang Minh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 67-71.

**Nội dung**: Tìm hiểu một số nét chính về kết cấu cầu mố trụ dẻo: Ưu nhược điểm, đặc điểm cấu tạo và làm việc của kết cấu.

**Từ khóa**: Cầu mố trụ dẻo, giảm giá thành xây dựng cầu, mố trụ độ cứng nhỏ.

**95. Nghiên cứu kết cấu nhịp cầu Extradosed có sườn bằng bản thép lượn sóng**/ Hồ Xuân Nam// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 6 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Phân tích kết cấu cầu Extradosed với sự kết hợp cả hai ưu điểm của kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực bằng các dây văng với các sườn bằng thép lượn sóng. Kết quả tính toán phương án cầu Extradosed có dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực và dầm bê tông cốt thép dự ứng lực có sườn thép bằng thép lượn sóng cho thấy dầm có sườn bằng bản thép lượn sóng có nhiều ưu điểm, do đó sẽ thích hợp để áp dụng trong các trường nhịp lớn, trong đô thị và thi công nhanh.

**Từ khóa**: Extradosed, thép lượn sóng, dầm bê tông.

**96. Nghiên cứu lan truyền sóng trong nền đất do thi công cọc**/ TS. Nguyễn Lan// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 69-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này kết hợp phân tích lý thuyết và thực nghiệm, xác định công thức thực nghiệm quan hệ giữa vận tốc rung và bán kính từ điểm xét đến nguồn rung cho hoạt động đóng cọc phục vụ đánh giá mức độ ảnh hưởng rung chấn đến các công trình xung quanh làm cơ sở giải quyết các tranh chấp giữa chủ đầu tư và người dân xung quanh.

**Từ khóa**: Vận tốc đỉnh chất điểm, thi công cọc, rung động, lan truyền sóng, nguồn rung, phần tử hữu hạn, bán kính ảnh hưởng, vận tốc rung giới hạn.

**97. Nghiên cứu lựa chọn giải pháp hợp lý giải quyết vấn đề lún lệch giữa đường nội bộ với các công trình trong khu công nghiệp xây dựng trên đất yếu**/ TS. Mai Thị Hải Vân, KS. Phan Đức Duy, TS. Đỗ Thắng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 74-77.

**Nội dung**: Các khu công nghiệp hiện nay đa số được xây dựng trên nền đất yếu nên không tránh khỏi hiện tượng lệch giữa đường nội bộ với các công trình. Vì vậy trong bài báo này, tác giả tập trung nghiên cứu lựa chọn giải pháp hợp lý mang tính tổng thể giải quyết vấn đề này cho một công trình thực tế, từ đó đưa ra một số kết quả, nhận xét, đánh giá.

**Từ khóa**: Đường nội bộ, khu công nghiệp, đất yếu, lún lệch

**98. Nghiên cứu mô hình tối ưu hóa lợi nhuận của nhà thầu xây dựng trong triển khai thi công các dự án nhà cao tầng**/ Phạm Anh Đức, Nguyễn Ngọc Thuận Hóa// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 137-141.

**Nội dung**: Đề xuất mô hình gồm các modul tối ưu hóa lợi nhuận và mô phỏng lợi nhuận của nhà thầu xây dựng. Thuật toán tiến hóa vi phân được đề xuất để tối ưu đồng thời thời gian và chi phí xây dựng. Sau đó, mô phỏng Monte Carlo được ứng dụng để đánh mức độ rủi ro của lợi nhuận tối ưu nhận được của nhà thầu xây dựng. Mô hình đề xuất được khảo sát qua dự án công trình xây dựng cao tầng tại Đà Nẵng, nhằm giúp các nhà quản lý xây dựng có một công cụ hỗ trợ trong việc ra quyết định, và hỗ trợ việc quản lý dự án xây dựng một cách hiệu quả hơn, tối ưu hơn.

**Từ khóa**: Tối ưu hóa đa mục tiêu, mô phỏng Monte-carlo, lợi nhuận, nhà thầu, nhà cao tầng.

**99. Nghiên cứu móng nông chịu tải trọng điều hòa thẳng đứng bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ Nguyễn Bảo Việt// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn để nghiên cứu ứng xử của hệ thống móng máy nông chịu tải trọng điều hòa thẳng đứng. Một số yếu tố không được xét đến trong lý thuyết tính toán giải tích như khối lượng của móng, tương tác đất nền, dao động của các điểm xung quanh móng... đã được xem xét một cách chi tiết.

**Từ khóa**: Móng nông tròn, tải trọng điều hòa thẳng đứng, biên độ dao động.

**100. Nghiên cứu những nguyên nhân gây ra các công tác ngoài kế hoạch Out – of – sequence ảnh hưởng đến kế hoạch thi công dự án của Nhà thầu Chính đối với gói thầu thi công theo phương thức Thiết kế - Đầu thầu – Thi công tại Việt Nam**/ Đoàn Thị Ngọc Hân, Lương Đức Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 164-169.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng phương pháp phân tích nhân tố EFA (Exploratory Factor Analysis) để xác định các nhóm nhân tố liên quan đến máy móc – thiết bị - vật tư – nhân công, khả năng kiểm soát các bên, nội bộ các bên, thiết kế, hợp đồng, tài chính, thi công gây ra các công tác ngoài kế hoạch OOS làm ảnh hưởng đến kế hoạch thi công dự án ban đầu của Nhà Thầu Chính.

**Từ khóa**: Các nhân tố quan trọng, công tác ngoài kế hoạch, Out – of – sequence, thiết kế - đấu thầu – thi công.

**101. Nghiên cứu ổn định trượt cung tròn kết cấu kè tường cừ**/ TS. Nguyễn Thị Diễm Chi// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 64-66.

**Nội dung**: Bài báo đưa ra giải pháp tính toán ổn định tường cừ bằng phần mềm GeoSlope.

**Từ khóa**: Xói lở bờ biển, tường cừ, phần mềm GeoSlope.

**102. Nghiên cứu phát triển hệ thống cân động cầu**/ TS. Nguyễn Lan// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu về cả phần cứng, phần mềm của một hệ thống cân động cầu lắp đặt tại các cầu kết cấu nhịp giản đơn để nhận dạng tải trọng xe qua cầu từ phổ biến dạng động thu được. Kết quả nhận dạng tải trọng xe phục vụ quản lý, kiểm soát tải trọng lưu hành trên đường bộ hiện nay tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cân động cầu, nhận dạng tải trọng, kiểm soát tải trọng, phổ biến dạng, cảm biến biến dạng.

**103. Nghiên cứu so sánh phương pháp Asaoka và Hyperbolic để dự báo độ lún nền đất yếu**/ NCS. ThS. Trần Thị Thảo, PGS. TS. Trần Đắc Sử// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: So sánh việc dự báo độ lún bằng hai phương pháp Asaoka và Hyperbolic cho các chuỗi dữ liệu trên cùng một dự án, do cùng một nhà thầu thực hiện kết hợp với việc đánh giá độ tin cậy của các kết quả dự báo trên cơ sở đó rút ra các kết luận.

**Từ khóa**: Phương pháp Asaoka, phương pháp Hyperbolic, dự báo độ lún, các chỉ tiêu dự báo, đánh giá độ chính xác.

**104. Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ Tân Rai để thay thế một phần xi măng**/ TS. Nguyễn Văn Hướng, KS. Phạm Lý Triều, ThS. Nguyễn Thị Lộc, ThS. Lê Trung Thành// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 48-53.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu chế tạo phụ gia khoáng từ bùn đỏ Tân Rai Lâm Đồng bằng phương pháp hoạt hóa ở nhiệt độ 650oC và 750oC.

**Từ khóa**: Bùn đỏ Tân Rai, bauxite Tân Rai, phụ gia khoáng, hoạt hóa nhiệt.

**105. Nghiên cứu sử dụng cát mịn và hỗn hợp phụ gia khoáng xỉ lò cao – tro trấu chế tạo bê tông cường độ siêu cao**/ Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 175-179.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu ban đầu về sử dụng cát mịn kết hợp với hỗn hợp phụ gia khoáng tro trấu và xỉ lò cao để chế tạo bê tông cường độ siêu cao, có cường độ nén ở tuổi 28 ngày ≥150MPa.

**Từ khóa**: Bê tông cường độ siêu cao, cát mịn, tro trấu, xỉ lò cao.

**106. Nghiên cứu sử dụng chất phủ Siliconate Metyl Kali nhằm giảm thiểu độ co nở của khối xây tường bê tông khí chưng áp**/ Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 257-265.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng chất phủ bề mặt Siliconate Metyl Kali nhằm làm giảm độ hút nước và độ co nở kho khối xây AAC. Kết quả cho thấy, khi sử dụng chất phủ với tỷ lệ Siliconate Metyl Kali/Nước là 1:10 thì độ hút nước và độ giãn nở của tường AAC giảm rõ rệt tương ứng còn 34% và 1,65% khi phun mưa với lượng 400 mm.

**Từ khóa**: Bê tông khí chưng áp, Siliconate Metyl Kali

**107. Nghiên cứu sử dụng đá thải đào hầm cho bê tông vỏ hầm**/ TS. Trần Thu Hằng// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu việc tận dụng đá thải làm cốt liệu thô cho bê tông vỏ hầm thông qua việc phân tích một dự án đã thực hiện ở Việt Nam. Các đặc trưng của bê tông vỏ hầm làm từ đá tái chế được phân tích và so sánh với bê tông vỏ hầm làm từ đá mua mới tại mỏ. Các kết quả cho thấy triển vọng của việc thay thế đá mới bằng đá thải đào hầm ở nước ta.

**Từ khóa**: Đá thải đào hầm, tái chế, bê tông vỏ hầm, phát triển bền vững.

**108. Nghiên cứu sử dụng phế thải xỉ than và bao nung chế tạo gạch lát truyền thống**/ Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 229-232.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng xỉ than và bao nung là phế thải từ lò hộp để chế tạo gạch lát truyền thống.

**Từ khóa**: Xỉ than, bao nung, gạch lát truyền thống.

**109. Nghiên cứu sử dụng xỉ đáy làm cốt liệu trong sản xuất gạch bê tông**/ Hoàng Vĩnh Long// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 177-179.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng xỉ đáy Cẩm Phả, thay thế đá mạt (theo khối lượng) với hàm lượng là 25%, 50%, 75%, 100% để chế tạo gạch bê tông. Kết quả cho thấy với hàm lượng xỉ thay thế 25%, 50%, 75% gạch bê tông tương ứng có thể đạt mac M20, M15, M5 theo TCVN 6477:2016. Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng cho các nhà máy sản xuất gạch bê tông góp phần xử lý phế thải tro xỉ nhiệt điện.

**Từ khóa**: Xỉ đáy, tro bay, cốt liệu cho bê tông.

**110. Nghiên cứu sự làm việc của dầm bê tông cốt thép dự ứng lực tiết diện chữ T ngược**/ ThS. Nguyễn Trưởng Toán// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Kết cấu nhịp dầm đơn giản, bê tông cốt thép dự ứng lực được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong các kết cấu nhịp cầu nhỏ, phần cầu dẫn cảu cầu chính hoặc trên các tuyến đường trên cao. Nói đến kết cấu này, người ta thường nghĩ đến các dạng cầu dầm tiết diện chữ I, chữ T và cầu dầm Super-T. Trong bài báo này, tác giả mở ra một hướng tiếp cận mới đó là sử dụng dầm tiết diện chứ T ngược bằng bê tông cốt thép dự ứng lực. Bằng việc phân tích sự làm việc của dầm chữ T ngược thông qua ví dụ thiết kế, các ưu nhược điểm của dầm sẽ được đề cập tới, từ đó chia ra các khuyến cáo khi áp dụng trong thực tiễn.

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, dự ứng lực, tiết diện T ngược.

**111. Nghiên cứu thiết kế cân bằng (BMD) cho hỗn hợp bê tông asphalt sử dụng phụ gia phế thải nhựa theo phương pháp trộn khô**/ NCS. Nguyễn Hồng Quân, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc, TS. Lương Xuân Chiểu// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 36-41.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm trong phòng sử dụng thiết kế cân bằng BMD cho hỗn hợp bê tông asphalt có phụ gia phế thải nhựa theo phương pháp trộn khô. Kết quả nghiên cứu cho thấy bê tông nhựa sử dụng phụ gia phế thải nhựa đảm bảo các đặc trưng thể tích, độ lún ổn định Marshall, khả năng chống lún vệt bánh xe và khả năng chống nứt mỏi đều cao hơn bê tông nhựa đối chứng không phụ gia.

**Từ khóa**: Thiết kế cân bằng, phế thải nhựa, phương pháp trộn khô, độ ổn định Marshall, khả năng chống lún vệt bánh, khả năng chống nứt, bê tông asphalt.

**112. Nghiên cứu thiết kế vữa tự chèn gốc styrene butadiene ứng dụng cho mặt đường bán mềm**/ Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Đình Thao, Phan Nguyễn Minh Tân, Lâm Thị Ánh Hồng, Lăng Đức Duy, Vũ Bá Tứ// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 99-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu một thành phần quan trọng trong mặt đường bán mềm và vữa tự chèn. Vữa tự chèn tìm hiểu trong bài báo bao gồm xi măng, nước và phụ gia cao su Styrene Butadiene. Các thành phần được phối trộn dựa trên độ chảy, cường độ uốn và nén mẫu.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa rỗng, mặt đường bán mềm, mặt đường bán cứng, vữa cải tiến, vữa tự chèn, độ chảy, độ uốn, cường độ nén.

**113. Nghiên cứu thông số độ cứng đất nền trong mô hình Hardening soil cho bài toán mô phỏng chuyển vị tường vây hố đào**/ Trần Trung Hiếu, Trần Thanh Danh// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 138-142.

**Nội dung**: Phân tích chuyển vị tường vây tầng hầm một công trình tại khu vực Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh bằng phương pháp phần tử hữu hạn sử dụng mô hình Hardening soil trong đó thông số độ cứng đất nền được xác định gián tiếp từ các công thức thực nghiệm. Kết quả phân tích được so sánh với quan trắc chuyển vị tường vây ngoài thực tế từ đó đưa ra được công thức thực nghiệm ước lượng độ cứng đất nền hợp lý cho công tác tính toán thiết kế hố đào.

**Từ khóa**: Tường vây, chuyển vị, phân tích ngược, mô hình Hardening soil, Plaxis 2D.

**114. Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của lửa đến bê tông và sự phá hoại của cột bê tông cốt thép**/ Ngô Tấn Sang, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 162-166.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của lửa đến bê tông và sự phá hoại của bê tông cốt thép. Chương trình thí nghiệm được thực hiện trên 30 mẫu cột bê tông cốt thép có kích thước 150x150x300 mm. Các mẫu cột được chia làm 5 nhóm, mỗi nhóm có 6 cột với thời gian đốt của mỗi nhóm lần lượt là 0, 30, 45, 60 và 75 phút.

**Từ khóa**: Cột bê tông cốt thép, bê tông, cháy, phá hoại.

**115. Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của lửa đến nứt và sự bong tách của dầm bê tông cốt thép**/ Trần Nguyên Hảo, Nguyễn Nguyên Vũ, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Trình bày một nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của lửa đến vết nứt và sự bong tách của dầm bê tông cốt thép (BTCT).

**Từ khóa**: Dầm bê tông cốt thép, bê tông, cháy, nứt, bong tách.

**116. Nghiên cứu thực nghiệm chế tạo chất kết dính geopolymer tro bay canxi thấp**/ TS. Đào Sỹ Đán// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu chế tạo chất kết dính GP tro bay canxi thấp để thay thế cho chất kết dính OPC trong việc sản xuất bê tông thương phẩm. Một chương trình nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện cho việc so sánh và đánh giá. Kết quả cho thấy, chúng hoàn toàn có thể tạo ra chất kết dính GP tro bay canxi thấp có cường độ cao như chất kết dính OPC trong điều kiện sử dụng nguồn vật liệu đầu vào và máy móc thiết bị thông thường ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông, geopolymer, tro bay, thủy tinh lỏng, dung dịch xút.

**117. Nghiên cứu thực nghiệm dạng phá hoại của cột bê tông cốt thép bị cháy gia cường FRP**/ Võ Hoàng Trí, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 193-198.

**Nội dung**: Trình bày một nghiên cứu thực nghiệm gia cường FRP cho cột BTCT bị cháy. Thí nghiệm được thực hiện cho 30 mẫu cột BTCT có kích thước 150x150x300 mm. Số mẫu này được chia làm 5 nhóm, trong đó có 4 nhóm được thí nghiệm cháy lần lượt 30, 45, 60, 75 phút và một nhóm không thí nghiệm cháy làm nhóm đối chứng. Mẫu sau khi bị cháy được gia cường bằng 2 lớp và 3 lớp FRP. Sau đó, tất cả các mẫu tiến hành thí nghiệm nén dọc trục. Chi tiết chương trình thí nghiệm được trình bày trong bài báo này.

**Từ khóa**: Cháy, cột bê tông cốt thép, gia cường, FRP, nén dọc trục.

**118. Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của cốt liệu đến một số đặc trưng cơ học của bê tông geopolymer tại Nghệ An**/ Phan Duy Thuận, Phạm Thanh Tùng, Nguyễn Đức Định, Nguyễn Bá Đại, Nguyễn Minh Châu// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 46-51.

**Nội dung**: Trong bê tông nói chung và bê tông geopolymer nói riêng, cốt liệu chiếm tỷ lệ lớn nhất trong bê tông và đóng vai trò tạo ra bộ khung chịu lực. Việc lựa chọn thành phần hạt cốt liệu là một trong những công việc quan trọng trong thiết kế cấp phối bê tông. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả lần lượt thực hiện chế tạo 04 cấp phối có kích thước cốt liệu thay đổi để đánh giá ảnh hưởng của yếu tố này đến một số đặc trưng cơ học như cường độ chịu nén, cường độ chịu kéo và mô đun đàn hồi của bê tông geopolymer.

**Từ khóa**: Bê tông geopolymer, GPC, cốt liệu, tro bay, xỉ lò cao, sỏi đảo Ngư, cát sông, cát biển.

**119. Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của hàm lượng chất kích hoạt đến cường độ và mô đun đàn hồi của bê tông Geopolymer**/ Phạm Thanh Tùng, Phạm Quang Đạo, Nguyễn Văn Nam, Phan Xuân Quỳnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 127-131.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của hàm lượng chất hoạt hóa đến cường độ bê tông geopolymer. Các tính chất cơ lý như cường độ chịu nén, cường độ chịu kéo và mô đun đàn hồi tại các ngày tuổi 3, 7 và 28 ngày được thí nghiệm và khảo sát. Kết quả thí nghiệm cho phép khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ chất hoạt hóa đến các tính chất cơ lý trên của bê tông geopolymer.

**Từ khóa**: Bê tông geopolymer, GPC, cát biển, nước biển, tro bay, xỉ lò cao, chất hoạt hóa.

**120. Nghiên cứu thực nghiệm panel sàn rỗng bê tông ứng lực trước chịu lữa**/ ThS. Hoàng Anh Giang// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Tr. 9-18.

**Nội dung**: Giới thiệu một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm về ứng xử khi chịu lửa của cấu kiện panel sàn rỗng bê tông dự ứng lực trước được thực hiện trên hệ thiết bị thử nghiệm sẵn có của Việt Nam.

**Từ khóa**: Cấu kiện đúc sẵn, khả năng chịu lửa, panel sàn rỗng, tác động của lửa, thử nghiệm đốt, ứng lực trước.

**121. Nghiên cứu thực nghiệm sự làm việc của liên kết nối ống thép tròn sử dụng mặt bích và bu lông chịu uốn-cắt**/ Trịnh Văn Thao, Lê Anh Tuấn// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 143-151.

**Nội dung**: Mô phỏng và thực nghiệm ứng xử của liên kết nối ống thép tròn sử dụng mặt bích và bulông chịu uốn cắt đồng thời và kiến nghị tỷ lệ kích thước hợp lý cho đường kính bulông, mặt bích và ống thép.

**Từ khóa**: Ống thép tròn, mặt bích, bulông cường độ cao, chịu uốn cắt đồng thời, cơ chế phá hủy.

**122. Nghiên cứu thực nghiệm tính chất cơ lý của vữa chống phóng xạ**/ Lê Thành Mai, Vũ Quốc Hoàng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 209-214.

**Nội dung**: Bài viết xây dựng sự ảnh hưởng các chỉ tiêu cơ lý của vữa chống phóng xạ, vữa Barrite, với hàm lượng Barite trong vữa qua quá trình thực nghiệm các tính chất cơ lý, như độ sụt, thời gian đông kết, cường độ chịu uốn và kéo, thể tích, làm cơ sở cho việc xác định cấp phối phù hợp với nhu cầu thực tế.

**Từ khóa**: Vữa Barite, vật liệu cản xạ, cường độ chịu nén, khối lượng thể tích.

**123. Nghiên cứu thực nghiệm về hư hại của ống thép nhồi bê tông bị cháy**/ Trình Nguyễn Minh Thông, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu thực nghiệm về tác động của lửa đến mức độ hư hại của ống thép nhồi bê tông (CFST). Thí nghiệm được thực hiện trên mẫu CFST có đường kính ống 114mm, chiều dày 2mm, dài 2000mm...

**Từ khóa**: Ống thép nhồi bê tông, phá hoại, thực nghiệm.

**124. Nghiên cứu ứng dụng chất làm tăng cứng bề mặt bê tông Ashford Fomula cho nền, sàn công trình dân dụng và công nghiệp nhẹ**/ ThS. Phạm Ngọc Vương, TS. Lê Thị Hương Giang, ThS. Đỗ Quang Thành, KS. Ngô Việt Anh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 55-58.

**Nội dung**: Những năm gần đây, tốc độ phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp rất mạnh mẽ, các công trình nhà cao tầng, công trình công nghiệp nhẹ đua nhau xây dựng. Việc xử lý bề mặt nền của bãi đỗ xe ô tô, xe máy trong nhà cao tầng và nền nhà xưởng trong các công trình công nghiệp nhẹ là hết sức cần thiết. Tuy nhiên hiện tại ở Việt Nam, các nhà thầu thi công xây dựng có rất nhiều biện pháp làm tăng cứng, tăng độ bám dính bề mặt bê tông. Trong bài báo, tác giả trình bày nghiên cứu ứng dụng chất làm tăng cứng bề mặt bê tông Ashford Formula cho sàn, nền công trình dân dụng và công nghiệp nhẹ.

**Từ khóa**: Ashford Formala, nền nhà công nghiệp nhẹ, sàn tầng hầm.

**125. Nghiên cứu ứng dụng giải pháp tường chắn bằng bê tông cốt sợi thành mỏng bảo vệ ta-luy âm của đường đi ven sông hồ**/ TS. Đỗ Thắng, TS. Mai Thị Hải Vân, KS. Phùng Khắc Huy// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 64-68.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tường chắn bằng bê tông cốt sợi thành mỏng để bảo vệ ta-luy âm của đường đi ven sông, hồ cho một công trình thực tế, từ đó đưa ra một số kết quả, nhận xét, đánh giá.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi, thành mỏng, tường chắn, cấu kiện lắp ghép.

**126. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp đánh giá dựa trên khoảng cách từ lời giải trung bình trong lựa chọn giám đốc dự án**/ Nguyễn Thanh Phong// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 185-187.

**Nội dung**: Đề xuất một cách tiếp cận định lượng mới dựa trên kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chí, phương pháp đánh giá dựa trên khoảng cách từ lời giải trung bình, để ứng dụng trong tình huống cần đưa ra quyết định đánh giá và lựa chọn giám đốc dự án.

**Từ khóa**: Ra quyết định, đa tiêu chuẩn, đánh giá và lựa chọn, quản lý dự án.

**127. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp phân tích giá vòng đời (LCCA) trong công tác bảo trì công trình biến dạng bệ cọc BTCT ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thành Trung// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 13-19.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu ứng dụng của phương pháp phân tích giá vòng đời trong xây dựng chiến lược bảo trì phù hợp cho kết cấu bến cảng dạng bệ cọc BTCT ở Việt Nam. Nghiên cứu này dựa trên kết quả tính toán dự báo tuổi thọ còn lại do sự xâm nhập chcloride ion và chi phí bảo trì của một số phương pháp sữa chữa áp dụng cho một công trình bến cảng điển hình ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Biến dạng bệ cọc BTCT, phân tích giá vòng đời, Chloride ion, chiến lược bảo trì.

**128. Nghiên cứu ứng xử của cọc ống bê tông gia cố nền đất yếu dưới nền đường đắp bằng phân tích PTHH**/ Phan Huy Đông// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 131-136.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá ứng xử của cọc bê tông ống đường kính lớn đổ tại chỗ (PCC) dưới nền đường đắp một cách chính xác hơn, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của cọc (chiều sâu cọc, khoảng cách cọc, chiều cao lớp đất đắp), bài báo này trình bày các phân tích ứng suất và biến dạng của bài toán cọc PCC gia cố nền đất yếu dưới nền đường sắt có đắp cao bằng phương pháp PTHH, sử dụng mô hình 3D qua phần mềm Plaxis 3D. Qua đó, đề xuất phương pháp thiết kế phù hợp với loại cọc này.

**Từ khóa**: PTHH, phân tích 3D, cọc PCC, cọc gia cố nền.

**129. Nghiên cứu ứng xử của dầm bê tông cốt composite GFRP khi chịu ảnh hưởng của tải trọng và gia nhiệt bằng thực nghiệm**/ Phạm Hoàng Dũng, Hà Hoàng Giang, Lương Minh Sang// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 71-76.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phương pháp thực nghiệm được sử dụng để phân tích ứng xử của dầm bê tông cốt composite GFRP khi chịu tác dụng của tải trọng và nhiệt độ. Cùng với đó các thông số quan trọng ảnh hưởng đến ứng xử của dầm cũng được khảo sát, thể hiện cụ thể ở các ví dụ số.

**Từ khóa**: Dầm bê tông, composite GFRP, gia nhiệt, gia tải.

**130. Nghiên cứu ứng xử của máy đào H&V dưới tác động của lực kích**/ Huỳnh Ngọc Thi// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 49-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu về ảnh hưởng của lực kích lên phần thân trái và phải của máy đào H&V khi sử dụng mô hình mô phỏng được phát triển mới nhất dành cho loại máy đào này.

**Từ khóa**: Kỹ thuật đào hầm bằng máy khiên đào, mô phỏng, mô hình động học, máy đào H&V, lực kích.

**131. Nghiên cứu ứng xử kết cấu bản giảm tải đường đầu cầu khi có xét tới ảnh hưởng của khối lượng đất nền (phần 2: Xây dựng mô hình và tính toán)**/ Hoàng Phương Hoa, Nguyễn Văn Phương// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Nghiên cứu kết hợp khi sử dụng biện pháp cấu tạo độ dốc dọc kết cấu nhịp kết hợp thay đổi độ dốc bản giảm tải trên đường đầu cầu và nghiên cứu tính toán bản giảm tải làm việc cùng kết cấu mố khi có xét đến ảnh hưởng của khối lượng đất nền.

**Từ khóa**: Kết cấu bản giảm tải, sàn giảm tải, góc nghiêng bản giảm tải, vận tốc xe chạy thay đổi, tham số khối lượng nền.

**132. Nghiên cứu xác định hệ số chất lượng của đá dăm trong việc thiết kế thành phần và dự báo cường độ của bê tông xi măng**/ TS. Hồ Văn Quân// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 28-32.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu xác định cường độ nén của bê tông xi măng và hệ số chất lượng của đá dăm (các hệ số A và A1) ở khu vực thành phố Đà Nẵng. Các loại bê tông xi măng sử dụng trong nghiên cứu này có tỉ lệ nước – xi măng là 0,48; 0,45; 0,39; 0,36. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng hệ số chất lượng A và A1 của đá dăm ở khu vực thành phố Đà Nẵng có các giá trị tương ứng là 0,60 và 0,39.

**Từ khóa**: Đá dăm, chất lượng, cường độ, bê tông xi măng.

**133. Nguyên nhân của các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công trong các dự án xây dựng tại TP. Hồ Chí Minh**/ Phan Văn Lên, Nguyễn Thanh Việt// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 245-251.

**Nội dung**: Phân tích những nguyên nhân của các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công trong các dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên các nghiên cứu trước đây và ý kiến chuyên gia, 38 nguyên nhân đã được xác định và được nhóm thành 6 nhóm nhân tố chính thông qua kỹ thuật phân tích nhân tố. Bằng cách xếp hạng các nguyên nhân, nghiên cứu xác định được 3 nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến các vấn đề tương tác giữa giai đoạn thiết kế và thi công bao gồm đơn vị thiết kế thiếu nguồn nhân lực lành nghề và giàu kinh nghiệm, thiếu nguồn nhân lực lành nghề tại công trường, thiếu sự phối hợp giữa các bộ phận khác nhau trong đội nhóm thiết kế.

**Từ khóa**: Thiết kế, thi công, tương tác giữa các giai đoạn thiết kế và thi công, dự án xây dựng.

**134. Những hư hỏng thực tế của móng cầu và phương pháp kiểm tra mới**/ Takahiro Sakata, Takayuki Tsuchida, Akio Okazaki// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Giới thiệu một công trình nghiên cứu ở Nhật Bản về tình trạng hư hỏng thực tế của móng cầu, nguyên nhân và cơ chế gây ra hư hỏng. Bài viết cũng trình bày phương pháp luận của công tác điều tra, kiểm định và định lượng tính an toàn của móng cầu. Ngoài ra, phương pháp kiểm tra đo chấn động bằng va đập để đánh giá tình trạng xói mòn của nền đất chung quanh móng cầu cũng được giải thích cụ thể.

**Từ khóa**: Móng cầu, kiểm định, định lượng

**135. Phá hoại nổ của bê tông gia cường bằng FRP dưới tác dụng của tải trọng nén dọc trục**/ Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 255-258.

**Nội dung**: Trình bày dạng phá hoại của bê tông gia cường kháng nở hông bằng FRP.

**Từ khóa**: Bê tông, gia cường, FRP, kháng nở hông, phá hoại nổ.

**136. Phân tích ảnh hưởng của co ngót, từ biến của bê tông đến sự hình thành biến dạng cầu của bê tông dự ứng lực đúc hẫng cân bằng**/ TS. Ngô Văn Minh, ThS. NCS. Chu Văn An, GS. TS. Trần Đức Nhiệm, ThS. NCS. Hồ Xuân Sơn// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 104-109.

**Nội dung**: Giới thiệu các công thức xác định co ngót, từ biến của bê tông theo thời gian theo các tiêu chuẩn khác nhau, so sánh với kết quả thí nghiệm co ngót từ biến của bê tông thực tế thường được sử dụng trong công trình cầu ở Việt Nam và tiến hành tính độ vồng kết cấu nhịp cầu cho cầu dầm và một cầu khung điển hình ở Việt Nam, từ đó rút ra kết luận về việc dự tính độ vồng và biến dạng cầu bê tông dự ứng lực đúc hẫng cân bằng trong thực tế.

**Từ khóa**: Co ngót, từ biến, biến dạng kết cấu nhịp, cầu đúc hẫng cân bằng.

**137. Phân tích ảnh hưởng tầng cứng trong nhà cao tầng chịu tải trọng động đất có xét đến tương tác đất nền**/ Hà Hoàng Giang, Lương Minh Sang, Phạm Hoàng Dũng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 313-316.

**Nội dung**: Bài báo này sẽ phân tích ứng xử của kết cấu sao cho đạt hiệu quả tốt nhất khi thay đổi các thuộc tính của tầng cứng nhà cao tầng. Ngoài ra, bài báo này cũng phân tích ảnh hưởng của tầng cứng đối với nhà cao tầng khi chịu tải trọng động đất có xét đến ảnh hưởng của tương tác nền. Qua đó, đánh giá được mức độ cũng như sự chênh lệch giữa các giá trị chuyển vị đỉnh, vận tốc đỉnh, gia tốc đỉnh của kết cấu khi chịu tải trọng động. Phương trình chuyển động được thiết lập và giả bằng phương pháp Newmark, phần mềm MATLAB được sử dụng để viết chương trình máy tính trong bài báo. Kết quả về chuyển vị đỉnh cho thấy sự ảnh hưởng của các thông số đến sự làm việc của hệ.

**Từ khóa**: Tối ưu hóa tầng cứng nhà cao tầng, tương tác kết cấu và đất nền, tải trọng động đất.

**138. Phân tích biến dạng và ổn định đất nền xung quanh khi thi công hố đào sâu ở quận 5, thành phố Hồ Chí Minh**/ Võ Nguyễn Phú Huân, Nguyễn Minh Tâm, Trương Thái Ngọc// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 245-249.

**Nội dung**: Quá trình thi công hạng mục đào đất tầng hầm, để chống sạt lở xung quanh công trình, người ta thường thi công tường trong đất (cọc barrette), là tường bê tông cốt thép với độ dày và chiều sâu theo yêu cầu sử dụng. Do hạ mực nước ngầm trong việc đào sâu, nên nền đất xung quanh bị biến dạng. Việc xây dựng này có ảnh hưởng rất nhiều đến các công trình xung quanh, làm cho công trình hiện hữu bị nghiêng, gãy đổ nên bị lún sụt. Bài báo này nhằm phân tích sự ảnh hưởng của việc thi công công trình hố đào lên biến dạng và ổn định nền đất tại Quận 5, Tp. HCM.

**Từ khóa**: Hố đào sâu, tầng hầm, sự sụt lún, ổn định.

**139. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đánh giá mức độ nguy hiểm, xác định tỷ lệ chất lượng còn lại trong công tác kiểm định của các chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất giải pháp**/ Đinh Công Tịnh, Dương Phú Lâm// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 155-160.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đánh giá mức độ nguy hiểm, xác định tỷ lệ chất lượng còn lại trong công tác kiểm định của các chung cư cũ xây dựng trước năm 1975 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh dựa trên kết quả khảo sát thực nghiệm, để tìm ra được những yếu tố ảnh hưởng lớn nhất. Từ đó, tác giả đề xuất bảng hệ thống các dạng hư hỏng dựa trên biểu hiện mặt ngoài của cấu kiện, đánh giá mức độ nguy hiểm của các dạng hư hỏng đó và đưa ra một số kiến nghị đối với việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại trong công tác kiểm định chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Kiểm định công trình, công trình chung cư cũ, đánh giá mức độ nguy hiểm, xác định tỷ lệ chất lượng còn lại, Hồ Chí Minh.

**140. Phân tích động tấm Mindlin trên nền đàn nhớt chịu tải trọng di động có xét đến lực hãm sử dụng phương pháp phần tử chuyển động**/ Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Sỹ Lâm, Cao Tấn Ngọc Thân, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 243-249.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phương pháp phần tử chuyển động được sử dụng để phân tích ứng xử động của kết cấu tấm Mindlin trên nền đàn nhớt chịu tải trọng di động có xét đến lực hãm. Theo phương pháp này, các phần tử tấm được xem như chuyển động và tải trọng được xem là đứng yên tại nút của lưới chia phần tử chuyển động. Các ví dụ số liên quan đến ứng xử động lực học của tấm được triển khai nhằm phân tích ảnh hưởng của các đại lượng quan trọng đến chuyển vị lớn nhất của tấm như vận tốc ban đầu, gia tốc hãm, cường độ tải trọng, hệ số ma sát và chiều dày tấm.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử chuyển động, phân tích động, tấm Mindlin, nền đàn nhớt, tải trọng di động, lực hãm.

**141. Phân tích kết cấu dàn cầu Kiewitt 8 có kể đến sự làm việc đồng thời của kết cấu cột bên dưới chịu tác dụng của tải trọng động đất theo phương pháp thẳng đứng**/ Phạm Văn Đạt// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 78-81.

**Nội dung**: Trong bài báo này, tác giả sẽ áp dụng phương pháp phần tử hữu hạn (FEM) để phân tích kết cấu dàn cầu Kiewitt 8 có kể đến sự làm việc đồng thời của kết cấu cột bên chịu tải trọng động đất theo phương thẳng đứng.

**Từ khóa**: Dàn Kiewitt 8, kết cấu bên dưới, tải trọng động đất, dạng phá hoại.

**142. Phân tích kháng chấn ga tàu điện ngầm bằng phương pháp đẩy tĩnh phi tuyến theo phổ phản ứng thiết kế**/ TS. Trần Quang Huy, ThS. Đỗ Văn Phong// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Phân tích phản ứng động đất của ga ngầm sử dụng phương pháp phổ khả năng theo tiêu chuẩn ATC-40, đây là một phương pháp phân tích tĩnh phi tuyến cho ra kết quả chính xác hơn so với kết quả phân tích của phương pháp lực ngang tương đương.

**Từ khóa**: Phản ứng động đất, ga tàu điện ngầm, phương pháp đẩy tĩnh phi tuyến

**143. Phân tích mất ổn định trong cầu dây văng đứt cáp**/ Phùng Tăng Nghị, Nguyễn Ngọc Khánh// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Phân tích các kịch bản đứt cáp trong cầu và phân tích hiện tượng mất ổn định cục bộ của dầm tương ứng với các kịch bản đứt cáp nói trên. Hiện tượng đứt cáp được mô hình bằng lực thay đổi đột ngột theo thời gian. Kết quả của bài báo chỉ khi nào hiện tượng sụp đổ lan truyền sẽ xảy ra.

**Từ khóa**: Sụp đổ lan truyền, phân tích lịch sử thời gian phi tuyến, đứt cáp, phân tích mất ổn định.

**144. Phân tích nguyên nhân sự cố khi xây dựng trong đô thị**/ Nguyễn Minh Thi, Nguyễn Minh Hùng, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Kế Tường// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 142-144.

**Nội dung**: Giới thiệu một số cơ sở lý luận phân tích một trong những nguyên nhân gây ra sự cố lún, nghiêng trong quá trình xây chen trong quá trình phát triển đô thị.

**Từ khóa**: Xây chen, công trình lân cận, móng lệch tâm, lún, đô thị.

**145. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến các đề nghị thay đổi trong giai đoạn thi công đối với các dự án xây dựng**/ Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Thanh Việt// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 237-242.

**Nội dung**: Phân tích các nguyên nhân dẫn đến các đề nghị thay đổi trong giai đoạn thi công đối với các dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp.

**Từ khóa**: Đề nghị thay đổi, nguyên nhân của đề nghị thay đổi, giai đoạn thi công, dự án dân dụng và công nghiệp.

**146. Phân tích sức chịu tải của cọc trong nền cát khu vực ven biển Bình Định có xét hóa lỏng do động đất**/ Hứa Thành Thân, Nguyễn Ngọc Phúc, Trần Thị Thanh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 161-165.

**Nội dung**: Tính toán khả năng kháng lỏng cho nền cát có xét đến ảnh hưởng tiềm năng hóa lỏng do động đất theo phương pháp Benouar. Từ đó, tính toán sức chịu tải của cọc theo các phương pháp có xét đến hóa lỏng cho các cấp động đất. Giá trị trung bình của sức chịu tải dọc trục của cọc thì phương pháp JRA cho giá trị lớn nhất và phương pháp Rollins cho giá trị nhỏ nhất. Giá trị chỉ số độ tin cậy trung bình Bg theo phương pháp Muhanthan phù hợp với đề nghị của phương pháp Barker cho các cấp động đất (M = 6.5 và M = 8.0).

**Từ khóa**: Nền cát, hệ số kháng hóa lỏng, phương pháp Rollins, phương pháp Muhanthan, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn, động đất.

**147. Phân tích sụp đổ lan truyền trong cầu dây văng bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Hưng// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Phân tích các kịch bản đứt cáp trong cầu và phân tích hiện tượng mất ổn định cục bộ của dầm tương ứng với các kịch bản đứt cáp nói trên. Hiện tượng đứt cáp được mô hình bằng lực thay đổi đột ngột theo thời gian. Kết quả của bài báo chỉ ra hiện tượng lan truyền đứt cáp trong cầu và khi nào hiện tượng sụp đổ lan truyền sẽ xảy ra.

**Từ khóa**: Sụp đổ lan truyền (sập đổ lan truyền, sập đổ lũy tiến), phân tích lịch sử thời gian phi tuyến, đứt cáp, phân tích mất ổn định.

**148. Phân tích tìm hiểu các thông số ảnh hưởng đến sự tương tác của đường ray không khe nối đạt trên cầu đường sắt**/ ThS. Phạm Thị Loan, ThS. Chu Quang Chiến// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Tìm hiểu và phân tích các thông số của kết cấu cầu, của kết cấu tầng trên đường ray cũng như một số tác động ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự làm việc tương tác của cầu và đường ray, vì đây là những số liệu hết sức cần thiết trong tính toán kết cấu, cũng như cung cấp những hiểu biết hữu ích cho cả quá trình khai thác và bảo dưỡng sữa chữa các tuyến đường sắt sau này.

**Từ khóa**: Thông số, đường ray không khe nối, đường sắt, tương tác

**149. Phân tích trạng thái ứng suất dưới lớp móng mặt đường bê tông xi măng**/ ThS. Nguyễn Văn Lập// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Trong kết cấu mặt đường bê tông xi măng, lớp móng có thể sử dụng từ các vật liệu rất đa dạng. Bài báo phân tích các trạng thái ứng suất xuất hiện trong lớp móng dưới tấm bê tông xi măng, từ đó, đánh giá ảnh hưởng của lớp móng dưới này lên quá trình làm việc của tấm bê tông mặt đường.

**Từ khóa**: Trạng thái ứng suất, lớp móng, đường bê tông

**150. Phân tích ứng xử cơ học của trụ cầu bằng thép dưới tải trọng va xe**/ TS. Nguyễn Hữu Thuấn// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp tính toán tải trọng va xe vào trụ cầu bằng vật liệu thép dưới tác dụng của xe tải nặng với các vận tốc va khác nhau. Một mô phỏng số dựa trên phương pháp phần tử hữu hạn được giới thiệu để mô phỏng va chạm xe với trụ cầu, qua đó ứng xử cơ học của trụ cầu dưới tải trọng va xe được đánh giá và dự báo như trường ứng suất, lực va chạm, biến dạng của trụ cầu...

**Từ khóa**: Tải trọng va chạm, trụ cầu, tốc độ xe va chạm, trọng lượng xe, hình dạng trụ

**151. Phân tích ứng xử động của tàu cao tốc trên mô hình nền ba lớp sử dụng phương pháp phần tử dầm nhiều lớp chuyển động cải tiến**/ Đỗ Ngọc Thuận, Đỗ Thành Huế, Cao Tấn Ngọc Thân, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 5-10.

**Nội dung**: Phát triển phương pháp phần tử dầm nhiều lớp chuyển động cải tiến để khắc phục những hạn chế của phương pháp dầm nhiều lớp chuyển động. Trong đó, các thành phần thay đổi trong phương thống.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử dầm nhiều lớp chuyển động cải tiến, ứng xử động, tàu cao tốc, nền ba lớp. trình cân bằng động học được xem là lực giả và các ma trận khối lượng, ma trận cản, và ma trận độ cứng của kết cấu là không thay đổi sau mỗi bước thời gian tính toán. Điều này giúp cho phương pháp IMFM giảm bớt nhiều thời gian tính toán hơn so với phương pháp MFM truyền

**152. Phân tích ứng xử tĩnh và động kết cấu tấm nổi trực hướng chịu tải trọng di chuyển**/ Lương Văn Hải, Nguyễn Xuân Vũ, Đỗ Trần Khánh Trình, Trần Minh Thi// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 237-244.

**Nội dung**: Trong bài báo này, ứng xử thủy đàn hồi học của một tấm trực hướng nổi trên mặt nước tĩnh có độ sâu hữu hạn chịu tải di động được mô phỏng bằng phương pháp kết hợp giữa phần tử biên và phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Tấm trực hướng, FEM, BEM, hydroelastic, VLFS.

**153. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của cầu toàn khối nhịp trung**/ TS. Phạm Tuấn Thanh, TS. Nguyễn Mạnh Hà// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 6-12.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát sự làm việc của kết cấu nhịp trong một số sơ đồ cầu dầm giản đơn và sơ đồ cầu toàn khối nhịp trung, được mô hình hóa không gian trong phần mềm Midas Civil theo phương pháp phần tử hữu hạn, có xét đến sự tương tác kết cấu với đất nền theo mô hình nền Winkler. Đồng thời, tiến hành thiết kế, lập dự toán cho một số cho một số công trình cầu trong thực tế theo hai phương án: phương án cầu dầm giản đơn và phương án cầu toàn khối. Từ kết quả thu được, tiến hành phân tích, so sánh và đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của việc áp dụng cầu toàn khối nhịp trung.

**Từ khóa**: Cầu toàn khối, cầu dầm giản đơn, mô hình tính, phương pháp phần tử hữu hạn, sự tương tác của kết cấu với đất nền.

**154. Phân tích, so sánh các phương pháp dự tính sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thép cường độ cao theo một số tiêu chuẩn hiện hành trên thế giới**/ NCS. Trần Thị Lý, ThS. Đào Quang Huy, PGS. TS. Phạm Duy Anh, TS. Đào Văn Dinh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Công bố kết quả nghiên cứu sức kháng cắt của dầm tiết diện chữ nhật, bê tông cấp 70Mpa có sử dụng cốt đai kết hợp với cốt sợi thép Dramix dạng uốn móc hai đầu. Hai mô hình tính toán trong tiêu chuẩn hiện hành ACI 544.4R-88 và RILEM TC 162 TDF, được sử dụng để tính toán sức kháng cắt cho dầm bê tông cường độ cao cốt sợi thép. Kết quả được phân tích, so sánh để đánh giá mối tương quan giữa sức kháng và hàm lượng sợi, cũng như sự liên quan giữa khoảng cách cốt đai và sức kháng cắt của dầm bê tông cường độ cao cốt sợi thép.

**Từ khóa**: Bê tông cốt sợi thép, bê tông cường độ cao cốt sợi thép, sức kháng cắt, dầm bê tông cốt sợi thép.

**155. Phát triển chương trình ứng dụng mô hình thông tin (BIM) trong việc tự động hóa lập dự toán công trình xây dựng**/ Đào Quý Phước, Phạm Hồng Luân, Hồ Đức Duy, Trần Nguyễn Bảo Huy// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: BIM – Thuật ngữ không còn mới mẻ trong xây dựng khi mà BIM đã được triển khai từ thiết kế đến gia công, thi công sản xuất, vận hành và bảo trì dựa trên mức độ tích hợp thông tin và BIM 5D là một trong những khái niệm ứng dụng BIM để quản lý chi phí. Nghiên cứu thực hiện việc ứng dụng BIM và trí thông minh nhân tạo AI để quản lý chi phí.

**Từ khóa**: Quản lý giá, BIM, trí thông minh nhân tạo.

**156. Phương pháp đánh giá mức độ an toàn của công trình thép trong giai đoạn sử dụng dựa trên lý thuyết tập mờ**/ Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 212-219.

**Nội dung**: Nghiên cứu và xây dựng phương pháp đánh giá chất lượng công trình nhà thép dựa trên lý thuyết mờ có kết hợp yếu tố chuyên gia để xây dựng quy trình và đề xuất phương pháp đánh giá mức độ an toàn kết cấu nhà thép trong giai đoạn sử dụng đồng thời có thử nghiệm với công trình cụ thể cho thấy tính hiệu quả khi áp dụng mô hình lý thuyết mờ trong việc đánh giá và phân loại mức độ an toàn của kết cấu công trình thép.

**Từ khóa**: Kết cấu thép, đánh giá an toàn kết cấu, lý thuyết mờ, thuổi thọ công trình, chất lượng công trình.

**157. Phương pháp phần tử rời rạc và ứng dụng trong cơ học đất không bão hòa**/ Lương Nguyễn Hoàng Phương, Tống Anh Tuấn// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Cung cấp một cái nhìn tổng quan ngắn gọn về DEM áp dụng cho nghiên cứu vật liệu địa chất cụ thể cho đất không bão hòa.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử rời rạc, đất không bão hòa

**158. Phương pháp thi công xây dựng đồng thời để rút ngắn thời gian hoàn thành dự án xây dựng**/ Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Lê Thị Mai Trang, Hoàng Công Vũ// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 188-192.

**Nội dung**: Việc hoàn thành các dự án xây dựng mang lại nhiều lợi ích hơn cho chủ dự án và thực hiện đồng thời là một cách tiếp cận để triển khai các dự án xây dựng. Trên cơ sở nghiên cứu về khái niệm công việc tích trữ trong tiến trình (WIP inventory), bài báo tập trung vào xem xét khả năng gối đầu giữa các công tác với các cặp phương pháp thi công khác nhau. Từ đó, chủ dự án có thể chọn được các phương pháp thi công thuận lợi cho thực hiện gối đầu giữa các công tác để mang lại nhiều lợi nhuận nhất.

**Từ khóa**: Thực hiện gối đầu, phương pháp thi công, công việc tích trữ trong tiến trình.

**159. Phương pháp thí nghiệm hiện trường đánh giá chất lượng nền đường sắt đang khai thác**/ PGS. TS. Trần Quốc Đạt// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Xây dựng phương pháp đánh giá chất lượng nền đường sắt, đặc biệt là đường sắt đang khai thác với những kết quả thu được là các thông số kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của đường sắt tốc độ cao.

**Từ khóa**: Nền đường, đá ba lát, tải trọng, LWD.

**160. Phương trình phân bố nhiệt trong bê tông nhựa mặt đường theo nhiệt độ không khí khu vực Nam bộ**/ TS. Trần Văn Thiện, ThS. Ngô Thành Phong, ThS. Võ Văn Thảo// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 89-92.

**Nội dung**: Trình bày thực nghiệm hiện trường đo đạc nhiệt độ không khí, nhiệt độ mặt đường, nhiệt độ trong bê tông nhựa ở độ sâu 02cm, 5cm, 7cm và 12cm của một số trạm đo khu vực TP. Hồ Chí Minh, tình Bình Dương và tỉnh Long An, từ đó tìm phương trình phân bố nhiệt trong bê tông nhựa theo nhiệt độ không khí tại khu vực Nam bộ.

**Từ khóa**: Nam bộ, thực nghiệm, nhiệt độ, bê tông nhựa, phương trình.

**161. Quy trình kiểm soát chất lượng thi công gia cường kết cấu bằng vật liệu FRP (Fiber Reinforced Polymer)**/ Lê Hồng Dương// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 196-198.

**Nội dung**: Hiện nay, vật liệu FRP đã được nghiên cứu và ứng dụng trong để sửa chữa và gia cố các công trình bê tông cốt thép tại Việt Nam. Tuy nhiên, tại Việt Nam vẫn chưa có những tiêu chuẩn và quy trình cụ thể để đảm bảo chất lượng thi công cho vật liệu FRP. Bởi vậy, chúng ta cần có thêm quy trình kiểm soát chất lượng phục vụ cho việc ứng dụng vật liệu FRP trong ngành xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa**: FRP, quy trình, kiểm soát chất lượng.

**162. Quy trình thiết kế biện pháp thi công tầng hầm theo phương pháp semi-topdown**/ Lê Bá Sơn// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng quy trình thiết kế biện pháp thi công tầng hầm nhà cao tầng theo phương pháp semi-topdown. Trong từng bước chính tác giả phân tích và đưa ra các yêu cầu kỹ thuật và các công việc cần triển khai khi thiết kế biện pháp thi công.

**Từ khóa**: Biện pháp thi công tầng hầm, phương pháp semi-topdown.

**163. Rung động lan truyền từ tuyến đường sắt đô thị: Nhân tố hình thành, những ảnh hưởng của nó đến môi trường và một số giải pháp giảm thiểu**/ ThS. Lê Quang Hưng// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 84-88.

**Nội dung**: Giới thiệu những nguyên nhân hình thành rung động lan truyền từ hệ thống đường sắt đô thị ra môi trường xung quanh; những tác hại của nó đến sức khõe người dân sinh sống dọc theo tuyến đường và những ảnh hưởng đến các công trình xây dựng dọc theo tuyến như nhà cửa, trường học, bệnh viện, phòng thí nghiệm..., từ đó đề xuất một số giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu rung động của hệ thống đường sắt đô thị.

**Từ khóa**: Rung động lan truyền, rung động đường sắt đô thị, ảnh hưởng có hại của rung động

**164. Sản xuất cốt liệu nhẹ từ phế thải bột gạch bằng phương pháp liên kết nguội**/ Bùi Lê Anh Tuấn, Nguyễn Trần Hoài Thương, Huỳnh Trọng Phước// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trình bày quá trình sản xuất cốt liệu nhẹ từ nguồn phế phẩm trong quá trình sản xuất gạch vỉa hè (phế thải bột gạch) bằng phương pháp liên kết nguội và kiềm kích hoạt.

**Từ khóa**: Phế thải bột gạch, tro bay, cốt liệu nhẹ, phương pháp liên kết nguội, kiềm kích hoạt.

**165. So sánh ứng xử thực nghiệm của ống thép nhồi bê tông chịu nén lặp và nén đơn**/ Lê Đình Quốc, Cao Văn Vui// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 139-143.

**Nội dung**: Trình bày kết quả so sánh thực nghiệm ứng xử của ống thép nhồi bê tông (CFST) chịu nén lặp và nén đơn. Kết quả so sánh được thực hiện trên hai nhóm gồm 42 mẫu CFST. Mỗi nhóm gồm 21 mẫu, trong đó, 18 mẫu chịu nén lặp còn 3 mẫu chịu nén đơn. Kết quả so sánh cho thấy rằng tải lặp có hiệu ứng làm giảm nhẹ ứng suất cực đại nhưng nó làm tăng đáng kể biến dạng tương ứng với ứng suất cực đại.

**Từ khóa**: Ống thép nhồi bê tông (CFST); nén đơn, nén lặp, ứng suất-biến dạng.

**166. Sử dụng tiêu chuẩn kết hợp để dự báo khả năng chịu lực của hình thức liên kết bằng keo dán bị phá hoại theo Mode I**/ TS. Bùi Thanh Quang// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Liên kết bằng keo dán là một phương pháp được sử dụng trong các ngành công nghiệp như hàng không và ô tô do các ưu điểm đặc biệt khi so sánh với các hình thức liên kết truyền thống. Bài báo trình bày việc sử dụng tiêu chuẩn kết hợp CC để dự báo khả năng chịu lực của hình thức liên kết bị phá hoại theo Mode I.

**Từ khóa**: Tiêu chuẩn nứt, liên kết bằng keo dán, tiêu chuẩn kết hợp.

**167. Tham số ảnh hưởng đến dự báo tuổi thọ của kết cấu bê tông cốt thép bị ăn mòn trong môi trường biển**/ Đặng Vũ Hiệp// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 167-171.

**Nội dung**: Làm rõ ảnh hưởng của tham số đầu vào đến thiết kế tuổi thọ của các kết cấu bê tông cốt thép dựa trên các mô hình của Bazant, Liang, Clear và Liu. Các tham số nghiên cứu là chiều dày lớp bê tông bảo vệ, tỷ lệ ăn mòn, độ tăng đường kính thanh thép dọc, hàm lượng ngưỡng clorua và hàm lượng clorua trên bề mặt.

**Từ khóa**: Ăn mòn, bê tông cốt thép, dự báo tuổi thọ, nứt bê tông bảo vệ.

**168. Thành Điện Hải, Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt – Nghiên cứu phương pháp tu bổ**/ TS. KTS. Nguyễn Hoàng Tuấn// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 41-47.

**Nội dung**: Thành Điện Hải, một di tích lịch sử quan trọng của thành phố Đà Nẵng, được khởi công xây dựng từ năm 1813 dưới thời vua Gia Long. Trải qua một thời gian dài chịu sự tàn phá của chiến tranh và thiên nhiên, cùng với sự xâm lấn của con người, thành đã bị biến dạng và hư hỏng nhiều. Để bảo tồn Di tích quốc gia đặc biệt Thành Điện Hải được công bố theo Quyết định số 2082/QĐ-TTg ngày 25-12-2017 của Thủ tướng Chính phủ cần nhiều điều kiện. Bài viết sẽ đề cập đến các điều kiện trong công tác tu bổ.

**Từ khóa**: Thành Điện Hải, tu bổ, gốc, chân xác, di tích

**169. Thành phần vật liệu xi măng – cát – cốt sợi polymer cho sản xuất ngói lợp**/ TS. Nguyễn Hùng Minh, KS. Hoàng Anh Sơn, KS. Lưu Văn Nam// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 39-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu sản xuất ngói lợp từ vật liệu xi măng, cốt sợi và các nguyên liệu sẵn có trong nước.

**Từ khóa**: Ngói lợp, sản xuất, thành phần.

**170. Thí nghiệm hiện trường xác định đặc tính làm việc trực hướng của tôn sóng làm kết cấu cộng sự chịu tác dụng tải trọng nổ trong đất**/ Lê Hải Dương, Vũ Văn Hoàng// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 292-295.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu bằng thí nghiệm hiện trường xác định đặc tính làm việc trực hướng kết cấu tôn sóng làm công cụ chịu tác dụng tải trọng nổ trong đất.

**Từ khóa**: Thí nghiệm hiện trường, cộng sự tôn sóng, tải trọng nổ.

**171. Thí nghiệm kéo thép CB400-V: Vài bàn luận về thông số cơ bản đưa vào thiết kế**/ Đặng Vũ Hiệp// Xây dựng .- Số 06 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Giới thiệu và đánh giá kết quả thí nghiệm kéo thanh thép đường kính d10, d20 và d25 mác CB400-V của Hòa Phát, tập đoàn đang có thị phần thép xây dựng lớn nhất Việt Nam hiện nay. Các kết quả đánh giá bao gồm các thông số cơ học như giới hạn chảy, giới hạn bền, biến dạng chảy, biến dạng cực hạn. Từ giá trị giới hạn chảy thực tế, tính toán độ dẻo cong của dầm và so sánh với hệ số dẻo yêu cầu trong TCVN 9386:2012.

**Từ khóa**: Thép cường độ cao, cường độ chảy thực tế, hệ số độ dẻo, dầm bê tông cốt thép

**172. Thiết kế dầm công xôn ngắn đối xứng bằng mô hình chống-giằng theo tiêu chuẩn Acl318-11**/ Phùng Thị Hoài Hương// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 133-138.

**Nội dung**: Mô hình chống giằng được sử dụng rộng rãi để tính toán thiết kế kết cấu bê tông cốt thép, đặc biệt đối với việc tính toán thiết kế dầm cao công xôn ngắn. Tiêu chuẩn tính toán thiết kế TCVN 5574-2012 của Việt Nam hướng dẫn thiết kế dầm công xôn ngắn không theo mô hình chống-giằng mà tách riêng thiết kế dầm chịu mô men uốn và thiết kế dầm chịu lực cắt. Bài báo trình bày tính toán thiết kế dầm cao công xôn ngắn đối xứng theo mô hình chống-giằng trong tiêu chuẩn ACI318-11 thông qua khảo sát một dầm công xôn ngắn đối xứng có chiều cao h=500.

**Từ khóa**: Mô hình chống giằng, dầm cao công xôn ngắn, nút, thanh chống, thanh giằng.

**173. Thiết lập đồ thị trạng thái phá hủy kết cấu theo chu kỳ lặp lại trận động đất – một trường hợp áp dụng**/ Đặng Công Thuật, Phạm Mỹ// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 233-236.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu về việc ứng dụng kỹ thuật nội suy của hàm mật độ xác suất được đề xuất bởi tác giả Yi và cộng sự (2007) dùng để thiết lập đồ thị trạng thái xác suất kết cấu. Tính hữu dụng của đồ thị này được thể hiện thông qua việc có thể xây dựng đồ thị trạng thái phá hủy kết cấu theo hàm của chu kỳ lặp các trận động đất, điều này làm tăng tính trực quan cho người sử dụng khi thiết kế chịu động đất hoặc đánh giá, sữa chữa kết cấu khi động đất xảy ra. Để minh chứng khả năng áp dụng của kỹ thuật nội suy hàm mật độ xác suất này, một mô hình kết cấu phi tuyến chịu tải trọng động đất sẽ được xem xét trong ví dụ số.

**Từ khóa**: Kỹ thuật nội suy, hàm mật độ xác suất, đồ thị xác suất phá hủy.

**174. Thực nghiệm so sánh sự làm việc và khả năng chịu lực của kết cấu sàn liên hợp thép – bê tông nhịp đơn và nhiều nhịp chịu tải trọng tĩnh**/ Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Ngọc Tân// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 224-231.

**Nội dung**: Giới thiệu những kết quả thực nghiệm thu được từ thí nghiệm uốn năm sàn liên hợp thép – bê tông chịu tác dụng của tải trọng tĩnh, trong đó có hai mẫu sàn nhịp đơn và ba mẫu sàn hai nhịp. Các mẫu sàn liên hợp được chế tạo trong phòng thí nghiệm với tỷ lệ hình thức học 1:1 so với thực tế, bằng bê tông thương phẩm có cấp độ bền thiết kế B35 và tấm tôn định hình cán nguội...Nghiên cứu cũng khảo sát ảnh hưởng của việc bố trí cốt thép mô men âm đến khả năng chịu lực và sự phát triển của các vết nứt bê tông.

**Từ khóa**: Sàn liên hợp thép – bê tông, nhịp đơn, nhịp liên tục, khả năng chịu lực giới hạn, độ võng, vết nứt bê tông

**175. Tìm hiểu ứng dụng BIM thông qua phân tích mô hình biệt thự 3 tầng tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Giang, Phạm Thành Nhân, Nguyễn Hoài Phong, Nguyễn Văn Hòa, Hà Trần Hoàng Phi Long, Đặng Quang Huy// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 108-113.

**Nội dung**: Tìm hiểu ứng dụng BIM thông qua phân tích mô hình biệt thự 3 tầng tại Việt Nam tại một công ty có bề dày ứng dụng BIM từ năm 2012 đến nay, đó là công ty Cổ phần Xây lắp thương mại 2-ACSC.

**Từ khóa**: Mô hình hình học ba chiều, mô hình thông tin và tiến độ, mô hình thông tin và chi phí xây dựng, kiểm tra va chạm, không gian ảo.

**176. Tính toán chọc thủng theo TCVN 5574 : 2018**/ TS. Lê Minh Long// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 65-78.

**Nội dung**: Đề cập tới một số điềm cần lưu ý khi áp dụng TCVN 5574:2018 để tính toán chọc thủng và làm rõ được cách tính toán mới, cũng như thiết lập được sơ đồ khối để có thể sử dụng trong thực tế tính toán thiết lập. Bài báo cũng đã thiết lập được công thức tính mô men kháng uốn cho các trường hợp cụ thể dùng trong tính toán chọc thủng.

**Từ khóa**: Chọc thủng, bê tông cốt thép, cấu kiện phẳng.

**177. Tính toán dao động của hệ giàn không gian có lắp thiết bị tiêu tán năng lượng chịu tải trọng ngẫu nhiên**/ Nguyễn Chí Thọ, Nguyễn Trí Tá, Nguyễn Xuân Bàng// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: Trình bày kết quả tính toán số dao động của hệ giàn không gian chịu tải trọng ngẫu nhiên, trong đó hệ giàn có lắp thêm thiết bị tiêu tán năng lượng (TMD). Các công thức được thiết lập dựa vào phương pháp phần tử hữu hạn, tải trọng ngẫu nhiên được mô tả là quá trình dừng dạng ồn trắng. Các kết quả tính toán số cho thấy TMD có tác dụng giảm dao động rất hiệu quả cho cơ hệ này. Bài báo là cơ sở tham khảo có giá trị khi tính toán, thiết kế và áp dụng khi cần điều khiển dao động cho kết cấu giàn không gian bằng TMD.

**Từ khóa**: Tải trọng ngẫu nhiên, hệ giàn không gian, tiêu tán năng lượng.

**178. Tính toán động lực học khung thép phẳng đàn – dẻo theo mô hình Clough tổng quát có kể đến ảnh hưởng của lực dọc và lực cắt đến trạng thái giới hạn dẻo của tiết diện**/ Nguyễn Văn Tú// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 117-121.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp và các kết quả tính toán khung thép phẳng đàn – dẻo theo mô hình Clough tổng quát chịu tác dụng của tải trọng động có kể đến ảnh hưởng của lực dọc và lực cắt đến trạng thái giới hạn dẻo của tiết diện. Phương trình chuyển động phi tuyến của kết cấu được thiết lập bằng phương pháp phần tử hữu hạn và giải bằng phương pháp tích phân trực tiếp theo thời gian Newmark kết hợp với phương pháp lặp Newton – Raphson biến điệu. Từ các thuật toán nhận được tác giả lập chương trình tính và tính toán số cho kết cấu khung thép phẳng đàn – dẻo có kể đến ảnh hưởng nêu trên. Từ các kết quả tính rút ra các kết luận cần thiết.

**Từ khóa**: Mô hình Clough, giới hạn dẻo, khung thép phẳng đàn – dẻo

**179. Tính toán tĩnh vòm đặc hai khớp theo phương pháp nguyên lý cực trị Gauss**/ Nguyễn Vũ Thiêm, Phạm Văn Trung// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 152-156.

**Nội dung**: Trình bày một cách tính toán hệ kết cấu vòm chịu tác dụng tỉnh theo phương pháp nguyên lý cực trị Gauss do GS TSKH Hà Huy Cương đề xuất và được nhiều học trò của ông áp dụng thành công trong các nghiên cứu tính toán kết cấu công trình.

**Từ khóa**: Kết cấu vòm, kết cấu nhịp lớn, chuyển vị lớn, nguyên lý cực trị Gauss, lập trình Matlab.

**180. Tối ưu hóa bình đồ công trường bằng thuật toán tối ưu đàn kiến**/ Phạm Vũ Hồng Sơn, Lương Công Luật// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 126-130.

**Nội dung**: Trong nhiểu năm qua, nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm nghiên cứu mối quan hệ thời gian – chi phí, các kỹ thuật được ứng dụng từ phương pháp tìm kiếm, phương pháp toán học cho đến thuật giải di truyền. Trong bài báo này, một thuật toán tối ưu dựa trên nền tảng của sự tiến hóa, với tên gọi “Tối ưu đàn kiến (ACO) được ứng dụng để giải quyết bài toán tối ưu đa bố trí mặt bằng công trường”.

**Từ khóa**: Mặt bằng công trường, thuật toán đàn ong, phân tích khách quan, đàn ong, không bị vượt trội, tối ưu bố trí mặt bằng công trường.

**181. Tối ưu lịch đặt hàng vật liệu xây dựng cho công trình xây dựng dựa trên tiến độ dự án bằng thuật toán tối ưu sói xám**/ Nguyễn Trung Hiếu, Phạm Vũ Hồng Sơn// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 5-11.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung vào việc phát triển và xây dựng mô hình để tìm ra lịch trình phân phối vật liệu xây dựng cho công trường theo thời gian nhằm mang lại kết quả cuối cùng là tối ưu chi phí dựa trên tiến độ thi công đã có trước và mức độ hàng hóa lưu vào kho bị hạn chế do diện tích chứa đựng.

**Từ khóa**: Vật liệu xây dựng, tối ưu chi phí, số lượng đặt hàng, sói xám, kiểm soát hàng lưu kho, tối ưu hóa lịch trình phân phối, thời điểm nhập vật liệu xây dựng.

**182. Tương quan giữa các thông số sức chống cắt hữu hiệu được xác định từ thí nghiệm ba trục cu & cd của đất loại sét tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Ngọc Tuấn, Trần Thanh Danh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 232-237.

**Nội dung**: Trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích thống kê, tổng hợp số liệu thí nghiệm nén ba trục CU và CD tại một số dự án trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, bài báo này đã đề xuất các công thức tương quan giữa C’cu và C’cd, giữa $∅^{'}c$u và $∅cd$ của loại đất sét tại khu vực này.

**Từ khóa**: Thông số sức chống cắt hữu hiệu, thí nghiệm ba trục, đất sét, CU, CD.

**183. Ứng dụng Abaqus trong tính toán tăng cường kết cấu bê tông bằng thanh FRP theo phương pháp liên kết gần bề mặt (NSM)**/ TS. Nguyễn Phan Anh// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp liên kết gần bề mặt (NSM FRP – Near Surface Mounted FRP); Ứng dụng Abaqus mô phỏng 3D tính toán kết cấu bê tông được tăng cường theo NSM.

**Từ khóa**: Phương pháp NSM FRP, tăng cường kết cấu, liên kết gần bề mặt, phần mềm Abaqus.

**184. Ứng dụng bê tông chất lượng siêu cao cho cọc của các công trình ở khu vực bị xâm thực**/ TS. Hồ Xuân Nam// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Đề cập đến tình trạng các cọc bị ăn mòn nghiêm trọng đối với các công trình ở các khu vực xâm thực và đề xuất áp dụng bê tông chất lượng siêu cao (UHPC) cho cọc đúc sẵn trong móng công trình và tường cừ chắn đất khu vực ven biển. Kết quả tính toán các trường hợp cho thấy, sử dụng UHPC cho phép giảm chiều dày cấu kiện nhưng vẫn đảm bảo làm việc hiệu quả tại các khu vực xâm thực.

**Từ khóa**: Bê tông chất lượng siêu cao, cọc đúc sẵn, tường cừ, khu vực xâm thực

**185. Ứng dụng công nghệ trạm GNSS/CORS trong quan trắc chuyển dịch phục vụ đánh giá tai biến công trình do biến đổi khí hậu ở Việt Nam**/ TS. Diêm Công Huy// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2019 .- Số 03 .- Tr. 55-58.

**Nội dung**: Trình bày nguyên lý hoạt động của trạm tham chiếu hoạt động liên tục CORS. Phân tích ưu, nhược điểm và khả năng ứng dụng của công nghệ này trong quan trắc chuyển dịch phục vụ đánh giá tai biến công trình do biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Trạm tham chiếu hoạt động liên tục CORS, công nghệ GNSS.

**186. Ứng dụng Geocrete trong xây dựng nền đường đắp trên đất yếu khu vực đồng bằng sông Cửu Long và TP. Hồ Chí Minh**/ PGS. TS. Lê Quang Hanh, ThS. Lê Thanh Liêm// Giao thông Vận tải .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Giới thiệu công nghệ thi công ứng dụng chất phụ gia Geocrete cho nền đường đắp qua khu vực đất yếu tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và TP. Hồ Chí Minh. Ứng dụng này nhằm mang lại hiệu quả về mặt kỹ thuật như nâng cao khả năng chịu lực, đảm bảo ổn định nền đường đắp tăng tuổi thọ công trình và kinh tế như giảm giá thành xây dựng, rút ngắn tiến độ thi công, đặc biệt có thể tận dụng tối đa nguồn vật liệu đất nền ngay tại hiện trường.

**Từ khóa**: Phụ gia Geocrete, đất yếu, nền đường đắp, lún cố kết, đường nổi.

**187. Ứng dụng GIS trong quản lý quy hoạch xây dựng công trình ngầm đô thị hướng tới mục tiêu phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam**/ Nguyễn Công Giang// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 215-217.

**Nội dung**: Đưa ra những khả năng ứng dụng của GIS vào công tác quản lý quy hoạch xây dựng công trình ngầm, qua đó đề xuất một số giải pháp quản lý cụ thể bao gồm: cách thức xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm; tra cứu và truy xuất thông tin; công cụ hỗ trợ ra quyết định. Những giải pháp này sẽ góp phần cụ thể hóa các mục tiêu của Chính phủ trong việc định hướng phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Công trình ngầm, quy hoạch xây dựng, đô thị thông minh, hệ thống thông tin địa lý.

**188. Ứng dụng và tính toán trụ thép đơn thân nhiều mặt**/ Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 144-149.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng của cột, trụ đỡ đơn thân nhiều mặt bằng thép trên thế giới và ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng trong các thành phố, đô thị hiện đại. Phân tích và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu và các phương pháp tính toán cột trụ đơn thân nhiều mặt cũng như vấn đề cần nghiên cứu thêm về sự làm việc, trạng thái ứng suất và biến dạng của kết cấu.

**Từ khóa**: Trụ thép đơn thân nhiều mặt, diện tích ứng dụng, trạng thái ứng suất, phương pháp thanh toán, vỏ kim loại, phương pháp phần tử hữu hạn.

**189. Ứng xử động của dầm Sandwich lõi từ vật liệu cơ tính biến thiên hai chiều chịu lực di động**/ TS. Lê Thị Hà// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Phân tích dao động của dầm sanwich lõi làm từ vật liệu cơ tính biến thiên hai chiều (2D-FGM) chịu lực di động. Mặt đáy của dầm hoàn toàn bằng kim loại, mặt trên làm bằng gốm. Sử dụng lý thuyết biến dạng trượt bậc cao, sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn kết hợp phương pháp Newmark để tính đáp ứng động cho dầm. Ngoài ra, bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của tham số vật liệu, tốc độ lực di động đến dao động của dầm. Kết quả số trong bài báo sẽ minh họa ảnh hưởng của các tham số vật liệu, tỉ số hình học đến đáp ứng tần số và tham số động cho dầm.

**Từ khóa**: Dầm sandwich, ứng xử động

**190. Ước lượng chi phí xây dựng công trình nhà ở cao tầng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Tôn Hoàng Vũ, Đinh Công Tịnh// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 252-256.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mong muốn mang lại một công cụ hỗ trợ thông tin cho việc đưa ra các quyết định liên quan tới vấn đề tài chính cho doanh nghiệp xây dựng. Trong nội dung nghiên cứu này chỉ giới hạn trong phạm vi là xác định các nhân tố chính ảnh hưởng lớn nhất đến chi phí xây dựng và thành lập mô hình ước lượng chi phí xây dựng nhà ở cao tầng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh dựa trên lịch sử của công ty. Từ đó giúp cho công ty đề ra chiến lược trong kinh doanh cũng như quản lý dòng tiền một cách hiệu quả nhất.

**Từ khóa**: Ước lượng chi phí, phân tích hồi quy tuyến tính, dự án nhà ở cao tầng, các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí.

**191. Vấn đề xác định khẩu độ cầu nhỏ trong thiết kế cầu vượt sông trên các tuyến đường giao thông nông thôn**/ PGS. TS. Phạm Văn Thoan// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 09 .- Tr. 20-26.

**Nội dung**: Mở đầu bài báo, tác giả trình bày vấn đề cần nghiên cứu. Tiếp theo, trình bày cơ sở lý thuyết, thiết lập trình tự tính toán và ví dụ minh họa việc tính toán xác định khẩu độ thoát nước dưới cầu nhỏ trong thiết kế cầu vượt qua sông, suối, kênh, rạch, mương...trên các tuyến đường giao thông nông thôn. Cuối cùng, tác giả đưa ra kết luận chung.

**Từ khóa**: Khẩu độ cầu nhỏ, chảy ngập, chảy tự do, vật liệu gia cố lòng sông, lưu tốc cho phép không xói.

**192. Về hệ thống tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình – địa kỹ thuật ở Việt Nam**/ PGS. TS. Đoàn Thế Tường// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 64-76.

**Nội dung**: Các tiêu chuẩn Việt Nam về khảo sát địa chất công trình – địa kỹ thuật cho tới nay được đánh giá là đầy đủ phục vụ cung cấp các thông số đầu vào của điều kiện nền đất cho thiết kế nền móng, nhưng chưa được hệ thống hóa. Bài báo trình bày và sử dụng phương pháp cây tiêu chuẩn để hệ thống hóa nhằm quản lý tốt hơn công tác biên soạn tiêu chuẩn. Bài báo cũng chỉ ra rằng đã đến lúc cần đổi mới tư duy phát triển tiêu chuẩn theo hướng độc lập với các số liệu Việt Nam.

**Từ khóa**: Tiêu chuẩn khảo sát địa chất công trình – địa kỹ thuật, phương pháp cây tiêu chuẩn.

**193. Về việc phân loại tiết diện ngang theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 1993-1-1-1**/ Nguyễn Lệ Thủy, Nguyễn Hồng Sơn// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 95-98.

**Nội dung**: Trình bày về cách phân loại tiết diện ngang theo tiêu chuẩn châu Âu EN 1993-1-1. Đồng thời, thực hiện ví dụ minh họa việc phân loại tiết diện ngang và khảo sát độ bền chịu mô men của tiết diện ngang chữ I khi cho bề rộng cánh thay đổi nhằm đánh giá sự phân loại tiết diện ngang này.

**Từ khóa**: Phân loại tiết diện ngang, độ bền tiết diện ngang

**194. Xác định luật phân phối các công đoạn chủ yếu của quá trình thi công đào cọc barrette**/ Phạm Hoàng// Xây dựng .- 2019 .- Số 05 .- Tr. 212-219.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thu thập số liệu, xử lý thống kê xác định đặc trưng số và phân phối xác suất các công đoạn chủ yếu của quá trình thi công cọc barrette.

**Từ khóa**: Cọc barrette, thi công cọc, luật phân phối

**195. Xác định nguyên nhân rung động công trình và đánh giá ảnh hưởng của nó đến sức khõe người sử dụng**/ PGS. TS. Nguyễn Võ Thông// Khoa học công nghệ xây dựng .- 2019 .- Số 02 .- Tr. 30-35.

**Nội dung**: Dưới tác động của thiết bị bố trí trong công trình, các phương tiện giao thông, phươn tiện vận chuyển phục vụ sản xuất trongkhu vực nhà máy, gần với vị trị của công trình,...có thể làm cho công trình bị rung. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát đo rung, nhằm xác định nguyên nhân chính gây rung động cho sàn tầng 4 và đánh giá mức độ ảnh hưởng của nó đến sức khõe của người sử dụng.

**Từ khóa**: Đo rung động, đánh giá rung động

**196. Xác định trị riêng và véc tơ riêng vòm rỗng hai khớp theo phương pháp nguyên lý cực trị Gauss**/ Phạm Văn Trung, Nguyễn Vũ Thiêm// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Trình bày một cách xác định trị riêng và véc tơ riêng hệ kết cấu vòm rỗng theo phương pháp nguyên lý cực trị Gauss do GS TSKH Hà Huy Cương đề xuất và được nhiều học trò của ông áp dụng thành công trong các nghiên cứu tính toán kết cấu công trình.

**Từ khóa**: Kết cấu vòm, kết cấu nhịp lớn, chuyển vị lớn, nguyên lý cực trị Gauss, lập trình Matlab.

**197. Xây dựng bản đồ định vị - nghiên cứu cho ngành xi măng** / Lê Thị Minh Hằng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 2-12.

**Nội dung:** Định vị là một bước quan trọng trong tiến trình xây dựng chiến lược marketing của doanh nghiệp. Thông qua định vị, doanh nghiệp đánh giá được tương quan vị trí của mình so với đối thủ trong cảm nhận của khách hàng. Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu về định vị còn hạn chế. Đa số doanh nghiệp Việt chưa thực hiện các nghiên cứu cần thiết để nhận diện vị trí của mình trên thị trường. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng quy trình xây dựng bản đồ định vị với 4 bước cơ bản của Shocker & Srinivasan (1974): (1) Nhận diện thị trường mục tiêu, (2) Nhận diện thuộc tính, đặc điểm quan trọng của sản phẩm, (3) Xây dựng bản đồ định vị, (4) Xây dựng phương án tái định vị, trong đó trọng tâm vào bước (2) và (3) với mục tiêu xây dựng bản đồ định vị cho ngành xi măng tại thị trường Đà Nẵng. Nghiên cứu đã được thực hiện thông qua 2 bước: phỏng vấn chuyên gia và nghiên cứu định lượng trên 400 mẫu. Dữ liệu được xử lý chủ yếu bằng kỹ thuật phân tích đa hướng (Multidimensional scaling-MDS).

**Từ khóa**: Bản đồ định vị, kỹ thuật phân tích đa hướng (MDS), ngành xi măng, Đà Nẵng

**198. Xây dựng hệ tiêu chí và phương pháp đánh giá chất lượng thiết kế kết cấu nhà công nghiệp bằng thép**/ Nguyễn Ngọc Linh// Xây dựng .- 2019 .- Số 06 .- Tr. 180-187.

**Nội dung**: Việc đưa ra phương pháp đánh giá chất lượng thiết kế và xây dựng một hệ thống tiêu chí nhằm đánh giá, lựa chọn các giải pháp thiết kế sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, chi phí và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình. Các giải pháp kết cấu công trình thép nói chung và kết cấu nhà công nghiệp nói riêng cần phải thõa mãn đồng thời hai tiêu chí về sử dụng và kinh tế. Dựa vào kết quả khảo sát và phân tích dữ liệu, nghiên cứu đã xây dựng được hệ tiêu chí bao gồm 25 tiêu chí có ảnh hưởng tới chất lượng thiết kế. Với sự hỗ trợ của phương pháp AHP – Analytical Hierarchy Process, nghiên cứu đã xác định rõ mức độ ưu tiên giữa các tiêu chí đối với chất lượng trong khâu thiết kế nhằm giúp cho các đơn vị thực hiện lựa chọn, phân tích dự án có cái nhìn tổng quan ban đầu khi kiểm soát vấn đề chất lượng của dự án.

**Từ khóa**: Hệ cấu trúc cây phân tích, chất lượng thiết kế kết cấu, hệ kết cấu công trình công nghiệp, hệ tiêu chí, trọng số của tiêu chí.

**199. Xây dựng mô hình để nghiên cứu ảnh hưởng của động đất đến công trình ngầm bằng thí nghiệm bàn rung**/ TS. Trần Thu Hằng, PGS. TS. Nguyễn Hưu Hưng, TS. Nguyễn Xuân Tùng, PGS. TS. Nguyễn Xuân Huy, KS. Nguyễn Thành Tâm, TS. Nguyễn Châu Lân// Cầu đường Việt Nam .- 2019 .- Số 08 .- Tr. 25-32.

**Nội dung**: Để nghiên cứu ảnh hưởng của động đất đến công trình ngầm, nhóm nghiên cứu lựa chọn phương pháp thực nghiệm bằng thí nghiệm bàn rung. Mô hình vật lý thu nhỏ của một công trình ngầm mặt cắt ngang tròn đặt trong địa tầng cát đen sông Hồng đồng nhất đã được thiết kế và xây dựng tại phòng thí nghiệm công trình của Trường Đại học Giao thông Vận tải. Kết quả thử nghiệm mô hình cho thấy mô hình làm việc ổn định, phù hợp để sử dụng cho thí nghiệm bàn rung đánh giá ảnh hưởng của động đất đến hệ kết cấu – địa tầng.

**Từ khóa**: Thí nghiệm bàn rung, công trình ngầm, chống động đất

**200. Xu hướng thiết kế theo tiêu chuẩn LEED - ứng dụng trong việc xây dựng nhà ở cho người tiêu dùng thông thái**/ Lê Trung Phong// Xây dựng .- 2019 .- Số 07 .- Tr. 310-312.

**Nội dung**: Hiện nay, các nước trên thế giới có xu hướng thiết kế nhằm đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn LEED nhằm đảm bảo công trình thân thiện với môi trường. Việc ứng dụng tiêu chuẩn này trong việc xây dựng nhà ở cho người tiêu dùng thông thái nhằm đảm bảo tiết kiệm năng lượng, hài hòa về kiến trúc, bền vững về môi trường và tạo được sự thoải mái cho người sử dụng. Tác giả nêu một số nghiên cứu ứng dụng tiêu chuẩn này cho các công trình và một số khuyến nghị trong điều kiện của Việt Nam.

**Từ khóa**: Tiêu chuẩn LEED, thiết kế thân thiện môi trường, tiết kiệm.

**KẾ TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của phương pháp kế toán đến trình bày thông tin lợi ích cổ đông không kiểm soát trên báo cáo tài chính hợp nhất** / Phí Thị Diễm Hồng, Vũ Thị Hải // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 19-22.

**Nội dung**: Sự thay đổi của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế từ IAS sang IFRS đã đánh dấu một bước phát triển rõ rệt của kế toán quốc tế (IASB, 2004), đồng thời cũng làm gia tăng khoảng cách giữa hệ thống kế toán quốc gia của nhiều nước trên thế giới và hệ thống kế toán quốc tế, đặc biệt liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Từ khoá**: Phương pháp kế toán, trình bày thông tin lợi ích cổ đông không kiểm soát, báo cáo tài chính hợp nhất

**2. Bàn về kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi khu vực Đồng bằng sông Hồng** / Nguyễn Thanh Huyền // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng nhu cầu thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi khu vực Đồng bằng sông Hồng; thực trạng tổ chức phân tích và cung cấp thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi khu vực Đồng bằng sông Hồng; đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị trong quá trình quản lý; hoàn thiện tổ chức cung cấp và phân tích thông tin kế toán quản trị.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp sản xuất

**3. Bảng điểm cân bằng trong SME** / Lê Đình Trực, Nguyễn Thị Phương Thảo // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của Bằng điểm cân bằng (BSC); Các nghiên cứu về vận dụng BSC cho các SME; Khả năng áp dụng BSC cho SME ở Việt Nam; Kết luận.

**Từ khóa**: Bảng điểm cân bằng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiện tượng "cứng nhắc chi phí" tại doanh nghiệp niêm yết** / Đặng Thị Huyền Hương, Trần Tú Uyên // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiện tượng cứng nhắc Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2008-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đòn bẩy nợ không ảnh hưởng đến mức độ cứng nhắc chi phí, nhưng ưu thế về tài sản và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh ảnh hưởng cùng chiều đến mức độ cứng nhắc.

**Từ khóa**: Chi phí mất căng xứng, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

**5. Giới thiệu kế toán lợi ích người lao động - bài học kinh nghiệm và lộ trình áp dụng IAS 19 ở Việt Nam** / Nguyễn Thị Bình // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Đưa ra những vấn đề khái quát về thực trạng áp dụng kế toán lợi ích người lao động trên thế giới và ở Việt Nam, đồng thời đưa ra những đánh giá và giải pháp để mở đường cho việc áp dụng IAS 19- chuẩn mực kế toán quốc tế về lợi ích người lao động được áp dụng phù hợp với lộ trình áp dụng IAS/IFRS chung của hệ thống chế độ kế toán Việt Nam sắp tới.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán, giá trị hợp lý, lợi ích người lao động

**6. Hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện sử dụng phần mềm hệ thống hoạch định/ quản trị các nguồn lực của doanh nghiệp (ERP)** / Ngô Thế Chi, Ngô Văn Lượng // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Xác định mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong môi trường ERP của các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu Việt nam. Qua đó, khuyên nghị chính sách nhằm tổ chức hiệu quả hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc loại hình này.

**Từ khoá:** Hệ thống thông tin kế toán, hệ thống hoạch định, doanh nghiệp xuất - nhập khẩu

**7. Hoàn thiện công tác kiểm toán nợ đọng xây dựng cơ bản trong kiểm toán ngân sách địa phương** / Nguyễn Văn Hậu // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Đề cập đến một số hạn chế tồn tại của công tác kiểm toán nợ đọng xây dựng cơ bản trong kiểm toán ngân sách địa phương và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này.

**Từ khóa**: Kiểm toán nhà nước, nợ đọng xây dựng cơ bản, kiểm toán ngân sách địa phương

**8. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại PVCOMBANK - chi nhánh Quy Nhơn** / Văn Thị Thái Thu, Mạnh Xuân Phát // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Đề cập về môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát và giải pháp hoàn thiện hệ thống KSNB.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, hoạt động tín dụng

**9. Kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ ở doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán quốc tế** / Đỗ Minh Thoa // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, đã đưa ra các nguyên tắc kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với các khoản vay đầu tư tài sản dở dang. Việc hiểu và vận dụng các nguyên tắc này có những khó khăn nhất định. bài viết sẽ đưa ra những vận dụng cụ thể các nguyên tắc đã được quy định trong các chuẩn mực kế toán quốc tế trên.

**Từ khoá:** Kế toán, chi phí đi vay, chên h lệch tỷ giá hối đoái, tài sản dở dang

**10. Kế toán lợi thế thương mại : sự khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế** / Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Diệu Thu // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ sự giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và quốc tế (IAS) trong kế toán lợi thế thương mại. Dù có cách tiếp cận tương tự về khái niệm, cách xác nhận lợi thế thương mại và ghi nhận ban dầu lợi thế thương mại, tuy nhiên giữa VAS và IAS có sự khác biệt lớn trong việc phân bổ giá trị lợi thế thương mại sau ghi nhận ban đầu.

**Từ khoá**: Lợi thế thương mại, chuẩn mực kế toán quốc tế, đánh giá tài sản

**11. Kế toán quản trị môi trường : các kỹ thuật và lợi ích của việc áp dụng trong doanh nghiệp** / Hoàng Đình Hương // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Tổng quan về kế toán quản trị môi trường; Các kỹ thuật kế toán quản trị môi trường; Lợi ích của kế toán quản trị môi trường.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị môi trường, doanh nghiệp

**12. Kế toán quản trị trong doanh nghiệp du lịch** / Đào Tuyết Lan, Phan Thị Yến Phượng // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Trình bày công tác kế toán quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, vai trò của kế toán quản trị trong doanh nghiệp du lịch, đặc điểm KTQT nhà hàng khách sạn, định hướng vận dụng KTQT vào các DN nhà hàng, khách sạn, quy trình phân loại chi phí, quy trình tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ, kết luận.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, doanh nghiệp du lịch

**13. Kết hợp mô hình M-Score Beneish và chỉ số Z-Score để nhận diện khả năng gian lận báo cáo tài chính** / Phạm Thị Mộng Tuyên // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 57-61.

**Nội dung**: Trình bày khái quát, cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu trước, phương pháp nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu và kết quả nghiên cứu.

**Từ khóa:** Gian lận báo cáo tài chính, M-Score Beneish, Z-Score

**14. Kiểm soát quyền lực đội ngũ kiểm toán viên của Kiểm toán Nhà nước** / Phan Duy Minh // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Trình bày quyền lực thực sự của Kiểm toán Nhà nước là gì; Người làm công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước có thể tham nhũng không?; Những giải pháp, biện pháp cần thiết để kiểm soát quyền lực nhằm phòng, chống tham nhũng đối với đội ngũ KTVNN.

**Từ khóa**: Kiểm soát quyền lực đội ngũ kiểm toán viên, Kiểm toán Nhà nước

**15. Kiểm toán Nhà nước với vai trò chống tham nhũng và cơ cấu lại tài chính công** / Thịnh Văn Vinh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2019 .- Số 9 (194) .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Sự hình thành, phát triển của Kiểm toán Nhà nước cùng các văn bản pháp lý; Vai trò của Kiểm toán Nhà nước; Điều kiện để Kiểm toán Nhà nước VN phát huy tốt vai trò của mình trong việc chống tiêu cực, tham nhũng và cơ cấu lại tài chính, tài sản công đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

**Từ khóa**: Kiểm toán Nhà nước, tài chính công

**16. Kinh nghiệm công bố thông tin về doanh thu của doanh nghiệp viễn thông quốc tế khi áp dụng IFRS 15** / Nguyễn Diệu Linh // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Đề cập đến một số kinh nghiệm của các tập đoàn viễn thông quốc tế và đề xuất, khuyến nghị.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp viễn thông quốc tế, IFRS 15, doanh thu hợp đồng khách hàng

**17. Lập dự toán theo kết quả hoạt động tại một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam** / Lê Thị Cẩm Hồng // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Trình bày kinh nghiệm chuyển đổi cuả một số quốc gia trong lập dự toán ngân sách, qua đó rút ra những bài học cho khu vực công tại Việt Nam để có thể áp dụng PBB trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Lập dự toán ngân sách. mô hình dự toán dựa trên kết quả hoạt động

**18. Một số vấn đề về nguyên tắc giá gốc trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - hàng tồn kho** / Lê Thị Vân Hà // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 31-32.

**Nội dung**: Trình bày nội dung của nguyên tắc giá gốc ( theo chuẩn mực chung số 01); Nguyên tắc giá gốc trình bày trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - hàng tồn kho.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hàng tồn kho

**19. Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng tổ chức kế toán trách nhiệm trong các ngân hàng TMCP tại Bình Dương hiện nay /** Nguyễn Thị Diện // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Trình bày lý thuyết nền sử dụng cho mô hình nghiên cứu; các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức kế toán trách nhiệm trong ngân hàng thương mại cổ phần; các mô hình lý thuyết có liên quan đến nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và mô hình đề xuất.

**Từ khóa**: Kế toán trách nhiệm, ngân hàng thương mại, nhân tố ảnh hưởng

**20. Nghiệp vụ kế toán phát hành giấy tờ có giá tại Ngân hàng Thương mại / Nguyễn Thúy Hằng** // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 71-73.

**Nội dung**: Trình bày nghiệp vụ kế toán huy động tiền qua phát hành giấy tờ có giá; kế toán nghiệp vụ huy động vốn tại các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa**: Nghiệp vụ, Ngân hàng, kế toán, giấy tờ có giá, ngân hàng thương mại

**21. Nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn công ty kiểm toán của doanh nghiệp tại TP. HCM** / Lưu Chí Danh, Võ Nguyên Phương, Trần Đình Tiễn // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 47-52.

**Nội dung:** Xác định, đo lường các nhân tố tác động đến việc chọn lựa dịch vụ kiểm toán của các doanh nghiệp tại TP.HCM, thông việc khảo sát 325 người hiện đang là chủ của doanh nghiệp, giám dốcđiều hành, giám đốc tài chính, kế toán trưởng, … tại 138 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, cả 4 nhân tố giá phí dịch vụ, tâm lý, chất lượng dịch vụ và lợi ích đều có tác động đến sự lựa chọn đơn vị cung cấp DVKT. Tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các công ty kiểm toán hiểu rõ được yêu cầu, mong muốn của khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển ngành kiểm toán Việt Nam trong tương lai.

**Từ khóa**: Dịch vụ kiểm toán, doanh nghiệp

**22. Nghiệp vụ kế toán phát hành giấy tờ có giá tại ngân hàng thương mại** / Nguyễn Thúy Hằng // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 .- Tr. 71-73.

**Nội dung:** Trình bày nghiệp vụ kế toán huy động tiền qua phát hành giấy tờ có giá; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn tại các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Ngân hàng, kế toán, ngân hàng thương mại

**23. Nông nghiệp và những vấn đề đặt ra cho kế toán nông nghiệp của Việt Nam hiện nay** / Đoàn Vân Anh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 63-72.

**Nội dung:** Việt Nam là đất nước nông nghiệp với đa dạng các loại hoạt động nông nghiệp, tuy nhiên những khuôn mẫu kế toán hiện nay của Việt Nam chỉ đặt trọng tâm cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại, sản xuất, dịch vụ, xây lắp nói chung, gần như chưa có những khuôn mẫu về kế toán trong hoạt động nông nghiệp, những nội dung đã có thì quá sơ sài và không phù hợp với khuôn mẫu chung của quốc tế về kế toán nông nghiệp. Hệ quả là việc xử lý, ghi nhận và trình bày thông tin không đảm bảo tính trung thực, đúng đắn, phù hợp với đối tượng kế toán là các tài sản sinh học, sản phẩm nông nghiệp cũng như tình hình và kết quả của quá trình hoạt động nông nghiệp của các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam.

**Từ khóa:** IAS 41, kế toán nông nghiệp

**24. Phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán – kiểm toán tròn điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam** / Hoàng Thanh Hạnh // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp dịch vụ kế toán - kiểm toán và tiềm năng phát triển của thị trường này, qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển doanh nghiệp cung ứng dịch vụ kế toán - kiểm toán trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, dịch vụ kế toán – kiểm toán, cách mạng công nghiệp 4.0

**25. Sự chuẩn hóa mục tiêu dự toán sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp** / Lê Ngọc Thăng, Lê Quỳnh Liên // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Sự chuẩn hóa mục tiêu dự toán sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Kết quả hoạt động của nhà quản lý và kết quả hoạt động của doanh nghiệp; mối quan hệ giữa sự chuẩn hóa mục tiêu dự toán với kết quả hoạt động của nhà quản lý và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Sự chuẩn hóa mục tiêu, dự toán sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động, doanh nghiệp

**26. Sự phát triển của phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động** / Nguyễn Thị Kim Oanh // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 29-31.

**Nội dung:** Tập trung vào sự phát triển của phương pháp tính giá trên cơ sở hoạt động. Áp dụng mô hình tính giá hai bước, giá thành sản phẩm và dịch vụ sẽ được tính trên cơ sở phân bổ chi phí của các hoạt động liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ, phương pháp ABC truyền thống bộc lộ nhiều tồn tại đã được thay thế bằng phương pháp ABC hiện đại. Khắc phục được các hạn chế của phương pháp ABC truyền thống, phương pháp IDABC đã giúp cho doanh nghiệp thực hiện thành công chiến lược kinh doanh trong môi trường ngày càng trở nên cạnh tranh.

**Từ khóa:** Phương pháp tính giá, tính giá trên cơ sở hoạt động

**27. Tác động của cách mạng 4.0 đến ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam** / Lê Thủy Tiên // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 62-63.

**Nội dung:** Đề cập đến lợi ích và thách thức với ngoài làm kế toán, kiểm toán và một số giải pháp đề xuất.

**Từ khóa**: Công nghệ 4.0, kế toán, kiểm toán và công nghệ

**28. Thông tin bộ phận trên báo cáo tài chính doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam** / Đàm Thị Kim Oanh // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 190 tháng 7 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Tập trung đánh giá thực trạng cung cấp thông tin bộ phận trên báo cáo tài chính năm 2016 của các doanhn ghiệp thuộc rổ chỉ số VN 30.

**Từ khóa**: Báo cáo tài chính, Doanh nghiệp niêm yết

**29. Vận dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp: các nhân tố tác động và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả kinh doanh** / Nguyễn Thu Hiền // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 51-60.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhằm phát hiện và cung cấp bằng chứng về mối quan hệ nhân quả giữa các nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán quản trị và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp ở Việt Nam. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát tại 235 doanh nghiệp và được xử lý bằng phần mềm SPSS 20, AMOS 20 để kiểm định mức độ phù hợp của thang đo, mô hình lý thuyết thông qua hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy có 05 nhân tố tác động đến khả năng vận dụng kế toán quản trị vào doanh nghiệp, trong đó quy mô doanh nghiệp tác động mạnh nhất và trình độ nhân viên kế toán tác động yếu nhất trong nhóm các nhân tố. Đồng thời, việc vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị như: chi phí, dự toán, đánh giá hiệu suất, chiến lược và hỗ trợ quá trình ra quyết định sẽ góp phần cải thiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp, kế toán quản trị

**30. Vận dụng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp xây dựng trong bối cảnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và cách mạng công nghiệp 4.0** / Trần Thị Tuyết // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Trình bày nội dung cơ bản về Tổ chức công tác kế toán, cần phải có những đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu và ứng dụng công nghệ 4.0. Khi ứng dụng công nghệ 4.0 sẽ giúp cho việc tổ chức công tác kế toán xứng đáng vai trò là công cụ hỗ trợ quản lý và ra quyết định; từ đó góp phần quan trọng trong việc tái cơ cấu các DNNN trong đó có các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực xây dựng.

**Từ khoá:** Tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp xây dựng, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cách mạng công nghiệp 4.0

**31. Xây dựng bộ máy kế toán quản trị cho SME** / Nguyễn Thị Bích Vân, Lê Thị Thùy Vân, Nguyễn Thị Hải Vy // Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 191 tháng 8 .- Tr. 34-40.

**Nội dung:** Xây dựng bộ máy kế toán quản trị cho SME nhằm mục đích nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả đưa ra 2 mô hình booh máy kế toán quản trị theo hướng kết hợp và tách biệt để các SME có thể chọn và hệ thống các báo cáo kế toán quản trị. Từ 2 mô hình đề xuất đó, nghiên cứu áp dụng mô hình kết hợp vào thực tiễn tại Tân Sơn Nhất Express và lập các báo cáo kế toán quản trị theo mẫu.

**Từ khóa**: Kế toán quản trị, hệ thống kế toán quản trị, doanh nghiệp vừa và nhỏ

**32. Xây dựng thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức và xây dựng kế toán trách nhiệm tại các ngân hàng thương mại cổ phần ở Bình Dương** / Nguyễn Thị Diện, Lê Thị Diệu Linh, Lê Đoàn Minh Đức, Nguyễn Thị Hoàng Yến // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 111-112,115.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp định tính thông qua phân tích và tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, kế thừa các nghiên cứu trước đây về vận dụng vào xây dựng thang đo cho mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức và xây dựng kế toán trách nhiệm trong điều kiện thực tế tại các ngân hàng thương mại cổ phần ở Bình Dương. Đồng thời nghiên cứu thăm dò thông quan phương pháp chuyên gia để hiệu chỉnh thang đo các biến quan sát cho phù hợp với thực tế là vấn đề hết sức cần thiết đang đặt ra.

**Từ khoá:** Nhân tố ảnh hưởng, kế toán trách nhiệm, ngân hàng thương mại

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng của chiến lược giá đến xây dựng và phát triển thương hiệu Viettel** / Nguyễn Thị Nhung // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Trình bày căn cứ cơ bản của chiến lược giá; thực trạng vận dụng chính sách giá trong xây dựng và phát triển thương hiệu Viettel; Một số giải pháp vận dụng chiến lược giá trong xây dựng và phát triển thương hiệu Viettel.

**Từ khoá:** Chiến lược giá, thương hiệu

**2. Ảnh hưởng của mối quan hệ quen biết tới cơ hội thăng tiến của nhân viên trong khu vực công tại thành phố Cần Thơ** / Nguyễn Thị Phương Dung // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 71-81.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của các mối quan hệ quen biết đến cơ hội thăng tiến nghề nghiệp của nhân viên khu vực công tại thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được thực hiện với bộ dữ liệu là 200 quan sát là nhân viên làm việc trong khu vực công, phương pháp phân tích được sử dụng là mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Kết quả nghiên cứu cho thấy các mối quan hệ quen biết: (1) quan hệ đặc biệt ở nơi làm việc và (2) quan hệ cá nhân có ảnh hưởng tích cực đến cơ hội thăng tiến nghề nghiệp của nhân viên khu vực công tại thành phố Cần Thơ. Đồng thời, nghiên cứu còn đề xuất một số hướng nhằm giúp cho tổ chức xem xét cơ hội thăng tiến một cách minh bạch và công bằng hơn.

**Từ khóa:** Các mối quan hệ quen biết, Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, Quan hệ cá nhân

**3. Ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin đến hiệu quả tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam / Lê Xuân Thái, Trương Đông Lộc //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 30-40.

**Nội dung:** Xác định ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin (CBTT) đến hiệu quả tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Số liệu nghiên cứu là số liệu dạng bảng được thu thập từ các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty và tài liệu công bố công khai có liên quan của 484 công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2014-2016. Sử dụng phương pháp pháp ước lượng Two Stage Least of Square và Generalized Methods of Moments, kết quả nghiên cứu cho biết mức độ minh bạch và CBTT của công ty niêm yết có tương quan thuận với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA); tỷ lệ sở hữu quản trị và tỷ lệ sở hữu nước ngoài có tương quan thuận với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; trong khi đòn bẩy tài chính có tương quan nghịch với tỷ số ROE và ROA.

**Từ khóa:** Công bố thông tin, đòn bẩy tài chính, tỷ suất lợi nhuận ROE

**4. Ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin đến chi phí vốn chủ sở hữu của các công ty niêm yết: Bằng chứng thực nghiệm từ sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh** / Lê Xuân Thái, Trương Đông Lộc // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 64-72.

**Nội dung:** Mục tiêu chính của nghiên cứu này là đo lường ảnh hưởng của minh bạch và công bố thông tin đến chi phí vốn chủ sở hữu của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty và các tài liệu được công bố công khai có liên quan của 294 công ty niêm yết trên HOSE trong giai đoạn 2014-2016. Kết quả ước lượng bằng mô hình SGMM cho thấy minh bạch và công bố thông tin có mối tương quan nghịch với chi phí vốn chủ sở hữu của các công ty. Ngoài ra, nghiên cứu này còn tìm thấy mối tương quan thuận giữa số lượng thành viên ban giám đốc với chi phí vốn chủ sở hữu của các công ty. Cuối cùng, nghiên cứu này đã chỉ ra rằng các công ty được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán lớn (nhóm Big4) có chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu cao hơn các công ty còn lại.

**Từ khoá**: Minh bạch và công bố thông tin, chi phí vốn chủ sở hữu, HOSE

**5. Ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: một kết quả nghiên cứu khảo sát** / Vũ Thị Thu Hương, Lê Thị Việt Nga // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 11-22.

**Nội dung**: Khi mức độ bao phủ của các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) ngày càng tăng và vai trò của TBT ngày càng trở nên quan trọng trong hệ thống thương mại toàn cầu, thì các nghiên cứu về ảnh huởng của TBT đối với thương mại quốc tế ngày càng được các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách quan tâm. Với mục đích nghiên cứu về ảnh hưởng của TBT đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nghiên cứu này đã khảo sát 106 doanh nghiệp tại Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật thuộc nhóm hàng như: máy móc thiết bị; máy vi tính và sản phẩm điện tử, linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; xăng dầu các loại; sắt thép các loại. Kết quả nghiên cứu khảo sát cho biết tình hình doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn chất lượng; mức độ ảnh hưởng của các quy chuẩn Việt Nam bao gồm: (i) Quy định về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm; (ii) Quy định về ghi nhãn sản phẩm; (iii) Quy định về phương pháp thử; (iv) Quy định về quản lý chất lượng và đánh giá hợp quy đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị và giải pháp với các bên liên quan nhằm giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực của TBT đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh từ cấp doanh nghiệp cho đến cấp quốc gia.

**Từ khoá**: Quy chuẩn kỹ thuật; rào cản kỹ thuật (TBT), tiêu chuẩn Việt Nam

**6. Ảnh hưởng của thông tin chia tách cổ phiếu đến sự thay đổi giá và thanh khoản của các cổ phiếu: Bằng chứng thực nghiệm từ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội** / Trương Đông Lộc, Quan Lý Ngôn // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 51-58.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đo lường ảnh hưởng của thông tin chia tách cổ phiếu đến sự thay đổi giá và thanh khoản của các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm 179 sự kiện chia tách cổ phiếu của 138 công ty niêm yết trên HNX trong giai đoạn 2015- 2017. Sử dụng phương pháp nghiên cứu sự kiện, kết quả kiểm định thống kê cho thấy giá của các cổ phiếu đã tăng 0,68% từ phiên trước khi thông tin được công bố và tiếp tục tăng 0,83% ở phiên tiếp theo sau ngày công bố thông tin. Ngoài ra, nghiên cứu còn ghi nhận sự gia tăng về thanh khoản của các cổ phiếu trước thông tin chia tách cổ phiếu. Cụ thể là, thanh khoản của các cổ phiếu đã tăng trong suốt giai đoạn nghiên cứu, đặc biệt là hai phiên sau ngày công bố thông tin.

**Từ khóa:** Chia tách cổ phiếu, sự thay đổi giá cổ phiếu, thanh khoản, HNX

**7. Ảnh hưởng của thông tin lợi thế thương mại đến tăng trưởng trung bình giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam** / **Đoàn Thị Hồng Nhung //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 43-50.

**Nội dung:** Nhiều nghiên cứu tại các nước có nền kinh tế phát triển đã chứng minh rằng thông tin lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính có ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (Chauvin, 1994; Qureshi và Ashraf, 2013; McCarthy và Schneider, 1995). Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm chứng ảnh hưởng của thông tin lợi thế thương mại công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất đến tăng trưởng trung bình giá trị thị trường của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu gồm 109 công ty trong 8 năm từ 2010 đến 2017. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng các công ty công bố thông tin lợi thế thương mại tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất có tăng trưởng trung bình giá trị thị trường cao hơn các công ty không có lợi thế thương mại tăng.Điều này gợi ý rằng các công ty nên chú trọng vào việc công bố thông tin lợi thế thương mại.

**Từ khóa:** Lợi thế thương mại, tăng trưởng trung bình, giá trị thị trường

**8. Ảnh hưởng của tích hợp kênh lên ý định mua lặp lại của người tiêu dùng trong bán lẻ chéo kênh: trường hợp nghiên cứu cho ngành hàng thời trang tại Đà Nẵng / Đặng Thị Thu Trang, Trương Thị Hiếu Hạnh //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 41-50.

**Nội dung:** Việc thu hút và giữ chân khách hàng trên các kênh luôn là một thách thức lớn cho các nhà bán lẻ khi mà nhiều trong số họ đã chuyển sang hình thức bán lẻ chéo kênh thậm chí đa kênh tích hợp nhằm đạt lợi thế cạnh tranh. Nghiên cứu này đề xuất và kiểm chứng các thang đo, mô hình nghiên cứu về ảnh hưởng của tích hợp kênh cảm nhận đến ý định mua lặp lại của người tiêu dùng trong bối cảnh của ngành bán lẻ thời trang. Sau khi phân tích dữ liệu thu từ 676 người tiêu dùng trên 18 tuổi tại Đà Nẵng bằng kỹ thuật PLS-SEM, kết quả cho thấy tác động tích cực của các thuộc tính tích hợp kênh, trực tiếp và gián tiếp ảnh hưởng lên ý định mua lặp lại thông qua những biến số trao quyền cho người tiêu dùng, niềm tin, sự hài lòng, và tính hấp dẫn của các lựa chọn thay thế. Nghiên cứu được kỳ vọng giúp các nhà bán lẻ có cái nhìn sâu sắc hơn về nhận thức của người tiêu dùng đến việc tích hợp các kênh bán hàng.

**Từ khóa:** Tích hợp kênh, bán lẻ chéo kênh, ý định mua lặp lại

**9. Ảnh hưởng của yếu tố quản trị công ty và tài chính đến mức độ minh bạch và công bố thông tin của công ty: Bằng chứng thực nghiệm từ thị trường chứng khoán Việt Nam** / Lê Xuân Thái và Trương Đồng Lộc // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 48-56.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định ảnh hưởng của các yếu tố quản trị công ty và tài chính doanh nghiệp đến mức độ minh bạch và công bố thông tin của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu là số liệu dạng bảng được thu thập từ các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty và các tài liệu được công bố công khai có liên quan của 506 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong giai đoạn 2014-2016. Sử dụng phương pháp ước lượng 2SLS (2 Stage Least of Square) và GMM (Generalized Methods of Moments), kết quả nghiên cứu cho thấy tính độc lập của Hội đồng quản trị, quy mô công ty, tỷ suất lợi nhuận trên tài sản có tương quan thuận với mức độ minh bạch và CBTT của công ty niêm yết. Ngoài ra, nghiên cứu còn tìm thấy mối tương quan thuận giữa công bố thông tin trong quá khứ đến mức độ công bố thông tin ở kỳ hiện tại của công ty.

**Từ khoá:** Công bố thông tin, thị trường chứng khoán Việt Nam, GMM

**10. Bất cân xứng thông tin trong đào tạo đại học tại Việt Nam** / **Phan Hồng Mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Nguyễn Quỳnh Mai //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 61-72.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ tình trạng bất cân xứng thông tin giữa trường đại học (ĐH) tại Việt Nam với nhóm sinh viên (SV) hệ chính quy, cũng như những hệ lụy của việc này. Dựa trên dữ liệu từ 927 bảng hỏi đối với SV tại 5 trường ĐH, áp dụng kỹ thuật hồi quy thứ bậc, phân tích nhân tố và hồi quy nhị phân, nhóm tác giả nhận thấy những biểu hiện nổi bật của tình trạng bất cân xứng thông tin giữa trường ĐH với SV là: (1) trường ĐH chưa chủ động cung cấp một số thông tin mà SV quan tâm; (2) Nhiều thông tin SV quan tâm, trường ĐH đã cung cấp nhưng “không đến đích” nên SV vẫn không biết đến; Từ đó, một bộ phận SV không hài lòng và không trung thành với trường ĐH.

**Từ khóa:** Bất cân xứng thông tin, trường đại học, sinh viên

**11. Biến động giá cổ phiếu xung quanh thông báo mua lại cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam /** Nguyễn Thị Hoa Hồng, Nguyễn Văn Tùng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 2-9.

**Nội dung:** Nghiên cứu biến động giá cổ phiếu xung quanh thông báo mua lại cổ phiếu trên thị trường Mở của các công ty niêm yết trên hai sàn HOSE và HNX tại Việt Nam giai đoạn 2011-2017. Sử dụng phương pháp nghiên cứu sự kiện, nghiên cứu chỉ ra rằng các công ty niêm yết tại Việt Nam hầu như không xuất hiện lợi nhuận bất thường tích lũy trong cửa sổ sự kiện năm ngày trước và xung quanh thời điểm doanh nghiệp thông báo mua lại, ngoại trừ biến động giá giảm xuống tại ngày thông báo và sau thời điểm đó. Nghiên cứu cũng đưa ra giải thích rằng các doanh nghiệp chỉ có ý định thông báo mua lại cổ phiếu để tăng giá cổ phiếu chứ không có ý định thực hiện nên thị trường phản ứng tiêu cực sau thông báo. Bên cạnh đó, nghiên cứu phân tích các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ càng ít, tỷ lệ sở hữu nhà nước thấp thì càng có ảnh hưởng tới lợi nhuận bất thường tích lũy xung quanh thông báo mua lại cổ phiếu.

**Từ khóa:** Biến động giá cổ phiếu, lợi nhuận bất thường tích lũy, mua lại cổ phiếu, hồi quy OLS

**12. Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ, nhân viên các Trường Đại học Tư thục trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng** / Trần Thế Tuân, Công Vũ Hà Mi // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Động lực làm việc của cán bộ, nhân viên là một chủ đề rất đáng được quan tâm, bởi động lực làm việc đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc cho các cá nhân và tổ chức (Ali & cộng sự, 2012; Boeve, 2007; Brooks, 2007). Vì vậy, tạo động lực làm việc cho cán bộ, nhân viên có ý nghĩa rất lớn đối với hiệu quả hoạt động của mọi tổ chức. Xuất phát từ những lý do đó, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ, nhân viên tại các trường đại học tư thục trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Kết quả của nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của cán bộ công nhân viên tại các trường đại học tư thục của thành phố Đà Nẵng bao gồm: (i) Môi trường làm việc, (ii) Phúc lợi, chế độ chính sách; (iii) Phong cách lãnh đạo; (iv) Đào tạo và thăng tiến và (v) Tiền lương và thưởng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm gia tăng động lực làm việc của người lao động trong các trường đại học tư thục tại Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Động lực làm việc, cán bộ, nhân viên, nhân tố động lực làm việc, Đà Nẵng

**13. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng Internet banking trong thanh toán học phí: nghiên cứu trường hợp sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội** / Bùi Thị Thu Loan, Vũ Duy Hào, Chu Thị Hiền // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 55-62.

**Nội dung:** Thói quen thanh toán không dùng tiền mặt của người dân, trong đó có hình thức thanh toán trực tuyến (Internet banking) vẫn còn hạn chế tại các nước có nền kinh tế mới nổi như tại Việt Nam bất chấp những đặc tính ưu việt do hình thức thanh toán này mang lại. Mặc dù đã có một vài nghiên cứu kiểm tra các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ internet banking, song các nghiên cứu này chỉ tập trung trên các đối tượng đã có thu nhập. Trong khi thói quen sử dụng một dịch vụ cần được xây dựng và định hướng dựa trên hành vi nhận thức tính hữu ích của giới trẻ. Do đó, nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến dựa trên đối tượng khảo sát là sinh viên với quy mô mẫu 228. Kết quả phân tích cho thấy, ngoài ảnh hưởng của các yếu tố được biết đến trong hầu hết các nghiên cứu hiện có bao gồm nhân tô chuẩn chủ quan và tính hữu ích đối với dịch vụ thì phong cách giới trẻ cũng là một yếu tố mới được phát hiện có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến ý định sử dụng internet banking. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng hàm ý một số giải pháp từ kết quả hồi quy và gợi mở hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khóa:** Thanh toán trực tuyến, phong cách giới trẻ, ý định, thanh toán không dùng tiền mặt

**14. Các thành phần cấu thành năng lực của đội ngũ quản lý hợp tác xã nông nghiệp tại đồng bằng Sông Cửu Long** / Phạm Minh Trí, Thái Anh Hoà, Lê Quang Thông, Nguyễn Văn Hùng // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 46-55.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm xây dựng mô hình năng lực đội ngũ quản lý hợp tác xã nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long. Dữ liệu nghiên cứu thu thập theo phương pháp chọn mẫu phân tầng không theo tỷ lệ với 745 quan sát hợp lệ (gồm ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp, cán bộ liên minh hợp tác xã và Phòng Nông nghiệp huyện) được phỏng vấn trực tiếp. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) xác định được mô hình năng lực với 06 năng lực chung cần thiết (31 hành vi): (1) Kiến thức chung, (2) Hoạt động nhóm, (3) Định hướng hiệu quả, (4) Quan hệ con người, (5) Quản lý điều hành, (6) Phát huy sáng tạo. Mô hình năng lực giúp hiểu rõ hơn nhu cầu năng lực quản lý; hữu ích cho việc đo lường năng lực, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và nâng cao năng lực đội ngũ này thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực.

**Từ khoá**: Hợp tác xã nông nghiệp, năng lực, mô hình năng lực, đồng bằng sông Cửu Long

**15. Các yếu tố ảnh hưởng tới áp dụng thành công SPC: nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp sản xuất cơ khí chế tạo tại Việt Nam** / Phạm Việt Dũng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 19-27.

**Nội dung:** Phương pháp SPC là sử dụng các công cụ thống kê để giám sát, quản lý và cải tiến quy trình sản xuất. Bài báo chỉ ra những yếu tố chính ảnh hưởng đến áp dụng thành công SPC trong các doanh nghiệp cơ khí chế tạo tại Việt Nam. Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng từ 272 doanh nghiệp, kết quả nghiên cứu chỉ ra 06 yếu tố làm nên thành công SPC trong các doanh nghiệp, bao gồm: (i) Cam kết của lãnh đạo cấp cao; (ii) Làm việc nhóm; (iii) Đào tạo và giáo dục về SPC; (iv) Vai trò của bộ phận chất lượng; (v) Triển khai thực hiện SPC; (vi) Lưu trữ dữ liệu. Đồng thời nghiên cứu cũng gợi ý một số giải pháp quản lý để thực hiện thành công SPC trong các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Yếu tố ảnh hưởng, SPC, doanh nghiệp sản xuất cơ khí chế tạo, kiểm soát quá trình bằng thống

**16. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua: Nghiên cứu thị trường thịt heo có thương hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh** / Trần Đăng Khoa, Phạm Vũ Anh // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 74-84.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua thịt heo có thương hiệu của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua yếu tố trung gian ý định mua. Để đạt được mục tiêu, phương pháp nghiên cứu hỗn hợp định tính và định lượng đã được sử dụng, trong đó nghiên cứu định lượng là chủ yếu. Nghiên cứu định tính được thực hiện bằng cách thảo luận nhóm để điều chỉnh thang đo. Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua khảo sát 237 người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu xác nhận có 3 yếu tố ảnh hưởng cùng chiều đến ý định mua thịt heo có thương hiệu của người tiêu dùng Thành phố Hồ Chí Minh (xếp theo thứ tự giảm dần) là chuẩn chủ quan, thái độ, và nhận thức kiểm soát hành vi. Hai yếu tố nhận thức về sức khỏe và nhận thức về giá có ảnh hưởng không đáng kể đến ý định mua thịt heo có thương hiệu. Ý định mua có ảnh hưởng cùng chiều đến hành vi mua thịt heo có thương hiệu.

**Từ khoá**: Hành vi mua; người tiêu dùng; thịt heo có thương hiệu; ý định mua

**17. Các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tiêu dùng bền vững trong lĩnh vực ăn uống: nghiên cứu trường hợp sinh viên các trường đại học tại khu vực Hà Nội** / Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thu Hồng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 23-31.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn tiêu dùng bền vững trong lĩnh vực ăn uống của sinh viên các trường đại học tại khu vực Hà Nội. Thông qua phân tích dữ liệu thu thập được từ 791 sinh viên, kết quả nghiên cứu cho thấy có ba yếu tố ảnh hưởng tích cực đến việc lựa chọn tiêu dùng bền vững cho mục đích ăn uống bao gồm: (i) Lựa chọn mua bền vững; (ii) lựa chọn tiết kiệm và hiệu quả; (iii) ý thức và hành động bảo vệ môi trường. Dựa trên kết quả nghiên cứu đó, nhóm nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm khuyến khích hành vi tiêu dùng bền vững trong sinh viên nói riêng và người tiêu dùng trẻ nói chung.

**Từ khoá**: Tiêu dùng bền vững, sinh viên, ăn uống, lựa chọn tiêu dùng

**18. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ phù hợp của vị trí quy hoạch đối với cán bộ nữ : Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hồ Chí Minh /** Nguyễn Thị Minh Hòa // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 53-64.

**Nội dung:** Mục tiêu nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ phù hợp của vị trí quy hoạch với chuyên ngành đào tạo, nguyện vọng, sở trường của cán bộ nữ (CBN) trong diện quy hoạch tại thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Thông tin được thu thập từ 288 CBN trong diện quy hoạch tại 5 quận /huyện và 7 Sở, ban ngành của TP. Kết quả phân tích nhân tố khám phá và hồi quy bội với các mô hình kiểm soát cho thấy, “Mức độ cập nhật và hiểu biết về chính sách tạo nguồn quy hoạch” là yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với sự phù hợp cả về chuyên ngành đào tạo cũng như nguyện vọng, sở trường của CBN. Các yếu tố có tác động mạnh và tích cực đến mức độ phù hợp của vị trí được quy hoạch là “Năng lực - Hiểu biết”, “Trình độ học vấn (chuyên môn)” và “Năng lực - Tố chất, đạo đức công vụ” của CBN. Đặc biệt, mức độ phù hợp của vị trí được quy hoạch chịu tác động tiêu cực bởi yếu tố “Rào cản trong chính sách quy hoạch”. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn.

**Từ khóa**: Nữ quản lý, lãnh đạo, cán bộ nữ trong diện quy hoạch, TP. Hồ Chí Minh

**19. Các nhân tố ảnh hưởng việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số** / Lưu Chí Danh, Hạp Thị Như Chi, Nguyễn Thị Thu // Kế toán & kiểm toán .- 2019 .- Số 190 .- Tra. 52-56.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số trong giao dịch điện tử của các doanh nghiệp tại TP.HCM, từ đó đo lường độ ảnh hưởng của các nhân tố khi doanh nghiệp lựa chọn dịch vụ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nhà cung cấp tại TP.HCM, đó là: hình ảnh nhà cung cấp, năng lực phục vụ, giới thiệu từ người khác, chi phí dịch vụ và lợi ích dịch vụ. Trong đó, nhân tố năng lực phục vụ có tác động mạnh mẽ nhất đến sự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số. Vì vậy, các nhà cung cấp cần chú ý nhiều đến yếu tố này nhằm thỏa mãn sự hài lòng của khách hàng.

**Từ khóa**: Dịch vụ chữ ký số, giao dịch điện tử

**20. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam** / **Đỗ Thị Vân Trang //**

**Nội dung:** Bài viết này nghiên cứu sự tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán .Bài viết có sử dụng số liệu của 59 công ty xây dựng đang niêm yết trên cả hai thị trường chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn 2012 - 2016. Các nhân tố được đưa vào nghiên cứu là quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, tỷ số khả năng thanh toán nhanh, kỳ thu tiền trung bình, số ngày một vòng quay hàng tồn kho, tỷ lệ tài sản cố định trên tổng tài sản, tốc độ tăng trưởng doanh thu và tốc độ tăng trưởng GDP, để kiểm tra sự tác động của chúng đến các chỉ số ROA, ROE là hai biến đại diện cho khả năng sinh lời của công ty. Kết quả nghiên cứu cho thấy năm nhân tố quy mô doanh nghiệp, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán nhanh, số ngày một vòng quay hàng tồn kho, tốc độ tăng trưởng doanh thu là những nhân tố chủ yếu có tác động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp ngành xây dựng trong giai đoạn này.

**Từ khóa:** Khả năng sinh lời, ngành xây dựng

**21. Các nhân tố tác động tới kết quả hoạt động đổi mới trong các doanh nghiệp phát điện Việt Nam** / Lê Anh Tuấn, Vũ Hồng Tuấn // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 09 .- Tr. 71-82.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích một số nhân tố có tầm ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động đổi mới tại các doanh nghiệp phát điện, đó là: sự ủng hộ của lãnh đạo, khả năng tiếp thu kiến thức của tổ chức, tiềm năng tiếp thu, sự chia sẻ kiến thức trong tổ chức và vấn đề hạn chế về nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đổi mới. Nghiên cứu cho thấy hai yếu tố sự ủng hộ của lãnh đạo và khả năng tiếp thu kiến thức của tổ chức có tác động mạnh nhất tới kết quả đổi mới. Sự ủng hộ của lãnh đạo còn có tác động gián tiếp rất mạnh thông qua các trung gian trong mô hình. Hai yếu tố tiềm năng tiếp thu và sự chia sẻ kiến thức không có tác động trực tiếp lên kết quả đổi mới nhưng có ảnh hưởng gián tiếp tích cực tới kết quả đổi mới. Sự hạn chế về nguồn vốn đầu tư có tác động trực tiếp nhưng ngược chiều tới kết quả đổi mới trong các doanh nghiệp phát điện.

**Từ khoá**: Đổi mới, nhân tố tác động, doanh nghiệp phát điện

**22. Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam** / **Trần Ngọc Mai //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 33-50.

**Nội dung:** Thương mại di động là bất kỳ giao dịch kinh doanh nào liên quan đến sự trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ được thực hiện trên một nền tảng không dây mà điển hình là điện thoại di động. Mặc dù thương mại di động đang ngày càng trở nên phổ biến ở Việt Nam, tỷ lệ thâm nhập còn thấp so với các quốc gia khác trong khu vực. Mục đích của nghiên cứu này là khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ thương mại di động của người dùng Việt Nam. Kết quả phân tích dữ liệu được thu thập từ 312 đáp viên trả lời trực tuyến cho thấy có năm nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ thương mại di động tại Việt Nam: (1) Tính linh hoạt, (2) Dịch vụ đa dạng, (3) Nhận thức sự hữu ích, (4) Sự tín nhiệm và (5) Nhận thức tính dễ sử dụng.

**Từ khóa:** Thương mại di động, nhân tố tác động, sự chấp nhận

**23. Các yếu tố tác động đến kết quả xuất khẩu rau quả của các doanh nghiệp Việt Nam** / Lê Tấn Bửu, Phạm Ngọc Ý // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 09 .- Tr. 60-70.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định và đo lường những yếu tố tác động đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp rau quả tại các tỉnh khu vực Nam Bộ và tỉnh Lâm Đồng, bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua thảo luận tay đôi cùng 12 nhà quản lý doanh nghiệp, nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp 236 nhà quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp rau quả chịu tác động trực tiếp bởi 5 yếu tố: (1) chiến lược marketing xuất khẩu; (2) đặc điểm và năng lực của doanh nghiệp; (3) định hướng công nghệ; (4) sự khác biệt môi trường và (5) cường độ cạnh tranh.

**Từ khoá**: Kết quả xuất khẩu; rau quả; công ty xuất khẩu; chiến lược marketing xuất khẩu; định hướng công nghệ

**24. Các yếu tố tác động tới ý định mua sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường của giới trẻ Việt Nam tại Hà Nội / Phạm Thu Hương, Trần Minh Thu //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 133 .- Tr. 33-50.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện thông qua hai giai đoạn nghiên cứu định tính sơ bộ và định lượng chính thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động của năm yếu tố: (1) giá cả của sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường với tính tập thể của khách hàng, (2) thái độ của người tiêu dùng với sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường với nhận thức hiệu quả vì môi trường, (3) ảnh hưởng của xã hội, (4) sự quan tâm tới hình ảnh cá nhân và (5) chất lượng bao bì thân thiện với môi trường tới ý định mua sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường của giới trẻ tại Hà Nội. Trong đó, yếu tố liên quan tới thái độ và nhận thức tính hiệu quả vì môi trường có tác động mạnh mẽ nhất, tiếp đó là chất lượng của bao bì thân thiện với môi trường và nhân tố về giá cả và tính tập thể của khách hàng. Hai yếu tố ảnh hưởng của xã hội và quan tâm đến hình ảnh cá nhân có tác động không lớn.

**Từ khóa:** Yếu tố tác động, ý định mua, sảm phẩm, bao bì thân thiện với môi trường, giới trẻ Việt Nam

**25. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Cơ hội và thách thức đối với ngân hàng của Pháp và một số khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Đào Trọng Hiếu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 8 (227) .- Tr. 72 - 81.

**Nội dung:** Phân tích những cơ hội và thách thức mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra đối với các ngân hàng của Pháp, những chính sách và giải pháp mà các ngân hàng nước này đã áp dụng trong thời gian qua để thích ứng, tận dụng những cơ hội và hạn chế những thách thức trong bối cảnh mới, từ đó đề xuất một số khuyến nghị đối với các ngân hàng Việt Nam.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp, ngân hàng, Pháp, cơ hội, thách thức, khuyến nghị

**26. Cần một giải pháp tổng thể trong kiểm soát an toàn môi trường sinh thái** / Nguyễn Trọng Tài, Nguyễn Kim Oanh // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Tăng trưởng kinh tế và những tác động xấu đối với môi trường; xử lý các nguy cơ đe dọa môi trường - cần sự quyết liệt đồng bộ và mang tính toàn cầu; phát huy vai trò đòn bẩy trong kiểm soát môi trường sinh thái.

**Từ khóa**: Kiểm soát an toàn, môi trường sinh thái

**27. Cơ chế mới về rà soát đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU và một số hàm ý chính sách**/ Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2019 .- Số 8 (227) .- Tr. 34 - 42.

**Nội dung:** Đi sâu tìm hiểu bối cảnh ra đời, những nội dung chính của cơ chế trên, từ đó đúc kết một số hàm ý chính sách liên quan.

**Từ khóa:** EU, FDI, cơ chế, chính sách, rà soát

**28. Cập nhật lại quy mô GDP**/ Lê Văn Dụy// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 10(727) .- Tr.18-21.

**Nội dung**: Bài viết lý giải vì sao phải cập nhật lại quy mô GDP, phương pháp/nguyên tắc, và các bước cập nhật như thế nào trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, việc lập lại quy mô GDP vào thời điểm này sẽ đưa ra những định hướng đúng cho phát triển đất nước trong 10 năm tới và cụ thể hóa cho giai đoạn 5 năm 2021-2025.

**Từ khóa**: GDP, quy mô GDP, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

**29. Chính phủ trở thành khách hàng của Startup: Bước đột phá hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo** / Trần Thị Hồng Liên // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 32-41.

**Nội dung:** Các chính phủ đang tích cực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (startup) để phát triển kinh tế. Tạo điều kiện cho startup tham gia mua sắm công là một công cụ được nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ sử dụng và các bằng chứng thực nghiệm ủng hộ lợi ích của cách làm này. Chính phủ và chính quyền các địa phương tại Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ startup trong khuôn khổ chính sách chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, các hỗ trợ này chưa thực sự hữu hiệu với các startup có bản chất hoàn toàn khác biệt so với doanh nghiệp nhỏ thông thường. Đặc biệt, cách thức mua sắm công nặng tính thủ tục cứng nhắc và kéo dài hiện nay chưa thích hợp cho startup tham gia. Sự đổi mới toàn diện việc tổ chức mua sắm công với nội dung cụ thể như thay đổi cách thức giao kết hợp đồng và sử dụng cách thức truyền thông mới về nhu cầu mua sắm công thích hợp với startup sẽ là bước đột phá thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

**Từ khoá**: Chính phủ, Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, Khởi nghiệp sáng tạo, Mua sắm công

**30. Đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao doanh nghiệp ngoài quốc doanh: một số vấn đề lý luận và thực tiễn** / Hồ Như Hải // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Môi trường kinh doanh thay đổi khó lường khiến cho lãnh đạo trở nên vô cùng phức tạp, doanh nghiệp khó có thể trông cậy vào một nhà lãnh đạo mà cần đội ngũ lãnh đạo. Trên thế giới, nhiều doanh nghiệp đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao để xây dựng đội ngũ hoạt động hiệu quả. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp ngoài quốc doanh vẫn chủ yếu đánh giá nhà lãnh đạo. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tập trung vào quan điểm, mục đích và tiêu chuẩn đánh giá. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp tại bàn và điều tra xã hội học trên mẫu có kích thước 141 doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Kết quả khảo sát chỉ ra 6 tiêu chuẩn phù hợp đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hướng tăng cường đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao tại doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hướng nghiên cứu tương lai về đo lường tác động của các tiêu chuẩn đánh giá đội ngũ lãnh đạo cấp cao đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Lãnh đạo tập thể, đội ngũ lãnh đạo cấp cao, hoạt động hiệu quả, đánh giá

**31. Đánh giá tác động của chính sách tích tụ, tập trung đất nhằm sản xuất hàng hóa quy mô lớn trong nông nghiệp** / Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Thị Thủy // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 48-56.

**Nội dung:** Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất nhằm sản xuất hàng hóa quy mô lớn trong nông nghiệp ở Việt Nam, bài viết xem xét kết quả triển khai thực hiện chính sách tích tụ, tập trung đất đai trong sản xuất nông nghiệp và trình bày mô phỏng kịch bản một số tác động của chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai nhằm sản xuất hàng hóa lớn.

**Từ khoá**: Sản xuất nông nghiệp, chính sách đất đai, tích tụ và tập trung đất đai

**32. Đánh giá năng lực quản lý của nhân sự phụ trách kinh doanh tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam bằng phương pháp ma trận /** Dương Thị Hoài Nhung, Lê Thái Phong // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 20-30.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ khái niệm và thang đo năng lực quản lý đối với vị trí nhân sự phụ trách kinh doanh trong các Ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Dựa vào kết quả kiểm định thang đo năng lực quản lý, tác giả tiến hành đánh giá thực trạng năng lực quản lý của vị trí này tại 10 NHTM Việt Nam hoạt động trên địa bàn Hà Nội. Kết quả phân tích ma trận GAP cho thấy, hai nhóm năng lực lập kế hoạch - tổ chức thực hiện và năng lực quản lý nhóm thuộc nhóm năng lực phát triển đúng hướng; năng lực nhạy bén với hoàn cảnh và giải quyết vấn đề thuộc nhóm năng lực cần phát triển. Qua đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý cho nhân sự phụ trách kinh doanh trong NHTM trong thời gian tới**.**

**Từ khóa:** Năng lực quản lý, nhân sự phụ trách kinh doanh, ngân hàng thương mại

**33. Đánh giá tác động của chính sách việc làm cho lao động xuất khẩu Việt Nam khi về nước đến việc làm và thu nhập của người lao động** / **Bùi Hữu Đức và Vũ Thị Yến //** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 2-11.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của các chính sách việc làm cho lao động xuất khẩu Việt Nam khi về nước đến việc làm và thu nhập của nhóm lao động này. Kết quả phân tích dữ liệu sơ cấp thu thập được từ quá trình điều tra khảo sát gần 500 lao động xuất khẩu về nước tại 05 tỉnh có số lượng lao động đi xuất khẩu thuộc nhóm cao nhất trong cả nước, cho thấy rằng các chính sách việc làm cho lao động xuất khẩu Việt Nam khi về nước có tác động tích cực tới kết quả tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Kết quả nghiên cứu là căn cứ để các cơ quan quản lý Nhà nước Trung ương và địa phương có biện pháp kịp thời nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của các chính sách việc làm cho lao động xuất khẩu Việt Nam khi về nước.

**Từ khóa:** Chính sách việc làm, lao động xuất khẩu, đánh giá tác động

**34. Đặc điểm hội đồng quản trị và thông tin bất cân xứng : ảnh hưởng điều tiết của loại hình doanh nghiệp** / Phan Bùi Gia Thủy, Nguyễn Trần Phúc, Ngô Vi Trọng // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 33-42.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện với mục đích ước lượng sự tác động của đặc điểm hội đồng quản trị, gồm: thành viên hội đồng quản trị độc lập không điều hành và trình độ học vấn đến thông tin bất cân xứng. Trên cơ sở phân tích một mẫu gồm 161 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 − 2015 tương ứng 1019 quan sát, kết quả nghiên cứu cho thấy thành viên hội đồng quản trị độc lập không điều hành và trình độ học vấn của hội đồng quản trị ảnh hưởng đến thông tin bất cân xứng chịu sự điều tiết của loại hình doanh nghiệp, gồm công ty có và không có vốn Nhà nước. Ngoài ra, ở nhóm gồm các công ty không có vốn Nhà nước, đặc điểm độc lập và trình độ học vấn của hội đồng quản trị tác động ngược chiều đến thông tin bất cân xứng, trong khi sự tác động này không có ý nghĩa đối với nhóm gồm các công ty có vốn Nhà nước.

**Từ khóa:** Thành phần lựa chọn ngược, thông tin bất cân xứng, đặc điểm hội đồng quản trị, quản trị công ty, thành viên hội đồng quản trị độc lập

**35. Điều hành chính sách an toàn vĩ mô : kinh nghiệm các quốc gia và bài học cho Việt Nam** / Mai Phan, Phạm Hiếu // Thị trường tài chính tiền tệ .- 2019 .- Số 15(528) .- Tr. 42-45.

**Nội dung:** Khái quát và mục tiêu chính sách an toàn vĩ mô; phân loại công cụ trong chính sách an toàn vĩ mô; kinh nghiệm điều hành chính sách an toàn vĩ mô của một số nền kinh tế trên thế giới; Thực trạng điều hành chính sách an toàn vĩ mô tại Việt Nam; một số khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Chính sách an toàn vĩ mô

**36. Động cơ ảnh hưởng đến ý định mua cà phê nguyên chất : nghiên cứu tại thành phố Đà Lạt** / Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thị Tuyết Hạnh // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 57-69.

**Nội dung**: Xác định mức độ của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua cà phê nguyên chất của người tiêu dùng tại thành phố Đà Lạt, từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị.

**Từ khoá:** Đôộng cơ mua hàng, hành vi người tiêu dùng

**37. Giá trị hàng hóa và vấn đề bóc lột trong kinh tế thị trường** / Đỗ Kim Chung // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Tháo luận một số vấn đề liên quan đến giá trị hàng hóa và vấn đề bóc lột trong sản xuất, kinh doanh, làm rõ hơn các quan niệm trên cho phù hợp với thực tế, lý luận và đề xuất các định hướng chính sách tiếp tục đổi mới để khẳng định chính sách nhất quans của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân.

**Từ khoá:** Phát triển kinh tế tư nhân, chính sách kinh tế, kinh tế học lao động

**38. Giải pháp hoàn thiện đánh giá năng lực với nhà quản trị cấp trung trong lĩnh vực khách sạn** / Đỗ Vũ Phương Anh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 125 .- Tr. 33-39.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng hệ thống đánh giá năng lực với nhà quản trị cấp trung trong lĩnh vực khách sạn để từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực với nhà quản trị cấp trung trong lĩnh vực khách sạn ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đánh giá nhân sự, Nhà quản trị cấp trung, đánh giá nhân sự lĩnh vực khách sạn

**39. Giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản** / Nguyễn Châu Thoại, Lê Thị Xoan // Tài chính doanh nghiệp .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Tổng quan về ngành khai thác thủy sản ở Việt Nam, những thuận lợi và khó khăn; một số gợi ý chính sách.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, khai thác thủy sản

**40. Giải pháp phát triển thương mại nội địa trước xu thế hội nhập quốc tế** / Lê Nguyễn Diệu Anh // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 69-71.

**Nội dung:** Thực trạng hoạt động thương mại nội địa trước xu thế hội nhập quốc tế; Giải pháp phát triển thương mại nội địa.

**Từ khoá:** Phát triển thương mại, thương mại nội địa, hội nhập quốc tế

**41. Hiệu ứng động lực trên thị trường chứng khoán Việt Nam** / Phan Trần Trung Dũng, Ngô Hồ Quang Hiếu // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 2-9.

**Nội dung:** Thông tin về lịch sử giá là một yếu tố quan trọng khi lựa chọn cổ phiếu của nhà đầu tư. Quan điểm nhận định rằng các nhà đầu tư cá nhân thường có xu hướng phản ứng thái quá với thông tin được ủng hộ rộng rãi. Phản ứng thái quá đó dẫn tới việc giá cổ phiếu bị định giá sai giá trị thực, dẫn tới việc có thể xây dựng các chiến lược đầu tư dựa trên việc khai thác hiện tượng định giá sai này. De Bondt và Thaler (1985, 1987) đã đưa ra quan điểm về chiến lược đầu tư nghịch xu thế dài hạn; Jegadeesh và Titman (1993) đưa ra quan điểm về chiến lược đầu tư thuận xu thế hay hiệu ứng động lực trong ngắn hạn. Nghiên cứu này kiểm tra sự tồn tại của hiệu ứng động lực trong ngắn hạn trên thị trường chứng khoán Việt Nam đồng thời đưa ra những khuyến nghị đầu tư và mức lợi nhuận dự kiến khi tiến hành nắm giữ danh mục theo chiến thuật đầu tư động lực. Kết quả của nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn hiện nay hiệu ứng động lực trong ngắn hạn tại thị trường chứng khoán Việt Nam tồn tại ở dạng yếu, việc áp dụng chiến thuật đầu tư theo hiệu ứng này gần như không cho lợi nhuận với kỳ nắm giữ từ 3 tháng trở lên.

**Từ khóa:** Định giá sai, thị trường chứng khoán, hiệu ứng động lực, tài chính hành vi

**42. Hoạt động bảo hiểm tài sản và thiệt hại tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam : thực trạng và giải pháp** / Hoàng Mạnh Cừ, Đình Quang Dương // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 31-34.

**Nội dung:** Thực trạng hoạt động bảo hiểm tài sản và thiệt hại tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; Đánh giá thực trạng hoạt động bảo hiểm tài sản và thiệt hại tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; Giải pháp đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm tài sản và thiệt hại tại các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Bảo hiểm tài sản và thiệt hại, doanh nghiệp bảo hiểm, hoạt động bảo hiểm tài sản và thiệt hại

**43. Hướng tiếp cận trong nghiên cứu năng lực cạnh tranh doanh nghiệp may Việt Nam**/ Lỹ Thu Cúc, Vũ Tuấn Hưng, Trần Hữu Cường// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 7 (80) .- Tr. 70 – 78.

**Nội dung:** Hệ thống hóa các nghiên cứu khoa học về năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, qua đó phân tích những đóng góp của các công trình nghiên cứu trước cũng như những vấn đề còn bỏ ngỏ dựa trên quan điểm các nhân của các tác giả. Từ đó đưa ra khung phân tích năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp may Việt Nam trên cơ sở những đặc trưng cơ bản của đối tượng doanh nghiệp này và kế thừa có chọn lọc kết quả của các công trình nghiên cứu trước đó.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp dệt may, năng lực cạnh tranh, tiếp cận nghiên cứu, Việt Nam

**44. Khả năng thanh toán của doanh nghiệp - góc nhìn từ các doanh nghiệp xây dựng niêm yết Việt Nam** / Nguyễn Thị Tuyết // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Dựa trên khảo sát 72 doanh nghiệp xây duwngjnieem yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phân tích thực trạng về khả năng thanh toán của nhóm doanh nghiệp này, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng thanh toán cho các doanh nghiệp xây dựng niêm yết Việt Nam.

**Từ khoá**: Khả năng thanh toán, năng lực tài chính, doanh nghiệp xây dựng

**45. Khoảng cách giữa yêu cầu của nhà tuyển dụng và mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của trợ lý kiểm toán mới vào nghề** / Phạm Hoài Hương // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 56-63.

**Nội dung**: Bài viết nhằm xác định khoảng cách giữa yêu cầu thực tế về kiến thức, kỹ năng và thái độ (Knowledge, skill and attitude - KSA) đối với kiểm toán viên và mức độ đáp ứng yêu cầu của trợ lý kiểm toán mới vào nghề. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên khảo sát 46 kiểm toán viên có kinh nghiệm về tầm quan trọng và mức độ đáp ứng yêu cầu đối với 40 KSA của trợ lý kiểm toán mới vào nghề. Kết quả phân tích T-test và Wilcoxon-test cho thấy hầu hết các KSA có khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu của nhà tuyển dụng (thể hiện thông qua mức độ quan trọng) và mức độ đáp ứng của các trợ lý kiểm toán mới vào nghề. Điều này cho thấy các chương trình đào tạo kiểm toán của các trường đại học chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn về KSA cần thiết trong lĩnh vực kiểm toán.

**Từ khoá:** Thái độ, đào tạo kiểm toán, kiểm toán viên, năng lực, kiến thức, kỹ năng

**46. Kinh nghiệm của một số nước Đông Á về đảm bảo các điều kiện thực hiện chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài vào các ngành công nghiệp và bài học cho Việt Nam** / Nguyễn Anh Tuấn // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 4-6.

**Nội dung:** Kinh nghiệm của một số nước Đông Á về đảm bảo các điều kiện thực hiện chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài vào các ngành công nghiệp và bài học cho Việt Nam và những bài học đối với Việt Nam về chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài vào các ngành công nghiệp trọng điểm quan kinh nghiệm của một số nước Đông Á.

**Từ khoá**: Đông Á, ngành công nghiệp

**47. Kinh nghiệm của Trung Quốc và Hàn Quốc về khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai và bài học rút ra đối với Việt Nam** / Bạch Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Hà // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm của Trung Quốc, Hàn Quốc và một số gợi ý cho Việt nam trong quản lý đất đai hiện nay.

**Từ khoá:** Nguồn lực tài chính, kinh nghiệm, quy hoạch đất đai, đất đai

**48. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển đội ngũ doanh nhân của một số quốc gia** / Ngô Văn Cương // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 87-89.

**Nội dung**: Kinh nghiệm Singapore, Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển đội ngũ doanh nhân

**49. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam /** Nguyễn Thị Phương Liên, Nguyễn Tuấn Anh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 42-48.

**Nội dung:** Chính sách và biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá của các công ty đa quốc gia (MNCs) đã được nhiều nhà nghiên cứu, nhà quản lý,... bình luận, phân tích, đánh giá. Tại Việt Nam, mặc dù, các văn bản pháp lý (Thông tư 66 /2010 /TT-BTC, Nghị định 20 /2017 /NĐ-CP, Thông tư 41 /2017 /TT-BTC) đã được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động chuyển giá, nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn. Một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có báo cáo tài chính thua lỗ liên tục trong nhiều năm liền nhưng vẫn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Làm thế nào để ngăn chặn, đẩy lùi hành vi chuyển giá? Đây là câu hỏi không dễ dàng có lời giải đáp thỏa đáng ngay cả những nước có lịch sử phát triển kinh tế quốc tế lâu đời do các hành vi chuyển giá của MNCs ngày càng tinh vi, phức tạp nên rất khó phát hiện.

**Từ khóa:** Chuyển giá, giá chuyển nhượng, giao dịch liên kết, quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá, công ty đa quốc gia

**50. Kinh nghiệm quốc tế trong sử dụng các loại hình truyền thông mới và khuyến nghị cho Việt Nam** / Nguyễn Minh Phương // Ngân hàng .- 2019 .- Số 21 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Trình bày sự ra đời và phát triển của mạng xã hội; kinh nghiệm sử dụng các loại hình truyền thông mới của một số ngân hàng trung ương; khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Truyền thông, kinh nghiệm quốc tế, ngân hàng trung ương

**51. Kinh nghiệm về chính sách phát triển các khu du lịch quốc gia trên thế giới và bài học rút ra cho Việt Nam** / Dương Thị Hồng Nhung // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 125 .- Tr. 49-56.

**Nội dung:** Khái quát về Khu du lịch quốc gia; Kinh nghiệp về chính sách phát triển các khu du lịch quốc gia trên thế giới; bài học rút ra cho các khu du lịch quốc gia Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách phát triển, Khu du lịch quốc gia

**52. Mô hình hồi quy logistics và mô hình COX trong ước lượng xác suất vỡ nợ tín dụng, phân nhóm khách hàng theo nguy cơ vỡ nợ** / Tô Thị Vân Anh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán .- 2019 .- Số 9 (194) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Trong quá trình hoạt động, rủi ro xuất phát từ các khoản vay đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của ngân hàng. Dựa trên các đặc điểm của hồ sơ cay nợ, ngân hàng có thể đưa ra ước lượng cho xác suất vỡ nợ (PD) sau đó phân chia khách hàng vào các nhóm có cùng nguy cơ từ đó đưa ra quyết định cho vay nhằm hạn chế rủi ro và tối đa lợi nhuận.

**Từ khóa**: Mô hình hồi quy, xác suất vỡ nợ tín dụng, lợi nhuận, ngân hàng thương mại

**53. Mô hình nghiên cứu các yếu tố thúc đẩy và cản trở hành vi mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam** / Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Thế Ninh, Vũ Phương Anh và Nguyễn Hoàng Nam // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 49-56.

**Nội dung:** Bài báo này tổng quan các nghiên cứu liên quan về hành vi tiêu dùng thực phẩm hữu cơ (TPHC), tập trung vào nghiên cứu tác động tích hợp của các yếu tố cá nhân và bối cảnh của người tiêu dùng Việt Nam về thái độ và hành vi mua TPHC. Bối cảnh phụ thuộc vào hoàn cảnh bao gồm cả những yếu tố thúc đẩy và cản trở, kìm hãm trong việc phát triển hành vi mua TPHC.

**Từ khóa:** Hành vi mua TPHC, Marketing xanh, Người tiêu dùng Việt Nam, Thái độ đối với mua TPHC, Thực phẩm hữu cơ

**54. Mô hình quản trị tinh gọn “Made in Vietnam”: Công cụ hữu ích cho doanh nghiệp Việt**/ Nguyễn Thị Nga// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 10(727) .- Tr.33-35.

**Nội dung**: Trình bày mô hình quản trị tin gọn “Made in Vietnam”: công cụ hữu ích cho doanh nghiệp Việt. Quản trị tin gọn (QTTG) là một khái niệm đề cập đến tư duy quản trị tạo ra lợi nhuận/giá trị gia tăng cho doanh nghiệp (DN) bằng cách dùng trí tuệ của con người để cắt giảm tối đa chi phí lãng phí. Trên thứ giới hiện có nhiều mô hình QTTG như 5S, Kaizen… Tuy nhiên, việc áp dụng các mô hình “ngoại” này vào các DN Việt Nam lại không đem lại kết quả như mong muốn do khác biệt về văn hóa.

**Từ khóa**: Made in Vietnam, Quản trị tin gọn, trí tuệ

**55. Mối liên hệ giữa cấu trúc sở hữu và mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính của doanh nghiệp niêm yết** / Dương Hoàng Ngọc Khuê // Kế toán & kiểm toán .- 2019 .- Số 190 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Xác định mối liên hệ giữa cấu trúc sở hữu và mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính của doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Nghiên cứu sử dụng phương pháp chỉ số công bố không trọng số để chấm điểm mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết HNX và sử dụng phương pháp hồi quy để xác định mối liên hệ giữa cấu trúc sở hữu với mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính.

**Từ khóa**: Công bố thông tin, Thông tin phi tài chính, cấu trúc sở hữu

**56. Mối quan hệ giữa CTV và hiệu quả hoạt động của các công ty cổ phần ngành thủy sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam** / Ngô Thị Ngọc, Ngô Thùy Dung, Đặng Thu Trang // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 43-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm giải thích mối quan hệ của cấu trúc vốn (CTV) và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp với bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam. Nhóm tác giả đã chọn mẫu gồm 69 doanh nghiệp ngành thủy sản được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2011 - 2017.Nhóm tác giả tìm thấy mối quan hệ tiêu cực của hiệu quả hoạt động doanh nghiệp khi đo bằng ROA, ROE và EVA với quyết định CTV doanh nghiệp và cũng tìm thấy mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa CTV với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể: nhóm tác giả tìm thấy mối quan hệ tiêu cực giữa LEV, SLEV với ROA và EVA và mối quan hệ tích cực giữa LEV, SLEV với ROE.

**Từ khoá:** CTV, hiệu quả hoạt động, ngành thủy sản, thị trường chứng khoán

**57. Mối quan hệ giữa sở hữu Nhà nước và chi phí nợ tại các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam** / Nguyễn Hải Yến // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 42-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu sự tác động của sở hữu nhà nước đến chi phí nợ của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2009-2017. Phương pháp ước lượng GMM hệ thống được sử dụng để kiểm soát nội sinh, và các khuyết tật khác trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp có sở hữu nhà nước sẽ giảm chi phí nợ. Đồng thời, ở các tỉnh kém phát triển, các doanh nghiệp có sở hữu nhà nước sẽ giảm chi phí nợ nhiều hơn so với các doanh nghiệp tương đồng hoạt động ở các tỉnh phát triển mạnh. Cuối cùng, sở hữu nhà nước của địa phương tại các doanh nghiệp sẽ giúp giảm chi phí nợ nhiều hơn so với sở hữu nhà nước của các cơ quan trung ương trực thuộc chính phủ.

**Từ khoá:** Chi phí nợ, sở hữu nhà nước, GMM, doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam

**58. Một số yếu tố tác động tới quy mô giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp niêm yết** / Trần Thị Thu Hiền, Đàm Văn Huệ // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 10-19.

**Nội dung:** Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) có vai trò quan trọng trong việc hình thành vốn dài hạn cho doanh nghiệp. Trong đó, thị trường trái phiếu thứ cấp có tác dụng tăng tính thanh khoản và xác định giá của các trái phiếu được phát hành trên thị trường sơ cấp. Từ đó, thị trường thứ cấp tạo ra động lực phát triển cho thị trường sơ cấp nói riêng và toàn bộ thị trường nói chung. Tại Việt Nam, quy mô của thị trường trái phiếu doanh nghiệp nói chung và thị trường thứ cấp nói riêng vẫn còn rất nhỏ bé. Điều này được thể hiện rõ nhất ở quy mô giao dịch hàng năm của các trái phiếu được niêm yết. Vì thế, xem xét các yếu tố tác động tới quy mô giao dịch trái phiếu hàng năm là cơ sở để tìm kiếm các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường. Nghiên cứu đã xây dựng mô hình kinh tế lượng về một số yếu tố tác động đến quy mô giao dịch của TPDN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả kiểm định cho thấy tuổi của trái phiếu, biến động lợi nhuận và quy mô phát hành là những yếu tố có tác động rõ rệt tới quy mô giao dịch của TPDN niêm yết.

**Từ khóa**: Trái phiếu doanh nghiệp, quy mô giao dịch, thời hạn phát hành, xếp hạng tín dụng

**59. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La** / Nguyễn Ngọc Phú // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 41-44.

**Nội dung:** Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La dựa trên số liệu được cung cấp tại chi nhánh và số liệu tác giả khảo sát thực tế về thực trạng công tác sử dụng vốn kinh doanh. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chỉ số ROE tại Công ty.

**Từ khoá:** Vốn kinh doanh, hiệu quả

**60. Nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản : kinh nghiệm trong nước, quốc tế và bài học cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung** / Kiều Thị Hường // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Kinh nghiệm trong nước về nâng cao khả năng cạnh tranh của doanhn ghiệp xuất khẩu thủy sản; Kinh nghiệm quốc tế về nâng cao khả năng cạnh tranh của doanhn ghiệp xuất khẩu thủy sản; Bài học kinh nghiệm về nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

**Từ khoá**: Khả năng cạnh tranh, doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

**61. Nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0** / Đào Văn Hùng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 125 .- Tr. 11-22.

**Nội dung:** Phân tích sự thay đổi về lợi thế, thách thức của Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh việc so sánh các lợi thế cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực, tác giả cũng đặt VN trong cuộc cạnh tranh về thu hút FDI với các nước phát triển trong xu hướng backshoring được dự báo là sẽ phát triển mạnh trong bối cảnh CMCN 4.0.

**Từ khóa**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Cạnh tranh, FDI

**62. Nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông xã hội tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trực tuyến của các doanh nghiệp Việt Nam** / Nguyễn Trần Hưng, Vũ Thị Thúy Hằng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 31-46.

**Nội dung:** Trong khoảng một thập kỷ gần đây, các mạng xã hội đang có sự phát triển nhanh chóng cả về loại hình và số lượng người dùng. Người dùng mạng xã hội nói chung thường có thói quen học tập, nghe ngóng, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm từ bạn bè dưới tác động qua lại lẫn nhau. Các doanh nghiệp đã nhìn thấy cơ hội rất lớn và hòa nhập cùng với xu hướng này, trong khi đó khách hàng đang giữ vai trò trung tâm trong hoạt động kinh doanh thông qua truyền thông xã hội. Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra truyền thông xã hội đang hỗ trợ cho các doanh nghiệp cải thiện và nâng cao vị trí trong sự chuyển đổi. Hơn lúc nào hết, sự tác động mạnh mẽ của truyền thông xã hội đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu cũng như các doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến cả trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Mặc dù vậy, cho đến nay các nghiên cứu về tác động của truyền thông xã hội đối với khách hàng và doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn còn khá hạn chế. Đặc biệt nghiên cứu về sự ảnh hưởng của truyền thông xã hội tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trực tuyến thì chưa có tiền lệ tại Việt Nam. Bài viết của tác giả đã đề xuất mô hình đo lường ảnh hưởng của truyền thông xã hội tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trực tuyến của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mạng xã hội đang có sự phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết và những thông tin lan tỏa trên cộng đồng mạng xã hội có sức ảnh hưởng tới quyết định của những người tham gia.

**Từ khóa**: Truyền thông xã hội; mạng xã hội; kinh doanh trực tuyến; cộng đồng mạng; hiệu quả hoạt động

**63. Nghiên cứu chuỗi giá trị chè ở Việt Nam thông qua trường hợp điển hình ở khu vực Hà Nội** / Vũ Văn Hùng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 127 .- Tr. 2-14.

**Nội dung:** Cây chè chiếm một vị trí quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp tại khu vực Hà Nội, có vai trò góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho lao động phổ thông, định canh - định cư cho các vùng ven đô của Hà Nội, góp phần trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng. Tiềm năng cây chè của vùng rất lớn nếu gia tăng được giá trị của các sản phẩm chè. Tuy nhiên, trên thực tế, hiện nay cây chè mới chỉ dừng lại ở vai trò là cây xóa đói giảm nghèo chứ chưa thật sự giúp người nông dân làm giàu. Để nâng cao giá trị sản phẩm chè cần phải sớm hoàn thiện chuỗi giá trị trong sản xuất. Bài nghiên cứu tập trung vào việc phân tích các khâu trong chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè ở khu vực Hà Nội, rút ra các khâu trọng yếu cần tác động về khoa học công nghệ và chính sách phát triển để từ đó đề xuất được các giải pháp phát triển chuỗi giá trị ngành chè và nâng cao giá trị gia tăng của ngành chè ở khu vực Hà Nội.

**Từ khóa**: Ngành chè, giá trị gia tăng, chuỗi giá trị chè

**64. Nghiên cứu hiện trạng phân bố đất nông nghiệp tại tỉnh Bắc Giang** / **Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà, Mai Lan Phương** // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 51-60.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả cho thấy hiện trạng phân bố đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo các vùng, theo loại hình sử dụng, theo chủ thể giai đoạn 2011-2016. Bên cạnh đó bài viết đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với hiện trạng phân bố trên. Cuối cùng, bài viết đề xuất các giải pháp đối với tỉnh cũng như chủ thể sử dụng đất nhằm điều chỉnh phân bố, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như: Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Quy hoạch xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất; Khuyến khích các hộ gia đình, doanh nghiệp liên kết bền vững trong việc tiêu thụ sản phẩm; Cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Các chủ thể sử dụng đất cần: Tận dụng chính sách trong ứng dụng công nghệ cao; Ứng dụng máy móc phù hợp với quy mô đất đai; Hợp tác sản xuất với các hộ khác phát triển sản xuất hàng hóa lớn; Tạo mối liên kết bền vững với doanh nghiệp trong tiêu thụ; Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến; Tận dụng thế mạnh sản xuất nông nghiệp.

**Từ khóa:** Đất nông nghiệp, phân bố đất nông nghiệp, nông nghiệp Bắc Giang

**65. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến giá trị khách hàng cảm nhận của một số chuỗi cửa hàng tiện ích trên địa bàn Thành phố Hà Nội** / Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Bảo Ngọc // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 34-42.

Nội dung: Nghiên cứu này sử dụng kết quả phỏng vấn sâu 18 khách hàng và điều tra qua bảng hỏi 386 khách hàng đã và đang mua hàng tại các cửa hàng tiện ích trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Tiến hành phân tích định lượng bộ dữ liệu này đã xác định được mô hình nghiên cứu gồm 31 biến quan sát của 6 thành phần/biến độc lập và 7 quan sát của biến phụ thuộc - giá trị khách hàng cảm nhận và đánh giá sự tác động của các yếu tố/biến quan sát các thành phần đến giá trị khách hàng cảm nhận tại một số chuỗi cửa hàng tiện ích trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

**Từ khóa:** Giá trị khách hàng, khách hàng cảm nhận, cửa hàng tiện ích

**66. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan địa phương trong phát triển du lịch tại Huyện Lạc Dương Tỉnh Lâm Đồng** / Nguyễn Thị Thanh Ngân, Đồng Xuân Đảm, Phạm Hồng Long // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 63-73.

**Nội dung**: Phát triển du lịch vùng nông thôn được xem là một trong những giải pháp phát triển bền vững vì nó mang lại những lợi ích cả về kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường. Mục tiêu của nghiên cứu này khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch huyện Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác các bên liên quan địa phương trong phát triển du lịch bao gồm lợi ích, thông tin và giao tiếp, cam kết, niềm tin, vai trò người trưởng nhóm và sự tham gia bình đẳng, sự tôn trọng và sự phụ thuộc lẫn nhau. Trên cơ sở đó, đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác và một vài khuyến nghị thúc đẩy hợp tác các bên liên quan trong phát triển du lịch tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**Từ khoá:** Hợp tác các bên liên quan, phát triển du lịch bền vững, Lạc Dương

**67. Nghiên cứu các nhân tố tác động đến giá trị khách hàng cảm nhận của các nhà bán lẻ trực tuyến nhỏ trên Facebook trên địa bàn Hà Nội** / Phạm Minh Đạt, Bùi Thị Thu và Nguyễn Thị Quỳnh Trang // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 36-47.

**Nội dung:** Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố tạo giá trị khách hàng nói chung khi mua sắm tại các nhà bán lẻ trực tuyến nhỏ trên Facebock. Kết quả kiểm định qua bộ dữ liệu điều tra trắc nghiệm 250 khách hàng cho thấy mô hình nghiên cứu thực tế gồm 5 nhân tố biến độc lập với 20 thang đo biến quan sát và 5 biến quan sát cho biến phụ thuộc giá trị khách hàng cảm nhận với các nhà bán lẻ trực tuyến nhỏ trên Facebook ở địa bàn Thành phố Hà Nội theo thứ tự mức độ đóng góp lần lượt là: Chất lượng dịch vụ bán lẻ trực tuyến, Truyền khẩu trực tuyến, Cảm nhận tính hữu ích; Cảm nhận tính dễ sử dụng và Rủi ro cảm nhận.

**Từ khoá**: Giá trị khách hàng cảm nhận, Nhà bán lẻ trực tuyến nhỏ trên Facebook

**68. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phát triển nguồn nhân lực khoa học – công nghệ: bài học cho tỉnh Khánh Hòa**/ Đoàn Hồng Lê, Lê Thị Hoàng Mỹ// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2019 .- Số 9(82) .- Tr. 68 - 74.

**Nội dung:** Tìm hiểu về kinh nghiệm của quốc tế và trong nước nhằm rút ra bài học cho tỉnh Khánh Hòa về việc quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

**Từ khóa:** Kinh nghiệm, khoa học – công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, Khánh Hòa

**69. Nguyên tắc và những nhân tố ảnh hưởng đến liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân** / Phùng Lê Dung // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Các nguyên tắc liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân; các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và hộ nông dân.

**Từ khoá:** Nhân tố ảnh hưởng, liên kết kinh tế, doanh nghiệp, hộ nông dân

**70. Nhận diện các hình thức chuyển giá của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam** / Lê Thanh Hà // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 58-61.

**Nội dung**: Đề cập chuyển giá của các công ty đa quốc gia; các hình thức chuyển giá của các công ty đa quốc gia; kết luận.

**Từ khoá**: FDI, chuyển giá, kiểm soát chuyển giá, công ty đa quốc gia

**71. Nhân lực chất lượng cao trong cách mạng công nghiệp 4.0 : thách thức trong phát triển kỹ năng số** / Nguyễn Thị Hạnh // Kinh tế Chấu Á - Thái Bình Dương .- 2019 .- Số 547 .- Tr. 105-107.

**Nội dung:** Tổng quan về nguồn nhân lực chất lượng cao; Khái quát về kỹ năng số và sự cần thiết của kỹ năng số trong cách mạng 4.0; Một số giải pháp để nâng cao kỹ năng số.

**Từ khoá**: Nhân lực chất lượng cao, cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển kỹ năng số

**72. Patent Pool - Mô hình liên kết thương mại hóa sáng chế**/ Phùng Minh Hải// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 10(727) .- Tr.11-14.

**Nội dung**: Giới thiệu mô hình Patent Pool, một mô hình liên kết thương mại hóa sáng chế đã và đang được áp dụng tại nhiều nước trên thế giới (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, châu Âu…). Theo tác giả, đây là một mô hình liên kết hợp tác thương mại hóa sáng chế mà Việt Nam có thể áp dụng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Patent Pool, thương mại hóa sáng chế

**73. Phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng trước yêu cầu kỷ nguyên số /** Phạm Mai Ngân, Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Kim Oanh // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 28-30,36.

**Nội dung:** Đề cấp đến việc thay đổi trong nhu cầu tuyển dụng và thích ứng và chuẩn bị cho tương lại.

**Từ khóa:** Phát triển nguồn nhân lực, ngân hàng, kỷ nguyên số

**74. Phân tích năng lực kinh doanh thương mại của đơn vị sản xuất - kinh doanh nông phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên**/ Phạm Minh Đạt, Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Minh Tuấn // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 2-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu năng lực kinh doanh thương mại của đơn vị sản xuất kinh doanh nông phẩm là một điều quan trọng để có thể đề ra những chính sách trợ giúp tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển trong tương lai. Trong nội dung bài báo này, tác giả thiết lập mô hình nghiên cứu, đánh giá năng lực cạnh tranh của các cơ sở kinh doanh nông phẩm trên địa bàn tỉnh Điên Biên. Thông qua đó, với những dữ liệu thu thập được từ điều tra xã hội học, tác giả tiến hành phân tích kiểm định để có thể khẳng định mô hình nghiên cứu trong thực tiễn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Từ khóa:** Năng lực kinh doanh, đơn vị sản xuất kinh doanh, kinh doanh nông phẩm

**75. Phân rã năng suất và hiệu quả phân bổ của các doanh nghiệp ngành chế tác của Việt Nam theo loại hình sở hữu** / Vũ Thị Huyền Trang // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 57-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu áp dụng phân rã mở rộng của phân rã động của Olley - Pakes được đề xuất bởi Melitz và Polanec (2015) cho nhiều nhóm doanh nghiệp để tính toán đồng thời hiệu quả phân bổ trong một nhóm và giữa các nhóm chia theo loại hình sở hữu, ngoài ra còn tính toán sự đóng góp của các doanh nghiệp sống sót, gia nhập và rút lui đến sự thay đổi năng suất gộp của ngành. Sử dụng số liệu cấp độ doanh nghiệp của ngành chế tác của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2016, kết quả tính toán cho thấy ảnh hưởng giữa các nhóm loại hình sở hữu là tiêu cực trong tất cả các năm nghiên cứu. Trong giai đoạn nghiên cứu, hiệu quả phân bổ bên trong nhóm của các doanh nghiệp nhà nước là lớn nhất; các doanh nghiệp gia nhập có đóng góp âm còn các doanh nghiệp rút lui có đóng góp dương đến năng suất gộp đối với cả ba nhóm sở hữu trong đó sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI gia nhập là nhỏ nhất.

**Từ khoá**: Phân rã năng suất, hiệu quả phân bổ, doanh nghiệp sống sót, doanh nghiệp gia nhập, doanh nghiệp rút lui

**76. Phân tích hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam giai đoạn 2007-2018** / Lê Thị Thúy // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Phân tích rõ về hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam giai đoạn 2007-2018.

**Từ khoá**: Hiệu quả hoạt động, DEA, BIDV, hiệu quả kỹ thuật (TE)

**77. Phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với kinh tế Việt Nam** / Phan Thị Hằng Nga // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 5-9.

**Nội dung**: Phân tích tác động của chính sách thuế đến kinh tế Việt Nam, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích so sánh, diễn giải để lý giải các vấn đề mà thuế đã tác động đến nền kinh tế như thuế tác động đến giá cả hàng hóa dịch vụ, thuế tác động đến tiền lương, thuế tác động đến thu nhập và thuế tác động đến hoạt động thương mại quốc tế...

**Từ khoá**: Chính sách thuế, kinh tế

**78. Phân tích văn hóa doanh nghiệp khởi nghiệp : nghiên cứu điển hình một doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử** / Lê Thị Tú Anh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 125 .- Tr. 40-48.

**Nội dung:** Phân tích một số đặc trưng cơ bản trong văn hóa của các doanh nghiệp khởi nghiệp và nhấn mạnh vai trò quan trong của việc phân tích và điều chính văn hóa để phù hợp với chiến lược phát triển hiện tại và trong tương lai. Bài viết cung cấp một số gợi ý để thay đổi văn hóa theo định hướng dài hạn của doanh nghiệp, đồng thời cũng chỉ ra bài học trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho các cá nhân có ý định khởi sự kinh doanh trong tương lai.

**Từ khóa:** Văn hóa doanh nghiệp, Khởi nghiệp, Văn hóa sáng tạo

**79. Phát triển doanh nghiệp xã hội ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam** / Đặng Thành Lê và Khoa Anh Thắng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 58-66.

**Nội dung:** Doanh nghiệp xã hội là mô hình doanh nghiệp hoạt động kinh doanh vì mục tiêu phục vụ cộng đồng, do đó đây là một mô hình tốt giúp Nhà nước giảm gánh nặng trong việc giải quyểt các vấn đề xã hội môi trường. Tại Việt Nam, mô hình doanh nghiệp này hiện khá phong phú, hoạt động khá năng động, và đang có xu hướng ngày càng phát triển. Mặc dù đã được công nhận chính thức bởi Luật Doanh nghiệp 2014, chính sách thúc đẩy loại hình doanh nghiệp này còn chưa hoàn thiện. Để góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam, bài viết này tập trung xem xét kinh nghiệm quốc tế để rút ra bài học chính sách, đánh giá khái quát thực trạng phát triển của doanh nghiệp xã hội Việt Nam, rà soát chính sách hiện tại của chính phủ Việt Nam giành cho doanh nghiệp xã hội. Từ đó, bài viết đề xuất một số hướng hoàn thiện chính sách của Việt Nam đối với doanh nghiệp xã hội thời gian tới, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường cũng như quá trình phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xã hội, kinh nghiệm quốc tế, chính sách của Nhà nước, thực trạng phát triển

**80. Phương pháp định giá và nghiên cứu tình huống trái phiếu chuyển đổi có điều kiện (CoCo) tại Ngân hàng An Bình** / Đào Thanh Bình // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 32-41.

**Nội dung:** Cuộc khủng hoảng tài chính trên thế giới gần đây đã dẫn đến nhu cầu tái cấp vốn ở một số ngân hàng lớn. Trái phiếu chuyển đổi có điều kiện (CoCo) đã ra đời với kỳ vọng có thể ổn định ngành ngân hàng đối với nhiều nhà điều hành chính sách nói chung và ngân hàng nói riêng. Bài báo này nhằm giới thiệu CoCo và cung cấp cho người đọc những thông tin cơ bản nhất từ lịch sử hình thành, các phương thức kích hoạt và tính chất của CoCo. Phương pháp định giá của CoCo và một ví dụ minh họa của Ngân hàng An Bình được phân tích. Tác giả nhằm mục tiêu đưa ra cơ sở để áp dụng loại hình trái phiếu chuyển đổi có điều kiện trong hệ thống ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn các ngân hàng đều hết sức nỗ lực để tăng vốn.

**Từ khóa:** Vốn có điều kiện, trái phiếu chuyển đổi có điều kiện (CoCo), phương pháp phái sinh cổ phiếu

**81. Quan điểm và giải pháp đột phá để Việt Nam tham gia có hiệu quả CPTPP, FTA thế hệ mới và các FTA truyền thống** / Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Phạm Quang Trung // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Bài viết này tổng quan các FTA Việt Nam đã và đang đàm phán, tham gia đàm phán, ký và thực thi, đề cập một số cam kết và nhóm cam kết chủ yếu của một số thành viên trong Hiệp định CPTPP về thuế và một số mặt hàng cho Việt Nam. Bài viết chỉ ra cơ hội đối với Việt Nam khi tham gia CPTPP và những hạn chế, bất cập chủ yếu của Việt Nam trong hội nhập và tham gia các FTA thời gian qua. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các quan điểm và một số giải pháp đột phá để Việt Nam tham gia có hiệu quả CPTPP, các FTA thế hệ mới và truyền thống đang và sẽ thực thi đến năm 2030.

**Từ khóa**: FTA thế hệ mới (CPTPP), FTA truyền thống, cơ hội, hạn chế, bất cập, quan điểm, giải pháp

**82. Quản lý dịch vụ ví điện tử /** Lê văn Tuyên // Ngân hàng .- 2019 .- Số 18 .- Tr. 23-27

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu và hoạt động cung ứng dịch vụ ví điện tử; kinh nghiệm quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ ví điện tử; Một số khuyến nghị về quản lý hoạt đồng cung ứng dịch vụ Ví điện điện tử.

**Từ khóa:** Quản lý dịch vụ, ví điện tử

**83. Quản trị kênh phân phối dược phẩm của các doanh nghiệp dược Việt Nam** / Nguyễn Thu Quỳnh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 125 .- Tr. 23-32.

**Nội dung:** Khái quát về kênh phân phối dược phẩm tại VN hiện nay; Thực trạng quản trị kênh phân phối dược phẩm của các doanh nghiệp dược VN; Một số giải pháp tăng cường quản trị kênh phân phối dược phẩm của các doanh nghiệp dược VN.

**Từ khóa**: Quản trị kênh phân phối, kênh phân phối dược phẩm, doanh nghiệp dược, dược phẩm

**84. Quản trị lợi nhuận và quyết định khu vực sáp nhập ở Việt Nam** / Đặng Hữu Mẫn, Hoàng Dương Việt Anh, Lê Thùy Dung // Kinh tế & phát triển .- 2019 .- Số 268 .- Tr. 23-32.

**Nội dung:** Bài báo này khảo sát ảnh hưởng của quản trị lợi nhuận của công ty mục tiêu đến quyết định lựa chọn khu vực sáp nhập của các công ty thâu tóm dựa trên mẫu khảo sát toàn bộ các thương vụ sáp nhập và mua lại ở thị trường Việt Nam giai đoạn 2005-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy các công ty thâu tóm nước ngoài có xu hướng lựa chọn các công ty mục tiêu có ít hành vi điều chỉnh lợi nhuận. Kết quả này khẳng định sự bất đối xứng thông tin, nhân tố thị trường không hoàn hảo cũng như rủi ro của việc thâm nhập thị trường mới ảnh hưởng mạnh đến quá trình ra quyết định khu vực sáp nhập của các công ty thâu tóm, và cung cấp những hàm ý chính sách có giá trị tham khảo đối với nhà đầu tư và nhà quản trị công ty.

**Từ khóa:** Quản trị lợi nhuận, sáp nhập & mua lại, khu vực sáp nhập, công ty thâu tóm, công ty mục tiêu

**85. Quản trị thương hiệu: Bài học kinh nghiệm từ các thương hiệu hàng đầu Việt Nam**/ Phạm Thị Hương Dịu// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2019 .- Số 9(726) .- Tr.23-26.

**Nội dung**: Phân tích một số thương hiệu có điểm xuất phát chỉ là một mô hình kinh doanh nhỏ lẻ, tự phát nhưng đã trở thành thương hiệu nổi tiếng và có giá trị lớn bởi vì họ biết biến thương hiệu trở thành những “tấm khiên” bảo vệ và đồng thời là công cụ sắc bén để làm nổi bật giá trị trước những đối thủ cạnh tranh. Ở Việt Nam, công tác quản trị thương hiệu chưa được quan tâm và đầu tư xứng tầm tại hầu hết các doanh nghiệp cho nên vẫn còn nhiều doanh nghiệp thất bại trong xây dựng thương hiệu.

**Từ khóa**: Quản trị thương hiệu, thương hiệu, kinh doanh

**86. Rào cản thamn gia thị trường quốc tế : trường hợp trái vải của tỉnh Bắc Giang** / Lê văn Hùng // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 70-78.

**Nội dung**: Trình bày tình hình, thực trạng sản xuất và xuất khẩu trái vải của tỉnh Bắc Giang, những tín hiệu tích cực trong sản xuất tiêu thụ, các điểm hạn chế tham gia thị trường quốc tế, kết luận.

**Từ khoá:** Thị trường quốc tế, rào cản, trái vải

**87. Sử dụng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu trong đánh giá quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại**/ Nguyễn Quỳnh Nga, Ngô Quốc Dũng// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 10(Tập 61) .- Tr.7-12.

**Nội dung**: Đổi mới sáng tạo (ĐMST) là hạt nhân của cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0. Các chỉ số đo lường mức độ ĐMST của quốc gia cần xem xét đưa vào hệ tiêu chí đánh giá quá trình phát triển của một nước theo hướng công nghiệp hiện đại. Bài viết này tập trung phân tích tính chất, phương pháp đo lường và thực tế sử dụng chỉ số ĐMST toàn cầu (Global Innovation Index – GII) trong nền kinh tế thông qua: xác định nội hàm và vai trò của ĐMST trong phát triển kinh tế; sử dụng GII để phân tích ĐMST của Việt Nam trong tương quan với các quốc gia khác; đề xuất việc sử dụng GII với vai trò là một chỉ số cần thiết trong hệ tiêu chí đánh giá nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)

**88. Sử dụng công nghệ cộng tác, học tập không chính thức và thành quả công việc trong đội ảo** / Huỳnh Thị Minh Châu, Nguyễn Mạnh Tuân, Trương Thị Lan Anh // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 265 tháng 07 .- Tr. 24-33.

**Nội dung**: Vì đội ảo là một tổ chức xã hội hoạt động dựa trên công nghệ, thành quả của nó chịu ảnh hưởng bởi cả các yếu tố công nghệ lẫn xã hội. Bài báo này đo lường ảnh hưởng của một số yếu tố công nghệ (sự hài lòng với việc sử dụng, thói quen sử dụng, ý định tiếp tục sử dụng, mức độ sử dụng công nghệ cộng tác) và một yếu tố xã hội (mức độ học tập không chính thức) lên thành quả công việc của thành viên đội ảo. Kết quả cho thấy mức độ sử dụng công nghệ cộng tác và học tập không chính thức đều có ảnh hưởng tích cực lên thành quả công việc; sự hài lòng với việc sử dụng, thói quen sử dụng, ý định tiếp tục sử dụng giải thích được 33,6% biến thiên của mức độ sử dụng công nghệ cộng tác; và các yếu tố công nghệ và xã hội nói trên giải thích được 16,5% biến thiên thành quả công việc.

**Từ khoá**: Công nghệ cộng tác, đội ảo, học tập không chính thức, thành quả công việc, tiếp tục sử dụng công nghệ thông tin

**89. Tác động của Brexit tới xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh** / Hoa Hữu Cường // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 89-96.

**Nội dung**: Phá họa bức tranh tổng quát quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Vương quốc Anh trong giai đoạn 2012-2018 và phân tích những thay đổi có thể xảy ra trong chính sách thương mại của Vương quốc Anh trên nhiều khía cạnh, để thấy những tác động tới xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh.

**Từ khoá:** Thương mại, xuất khẩu, Brexit, Việt Nam - Vương quốc Anh

**90. Tác động của các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam** / Lưu Thị Thùy Dương, Nguyễn Hoàng Long // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 131 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm làm rõ sự tác động của các yếu tố cấu thành tới năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại Việt Nam theo quan điểm tiếp cận của khách hàng. Giả thuyết trong nghiên cứu này là năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ có mối quan hệ thuận chiều với các yếu tố: chất lượng dịch vụ, phí dịch vụ, kênh phân phối, hoạt động xúc tiến, và thương hiệu. Số liệu được sử dụng từ khảo sát 370 khách hàng cá nhân đã và đang sử dụng các dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại các thành phố lớn tại Việt Nam là Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố tác động mạnh nhất tới năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam lần lượt là: phí dịch vụ, hoạt động xúc tiến, kênh phân phối, chất lượng dịch vụ và thương hiệu.

**Từ khoá:** Năng lực cạnh tranh, dịch vụ ngân hàng bán lẻ, ngân hàng thương mại

**91. Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 tới hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**/ Bùi Tiến Dũng// Khoa học xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 8 .- Tr. 19 - 25.

**Nội dung:** Chỉ ra những nội dung chủ yếu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tới hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cách mạng công nghiệp 4.0, hoàn thiện, tác động, thể chế kinh tế thị trường, Việt Nam

**92. Tác động của các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam /** Phạm Minh Đạt, Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Minh Tuấn **//** Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 2-13.

**Nội dung:** Nghiên cứu năng lực kinh doanh thương mại của đơn vị sản xuất kinh doanh nông phẩm là một điều quan trọng để có thể đề ra những chính sách trợ giúp tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển trong tương lai. Trong nội dung bài báo này, tác giả thiết lập mô hình nghiên cứu, đánh giá năng lực cạnh tranh của các cơ sở kinh doanh nông phẩm trên địa bàn tỉnh Điên Biên. Thông qua đó, với những dữ liệu thu thập được từ điều tra xã hội học, tác giả tiến hành phân tích kiểm định để có thể khẳng định mô hình nghiên cứu trong thực tiễn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Từ khóa**: Năng lực kinh doanh, đơn vị sản xuất kinh doanh, kinh doanh nông phẩm

**93. Tác động của chính sách thuế đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập CPTPP** / Nguyễn Thanh Phương // Ngân hàng .- 2019 .- Số 20 .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Trình bày chính sách thuế trong bối cảnh hội nhập CPTPP; Tác động của chính sách thuế trong bối cảnh hội nhập CPTPP; Một số đề xuất.

**Từ khóa:** Chính sách thuế, doanh nghiệp, hội nhập CPTPP

**94. Tác động của công khai tiêu cực về khủng hoảng sản phẩm đến hình ảnh công ty và nhận biết thương hiệu: Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh ngành hàng tiêu dùng nhanh** / Phan Thị Lý, Võ Thị Ngọc Thú // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 133 .- Tr. 21-32.

**Nội dung:** Nghiên cứu này làm rõ tác động của công khai tiêu cực về khủng hoảng sản phẩm bởi truyền thông xã hội đến hình ảnh công ty và nhận biết thương hiệu. Trong đó, phản ứng của khách hàng đối với công khai tiêu cực trên các phương tiện truyền thông được xem xét với sự tác động của 2 yếu tố: Mức độ nghiêm trọng cảm nhận và cường độ công khai các thông tin liên quan đến sự kiện khủng hoảng. Để giải quyết vấn đề nghiên cứu đặt ra, nghiên cứu khảo sát điều tra 313 khách hàng từ 18 tuổi có hiểu biết về một trong ba vụ khủng hoảng sản phẩm nổi bật trong ngành hàng tiêu dùng nhanh xuất hiện trên truyền thông trong giai đoạn 2015 đến nay. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho thấy: Việc công khai tiêu cực về khủng hoảng sản phẩm trên các phương tiện truyền thông có tác động tích cực đến mức độ nhận biết thương hiệu (người tiêu dùng biết đến thương hiệu sản phẩm), tuy nhiên, nó lại có tác động tiêu cực đến hình ảnh công ty. Đặc biệt, cường độ công khai đóng vai trò rất quan trọng trong việc gia tăng nhận biết thương hiệu, trong khi mức độ nghiêm trọng cảm nhận lại được chỉ ra có tác động tiêu cực mạnh mẽ đến hình ảnh công ty.

**Từ khóa:** Công khai tiêu cực, khủng hoảng sản phẩm, cường độ công khai, mức độ nghiêm trọng cảm nhận, hình ảnh công ty, nhận biết thương hiệu

**95. Tác động của hiệp định thương mại tự do với xuất nhập khẩu Việt Nam: Áp dụng mô hình lực hấp dẫn với các nhân tố cố định** / Huỳnh Thị Diệu Linh, Hoàng Thanh Hiền // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 09 .- Tr. 23-33.

**Nội dung**: Từ sau công cuộc đổi mới kinh tế năm 1986, Việt Nam đã tích cực tham gia và hội nhập vào hoạt động kinh tế toàn cầu thông qua việc đàm phán và kí kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Một trong các mô hình thường được sử dụng trong các nghiên cứu trên thế giới để đánh giá tác động của các hiệp định thương mại đối với nền kinh tế các nước thành viên là mô hình lực hấp dẫn (Gravity Model – GM). Bài viết này nhằm giải quyết 3 vấn đề: (i) Bài viết cung cấp mô hình GM với hệ thống các biến phù hợp và đã được kiểm nghiệm bằng những nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín trên thế giới; (ii) Bài viết đưa ra phương pháp ước lượng phù hợp với dữ liệu có thể thu thập được và đảm bảo cung cấp một kết quả vững và không chệch; (iii) Cuối cùng bài viết cung cấp kết quả ước lượng với số liệu xuất nhập khẩu (XNK) của Việt Nam trong giai đoạn 2005 – 2017 để minh chứng cho mô hình lý thuyết được đưa ra.

**Từ khoá**: FTA, mô hình lực hấp dẫn, dữ liệu bảng, xuất nhập khẩu, Việt Nam

**96. Tác động của kiều hối đến tăng trưởng GDP của Việt Nam / Nguyễn Phúc Hiền, Hoàng Thanh Hà** // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 24-29.

**Nội dung:** Kiều hối đã và đang là nguồn tài chính quan trọng cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Những năm gần đây, Việt Nam liên tục nằm trong top những quốc gia nhận kiều hối lớn trong khu vực và thế giới (World Bank 2017). Đã có nhiều nghiên cứu về tác động vĩ mô của kiều hối bao gổm cả những tác động tích cực và tiêu cực. Vì vây mục đích của nghiên cứu này là xem xét kiều hối tác động như thế nào đến tăng trưởng GDP của Việt Nam trong gần 3 thập kỷ qua. Bằng việc sử dụng mô hình hồi quy OLS với số liệu chuỗi thời gian từ năm 1991 đến năm 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tiêu cực của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn. Nghĩa là khi tỷ lệ kiều hối càng tăng thì làm giảm tăng trưởng GDP của Việt Nam và ngược lại. Kết quả nghiên cứu này khác với lý thuyết và thực nghiệm nghiên cứu của một số nghiên cứu các nước khác. Điều này có thể được giải thích bằng hiện tượng “Căn bệnh Hà Lan”.

**Từ khóa: Kiều hối, tăng trưởng kinh tế, căn bệnh Hà Lan**

**97. Tác động của phát triển công nghiệp chế biến chế tạo đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam** / **Vũ Thị Thanh Huyền và Trần Việt Thảo** // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 133 .- Tr. 12-20.

**Nội dung:** Trong 10 năm trở lại đây, Công nghiệp chế biến, chế tạo (CN CBCT) luôn được khẳng định là ngành có đóng góp lớn về kim ngạch xuất khẩu, thu hút FDI, là ngành có đóng góp lớn nhất vào tốc độ tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. Tuy nhiên, sản xuất còn mang tính chất gia công là chủ yếu, sử dụng công nghệ thấp và trung bình, phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu,… khiến cho giá trị gia tăng toàn ngành CN CBCT còn ở mức thấp, chưa có đóng góp đáng kể vào việc nâng cao chất lượng và tính bền vững trong tăng trưởng kinh tế (TTKT) Việt Nam. Sử dụng phương pháp bảng cân đối liên ngành (I - O) và các phương pháp định tính, bài viết sẽ tập trung phân tích thực trạng đóng góp của ngành CN CBCT đối với TTKT Việt Nam những năm vừa qua, từ đó, đưa ra một số kết luận và đề xuất, kiến nghị nhằm thúc đẩy phát triển CN CBCT gắn với thúc đẩy và nâng cao chất lượng TTKT Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khóa:** Công nghiệp chế biến, chế tạo; tăng trưởng kinh tế; giá trị gia tăng, liên kết

**98. Thiết kế và thử nghiệm sản phẩm du lịch ẩm thực nông trại ở Bến Tre** / Đoàn Thị Mỹ Hạnh // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 127 .- Tr. 65-72.

**Nội dung:** Bến Tre có diện tích trồng Dừa lớn nhất Việt Nam, có rất nhiều món ăn và thức uống của người dân địa phương được chế biến từ Dừa. Với các tính năng độc đáo đó, sản phẩm du lịch ẩm thực nông trại có thể được thiết kế như thế nào? Thiết kế sản phẩm đã được thực hiện từ các thông tin thu thập được bằng phương pháp quan sát tham gia và phỏng vấn chuyên gia. Sản phẩm đã được thử nghiệm tại Nông trại du lịch sân chim Vàm Hồ - là nông trại duy nhất ở Bến Tre hoạt động theo mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp kinh doanh du lịch. Khảo sát ý kiến 60 khách tham gia thử nghiệm cho kết quả rất tốt nên sản phẩm đã được giới thiệu ra thị trường và đã có 84,7% khách rất hài lòng với sản phẩm.

**Từ khóa**: Ẩm thực, du lịch, nông trại, thử nghiệm

**99. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thái Nguyên : Bài học cho các tỉnh Trung Du và miền núi phía Bắc** / Nguyễn Thị Hằng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 57-65.

**Nội dung:** Bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo ra các cơ hội thuận lợi và sân chơi rộng mở cho các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiếp thu trình độ công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý hiện đại từ các công ty, các tập đoàn. Vì vậy, để khai thác được các hiệu ứng tích cực từ quá trình hội nhập, tỉnh Thái Nguyên đã chú trọng vào việc đổi mới cơ chế, chính sách nhằm ưu tiên thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI, tận dụng công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới nhằm phát triển các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là công nghiệp. Tỉnh chủ trương ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ để thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, tạo động lực để tăng cường sự phát triển nền kinh tế nói chung, đặc biệt là ngành công nghiệp. Thực tế cho thấy, trong mấy năm trở lại đây, Thái Nguyên là một trong những địa phương điển hình của cả nước về thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển toàn diện nền kinh tế, tạo ra sự chuyển biến tích cực và trở thành tấm gương điển hình cho các địa phương khác, đặc biệt là các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

**Từ khóa:** Thu hút vốn đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, huy động vốn, Samsung Thái Nguyên, khu công nghiệp Thái Nguyên

**100**. **Thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị / Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt và Lê Trâm Anh //**  Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 132 .- Tr. 14-23.

**Nội dung:** Bài báo sử dụng số liệu thống kê để phân tích đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đối với nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 1998 - 2017 cả về những thành công và hạn chế, tồn tại và đề xuất quan điểm, định hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng ĐTNN trong giai đoạn tới đây.

**Từ khóa:** Đầu tư nước ngoài; khu vực đầu tư nước ngoài; thu hút và sử dụng

**101. Thực trạng chính sách thương mại nông thôn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam** / Phan Thị Thu Cúc // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 10-21.

**Nội dung:** Những năm vừa qua, Chính phủ đang nỗ lực thực hiện các cải cách thể chế và nền hành chính công nhằm đưa tăng trưởng quốc gia theo hướng bền vững, phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế thế giới. Ngày 06/01/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Đề án đề cập đến rất nhiều vấn đề tổng quát, nhằm xây dựng quy trình phát triển đồng bộ, bền vững cho thương mại nông thôn. Tuy nhiên, hệ thống chính sách phát triển thương mại trong nước hiện tại chưa khai thác và phát huy hết các yếu tố nguồn lực để thực hiện quyết tâm đó. Để khai thác và nắm bắt được các cơ hội, đồng thời vượt qua thách thức và hạn chế rủi ro trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với Việt Nam, cần phải hoàn thiện và đổi mới chính sách phát triển thương mại trong nước nói chung và chính sách thương mại nông thôn nói riêng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Vấn đề này đã và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

**Từ khóa:** Chính sách thương mại, thương mại nông thôn, chính sách phát triển

**102. Thực trạng phát triển ngành Logistics bên thứ ba (3PL) ở Trung Quốc**/ Nguyễn Mai Đức// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2019 .- Số 9(217) .- Tr. 16 - 28.

**Nội dung:** Giới thiệu chung về ngành Logisctiscs bên thứ 3 của Trung Quốc trong những năm gần đây trên các tiêu chí như đặc điểm, tình hình phát triển và những khó khăn, từ đó đúc kết những kinh nghiệm phát triển cho các doanh nghiệp Logistics Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngành Logistics Trung Quốc, Logistics bên thứ ba, 3PL

**103. Thực trạng quản trị công ty và một số ảnh hưởng đến hoạt động sáp nhập, mua lại tại Việt Nam**/ Lê Thùy Dung, Ngô Thị Tú Oanh, Đặng Thị Thảo// Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2019 .- Số 10(Tập 61) .- Tr.13-18.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quản trị công ty và ảnh hưởng của quản trị công ty đến hoạt động sáp nhập và mua lại (merging and acquisition – M&A) ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản trị công ty tại Việt Nam còn hạn chế, dẫn đến mức độ bất đối xứng thông tin của các công ty tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc tìm kiếm mục tiêu trong quá trình sáp nhập, mua lại cũng như sự thành công của các thương vụ. Qua đó, các tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần cải thiện chất lượng quản trị công ty, như hoàn thiện khung pháp lý, minh bạch thông tin và hoàn thiện bộ máy quản trị, điều hành.

**Từ khóa**: Mua lại, quản trị công ty, sáp nhập

**104. Trải nghiệm, giá trị cảm nhận và sự hài lòng của khách hàng** / Trần Thị Hiền, Ngô Thị Thủy, Nguyễn Hồng Quân // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 53-62.

**Nội dung:** Nghiên cứu trả lời câu hỏi trải nghiệm của khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn tác động như thế nào tới mức độ hài lòng của họ. Sử dụng phương pháp phân tích nội dung đối với 803 phản ánh của khách hàng đã từng lưu trú ở khách sạn Nikko tại Nhật Bản và Việt Nam đăng trên các trang mạng đặt phòng, kết quả nghiên cứu cho thấy mối liên quan giữa sự hài lòng và trải nghiệm của khách hàng. Trong khi các yếu tố về địa điểm, chất lượng phục vụ, đồ ăn, phòng, dịch vụ và tiện ích bổ sung, vốn là những thuộc tính đem lại giá trị cảm nhận về mặt kinh tế cho khách hàng (value for money) có tác động mạnh hơn so với yếu tố mang đến giá trị cảm nhận về mặt cảm xúc (emotional value). Song tác động từ giá trị khách hàng cảm nhận được về mặt cảm xúc vẫn có ý nghĩa tới mức độ hài lòng. Kết quả nghiên cứu gợi ý nhà quản lý khách sạn cần làm rõ hơn những giá trị về mặt kinh tế (vật chất) và về mặt cảm xúc (tinh thần) để khách hàng có thể cảm nhận được nhiều hơn, từ đó khách hàng sẽ hài lòng hơn với quyết định mua của mình.

**Từ khoá:** Trải nghiệm của khách hàng, khách sạn, giá trị cảm nhận được, sự hài lòng

**105. Văn hóa kinh doanh các sản phẩm truyền thống tại Việt Nam - Nghiên cứu điển hình tại làng nghề Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội** / Nguyễn Thùy Dung, Nguyễn Thanh Tùng // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 134 .- Tr. 59-72.

**Nội dung**: Thông qua việc phân tích văn hóa kinh doanh tại Bát Tràng, Hà Nội, bài viết đã cho thấy sự cần thiết phải điều chỉnh văn hóa kinh doanh tại các làng nghề kinh doanh sản phẩm truyền thống ở Việt Nam hiện nay. Các vấn đề như văn hóa trong quảng cáo, bày bán sản phẩm, văn hóa giao tiếp với khách hàng và với đối thủ cạnh tranh hiện vẫn đang là điều rất đáng quan tâm. Trong bài viết này nhóm tác giả cũng đưa ra những khuyến nghị đối với việc kinh doanh kết mảng hiện nay như một đóng góp về mặt khoa học với đặc thù đa dạng các mặt hàng truyền thống như Việt Nam.

**Từ khóa**: Văn hóa kinh doanh, làng nghề Bát Tràng, sản phẩm truyền thống

**106. Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng công bố quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ** / Quách Dương Tử, Hồ Hữu Phương Chi // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 129 .- Tr. 66-72.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng công bố quốc tế của giảng viên nhóm ngành xã hội tại Trường Đại học Cần Thơ, dựa trên ba nhóm nhân tố chính: nhân tố nền tảng, nhân tố sở thích làm việc và nhân tố thể chế tổ chức. Kết quả phân tích hồi quy logit dựa trên số liệu được thu thập từ khảo sát trực tiếp 106 giảng viên Trường Đại học Cần Thơ cho thấy yếu tố trình độ ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và mức độ yêu thích công bố quốc tế có tác động tích cực đến khả năng công bố, ngược lại áp lực về thời gian có tác động tiêu cực. Ngoài ra, nhân tố thể chế, cụ thể là trang thiết bị phục vụ nghiên cứu không có ý nghĩa đối với khả năng công bố của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ.

**Từ khóa**: Khả năng công bố, nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, năng suất nghiên cứu

**107. Ứng dụng mô hình ra quyết định trong đánh giá năng lực giảng viên** / Lưu Quốc Đạt, Đỗ Anh Đức, Cảnh Chí Dũng, Nguyễn Thị Thuỳ Trang, Thái Thị Huyềng // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 08 .- Tr. 85-92.

**Nội dung**: Đánh giá năng lực giảng viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Để đánh giá năng lực giảng viên cần sử dụng nhiều tiêu chuẩn đánh giá trong môi trường thông tin mơ hồ. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này phát triển phương pháp điểm lý tưởng động sử dụng kết hợp với tập neutrosophic khoảng để đánh giá năng lực giảng viên theo trình tự thời gian. Điểm mới của nghiên cứu này là phương pháp điểm hàm số, hàm chính xác và hàm chắc chắn được áp dụng để đánh giá và xếp hạng năng lực giảng viên. Phương pháp đề xuất được được ứng dụng trong đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá và hội đồng ra quyết định. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp đề xuất là khả thi khi áp dụng trên thực tế và là một sự mở rộng của các phương pháp trước đó.

**Từ khoá**: Phương pháp điểm lý tưởng; đánh giá năng lực giảng viên; mô hình ra quyết định đa tiêu chí

**108. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành logistics tại Việt Nam** / Ngô Phúc Hạnh, Vũ Thị Tâm, Nguyễn Thị Thu // Nghiên cứu Kinh tế.- 2019 .- Số 493 .- Tr. 18-30.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành logistics trên thế giới và tại Việt Nam, với phương pháp nghiên cứu định tính cùng việc phân tích các số liệu thu thập được từ những dữ liệu thống kê, báo cáo về thực trạng ứng dụng trí ruệ nhân tạo trong ngành logistic, từ đó đề xuất các khuyến nghị và chính sách cho các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

**Từ khoá:** Trí tuệ nhân tạo, logistics

**109. Xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố cản trở hành vi mua thực phẩm sạch và an toàn của người tiêu dùng thành thị: nghiên cứu tại Việt Nam** / Phạm Thị Huyền, Vũ Huy Thông và Nguyễn Đình Toàn // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 130 .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Tập trung phân tích tổng quan các công trình nghiên cứu; thực hiện nghiên cứu định tính thông quan phương pháo phỏng vấn chuyên sâu nhằm xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố cản trở hành vi mua thực phẩm sạch và an toàn của người tiêu dùng thành thị tịa một số địa phương ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Mô hình hành vi mua sắm, Thực phẩm sạch an toàn

**110. Xu hướng phát triển tín dụng tiêu dùng dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0** / Nguyễn Thị Minh // Nghiên cứu Tài chính Kế toán.- 2019 .- Số 192 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Nhận diện cuộc cách mạng 4.0; những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp đến xu hướng của phát triển tín dụng tiêu dùng; giải pháp và kiến nghị.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, tín dụng

**111. Xây dựng mô hình chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tại Việt Nam** / Đào Thanh Bình // Khoa học Thương mại .- 2019 .- Số 128 .- Tr. 47-54.

**Nội dung:** Trong bối cảnh nhiều ngân hàng Việt Nam hướng tới tín dụng tiêu dùng và cho vay cá nhân, bài báo này nhằm mục tiêu đưa ra một mô hình chấm điểm tín dụng cho vay tiêu dùng có thể áp dụng cho các ngân hàng Việt Nam. Bài báo sử dụng phương pháp của hệ thống FICO có tính đến tình hình của Việt Nam. Bài báo cũng nhằm mục tiêu giúp cho người tiêu dùng tính được điểm tín dụng của mình một cách đơn giản.

**Từ khóa:** Tín dụng tiêu dùng, chấm điểm tín dụng, vỡ nợ

**112. Xuất khẩu nông sản Việt Nam: Thách thức về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm** / Phạm Thị Lan Anh // Kinh tế & phát triển.- 2019 .- Số 266 tháng 09 .- Tr. 34-41.

**Nội dung**: Những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp đã tăng mạnh, gần gấp đôi về sản lượng giữa các năm 1995 - 2018, với kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng vọ t, nhưng đến 90% nông sản của Việt Nam vẫn được xuất khẩu dưới dạng thô hoặc với chất lượng và giá trị xuất khẩu thấp hơn các sản phẩm cùng loại của nhiều quốc gia khác. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do chất lượng đầu ra của hàng hóa nông sản Việt Nam chưa đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế. Bài viết này sẽ chỉ ra tác động của các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với dòng chảy thương mại nông sản nói chung và thực trạng xuất khẩu nông sản Việt Nam thời gian qua, cũng như những thách thức cho việc nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm nông sản xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm nông sản Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế.

**Từ khoá**: Xuất khẩu nông sản, nông nghiệp, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Ẩn dụ bổ sung trong thơ mạng đương đại Việt Nam (Qua một số bài thơ của Vi Thuỳ Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh và Nguyễn Thiên Ngân)** / Bùi Thị Yến // Ngôn Ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 9 (289) .- Tr. 90 – 98

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra những đặc điểm về ẩn dụ bổ sung trong thơ mạng đương đại Việt Nam qua một số tác phẩm của ab nhà thơ Vi Thuỳ Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh và Nguyễn Thiên Ngân.

**Từ khoá:** Ẩn dụ, ẩn dụ bổ sung, thơ mạng đương đại, đặc tửng, Vi Thuỳ Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Nguyễn Thiên Ngân.

**2. Biểu tượng trong thơ một số tác giả thuộc thế hệ đổi mới** / Phạm Thị Trịnh // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 51 – 58

**Nội dung:** Nhận diện vấn đề biểu tượng trong thơ một số tác giả tiêu biểu thuộc thế hệ Đổi mới: Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Minh Kiều, Inrasara,... Giới thuyết và xác định hệ thống biểu tượng trong thơ thời kỳ Đổi mới.

**Từ khoá:** Biểu tượng, thế hệ nhà thơ Đổi mới.

**3. Các biểu thức ngôn ngữ để hô trong văn bản hành chính tiếng Việt** / Nguyễn Văn Tuyên // Ngôn ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 8 (288) .- Tr. 32-37

**Nội dung:** Đặt ra vấn đề và cách giải quyết các sai phạm về quy tắc ngôn ngữ trong các văn bản hành chính tiếng Việt.

**Từ khóa**: Biểu thức ngôn ngữ, văn bản pháp quy, văn bản hành chính, hô gọi, quy tắc ngôn ngữ.

**4.** **Cái cũ và cái mới trong thơ Việt Nam hiện đại** / Đặng Anh Đào // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 56-62

**Nội dung:** Bài viết này nhằm mục đích đi tìm sự song hành giữa thơ Việt Nam hiện đại và thơ nước ngoài. Cho thấy cái quyết định giá trị của thơ không là Cũ hay Mới, bởi khi thời gian trôi đi, Cái Mới trở thành cũ. Điều quyết định là tài năng.

**Từ khóa:** Cũ, mới, thơ, hiện đại

**5.** **Danh từ chỉ đồ vật, lễ hội trong tiếng Ê đê** / Nguyễn Minh Hoạt // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 111 – 116

**Nội dung:** Khảo sát một số danh từ chỉ đồ vật, lễ hội tiêu biểu, có số lượng khá lớn mà người Ê đê thường sử dụng trong đời sống sinh hoạt tinh thần và vật chất. Đó là các nhạc cụ, nông cụ, các đồ vật trong gia đình và tên các lễ hội của người Ê đê. Qua đó sẽ thấy được nhiều nét đặc sắc trong văn hoá người Ê đê.

**Từ khoá:** Danh từ, đồ vật, lễ hội, văn hoá, tiếng Ê đê.

**6.** **Chuyện kể trên đường kách mệnh Vừa đi đường, vừa kể chuyện - một tác phẩm tự thuật hiếm và quý** / Trần Thị Lam // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 7 - 24

**Nội dung:** Bài viết lược khảo những thay đổi trong ba tập bản thảo của Vừa đi đường, vừa kể chuyện để hiểu rõ hơn tác phẩm đã được viết như thế nào, đồng thời đề xuất một cách đọc mới dựa trên lý thuyết tự truyện đối với tác phẩm này.

**Từ khoá:** Tự truyện, kí ức, hư cấu, mạng văn bản (liên văn bản).

**7.** **Đặc điểm lớp từ chỉ tên gọi động vật trong tiếng Ê đê** / Nguyễn Minh Hoạt // Ngôn ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 8 (288) .- Tr. 87-92

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về đặc điểm lớ từ chỉ tên gọi động vật trong tiếng Ê đê, giúp chúng ta hiểu thêm về đặc điểm, cấu tạo tiếng Ê đê, và cách sử dụng ngôn ngữ của người Ê đê khi đặt tên cho các loài động vật liên quan đến cuộc sống của họ. Từ đó chúng ta hiểu hết văn hóa người Ê đê thông qua ngôn ngữ.

**Từ khoá:** Tiếng Ê đê, động vật, ngôn ngữ

**8. Đặc điểm ngôn ngữ của anh hiệu trong hội chơi đánh bài chòi ở Nam Trung Bộ** / Đặng Thị Thanh Hoa // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 44-53

**Nội dung:** Bài chòi là trò chơi dân gian mang đậm nét văn hoá độc đáo của người dân miền Nam Trung Bộ. Trong trò chơi bài chòi có anh hiệu và khán giả đến chơi. Trong đó, anh hiệu đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức, dẫn dắt, điều khiển trò chơi. Anh hiệu là người thổi hồn, đem lại “sự sống” cho những câu thai, kéo nông dân đến với hội chơi bài chòi. Với khả năng ngôn ngữ linh hoạt của mình, anh hiệu đã tạo ra một bầu không khí gần gũi, thân mật và tạo nên một trò chơi thú vị, độc đáo của con người và miền đất Nam Trung Bộ.

**Từ khoá:** Anh hiệu, ngôn ngữ của anh hiệu, Bài chòi, Bài chòi ở miền Nam Trung Bộ, Việt Nam.

**9.** **Đôi điều cần chú ý khi dịch câu trần thuật tiếng Việt và tiếng Anh** / Tô Minh Thanh // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 03-22

**Nội dung:** Bài viết có thể hỗ trợ người đọc diễn đạt những ý tương đương về ngữ nghĩa để chuyển dịch câu trần thuật tiếng Anh cơ bản và ngược lại.

**Từ khóa:** Chủ ngữ, đề tài, phạm vi đề tài, cấu trúc chủ ngữ - vị ngữ, cụm C – V

**10.** **Giới thiệu một số công thức tính độ khó văn bản: một đề xuất cho tiếng Việt** / Phạm Hiển // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 03 – 12

**Nội dung:** Bài báo giới thiệu độ khó văn bản (hay còn gọi là tính dễ đọc của văn bản) trong địa hạt ngôn ngữ học và giới thiệu một số công thức tính độ khó văn bản của các nhà nghiên cứu trên thế giới.

**Từ khoá:** Độ khó của văn bản, công thức, tần số từ, grammar, tiếng Việt

**11.** **Hành động thông báo trong giao tiếp của người Nghệ Tĩnh** / Trần Thị Ly Na // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 86 – 93

**Nội dung:** Thông báo là hành động ngôn ngữ có tính phổ quát trong nhiều ngôn ngữ. Bài viết tìm hiểu sâu nội dung ngữ nghĩa của hành động thông báo để thấy được cách nhìn đời sống đa dạng, nhiều chiều, nhiều phương diện của người Nghệ Tĩnh khi hiện thực hoá hành động này.

**Từ khoá:** Hành động ngôn ngữ, hành động thông báo, ngôn ngữ của hành động thông báo, phương ngữ Nghệ Tĩnh, giao tiếp

**12.** **Hình ảnh phụ nữ trong ca dao người Việt từ góc nhìn nữ quyền luận** / Phạm Văn Hoá // Khoa học xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 75 – 82

**Nội dung:** Bài viết này chỉ ra quá trình tìm đến quyền “làm người” của phụ nữ nông thôn Việt Nam ngày trước, cũng như cách họ “làm người” như thế nào trước tình cảnh của xã hội nam quyền.

**Từ khoá:** Ca dao người Việt, nữ giới, nữ quyền, xã hội nam quyền, thân phận

**13.** **Hủy thể tính – bản năng chết trong tác phẩm Lại chơi với lửa của Linda Lê** / Sity Maria Cotika // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 101-108

**Nội dung**: Bài viết đưa ra một hướng tiếp cận văn bản sáng tác văn học của Linda Lê thông qua dẫn giải của học thuyết Phân tâm học.

**Từ khóa:** Linda Lê, Lại chơi với lửa, văn học di dân, phân tâm học, bản năng chết

**14.** **Khảo sát tín hiệu thẩm mĩ thuộc trường nghĩa "mắt" trong ca dao cổ người Việt và thơ ca Việt Nam 1945 – 1975** / Đỗ Thị Hương Bưởi // Ngôn Ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 9 (289) .- Tr. 83 – 89

**Nội dung:** Bài viết tóm lược khái niệm về tín hiệu thẩm mĩ (THTM) và mô tả các dạng của THTM, khảo sát các câu thưo có liên quan đến các danh từ, động từ, tính từ, có thể trực tiếp kết hợp với "mắt" hoặc xuất hiện một mình để miêu tả cụ thể các đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của "mắt' và trong mỗi lần xuất hiện chúng sẽ mang thêm những ý nghĩa biểu đạt mới làm phong phú thêm ý nghĩa thẩm mĩ của THTM thuộc trường nghĩa "mắt".

**Từ khoá:** Mắt, tín hiệu thẩm mĩ, trường nghĩa, ca dao, thơ ca Việt Nam

**15.** **Khởi nguyên của ý thức dân tộc** / Benedict Anderson // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 81 – 89

**Nội dung:** Phân tích và lập luận mối liên hệ giữ chủ nghĩa tư bản, công nghệ in ấn và tính đa dạng định mệnh của ngôn ngữ nhân loại dẫn tới khả năng ra đời một hình thức cộng đồng tưởng tượng mới. Và trong hình thái cơ bản của hình thái đó, đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các dân tộc hiện tại.

**Từ khoá:** Ý thức, dân tộc, Việt Nam, khởi nguyên, cội nguồn

**16.** **Không gian chiến lược của Việt Nam** / Trần Khánh // Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 10 – 28

**Nội dung:** Phân tích tình hình không gian chiến lược của Việt Nam và những đổi mới về công cuộc mở cửa hội nhập, tích cực tham gia vào các vấn đề quốc tế để đổi mới tư duy chiến lược mới về không gian.

**Từ khoá:** Không gian chiến lược, tư duy chiến lược, Việt Nam

**17.** **Mối quan hệ giữa thì của động từ và ý nghĩa thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt** / Lương Bá Phương // Ngôn ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 8 (288) .- Tr. 52-56

**Nội dung:** Sự khác biệt về mối quan hệ giữa thì và thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt.

**Từ khóa:** Thì, ngữ pháp, tiếng Anh, tiếng Việt, động từ

**18.** **Một số cách thức sử dụng ngôn ngữ mới lạ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại** / Trương Thị Kim Anh // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 68-80

**Nội dung:** Bài viết nói về sự thay đổi của hình thức ngôn ngữ của tiếng Việt sau nhiều thời gian thay đổi, và sự hình thành của nhiều kiểu ngôn ngữ mới lạ, góp phần vào thay đổitư duy nghệ thuật, tạo điều kiện cách tân tiểu thuyết, mở ra nhiều chiều kích mới cho người đọc khi bước vào địa hạt tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

**Từ khóa:** Tiểu thuyết, ngôn ngữ, mới lạ, trừu tượng, tiềm thức

**19.** **Một số đặc điểm cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Anh** / Nguyễn Văn Khánh // Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn .- 2019 .- Số 9 (289) .- Tr. 39 – 43

**Nội dung:** Khảo hiểu các yếu tố và các mô hình cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Anh, hỗ trợ cho việc học tập, trao đổi và nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực quân sự trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

**Từ khoá:** Thuật ngữ quân sự tiếng Anh, cấu tạo, mô hình, từ, cụm từ

**20.** **Một số đặc điểm của động từ trong chức năng chủ ngữ** / Nguyễn Mạnh Tiến // Ngôn ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 8 (288) .- Tr. 03-11

**Nội dung:** Bài viết xem xét một trong những thuộc tính kết trị bị động của động từ: động từ trong chức năng chủ ngữ (động từ - chủ ngữ). Chỉ ra thuộc tính kết trị của động từ - chủ ngữ (gồm khả năng kết hợp với các phó từ chỉ thời và khả năng kết hợp với các thực từ).

**Từ khóa:** Động từ, chủ ngữ, kết trị, kết trị bị động, diễn tố

**21.** **Một vài chiến lược ghi chép hiệu quả để cải thiện kĩ năng nghe hiểu** / Nguyễn Thị Kim Chi // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 66 – 70

**Nội dung:** Bài viết gợi ý về chiến lược ghi chép hiểu quả để cải thiện kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh. Người học cần nắm vững những kĩ năng được gợi ý để đối mặt với những khó khăn khi học tiếng Anh.

**Từ khoá:** Ghi chép, phương pháp giảng dạy, người học, kĩ năng nghe, thông tin quan trọng

**22.** **Nghĩa của văn bản nằm ở đâu? Hay mối quan hệ giữa văn bản – tác giả - độc giả** / Phạm Thị Thanh Thuỳ // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 13 – 16

**Nội dung:** Cung cấp một cái nhìn nhanh về những thay đổi trong lý thuyết phê bình văn học, và đề cập tới một vài thay đổi trong cách nhìn nhận của các tác giả về vấn đề này. Bài viết nhằm chứng minh rằng ý nghĩa của một văn bản không đứng một mình mà ngược lại nó có mối quan hệ mật thiết với tác giả, và độc giả.

**Từ khoá:** Mô hình ba yếu tố, ý nghĩa văn bản, văn bản, phân tích diễn ngôn, tác giả

**23.** **Ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam** / Trần Trí Dõi // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 66-82

**Nội dung:** Bài viết đưa ra đầy đủ dẫn chứng khẳng định rằng cộng đồng dân cư văn hóa Đông Sơn đang sử dụng tiếng Việt thuộc nhánh Mon-Khmer thuộc họ ngôn ngữ Nam Đảo.

**Từ khóa:** Văn hóa Đông Sơn, văn minh sông Hồng, nhóm tiếng Việt, nhóm tiếng Thái

**24.** **Ngữ nghĩa của thủ (手) trong tiếng Hán và tay trong tiếng Việt** / Phạm Ngọc Hàm // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 109-119

**Nội dung:** Bài viết sử dụng các phương pháp và thủ pháp như thông skee, thống kê và so sánh đối chiếu để tiến hành khảo sát sự phát triển nghĩa của手 thủ trong tiếng Hán và tay trong tiếng Việt, chỉ ra những tương đồng và khác biệt giữa chúng, góp phần làm sang tỏ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa nói chung và tiếng Hán, tiếng Việt với văn hóa của hai nước Trung Quốc, Việt Nam nói riêng. Từ khóa: 手, tay, tiếng Hán, tiếng Việt.

**Từ khóa:** Trích dẫn sai, nghĩa biểu niệm, ngữ cảnh thơ, gene chữ, ngôn ngữ thi ca

**25.** **Những căn cứ ngôn ngữ học để đánh giá cách dùng từ đắt trong văn bản thơ ca** / Hoàng Kim Ngọc // Ngôn ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 8 (288) .- Tr. 72-77

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến các căn cứ ngôn ngữ để có thể trích dẫn thơ ca một cách chính xác và sát với nghĩa thực.

**Từ khóa:** Trích dẫn sai, nghĩa biểu niệm, ngữ cảnh thơ, gene chữ, ngôn ngữ thi ca

**26.** **Những căn tính tác giả trong tác phẩm của Linda Lê** / Jack A. Yeager // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 73-85

**Nội dung:** Trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh tới căn tính và lịch sử hậu-thuộc địa, mang tính hồi cố về một dạng thức “căn tính văn bản” đã từng là dòng mạch xuyên suốt các tác phẩm văn chương thời xưa. Ngoài ra còn đề xuất khái niệm về quan hệ phụ tử/mẫu tử giữa các văn bản, từ đó nới rộng vai trò của tác giả cũng như tính nguyên gốc trong văn chương.

**Từ khóa:** Văn chương Pháp ngữ, đạo văn, tác quyền, sáng tạo văn chương, quyền tác giả

**27.** **Phê bình và tiểu luận của Huy Cận** / Biện Thị Quỳnh Nga // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 15-23

**Nội dung:** Bài viết đi sâu nghiên cứu, luận giải những đặc sắc về phê bình, tiểu luận của Huy Cận, nhằm góp phần định vị một cách chính xác, trọn vẹn hơn về tầm vóc một nhà thơ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc.

**Từ khóa:** Huy Cận, phê bình, tiểu luận, nhà thơ, nhà văn hóa

**28.** **Quá trình chuyển nghĩa của số từ một, hai qua thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt** / Nguyễn Thị Hai // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 83-95

**Nội dung:** Bài viết dựng lại quá trình hình thành ý nghĩa biểu trưng của con số một và con số hai qua thành ngữ, tục ngữ trong tiếng Việt.

**Từ khóa:** một, hai, chuyển nghĩa, khung lượng

**29.** **Sự biến đổi của formant nguyên âm đơn tiếng Việt qua các phương tiện thu âm khác nhau** / Đinh Thị Hằng // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 148-160

**Nội dung:** Bài viết này tập trung làm rõ sự ảnh hưởng của các phương tiện thu nhận tín hiệu tới formant nguyên âm tiếng Việt , tìm ra sự thay đổi và khác biệt của các forrmant qua các phương tiện thu âm khác nhau, đó là: bằng máy tính và bằng điện thoại.

**Từ khóa:** Forman, nghiên cứu dải tần số Formant, tác động của điện thoại, truyền tín hiệu

**30.** **Sự lựa chọn ngôn ngữ đánh giá tình cảm trong một số truyện ngắn Việt Nam** / Trần Văn Phước // Ngôn Ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 9 (289) .- Tr. 3 – 15

**Nội dung:** Bài báo vận dụng Lí thuyết ngôn ngữ đánh giá của Martin & White (2005) và thu thập và mô tả sự chọn lựa ngôn ngữu đánh giá tình cảm (affect) nhân vật của năm tác giả Việt Nam trong năm truyện ngắn tiếng Việt. Đưa ra một số nét tương đồng, dị biệt của từng nhóm tác giả khi lựa chọn bình diện ngữ nghĩa và phương diện từ vựng - ngữ pháp đánh giá cũng đã được phân tích.

**Từ khoá:** Lí thuyết ngôn ngữ đánh giá, đánh giá tình cảm, hạnh phúc, hài lòng, an tâm, mong muốn

**31.** **Thiết kế một số hoạt động tương tác trong dạy học khẩu ngữ tiếng Hán** / Phạm Thuý Hồng // Ngôn ngữ và đời sống .- 2019 .- Số 9 (290) .- Tr. 55 – 59

**Nội dung:** Ứng dụng phương pháp dạy học tương tác DHTT thông qua việc hình thành môi trường dạy học với sự tương tác đa chiều, trong đó người dạy và người học tham gia trao đổi thảo luận một cách bình đẳng để đi đến quan điểm thống nhất chung, từ đó kích thích tính chủ động và tìm tòi của cả hai phía người dạy và người học, nhằm hoàn thành mục tiêu dạy học một cách hiệu quả nhất.

**Từ khoá:** Phương pháp dạy học tương tác, tương tác đa chiều, người dạy, người học, khẩu ngữ, tiếng Hán

**32.** **Thơ Huy Cận trong tiếp nhận của lý luận phê bình văn học miền Nam giai đoạn 1954 – 1975** / Trần Hoài Anh // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 35-46

**Nội dung:** Bài viết nhận diện giá trị về tài năng, địa vị, đóng góp của Huy Cận đối với nên văn học dân tộc qua cái nhìn đa diện, đa chiều, khách quan, khoa học của các nhà lý luận, phê bình văn học ở miền Nam. Xác định hệ giá trị cần được trân trọng, giữ gìn, phát huy đối với một thi tài của dân tộc – Nhà thơ, Nhà văn hóa Huy Cận.

**Từ khóa:** Tiếp cận thơ Huy Cận, lý luận – phê bình, miền Nam trước 1975

**33.** **Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài: nhóm từ biểu đạt ý nghĩa ‘khả năng’** / Huỳnh Công Hiển // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 120-135

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu về chương trình tiếng Việt sơ cấp dành cho người nước ngoài với hai cấp độ: A1 và A2. Chúng khác nhau về cả ý nghĩa lẫn cách dụng. Các bài tập dựa trên sự khác nhau của chúng sẽ phần nào củng cố tri thức cho người học, và bằng cách đó, quá trình thực hành sẽ diễn ra nhanh chóng và hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Nhóm từ biểu đạt khả năng, ý nghĩa “khả năng” trong tiếng Việt

**34.** **Tiếp nhận văn hoá đại chúng của sinh viên Việt Nam hiện nay: Phương thức và giải pháp** / Đặng Thị Tuyết // Khoa học xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 83 – 91

**Nội dung:** Bài viết phân tích phương thức và các giải pháp nâng cao khả năng tiếp nhận văn hoá đại chúng của sinh viên Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** Sinh viên, tiếp nhận, văn hoá đại chúng

**35.** **Tìm hiểu quan điểm biện chứng về chân lý** / Trịnh Thị Hằng // Khoa học xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 11 .- Tr. 44 – 50

**Nội dung:** Bài viết này tìm hiểu quan điểm biện chứng về chân lý tương đối, chân lý tuyệt đối, chân lý vĩnh cửu và các yếu tố quy định tính tương đối của chân lý.

**Từ khoá:** Chân lý, lý luận nhận thức, quan điểm biện chứng

**36.** **Triển vọng của phê bình sinh thái trong nghiên cứu, giảng dạy văn học đương đại Nam Bộ** / Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Tịnh Thy // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 31 – 37

**Nội dung:** Đánh giá tính khả thi của việc nghiên cứu, giảng dạy văn học ở vùng đất phương Nam từ góc độ phê bình sinh thái. Đề xuất nội dung, cách thức vận dụng lý thuyết này ở các trường đại học, phổ thông hiện nay nhắm phát huy năng lượng của người dạy và người học, góp thêm một cái nhìn khách quan, sát hợp về vai trò, vị thế văn học trong đời sống văn hoá, giáo dục đương đại.

**Từ khoá:** Nam Bộ, văn học đương đại, phê bình sinh thái, nghiên cứu. giảng dạy

**37**. **Triết lý phát triển con người của Hồ Chí Minh và việc vận dụng ở Việt Nam hiện nay** / Doãn Thị Chín, Nguyễn Tùng Lâm // Khoa học Xã hội Việt Nam .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 39 – 47

**Nội dung:** Khai thác và nắm vững bản chất nội dung cơ bản trong triết lý phát triển con người của Hồ Chí Minh, đồng thời ứng dụng vào sự nghiệp phát triển đất nước, con người trong thời đại công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

**Từ khoá:** Con người, Hồ Chí Minh, triết lý phát triển, Việt Nam

**38. Trường nghĩa chỉ người trong tiểu thuyết "Mảnh đất lắm nhiều người ma" của Nguyễn Khắc Trường** / Dương Đức Thảo // Ngôn Ngữ & đời sống .- 2019 .- Số 9 (289) .- Tr. 75 – 82

**Nội dung:** Bài viết phân lập 765 từ ngữ chỉ người trong tiểu thuyết "Mảnh đất lắm người nhiều ma" của tác giả Nguyễn Khắc Trường thành 10 tiểu trường, tiến hành miêu tả, phân tích đặc điểm và vai trò của các từ ngữ này trong việc khắc hoạ đặc điểm của nhân vật. Từ đó nêu một số nhận xét về nghệ thuật sử dụng từ ngữ của nhà văn.Từ khoá: Trường nghĩa, hoạt động của từ, nghệ thuật dùng từ, tác phẩm "Mảnh đất lắm người nhiều ma", Nguyễn Khắc Trường.

**Từ khoá:** Trường nghĩa, hoạt động của từ, nghệ thuật dùng từ, tác phẩm "Mảnh đất lắm người nhiều ma", Nguyễn Khắc Trường

**39.** **Từ không tưởng đến giải/phản không tưởng: sự vận động của diễn ngôn tự sự trong tiểu thuyết Làng Thụ Hoạt** / Nguyễn Thị Thuý Hạnh // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 59 – 69

**Nội dung:** Bài viết tập trung chỉ ra sự vận động của diễn ngôn tự sự: từ không tưởng (utopia) đến giải/phản không tưởng (dystopia) - được thể hiện qua những yếu tố của hình thức trần thuật, đồng thời đặt tiếu thuyết Làng Thụ Hoạt trong tương quan với những đặc điểm cơ bản của văn học không tưởng để nhận diện nét riêng trong nghệ thuật tự sự của nhà văn.

**Từ khoá:** Diêm Liên Khoa, Làng Thụ Hoạt, không tưởng (utopia), giải/phản không tưởng (dystopia)

**40.** **Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự học và vân dụng ở Việt Nam hiện nay** / Hoàng Thị Ngọc Minh // Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 56 – 62

**Nội dung:** Khai thác giá trị thực tiễn của Hồ Chí Minh về giáo dục và ứng dụng vào hoạt động tự học, tư nghiên cứu của học sinh - sinh viên Việt Nam hiện nay. Nâng cao năng lực tự học trong giáo dục, đào tạo theo tấm gương tự học của Hồ Chí Minh.

**Từ khoá:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, tự học, giáo dục

**41.** **Vai trò lịch sự của chủ ngữ trong tiếng Khmer Nam Bộ (Có so sánh với tiếng Việt**) / Phan Thanh Bảo Trân // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 23-40

**Nội dung:** Bài viết dựa vào bình diện ngữ pháp và ngữ dụng, phân tích tính lịch sự của chủ ngữ trong câu tiếng Khmer. Ngoài ra còn góp phần miêu tả rõ hơn chủ ngữ tiếng Khmer trong sự hành chức của ngôn ngữ, từ đó giúp cho việc dạy song ngữ Việt – Khmer được thuận lợi hơn.

**Từ khóa:** Chủ ngữ, giao tiếp, câu ngôn hành trực tiếp, lịch sự, quan hệ hữu quan

**42.** **Vấn đề định danh tên người Việt và bản chất của tín hiệu tên riêng** / Nguyễn Đức Tồn // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 40-65

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp làm sáng tỏ nội dung của một tiểu loại tên riêng rất điển hình, mang tính điển mẫu của tên riêng nói chung, đó là tên người, từ phương diện định danh, để từ đó loại suy nghiên cứu các tiểu loại tên riêng khác và nghiên cứu bản chất của tín hiệu tên riêng nói chung.

**Từ khóa:** Tên riêng, tín hiệu, định danh

**43.** **Vấn đề formant của nguyên âm trong các ngôn ngữ thế giới** / Bùi Đăng Bình // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 75-80

**Nội dung:** Formant là một trong những thuật ngữ dùng để miêu tả chất lượng của các âm nguyên âm và các âm giống nguyên âm của ngôn ngữ cũng như các đặc tả đặc trưng cá nhân của giọng nói. Lời nói thầm và lời nói bình thường trong các ngôn ngữ cho thấy có hai vấn đề liên quan đến formant, và khoang/hộp cộng hưởng của các formant để giải thích thoả đáng các sự kiện âm thanh lời nói trong các ngôn ngữ trên thế giới hiện nay.

**Từ khoá:** Âm nguyên âm, tần số cơ bản, formant, cộng hưởng, khoa học lời nói

**44.** **Văn hiến Việt Nam – chủ nghĩa yêu nước, xuyên suốt hai nghìn năm – hai trong bốn** / Phong Lê // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 47-55

**Nội dung:** Bài viết khái quát lịch sử văn học Việt Nam, từ điểm nhìn chủ nghĩa yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền đất nước. Khẳng định nội dung yêu nước và chủ nghĩa anh hùng, không một lúc nào ngừng nghỉ trong sự phát triển của nền văn học dân tộc.

**Từ khóa:** Văn học Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng

**45.** **Văn học dịch Việt Nam trong bối cảnh ngành Việt học ở Nhật** / Lê Thị Thanh Tâm // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 63-71

**Nội dung:** Bài viết mô tả tiến trình văn học dịch Việt Nam bao gồm cách tiếp cận, cách đánh giá, dịch thuật, phổ biến của một số nhà nghiên cứu văn học Việt Nam tại Nhật Bản, đặt trong bối cảnh ngành Việt học ở Nhật nhằm xác định vai trò của một bộ phận văn học dịch đối cới sự phát triển của Việt Nam học trong khu vực.

**Từ khóa:** Văn học dịch, ngành Việt học ở Nhật, văn học Việt Nam

**46.** **Về kinh nghiệm hư vô như là khả thể hiện hữu khác trong văn chương của Linda Lê** / Phạm Văn Quang // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 8 (570) .- Tr. 86-100

**Nội dung:** Bài viết phác họa một số nét cơ bản để làm nổi bật những đặc trưng ấy, đồng thời giả định rằng đó chính là những yếu tố cho phép nói đến mọt tư duy văn chương hư vô của Linda Lê.

**Từ khóa:** Linda Lê, văn chương chuyển di, phê bình, hư vô, khả thể hiện hữu

**47.** **Về sự diễn giải ngữ pháp tiếng Việt trong Nam Việt Dương Hiệp Tự Vị của J.L. Taberd** / Trần Hương Thục // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 7 .- Tr. 41-54

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến một vài vấn đề cụ thể trong diễn giải của Taberd về ngữ pháp tiếng Việt.

**Từ khóa:** Ngữ pháp tiếng Việt, Nam Việt Dương hiệp tự vị

**48.** **Xây dựng kho ngữ liệu du lịch song ngữ Việt-Anh gióng hàng mức câu cho dịch máy** / Nguyễn Tiến Hà, Nguyễn Thị Minh Huyền, Nguyễn Minh Hải // Thông tin và truyền thông .- 2018 .- Số 39 .- Tr. 9-16

**Nội dung:** Trình bày việc xây dựng một kho ngữ liệu song ngữ Việt-Anh trong lĩnh vực du lịch và cải thiện một công cụ gióng hàng ở mức câu đã có cho văn bản song ngữ Việt-Anh, đạt được độ chính xác trên 90% cho các tập dữ liệu có sẵn.

**Từ khóa:** Dịch máy thống kê, dịch máy Việt-Anh, dữ liệu song ngữ, gióng hàng song ngữ, kho văn bản du lịch

**49.** **Ý nghĩa biểu trưng của từ lòng trong ca từ các ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975** / Nguyễn Thị Thúy Hà // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 8+9 .- Tr. 135-147

**Nội dung:** Bài viết phân tích ý nghĩa biểu trưng của từ lòng trong 175 bài hát cách mạng từ năm 1945 đến 1975. Ý nghĩa biểu trưng của từ lòng phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau như: thế giới tâm lý-tình cảm, ý chí, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam trong giai đoạn lịch sử oai hùng và khốc liệt, gắn liền với hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và thực dân Pháp.

**Từ khóa:** Ý nghĩa biểu trưng, ca khúc cách mạng, từ ‘lòng’ trong lời bài hát

**50.** **Ý nghĩa biểu tượng của ghe xuồng trong ca dao vùng Tây Nam Bộ** / Nguyễn Đăng Khánh // Ngôn ngữ .- 2019 .- Số 10 .- Tr. 20-33

**Nội dung:** 1. Đặt vấn đề; 2. Con đường nhận thức về ngôn ngữ biểu tượng của ghe xuồng; 3. Hệ ý nghĩa biểu tượng của ghe xuồng; 4. Kết luận.

**Từ khoá:** Ghe xuồng, ý nghĩa biểu tượng,Tây Nam Bộ, biểu tượng

**51.** **Ý thức về đối tượng tiếp nhận trong văn chính luận Hồ Chí Minh** / Phạm Thị Như Thuý // Nghiên cứu văn học .- 2019 .- Số 9 .- Tr. 25 – 30

**Nội dung:** Nghiên cứu sự phân định đối tượng tiếp nhận văn chính luận Hồ Chí Minh. Phân tích ngôn ngữ, giọng điệu văn chính luận trong các hoạt động giao tiếp giữa Hồ Chí Minh với khách thể thuộc nhiều tầng lớp, giai cấp, dân tộc và đối thủ. Xác định nghệ thuật chọn lựa ngôn từ, cách thức tổ chức diễn ngôn phù hợp với từng đối tượng đều nhằm mục đích cuối cùng là phản ánh hiện thực xã hội, tác động mạnh mẽ đến nhận thức của con người vào quá trình làm thay đổi bản thân và hoàn cảnh.

**Từ khoá:** Văn chính luận, văn chính luận Hồ Chí Minh, đối tượng tiếp nhận